

TUYỂN TẬP CÁC BÀI THAM LUẬN VỀ

 **GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** 
 **KHOA HỌC CÔNG NGHỆ** 
 **VÀ Y TẾ** 

TINH GỌN BỘ MÁY ĐỂ TẠO ĐỘT PHÁ VÀ PHÁT TRIỂN

TÁC GIẢ: GS. TSKH. BS. DƯƠNG QUÝ SỸ

Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển Nhân Lực

Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam

Phó Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng



NĂM 2026

LỜI TỰA

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước, đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị quốc gia; xây dựng nền hành chính hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Trên tinh thần đó, Kế hoạch số 06-KH/TW của Bộ Chính trị cùng nhiều chủ trương, nghị quyết quan trọng của Đảng và Nhà nước đã tạo động lực thúc đẩy quá trình sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy và đổi mới quản trị trong các lĩnh vực then chốt. Trong đó, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế là ba trụ cột có ý nghĩa đặc biệt đối với chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo và sức cạnh tranh quốc gia.

Cuốn sách *“Tuyển tập các bài tham luận về Giáo dục và Đào tạo, Khoa học Công nghệ và Y tế: Tinh gọn bộ máy để tạo đột phá và phát triển”* tập hợp các bài nghị luận, phân tích và đề xuất chính sách của GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ đã được công bố trên nhiều cơ quan báo chí trung ương trong thời gian từ sau Đại hội XIV đến nay. Các bài viết không chỉ phản ánh những vấn đề thời sự đặt ra trong tiến trình cải cách, mà còn hướng tới mục tiêu lớn hơn: góp phần kiến tạo một hệ thống quản trị hiện đại, dựa trên tri thức, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hiệu quả phục vụ xã hội.

Quan điểm xuyên suốt của tuyển tập là: tinh gọn không đồng nghĩa với thu hẹp quy mô hay cắt giảm một cách cơ học, mà nhằm nâng cao chất lượng quản trị, tối ưu hóa nguồn lực và tạo ra những giá trị phát triển mới.

Trong giáo dục và đào tạo, tinh gọn bộ máy cần gắn với đổi mới mô hình quản trị, đẩy mạnh tự chủ đại học đi đôi với trách nhiệm giải trình, tăng cường liên thông trong hệ thống giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và bảo đảm quyền học tập của mọi người dân. Trong khoa học và công nghệ, yêu cầu đặt ra là xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, phát huy vai trò của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức trong phát triển kinh tế tri thức. Đối với lĩnh vực y tế, tinh gọn phải gắn với việc tổ chức lại mạng lưới đào tạo nhân lực sức khỏe, củng cố y tế cơ sở, phát triển các bệnh viện thực hành, tăng cường chuyển đổi số và bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, công bằng và bền vững.

Một nội dung được nhấn mạnh trong nhiều bài viết là yêu cầu đổi mới tư duy quản trị. Bộ máy sau sắp xếp không thể chỉ là sự cộng gộp cơ học giữa các cơ quan, đơn vị, mà cần được thiết kế lại trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động và giá trị mang lại cho xã hội. Quá trình này đòi hỏi sự chuyển đổi từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị hiện đại; từ điều hành chủ yếu dựa trên quy trình sang điều hành dựa trên dữ liệu, chất lượng, kết quả và hiệu quả thực chất.

Đặc biệt, con người phải được đặt ở vị trí trung tâm của mọi cuộc cải cách. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, bác sĩ, cán bộ quản lý và người lao động cần được bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng; đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để cống hiến, đổi mới sáng tạo và phát huy tối đa năng lực chuyên môn. Một bộ máy tinh gọn chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi mỗi cá nhân trong hệ thống được trao quyền phù hợp, được khuyến khích sáng tạo và có động lực đồng hành cùng sự phát triển của tổ chức.

Với tư cách là một nhà khoa học, nhà giáo và nhà quản lý giáo dục, GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ tiếp cận các vấn đề bằng sự kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn trong nước, kinh nghiệm hợp tác quốc tế và tư duy hoạch định chính sách. Vì vậy, các bài viết trong tuyển tập không chỉ dừng lại ở việc nhận diện, phân tích hiện trạng, mà còn đề xuất nhiều định hướng và mô hình phát triển có giá trị tham khảo, như hệ sinh thái đào tạo sức khỏe tích hợp, mô hình đại học khoa học sức khỏe, liên thông trong đào tạo nhân lực y tế, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, quản trị số và phát triển nguồn nhân lực tinh hoa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Hy vọng tuyển tập sẽ trở thành tài liệu tham khảo hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, các cơ sở giáo dục và y tế, đội ngũ trí thức, giảng viên, sinh viên cùng những người quan tâm đến sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Mỗi bài viết là một góc nhìn, một đề xuất, đồng thời là sự gửi gắm tâm huyết và khát vọng xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, một nền khoa học và công nghệ hiện đại, một hệ thống y tế nhân văn, công bằng và chất lượng; qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Tinh gọn để phát triển – đổi mới để bứt phá – lấy con người làm trung tâm, lấy tri thức và sáng tạo làm động lực chính là thông điệp xuyên suốt mà tuyển tập mong muốn lan tỏa.

TS. NGUYỄN THỊ THU DUNG
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY, HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV-XV-XVI



MỤC LỤC

BÀI THAM LUẬN 1: NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT - CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI SỐ	1
BÀI THAM LUẬN 2: NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021–2025).....	9
BÀI THAM LUẬN 3: XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI, NGANG TẦM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI: TỪ TÂM NHÌN NGHỊ QUYẾT ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ.....	16
BÀI THAM LUẬN 4: NHỮNG THÀNH TỰU – KẾT QUẢ CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII.....	20
BÀI THAM LUẬN 5: TRUNG HỌC NGHỀ - HÌNH THỨC GIÁO DỤC CẦN THIẾT CHO VIỆT NAM	25
BÀI THAM LUẬN 6: MÔ HÌNH TRUNG HỌC NGHỀ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN	30
BÀI THAM LUẬN 7: TRUNG HỌC NGHỀ - HÌNH THỨC GIÁO DỤC CẦN THIẾT CHO HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN CỦA VIỆT NAM	34
BÀI THAM LUẬN 8: TINH GỌN BỘ MÁY ĐỂ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, LẤY CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ VÀ CHỈ SỐ SỨC KHỎE NHÂN DÂN LÀM THUỐC ĐO HIỆU QUẢ CAO NHẤT CỦA CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP	40
BÀI THAM LUẬN 9: SẮP XẾP MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC: TINH GỌN BỘ MÁY PHẢI GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	48
BÀI THAM LUẬN 10: TINH GỌN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC PHẢI GẮN VỚI ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ GIÁO DỤC, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC GIA”	55
BÀI THAM LUẬN 11: RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ PHỤNG SỰ TỔ QUỐC VÀ PHỤC VỤ NHÂN DÂN Ở TẦM CAO MỚI	59
BÀI THAM LUẬN 12: ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ CHẤT LƯỢNG CAO TRONG “KỸ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA VIỆT NAM” - GIẢI PHÁP THEN CHỐT TẠO SỰ ĐỘT PHÁ TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN.....	65
BÀI THAM LUẬN 13: NHỮNG THÀNH TỰU VỀ VANG CỦA NGÀNH Y TẾ VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021 – 2025).....	71
BÀI THAM LUẬN 14: VỊ THẾ Y TẾ VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ KHU VỰC ASEAN.....	78
BÀI THAM LUẬN 15: TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP DƯỢC LIỆU VIỆT NAM: GIÀU BẢN SẮC DÂN TỘC, HIỆN ĐẠI VÀ HỘI NHẬP CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU”	84
CÁC BÀI BÁO ĐĂNG ĐƯỢC TRÍCH TỪ NỘI DUNG BÀI THAM LUẬN	
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: GIÁC NGỦ – "CHÌA KHÓA THÂM LẠNG" NÂNG TẦM THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO	92
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: NGƯỜI "ĐÁNH THỨC" GIÁC NGỦ KHỎE CHO CỘNG ĐỒNG	95
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: KỶ VỌNG ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: KHƠI DẬY NỘI LỰC CON NGƯỜI CHO "KỸ NGUYÊN VƯỜN MÌNH"	101

BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: GÓP Ý VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: XÂY DỰNG HỆ THỐNG Y TẾ VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ HIỆN ĐẠI.....	105
BÁO CÔNG LUẬN: SẮP XẾP MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC: BƯỚC CHUYỂN TỪ QUẢN LÝ GIÁO DỤC SANG QUẢN TRỊ GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI.....	113
BÁO CÔNG LUẬN: TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP DƯỢC LIỆU VIỆT NAM.....	116
BÁO CÔNG LUẬN: Y TẾ VIỆT NAM CÓ ĐỦ LỢI THẾ ĐỂ VƯƠN LÊN DẪN ĐẦU ASEAN NẾU BIẾT PHÁT HUY ĐÚNG 'ĐIỂM SƠN'	124
BÁO CÔNG LUẬN: NHỮNG THÀNH TỰU VẼ VANG CỦA NGÀNH Y TẾ VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021 – 2025).....	126
BÁO CÔNG LUẬN: 9 THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG (2021–2025)	134
BÁO CÔNG LUẬN: TRUNG HỌC NGHỀ - MÔ HÌNH GIÁO DỤC CẦN THIẾT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	141
BÁO CÔNG LUẬN: LƯƠNG KHỞI ĐIỂM TĂNG, PHỤ CẤP MỞ RỘNG: CÓ TẠO NÊN “LÀN SÓNG” THÍ SINH VÀO TRƯỜNG Y?	146
BÁO CÔNG LUẬN: CẤP BÁCH TÁI CẤU TRÚC, CHUẨN HÓA VÀ CÂN ĐỐI NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC.....	148
BÁO CÔNG LUẬN: GÓP Ý DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: GIÁO DỤC CẦN TRỞ THÀNH MỘT HỆ SINH THÁI TRI THỨC MỞ.....	152
BÁO CÔNG LUẬN: TINH GỌN, SÁP NHẬP 'LỆCH HỆ' TRƯỜNG Y CÓ THỂ LÀM 'TEO' CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC.....	152
BÁO ĐẠI ĐOÀN KẾT: CẦN CHÍNH SÁCH PHÙ HỢP ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO SAU SẮP XẾP TRƯỜNG HỌC	161
BÁO LAO ĐỘNG: 5 ĐIỀU KIỆN ĐỂ SẮP XẾP, SÁP NHẬP TRƯỜNG HỌC THEO HƯỚNG TINH GỌN HIỆU QUẢ.....	166
BÁO TUỔI TRẺ: _Y TẾ VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ KHU VỰC: TẬN DỤNG NGUỒN LỰC ĐỂ VƯƠN LÊN DẪN ĐẦU	169
BÁO VOV2:_TRUNG HỌC NGHỀ ĐÁP ỨNG PHÂN LUỒNG SAU THCS VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI	171
BÁO GIÁO DỤC VÀ THỜI ĐẠI: ĐỂ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP BỨT PHÁ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI	173
BÁO SỨC KHỎE VÀ ĐỜI SỐNG: SẮP XẾP TINH GỌN CƠ SỞ ĐÀO TẠO Y TẾ PHẢI LẤY AN TOÀN NGƯỜI BỆNH LÀM THUỐC ĐO	173

BÀI THAM LUẬN 1:

NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT - CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI SỐ

TÓM TẮT:

Bối cảnh kỷ nguyên số với AI, dữ liệu lớn, IoT và kết nối toàn cầu đang làm đổi thay căn bản kinh tế – xã hội và cách con người tạo lập, tiếp cận, ứng dụng tri thức. Trước yêu cầu đó, giáo dục – nền tảng phát triển con người và động lực then chốt của quốc gia – phải đổi mới sâu từ tư duy, nội dung, phương pháp đến mô hình tổ chức, vì các cách dạy – học truyền thống khó đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời. Năng lực công dân số, tư duy phản biện, sáng tạo, thích ứng trở thành chuẩn năng lực cốt lõi. Hệ tư tưởng chính sách hiện hành đã dần thể chế hóa triết lý “giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, nhân văn”, lấy người học làm trung tâm, chuyển từ “truyền đạt kiến thức” sang “phát triển phẩm chất – năng lực”, coi văn hóa đọc là trụ cột của xã hội học tập. Nghị quyết 71/NQ-TW ban hành ngày 22/8/2025 về “đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” tiếp nối và xác lập tầm nhìn triết lý mới: hệ thống mở – liên thông – học tập suốt đời gắn chặt chuyển đổi số với đổi mới quản trị; định vị giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, giáo dục nghề nghiệp là trụ cột hình thành lực lượng lao động kỹ năng gắn với thị trường. Đồng thời, các nghị quyết nhấn mạnh công bằng, bao trùm, thu hẹp khoảng cách số; thúc đẩy liên thông, công nhận kết quả học tập; gắn giáo dục với nhu cầu lao động, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Từ đó, xây dựng nền giáo dục chất lượng cao, thích ứng nhanh, đo lường bằng kết quả và vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc. Những tư tưởng chỉ đạo này không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn là sự xác định đúng đắn nền tảng lý luận và triết lý sâu sắc về vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người - nguồn tài nguyên quý giá nhất trong kỷ nguyên số.

I. MỞ ĐẦU:

Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ chưa từng có với sự bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các nền tảng kết nối toàn cầu. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản cấu trúc kinh tế, phương thức sản xuất, hình thức giao tiếp và đặc biệt là cách con người tiếp cận, xử lý và ứng dụng tri thức. Trong bối cảnh đó, giáo dục - với tư cách là nền tảng phát triển con người và động lực then chốt cho phát triển quốc gia - đang đứng trước yêu cầu đổi mới sâu sắc về tư duy, nội dung, phương pháp và mô hình tổ chức. Những phương thức dạy - học truyền thống đang dần bộc lộ hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời của người học trong môi trường số hóa toàn diện. Đồng thời, năng lực công dân số, tư duy phản biện, sáng tạo và thích ứng nhanh với biến đổi trở thành yêu cầu thiết yếu đối với nguồn nhân lực hiện đại. Các chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước đang từng bước thể chế hóa những tư tưởng chủ đạo của yêu cầu thực tiễn, làm nền tảng để xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại và nhân văn. Do vậy, triết lý giáo dục thời đại số không chỉ là định hướng học thuật mà còn là kim chỉ nam cho toàn bộ hệ thống giáo dục trong việc hình thành những thể hệ công dân mới chủ động, sáng tạo và nhân văn.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 71/NQ-TW mới được ban hành ngày 22/8/2025, đã kế thừa và xác lập một tầm nhìn triết lý mới cho giáo dục Việt Nam trong thời đại số phù hợp với hệ thống mở – liên thông – học tập suốt đời, gắn chặt chuyển đổi số với đổi mới

mô hình quản trị, giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao và giáo dục nghề nghiệp là trụ cột hình thành lực lượng lao động kỹ năng, thích ứng nhanh với thị trường. Do vậy, việc xây dựng và khẳng định một triết lý giáo dục phù hợp với thời đại số là điều cần thiết, nhằm định hướng cho hệ thống chính sách giáo dục - đào tạo phát triển một cách toàn diện, bền vững, hội nhập nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.

II. TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO TRONG CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Trong những năm gần đây, nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ các định hướng đổi mới giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ chuyển đổi số. Nghị quyết Trung ương 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị, các Nghị quyết 29/2021/NQ-CP về chuyển đổi số quốc gia, Đề án 1009/QĐ-TTg năm 2022 về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2022-2026 đã đặt nền móng cho triết lý giáo dục thời đại số – một định hướng tư duy mang tính chiến lược để phát triển con người và đất nước trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.

Đặc biệt, Nghị quyết 71/NQ-TW ban hành ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ra đời trong bối cảnh thực tiễn đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới, có sự đồng bộ với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, bổ sung cho Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đã hình thành nên những tư tưởng chủ đạo của các chính sách của Đảng và Nhà nước về triết lý giáo dục trong thời đại số, làm nền tảng cho một triết lý giáo dục mang tính tiến bộ, nhân văn, hiện đại và thích ứng với thời đại số của nền giáo dục Việt Nam mang sứ mệnh “Khai phóng - Nhân bản và Phụng sự”.

1. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước số trong kỷ nguyên mới

Trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết 71/NQ-TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tư tưởng “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc”, được xác định rõ ràng và nhất quán. Giáo dục không chỉ là lĩnh vực quan trọng hàng đầu mà còn là nền tảng và động lực phát triển bền vững đất nước, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Chuyển đổi số quốc gia đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng số, tư duy phản biện và năng lực sáng tạo - những phẩm chất chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại và mang tính mở. Do đó, giáo dục giữ vai trò trung tâm trong chiến lược xây dựng đất nước số, xã hội số và công dân số. Đây là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, rút ngắn khoảng cách phát triển và chủ động hội nhập quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta đã và đang ban hành nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục thích ứng với thời đại số, thể hiện qua việc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ giáo dục, xây dựng hệ sinh thái học tập số, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Việc thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà là đổi mới toàn diện cách dạy, cách học,

cách quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục. Tư tưởng triết lý giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong thời đại số, càng có ý nghĩa chiến lược sâu sắc, không thể có một nền kinh tế số phát triển nếu thiếu một nền giáo dục số tiên tiến. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho tương lai, là cách hiệu quả và bền vững nhất để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

2. Giáo dục không chỉ là truyền đạt kiến thức mà là phát triển con người toàn diện và lấy người học làm trung tâm

Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh việc chuyển từ mô hình “dạy để biết” sang “dạy để làm, để chung sống và để phát triển”. Nghị quyết 29/NQ-TW nêu rõ: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”; Nghị quyết 71/NQ-TW cũng đã đưa triết lý giáo dục con người toàn diện đức, trí, thể, mỹ, giáo dục vì con người và con người là chủ thể của giáo dục. Trong một thế giới nơi kiến thức thay đổi từng ngày, điều quan trọng không phải là ghi nhớ mà là khả năng học tập, thích ứng và sáng tạo không ngừng. Triết lý giáo dục thời đại số trong các chỉ thị, nghị quyết cũng nhấn mạnh đến văn hóa đọc là một phần không thể thiếu của giáo dục toàn diện. Giáo dục thời đại số không chỉ là trang bị kỹ năng số, mà còn là nuôi dưỡng tư duy phản biện, khả năng hiểu biết sâu và thái độ học thuật nghiêm túc – những điều được hình thành thông qua đọc có chiều sâu. Do vậy, đọc sách không chỉ là một kỹ năng, mà là một giá trị sống – nền tảng cho một xã hội tri thức, học tập suốt đời và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia, phát triển văn hóa đọc không chỉ là chính sách văn hóa, mà còn là định hướng giáo dục sâu sắc. Đó là giáo dục thông qua đọc, lấy việc đọc làm trung tâm để phát triển năng lực tự học, tự chủ, tự sáng tạo của mỗi người. Triết lý giáo dục thời đại số được thể hiện rõ nét trong đề án 1009/QĐ-TTg chính là: học để đọc – đọc để hiểu – hiểu để làm chủ chính mình và tương lai. Đó là nền tảng để xây dựng một xã hội học tập, xã hội tri thức, và xã hội số phát triển bền vững. Chính sách giáo dục hiện nay chuyển mạnh từ truyền đạt kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực. Học sinh không chỉ học để biết, mà học để làm, học để cùng chung sống và học để tự khẳng định mình trong môi trường số đầy biến động. Đây là bước chuyển từ giáo dục định hướng nội dung sang giáo dục định hướng năng lực - cốt lõi của triết lý giáo dục hiện đại. Việc lấy người học làm trung tâm không chỉ là định hướng về phương pháp giảng dạy mà còn là kim chỉ nam trong thiết kế chương trình, đổi mới kiểm tra đánh giá, xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và sáng tạo. Đây cũng là tiền đề để hình thành một xã hội học tập, trong đó mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng của mình, góp phần xây dựng một quốc gia số với nền giáo dục nhân văn, khai phóng và hội nhập.

Triết lý giáo dục hiện đại, đặc biệt trong thời đại số, nhấn mạnh đến việc lấy người học làm trung tâm - một tư tưởng xuyên suốt trong các chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, người học không còn là đối tượng tiếp thu tri thức một chiều mà trở thành chủ thể tích cực trong quá trình học tập, phát triển và tự hoàn thiện. Song song với việc phát triển năng lực, giáo dục hiện đại thời đại số còn chú trọng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội. Trong thời đại số, khi môi trường học tập trở nên mở, linh hoạt và đa chiều, yêu cầu về phẩm chất công dân toàn cầu, bản lĩnh văn hóa và đạo đức nghề nghiệp càng trở nên cấp thiết.

3. Giáo dục mở và học tập suốt đời là định hướng chiến lược và là xu thế tất yếu trong thời đại số

Nghị quyết 29/NQ-TW, 52/NQ-TW (2019) nhấn mạnh, với sự hỗ trợ của công nghệ, giáo dục số mở ra cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi. Nghị quyết 71/NQ-TW cũng đã quán triệt chuyển đổi số hệ sinh thái giáo dục: hồ sơ học tập suốt đời, dữ liệu dùng chung, học liệu mở. Học tập không còn giới hạn trong lớp học truyền thống mà mở rộng đến mọi tầng lớp xã hội, từ học sinh đến người lao động. Triết lý giáo dục thời đại số thúc đẩy xã hội học tập, nơi mỗi công dân đều là người học chủ động, liên tục và có khả năng làm chủ tri thức. Điều này phản ánh một triết lý học tập mới là giáo dục không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian, và mỗi người dân đều có thể trở thành công dân học tập suốt đời, thông qua các công cụ số. Đây là bước tiến lớn trong việc xóa bỏ rào cản tiếp cận tri thức, đặc biệt với người dân ở vùng sâu, vùng xa. Tư tưởng chỉ đạo của các Nghị quyết TW, các chính sách của Đảng và Nhà nước cũng đã nhấn mạnh việc “phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời”, điều này phản ánh một triết lý mới: học tập không còn giới hạn trong khuôn khổ nhà trường, cũng không dừng lại ở một giai đoạn nào đó của cuộc đời. Trong thế giới số, nơi tri thức biến đổi từng ngày, người học cần được trang bị năng lực tự học, học từ nhiều nguồn, học liên tục để không bị tụt lại phía sau.

Chính sách giáo dục hiện hành của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ định hướng xây dựng xã hội học tập, trong đó mọi người dân, không phân biệt độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế hay nơi cư trú, đều có cơ hội được học tập suốt đời, tiếp cận với tri thức một cách bình đẳng. Việc triển khai hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, ứng dụng công nghệ số vào dạy và học chính là đòn bẩy quan trọng giúp hiện thực hóa mục tiêu này. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là hiện đại hóa công cụ và phương pháp giảng dạy, mà còn là xóa bỏ rào cản về không gian, thời gian và điều kiện kinh tế trong tiếp cận tri thức. Nhờ đó, người học ở vùng sâu, vùng xa, người lao động, người khuyết tật... đều có thể tham gia học tập thông qua các nền tảng trực tuyến, khóa học mở, tài nguyên giáo dục số và các chương trình học tập từ xa.

Bên cạnh đó, triết lý “học tập suốt đời” cũng được cụ thể hóa trong hệ thống chính sách và quy hoạch phát triển giáo dục quốc gia, như Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, với tầm nhìn đến năm 2045. Các chương trình khuyến học, khuyến tài, xây dựng cộng đồng học tập cấp xã, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động đang góp phần quan trọng trong việc lan tỏa văn hóa học tập rộng khắp trong toàn xã hội.

4. Giáo dục là động lực và nền tảng để dẫn dắt chuyển đổi số, gắn với thị trường lao động, đổi mới sáng tạo

Trong thời đại số, giáo dục không thể tách rời thực tế; người học cần được trang bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ, tư duy số, làm việc nhóm và sáng tạo, đáp ứng nhu cầu không ngừng biến động của thị trường lao động. Do vậy, giáo dục phải trở thành cầu nối giữa nhà trường, doanh nghiệp và xã hội. Không chỉ là lĩnh vực cần thích ứng, giáo dục trong thời đại số được định vị là trung tâm và động lực của chuyển đổi số quốc gia. Các NQ-TW khẳng định cần “ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao” như một trụ cột phát triển. Điều này cho thấy giáo dục không chỉ đi sau mà phải đi trước, dẫn dắt sự phát triển của khoa học công nghệ và kinh tế số. Triết lý giáo dục thời đại số vì thế đặt mục tiêu phát triển những con người sáng tạo, chủ động, có khả năng học hỏi và thích ứng linh hoạt. Tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW cũng nhấn tập trung đột phá thông qua việc nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng, tiến đến

hội nhập quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm quốc gia và khu vực.

Trong bối cảnh việc làm và kỹ năng lao động thay đổi nhanh chóng, triết lý giáo dục thời đại số yêu cầu gắn chặt giáo dục với thực tiễn, thị trường lao động, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Các NQTW cũng đã đề ra nhiệm vụ “khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giáo dục” – thể hiện quan điểm: người học không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn phải biết tạo ra tri thức mới, biết giải quyết vấn đề và thích ứng với biến động. Một trong những tư tưởng chủ đạo thể hiện rõ trong các chính sách giáo dục hiện hành là gắn giáo dục với thực tiễn đời sống, nhu cầu của thị trường lao động và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong thời đại số, giáo dục không thể đứng ngoài dòng chảy phát triển của nền kinh tế - xã hội, mà cần chủ động thích ứng, dẫn dắt và tạo động lực cho sự đổi mới và phát triển.

Ngoài ra, các chính sách của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng gắn với yêu cầu thực tiễn, lấy nhu cầu xã hội làm thước đo chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong Nghị quyết 71/NQ-TW và các chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045. Giáo dục không chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm, mà cần trang bị cho người học năng lực làm việc thực tế, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp và năng lực thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cũng trở thành một yếu tố không thể tách rời trong chiến lược phát triển giáo dục. Việc xây dựng các chương trình đào tạo song ngữ, liên kết đào tạo quốc tế, công nhận văn bằng giữa các quốc gia và thúc đẩy trao đổi sinh viên, giảng viên... chính là biểu hiện cụ thể của triết lý giáo dục hướng đến công dân toàn cầu - những người có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, có hiểu biết liên văn hóa, và tôn trọng sự đa dạng.

Đặc biệt, quá trình chuyển đổi số giúp rút ngắn khoảng cách giữa giáo dục và thị trường lao động thông qua các nền tảng kết nối đào tạo - việc làm, mô hình học kết hợp, đào tạo theo chuẩn đầu ra và khung năng lực nghề nghiệp. Nhờ đó, người học có thể dễ dàng cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Tư tưởng “giáo dục gắn với thực tiễn, thị trường lao động và hội nhập quốc tế” chính là lời khẳng định về một nền giáo dục mở, linh hoạt, thích ứng và sáng tạo - nền giáo dục không chỉ phục vụ mục tiêu cá nhân mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa, số hóa đất nước.

5. Đảm bảo công bằng, dân chủ, hội nhập giáo dục và học tập suốt đời cho mọi người dân và đối tượng yếu thế

Triết lý giáo dục thời đại số không chỉ phục vụ người giỏi, người có điều kiện mà hướng tới bình đẳng trong tiếp cận tri thức, đặc biệt là với học sinh vùng sâu, vùng xa. Nhờ công nghệ, học sinh ở bất cứ đâu cũng có thể tiếp cận chất lượng giáo dục ngang bằng. Đồng thời, giáo dục Việt Nam cần hòa mình vào dòng chảy tri thức toàn cầu nhưng vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Một điểm đặc biệt nhân văn trong triết lý giáo dục thời đại số là tinh thần bao trùm và công bằng trong tiếp cận tri thức. Các NQTW yêu cầu phải “thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, nhóm dân cư, giới tính”. Công nghệ không chỉ là công cụ mà còn là cơ hội để mọi người, dù ở thành thị hay nông thôn, đều có thể học tập, phát triển bản thân và đóng góp vào sự phát triển chung, “Bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các nền tảng giáo dục số một cách bình đẳng.”

Triết lý giáo dục thời đại số không bỏ ai lại phía sau; việc số hóa giáo dục không chỉ dành cho người có điều kiện, mà phải bảo đảm môi trường học tập công bằng, dễ tiếp cận

cho mọi đối tượng, nhất là nhóm yếu thế. Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh giáo dục không còn là trách nhiệm riêng của nhà trường, mà là kết quả của sự liên kết giữa các chủ thể trong xã hội, nhằm phát triển năng lực thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động số.

6. Chuyển đổi số là động lực và là phương thức đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là động lực quan trọng và là phương thức đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tư tưởng này được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện chính sách quan trọng, như Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia, và Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết 71/NQ-TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Chuyển đổi số trong giáo dục không đơn thuần là việc số hóa tài liệu hay triển khai dạy học trực tuyến, mà là một quá trình cải cách sâu rộng từ triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo đến nội dung, phương pháp giảng dạy, quản trị nhà trường và mô hình tổ chức giáo dục. Đây là sự thay đổi toàn diện để thích ứng với nhu cầu học tập đa dạng, linh hoạt và cá nhân hóa trong thời đại số.

Nhờ ứng dụng công nghệ số, người học có thể tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, thư viện số, hệ thống học liệu mở. Giáo viên chuyển từ vai trò “truyền thụ kiến thức” sang “người hướng dẫn, hỗ trợ học tập”, giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực tự học suốt đời. Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp quản lý giáo dục trở nên minh bạch, hiệu quả và dựa trên dữ liệu, từ đó nâng cao chất lượng toàn hệ thống. Các chính sách hiện hành đang từng bước tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục: phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, xây dựng kho học liệu số, và đặc biệt là đảm bảo an toàn, bình đẳng trong tiếp cận công nghệ cho mọi đối tượng học sinh - bao gồm học sinh vùng sâu, vùng xa, người yếu thế.

Tư tưởng "chuyển đổi số là động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục" không chỉ phản ánh quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong quá trình hiện đại hóa giáo dục, mà còn thể hiện một triết lý sâu sắc: giáo dục cần song hành với đổi mới công nghệ để nâng tầm con người Việt Nam trong kỷ nguyên số - thông minh hơn, sáng tạo hơn, và hội nhập hơn.

7. Xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng trong thời đại số

Trong thời đại số - thời đại của tri thức, kết nối và biến đổi không ngừng - Đảng và Nhà nước đã xác định rõ yêu cầu cấp thiết là phải xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng và mọi trình độ phát triển. Đây không chỉ là xu thế phát triển toàn cầu mà còn là sự lựa chọn mang tính chiến lược để thực hiện triết lý giáo dục tiến bộ, nhân văn và hiện đại. Giáo dục mở là nền giáo dục trao quyền học tập cho mọi người, không giới hạn bởi độ tuổi, thời gian, không gian hay hình thức học. Chính sách hiện hành đã khuyến khích phát triển các mô hình học tập linh hoạt như đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, học tập qua trải nghiệm thực tiễn, công nhận kết quả học tập không chính quy, phi chính quy. Tư tưởng này nhằm tạo ra một hệ sinh thái học tập rộng lớn, nơi mỗi người có thể học tập suốt đời, tự chủ lựa chọn nội dung, phương thức và tiến độ học phù hợp với điều kiện của bản thân.

Tính linh hoạt còn thể hiện ở việc đa dạng hóa chương trình đào tạo, liên thông giữa các bậc học, các trình độ giáo dục, cũng như giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Điều này giúp người học dễ dàng chuyển đổi định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động và nền kinh tế số. Song song với đó, mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi chính sách. Đổi mới kiểm tra đánh giá, phát triển đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tăng cường tự chủ đại học, kiểm định chất lượng độc lập, ứng dụng công nghệ trong dạy - học - quản lý... là những bước đi quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra, đáp ứng các chuẩn mực trong nước và quốc tế.

Khả năng thích ứng - một yếu tố sống còn trong thế giới liên tục biến động - được xem là năng lực cốt lõi mà nền giáo dục hiện đại phải tạo dựng cho người học. Tư tưởng này đòi hỏi giáo dục không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn phải rèn luyện cho người học năng lực giải quyết vấn đề, thích nghi với thay đổi, sáng tạo trong tư duy và hành động. Như vậy, xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng chính là biểu hiện sinh động của triết lý giáo dục lấy con người làm trung tâm, đồng thời phản ánh tư duy hiện đại của Đảng và Nhà nước trong việc đưa giáo dục trở thành trụ cột của phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời đại số.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh xã hội đang bước vào kỷ nguyên số, với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, triết lý giáo dục trong thời đại số đã trở thành một yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã có những nghị quyết, những chiến lược và chính sách giáo dục rõ ràng và đồng bộ, khẳng định vai trò then chốt của giáo dục trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu. Nghị quyết 71/NQ-TW không chỉ củng cố nền tảng triết lý “giáo dục mở – số hóa – liên thông – lấy người học làm trung tâm” mà còn đặt ra cơ chế thực thi: trao quyền có điều kiện (tự chủ) và giải trình bằng dữ liệu và kiểm định. Đây là con đường để hệ thống giáo dục Việt Nam vừa giữ bản sắc, vừa hội nhập sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Các tư tưởng chủ đạo trong chính sách giáo dục hiện hành thể hiện sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực của giáo dục: từ xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt và chất lượng cao, đến gắn giáo dục với thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động, từ thúc đẩy công bằng trong tiếp cận giáo dục, đến chuyển đổi số như động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục. Những tư tưởng này không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn là sự xác định đúng đắn nền tảng lý luận và triết lý sâu sắc về vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người - nguồn tài nguyên quý giá nhất trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, để triết lý giáo dục trong thời đại số thực sự đi vào cuộc sống và đạt được hiệu quả, cần phải có những nỗ lực không ngừng trong việc triển khai đồng bộ các Nghị quyết – chính sách của Đảng và Nhà nước, các giải pháp từ đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực số, xây dựng các chương trình giáo dục linh hoạt và đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Bên cạnh đó, cũng cần đặc biệt chú trọng đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động chưa thông qua đào tạo nhằm không để ai bị bỏ lại phía sau trong sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới. Triết lý giáo dục trong thời đại số sẽ là nền tảng vững chắc để xây dựng một xã hội học tập, một đất nước phát triển toàn diện, công bằng, văn minh và thịnh vượng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết số 71/NQ-TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
3. Bộ Chính trị. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
4. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
5. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
6. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 19/8/2022 phê duyệt “Chương trình phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2022–2026”.
7. ASEAN. ASEAN Qualifications Reference Framework (AQRF), 2014 (và các cập nhật liên quan).



BÀI THAM LUẬN 2: **NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021–2025)**

I. Bối cảnh nhiệm kỳ 2021-2025 và những khó khăn thách thức chưa từng có tiền lệ:

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng (2021–2025) diễn ra trong bối cảnh đặc biệt khó khăn, phức tạp và nhiều biến động sâu sắc cả trong nước và trên thế giới. Đại dịch COVID-19 bùng phát tại Việt Nam vào đầu nhiệm kỳ và kéo dài đã tạo ra những gián đoạn chưa từng có đối với hoạt động kinh tế – xã hội, trong đó giáo dục là lĩnh vực chịu tác động trực tiếp, sâu rộng và kéo dài trong năm 2021. Hàng chục triệu học sinh, sinh viên phải tạm dừng đến trường; hoạt động dạy và học chuyển sang hình thức trực tuyến trong điều kiện hạ tầng, thiết bị, năng lực công nghệ và điều kiện kinh tế – xã hội còn nhiều bất cập, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh tác động của đại dịch, ngành giáo dục Việt Nam còn đứng trước những thách thức mang tính cơ cấu và dài hạn: yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh nhân lực toàn cầu ngày càng gay gắt, cũng như đòi hỏi ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục. Trong bối cảnh đó, việc vừa bảo đảm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống giáo dục, vừa thúc đẩy đổi mới và tạo nền tảng phát triển lâu dài là nhiệm vụ đặc biệt nặng nề, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị.

II. Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và dấu ấn đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW trong nhiệm kỳ 2021-2025:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, giáo dục tiếp tục được khẳng định là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt cho phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước, xây dựng xã hội học tập. Các chủ trương của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết 29-NQ/TW được triển khai nhất quán, xuyên suốt, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho các cải cách trong toàn hệ thống giai đoạn 2021-2025.

Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo vào cuối nhiệm kỳ mang một ý nghĩa rất quan trọng về tư duy và chiến lược phát triển giáo dục (ban hành ngày 22/8/2025). Nghị quyết đã mở rộng cách tiếp cận giáo dục từ góc độ thuần túy ngành sang cách tiếp cận phát triển tổng thể nguồn nhân lực, gắn giáo dục với khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đây là văn kiện thể hiện rõ tầm nhìn dài hạn của Đảng đối với sự nghiệp giáo dục trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về tri thức và nhân lực, đồng thời tạo động lực quan trọng cho những cải cách và đổi mới giáo dục sâu rộng trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2045.



*GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ gửi lời cảm ơn và chúc sức khỏe đến Tổng Bí thư Tô Lâm nhân dịp Hội nghị Toàn quốc quán triệt Nghị quyết Trung ương.
(Hà Nội, tháng 9/2025)*

III. Những thành tựu của giáo dục Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, giai đoạn 2021-2025:

1. Phát triển mạnh mẽ quy mô giáo dục và mở rộng cơ hội học tập cho người dân:

Một trong những thành tựu quan trọng trong nhiệm kỳ 2021-2025 là quy mô của ngành giáo dục tiếp tục được mở rộng toàn diện về người học - giáo viên – cơ sở vật chất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân. Số lượng người học ở các cấp học, trình độ đào tạo tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh nhu cầu học tập lớn và niềm tin của xã hội đối với hệ thống giáo dục nước nhà. Cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân được mở rộng không chỉ về mặt số lượng mà còn về hình thức, phương thức học tập, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và học tập suốt đời.

Bài học kinh nghiệm thực tiễn từ đại dịch COVID-19 và chủ động hội nhập quốc tế, đã giúp cho hệ thống giáo dục quốc dân từng bước hình thành các con đường học tập linh hoạt, tạo điều kiện cho người học lựa chọn lộ trình phù hợp với năng lực, điều kiện và nhu cầu cá nhân. Giáo dục chính quy được hỗ trợ bởi giáo dục thường xuyên, đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục cho người lao động, người trưởng thành và các nhóm yếu thế trong xã hội.

2. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở và đổi mới giáo dục phổ thông:

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, công tác phổ cập giáo dục tiếp tục là điểm sáng và cũng là thành tựu quan trọng của hệ thống giáo dục Việt Nam. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì và nâng cao chất lượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được giữ vững trên phạm vi cả nước, góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm công bằng xã hội. Việc duy trì phổ cập trung học cơ sở trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài là nỗ lực lớn của toàn ngành giáo dục và chính quyền các cấp. Điều này không chỉ

phản ánh năng lực điều hành, tổ chức của hệ thống giáo dục, mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm quyền học tập của người dân, đặc biệt là trẻ em ở vùng khó khăn.

Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới 2018 trong nhiệm kỳ 2021-2025 đã tiếp tục được thực hiện theo lộ trình, đồng bộ và hiệu quả; đến cuối nhiệm kỳ, ngành giáo dục đã hoàn tất chu trình triển khai chương trình GDPT mới 2018. Chương trình mới với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học đã tạo ra những chuyển biến bước đầu trong phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; chuyển mạnh từ nền giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển năng lực người học. Mặc dù quá trình triển khai còn gặp không ít khó khăn, nhưng với quyết tâm chính trị cao và sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo ngành giáo dục các cấp, việc triển khai chương trình GDPT mới đã về đích một cách xuất sắc; đây là bước chuyển mang tính chiến lược, đặt nền móng cho đổi mới giáo dục phổ thông về dài hạn trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng tiếp theo.

Ngoài ra, các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trong nhiệm kỳ được tổ chức an toàn, nghiêm túc, từng bước đổi mới theo hướng giảm áp lực, tăng độ tin cậy và tính khách quan. Việc tổ chức kỳ thi trong điều kiện dịch bệnh phức tạp cho thấy năng lực thích ứng và điều hành linh hoạt của ngành giáo dục, đồng thời góp phần củng cố niềm tin xã hội đối với công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Phát triển mạnh mẽ đội ngũ nhà giáo và sự ra đời của Luật Nhà giáo thành tựu quan trọng của ngành giáo dục:

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục tăng mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng của hơn 1,6 triệu giáo viên; đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục nước nhà. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, nhiều chính sách liên quan đến đội ngũ nhà giáo được rà soát, điều chỉnh theo hướng cải thiện điều kiện làm việc, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, động viên và khen thưởng kịp thời đội ngũ nhà giáo.

Đặc biệt, việc Quốc hội Khóa XV thông qua Luật Nhà giáo, có hiệu lực từ tháng 01/2026, là dấu mốc mang tính lịch sử đối với ngành giáo dục. Luật Nhà giáo đã lần đầu tiên xác lập một khung pháp lý đầy đủ, thống nhất cho vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; đồng thời tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các chính sách đãi ngộ, phát triển đội ngũ nhà giáo một cách bền vững. Đây là bước tiến lớn, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ những người làm công tác giáo dục – lực lượng quyết định chất lượng và tương lai của nền giáo dục nước nhà.

4. Thống nhất trong quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và hoàn thiện mạnh mẽ về thể chế:

Một dấu ấn quan trọng trong nhiệm kỳ 2021-2025 là việc thống nhất một cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục quốc dân; trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn chức năng quản lý giáo dục nghề nghiệp (GDNN) thông qua việc sát nhập Tổng cục GDNN vào Bộ Giáo dục & Đào tạo. Thành tựu này đã góp phần khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý Nhà nước về GDNN, tạo điều kiện xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân đồng bộ, liên thông 8 bậc, nâng cao hiệu quả hoạch định và thực thi chính sách.

Cùng với đó, thể chế, chính sách về giáo dục tiếp tục được hoàn thiện. Cuối nhiệm kỳ, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều luật liên quan đến giáo dục (Luật Giáo dục, Luật GDNN, Luật Giáo dục Đại học), tạo sự đột phá và cơ sở pháp lý mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo sau Đại hội XIV, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và chính sách trong giáo dục.

5. Chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng AI và xây dựng hệ sinh thái giáo dục số:

Chuyển đổi số trong giáo dục là một trong những dấu ấn nổi bật của nhiệm kỳ. Việc ứng dụng nền tảng số, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý giáo dục, dạy học và đánh giá đã được đẩy mạnh. Nhiều cơ sở giáo dục triển khai các mô hình dạy học trực tuyến, tích hợp thực tế ảo, mô phỏng số, kho học liệu số; đã từng bước hình thành môi trường học tập số trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

Đặc biệt, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và hồ sơ học tập suốt đời của người học, từng bước kết nối với VNeID, là bước tiến quan trọng trong quản lý giáo dục hiện đại. Đây là nền tảng để hiện thực hóa mô hình học tập suốt đời, quản lý người học xuyên suốt các cấp học, trình độ đào tạo, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ giáo dục.

6. Hội nhập quốc tế và vị thế giáo dục Việt Nam được nâng cao là một thành tựu vượt bậc:

Trong nhiệm kỳ, hội nhập quốc tế trong giáo dục được đẩy mạnh trên nhiều phương diện. Việt Nam tăng cường hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, công nhận văn bằng, chuyển giao chương trình với các đối tác quốc tế. Trong nhiệm kỳ 2021-2025, thi học sinh giỏi, đặc biệt ở các kỳ thi Olympic quốc tế, Việt Nam đều duy trì ở nhóm 10 quốc gia có kết quả thi tốt nhất trên toàn thế giới; thậm chí có những môn thi, thí sinh Việt Nam đứng trong nhóm 5, nhóm 3 quốc gia có kết quả thi tốt nhất trên toàn thế giới. Trong giai đoạn 2021–2025, thành tích của thí sinh Việt Nam tại các kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế đã đạt được những thành tích vượt bậc; đặc biệt tại kỳ thi Kỹ năng nghề thế giới (WorldSkills Competition), thí sinh Việt Nam đã giành nhiều huy chương đồng và bạc, chứng chỉ nghề xuất sắc; phản ánh rõ nét sự tiến bộ và năng lực cạnh tranh ngày càng cao của nguồn nhân lực kỹ năng nghề trẻ, khẳng định vị thế lao động kỹ năng Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, giáo dục đại học cũng có những bước phát triển nhảy vọt, nhiều trường đại học Việt Nam đã có mặt trong các nhóm xếp hạng có uy tín trên thế giới. Đã có nhiều chương trình đào tạo mới, lĩnh vực mới, đặc biệt về công nghệ cao được xây dựng và triển khai theo lộ trình, như là công nghệ bán dẫn; tạo sự thu hút mạnh mẽ sinh viên theo học các lĩnh vực về công nghệ kỹ thuật cao, những ngành mới trên thế giới. Trong giai đoạn 2021-2025, một số cơ sở GDNN đã cải thiện vị trí trong các bảng xếp hạng giáo dục khu vực và quốc tế, phản ánh sự tiến bộ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và quản trị; tạo động lực đổi mới, nâng cao chuẩn mực và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN.

7. Giáo dục STEM là thành tựu quan trọng và mang tính nền tảng trong đổi mới giáo dục:

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, giáo dục STEM có thể được xem là một thành tựu quan trọng mang tính định hướng và nền tảng của giáo dục Việt Nam trong quá trình đổi mới nội dung và phương thức giáo dục. Việc đưa STEM vào chương trình GDPT mới thể hiện bước chuyển từ giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực người học, gắn học tập với thực tiễn khoa học, công nghệ và đời sống. Thông qua các hoạt động học tập tích hợp, thực hành và trải nghiệm, giáo dục STEM đã góp phần khơi dậy tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo của học sinh. Trong giai đoạn 2021-2025, mặc dù việc triển khai còn chưa đồng đều giữa các vùng, miền và điều kiện bảo đảm còn khác nhau, giáo dục STEM đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong nhận thức và thực hành sư phạm, đồng thời đặt nền móng quan trọng cho việc chuẩn

bị nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế tri thức và quá trình chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

8. Kiên cố hóa trường học, phát triển mạnh mẽ y tế trường học và phong trào xây dựng xã hội học tập:



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ cùng đoàn công tác Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL thực hiện nhiệm vụ khảo sát kiên cố hóa trường học tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

(Lai Châu, tháng 11/2023)

Trong giai đoạn 2021–2025, kiên cố hóa trường học tiếp tục là một thành tựu tiêu biểu của ngành giáo dục Việt Nam, thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc bảo đảm điều kiện học tập an toàn, bền vững cho người học. Công tác đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất trường học đã được thực hiện quyết liệt và đầy mạnh, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai. Tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2025, từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông; nhiều phòng học tạm, phòng học xuống cấp được thay thế, góp phần cải thiện rõ rệt môi trường sư phạm. Kiên cố hóa trường học không chỉ nâng cao chất lượng dạy và học, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, chuyển đổi số, tổ chức bán trú và bảo đảm an toàn trường học. Đây là thành tựu có ý nghĩa xã hội sâu sắc, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền và củng cố nền tảng phát triển giáo dục bền vững trong giai đoạn tiếp theo.



*GS.TSKH. Dương Quý Sỹ cùng đoàn công tác Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL thực hiện nhiệm vụ khảo sát y tế trường học tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.
(Cần Thơ, tháng 10/2025)*

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đổi mới quản lý trong giáo dục, hệ thống y tế trường học đã được quan tâm đầu tư và phát triển, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục các cấp có mạng lưới y tế trường học, với gần 70% nhân viên y tế trường học chuyên trách là cán bộ chuyên y tế chuyên ngành theo đúng quy định Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn trường học ngày càng được chú trọng; sự phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế trong quản lý sức khỏe học sinh, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh được tăng cường. Đây là một trong những thành tựu quan trọng của ngành giáo dục và y tế nước nhà trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các Chỉ thị, Nghị quyết trung ương giai đoạn 2026-2030, đặc biệt là Nghị quyết 72-NQ/TW vừa được ban hành cuối năm 2025. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm chất lượng học tập và sự phát triển toàn diện của người học trong bối cảnh mới; thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em ngay từ giai đoạn mầm non – tiểu học và vì “một nước Việt Nam khỏe mạnh”.

Bên cạnh đó, phong trào xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh và lan tỏa sâu rộng. Giáo dục ngày càng vượt ra khỏi phạm vi nhà trường, gắn với học tập suốt đời, học tập linh hoạt và học tập theo nhu cầu của từng cá nhân. Các trung tâm học tập cộng đồng, cơ sở giáo dục thường xuyên phát huy vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng kỹ năng, cập nhật tri thức cho người lao động, qua đó góp phần nâng cao khả năng thích ứng của xã hội trước những biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế và thị trường lao động.

9. Khả năng thích ứng mạnh mẽ của ngành giáo dục với mô hình chính quyền hai cấp – là thành tựu nổi bật cuối nhiệm kỳ 2021-2025:

Trong giai đoạn 2021-2025, đặc biệt nhất là kể từ tháng 09/2025, quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc triển khai mô hình chính quyền hai cấp đặt ra yêu cầu mới đối với công tác quản lý nhà nước nói chung và

quản lý giáo dục nói riêng. Mặc dù việc thực hiện diễn ra trong thời gian rất ngắn, ngành giáo dục đã cho thấy khả năng thích ứng rất tốt với mô hình quản lý mới, hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về giáo dục đã được triển hình đồng bộ và ổn định, có tính thông suốt cao và được vận hành trên cơ sở các quy định pháp luật thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Trong mô hình chính quyền hai cấp, vai trò của Trung ương trong hoạch định chính sách, ban hành chương trình, chuẩn mực, tiêu chuẩn chất lượng và kiểm định được tăng cường; đồng thời, cấp cơ sở được trao quyền chủ động lớn hơn trong tổ chức thực hiện, quản lý nhà trường, huy động nguồn lực và bảo đảm các điều kiện dạy và học. Điều này đòi hỏi ngành giáo dục phải đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị giáo dục dựa trên chất lượng, hiệu quả và trách nhiệm giải trình. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở cơ sở đã góp phần bảo đảm sự vận hành thông suốt của hệ thống giáo dục trong bối cảnh mô hình chính quyền mới.

IV. Kết luận:

Có thể khẳng định rằng, trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức, giáo dục Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội XIII – giai đoạn 2021-2025, đã đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện và có ý nghĩa chiến lược. Những kết quả đó không chỉ giúp hệ thống giáo dục vượt qua giai đoạn khủng hoảng trong và sau đại dịch COVID-19, mà còn tạo dựng nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới và phát triển trong giai đoạn tiếp theo sau Đại hội Đảng XIV. Những thành tựu trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng XIII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh triển khai Nghị quyết 71-NQ/TW, các Luật Giáo dục sửa đổi, Luật Nhà giáo và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng về giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIV và trong “Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”; tiếp tục phát triển mạnh mẽ tư tưởng chủ đạo và xuyên suốt: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, với mục tiêu giáo dục là trang bị nền tảng cho người học: “Sự khai phóng - Tinh thần bản và Tinh thần phụng sự”./.

BÀI THAM LUẬN 3:

XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI, NGANG TẦM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI: TỪ TẦM NHÌN NGHỊ QUYẾT ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam một lần nữa khẳng định nhất quán quan điểm “*Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc, giáo dục và đào tạo là động lực then chốt đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân*”. Do vậy, để xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới đòi hỏi phải có một chiến lược quốc gia toàn diện, đồng bộ và mang tính đột phá. Chiến lược này cần phải được xây dựng và triển khai nhất quán trên cơ sở Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV, các Văn kiện Đại hội XIV và hệ thống các Nghị quyết Trung ương đã được ban hành, bảo đảm sự thống nhất giữa tư duy chiến lược và quá trình tổ chức thực hiện.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ được gặp và trao đổi cùng Tổng Bí thư Tô Lâm, nhân dịp Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

Muốn biến khát vọng thành hiện thực, chương trình hành động thành thực tiễn, toàn hệ thống chính trị và chính quyền các cấp phải quán triệt sâu sắc tư tưởng chủ đạo: “*Mọi thành tựu của đất nước đều gắn liền với những giai đoạn mà chủ trương đúng được tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả*” (Trích phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội XIV – Hà Nội, ngày 7/2/2026). Do vậy, chỉ khi các chủ trương lớn về giáo dục và đào tạo trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV được cụ thể hóa thành các chính sách khả thi, được triển khai quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả trong toàn hệ thống, giáo dục Việt Nam mới thực sự tạo ra bước đột phá, trở thành nền tảng vững chắc cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1. Giáo dục khai phóng là nền tảng xây dựng chương trình giáo dục quốc dân hiện đại

Thực tiễn phát triển giáo dục của các nước tiên tiến đã cho thấy rằng, một nền giáo dục hiện đại trước hết phải được định vị bằng một triết lý phát triển đúng đắn và có tính khai phóng. Giáo dục khai phóng không chỉ là mở rộng tự do học thuật, mà là giải phóng tiềm năng trí tuệ dân tộc, khơi dậy năng lực tư duy độc lập, tinh thần phản biện khoa học và ý thức trách nhiệm công dân. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt giáo dục vào vị trí đột phá chiến lược, gắn với khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Vì vậy, việc triển khai “*Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục và đào tạo*” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV phải được thiết kế như một cuộc cải cách giáo dục quốc dân mang tính hệ thống: đồng bộ hóa thể chế, chuẩn hóa đội ngũ, đổi mới phương pháp, chuyển đổi số toàn diện và xây dựng văn hóa chất lượng. Hiện đại hóa trong giáo dục không còn đơn thuần là đầu tư cơ sở vật chất hiện đại; mà là tái cấu trúc tư duy quản trị giáo dục theo chuẩn mực tiên tiến, đặt người học vào trung tâm và lấy “*chất lượng giáo dục thực chất*” làm thước đo của sự phát triển giáo dục. Đây chính là nền tảng để giáo dục Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với tầm vóc khu vực và thế giới.

2. Quốc tế hóa giáo dục nhằm nâng tầm trí tuệ Việt Nam trong không gian giáo dục toàn cầu

Hội nhập quốc tế trong giáo dục không chỉ là trao đổi và hợp tác đa phương hay đa chiều, mà là quá trình chuẩn hóa nền giáo dục toàn diện theo chuẩn mực toàn cầu. “*Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học*” là một lựa chọn chiến lược mang tính đột phá trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ta. Tiếng Anh phải được nhìn nhận như ngôn ngữ của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; là công cụ để học sinh, sinh viên tiếp cận trực tiếp nguồn tri thức quốc tế, tham gia vào mạng lưới học thuật toàn cầu. Do vậy cần phải có chiến lược chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, phát triển chương trình song ngữ, từng bước giảng dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh và xây dựng môi trường học thuật quốc tế hóa ngay trong từng mái trường. Khi ngôn ngữ không còn là rào cản, trí tuệ Việt Nam sẽ có điều kiện lan tỏa và khẳng định vị thế trên bản đồ tri thức toàn cầu.

3. Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế là nền tảng của quốc gia phát triển

Đại hội XIV của Đảng ta đã xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, việc xây dựng chiến lược triển khai “*Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý chiến lược và nhân lực cho các ngành mũi nhọn như khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực mới nổi*”, theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV là rất cấp thiết. Chương trình này phải gắn với các chiến lược nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và nhu cầu đột phá phát triển quốc gia; đồng thời bảo đảm việc kiểm định quốc tế, chuẩn đầu ra tương thích với các đại học tiên tiến trên thế giới. Khi sở hữu đội ngũ nhân lực tinh hoa có tư duy toàn cầu, năng lực sáng tạo và bản lĩnh hội nhập, Việt Nam chắc chắn sẽ chủ động dẫn dắt tiến trình phát triển khoa học công nghệ quốc gia và thế giới.

4. Phát triển con người Việt Nam toàn diện và kết hợp hài hòa Trí, Đức, Thể, Mỹ

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã khẳng định một nền giáo dục hiện đại không thể chỉ chú trọng đào tạo tri thức hàn lâm mà phải phát triển con

người toàn diện. Tăng cường “*Giáo dục văn hóa, nghệ thuật và đẩy mạnh hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh*” là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao chất lượng dân số và xây dựng xã hội nhân văn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV. Giáo dục nghệ thuật nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, bản sắc văn hóa và năng lực sáng tạo; giáo dục thể chất rèn luyện sức khỏe, ý chí và tinh thần kỷ luật. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, sức mạnh quốc gia không chỉ nằm ở trí lực mà còn ở thể lực và phẩm chất văn hóa của thế hệ trẻ. Chỉ khi người học được phát triển hài hòa cả trí tuệ lẫn thể chất, giáo dục mới thực sự hoàn thành sứ mệnh đào tạo những công dân khỏe mạnh, sáng tạo và có trách nhiệm với cộng đồng.

5. Đổi mới phương thức giáo dục, tích hợp STEAM và hình thành công dân số

Giáo dục phổ thông phải là nơi ươm mầm tư duy sáng tạo và năng lực khoa học ngay từ sớm. “*Xây dựng, triển khai đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật, Toán học (STEAM)*” theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV là bước chuyển quan trọng từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực. Thực tiễn triển khai thí điểm chương trình STEAM trong thời gian qua cho thấy đã giúp cho học sinh tiếp cận tri thức liên ngành, giải quyết vấn đề thực tiễn và hình thành tư duy hệ thống. Bên cạnh đó, cần có chiến lược nhằm thúc đẩy mạnh mẽ “*Nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông*”, xây dựng phòng thí nghiệm sáng tạo, câu lạc bộ robotics, lập trình và thiết kế kỹ thuật số, nhằm phát triển năng lực số và tư duy công nghệ. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, mọi công dân Việt Nam tương lai không chỉ biết sử dụng công nghệ mà phải có khả năng sáng tạo công nghệ, làm chủ dữ liệu và thích ứng với môi trường số toàn cầu.

6. Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo là đột phá chiến lược trong quản trị và đào tạo

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã khẳng định: “*Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục*” là xu thế tất yếu của thời đại. Trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ cá thể hóa quá trình học tập, phân tích dữ liệu lớn để đánh giá năng lực người học, tối ưu hóa quản trị và nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là vấn đề đạo đức và trách nhiệm xã hội. Giáo dục phải đi đầu trong xây dựng chuẩn mực đạo đức số, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm công bằng trong tiếp cận công nghệ. Khi chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, giáo dục sẽ vận hành trên nền tảng minh bạch, hiệu quả và linh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

7. Xây dựng đại học nghiên cứu, phát triển giáo dục nghề nghiệp và đầu tư chiến lược cho nhân lực mũi nhọn

Một nền giáo dục quốc dân hiện đại cần có cấu trúc cân bằng giữa đại học nghiên cứu và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Theo tinh thần chủ đạo của Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV và trên cơ sở tự chủ được quy định trong Luật Giáo dục đại học, cần có một chiến lược cụ thể nhằm “*Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến*”. Đây chính là những đại học dẫn dắt nghiên cứu cơ bản, chuyển giao công nghệ và hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Song song với đó, theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ta là cần phải có một chiến lược mang tính đột phá nhằm “*Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới*”, chuẩn hóa chương trình theo tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường liên kết doanh nghiệp và công nhận kỹ năng nghề

xuyên biên giới. Đồng thời, cần phải đầu tư chiến lược cho nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng và công nghệ lõi, sẽ tạo nền tảng vững chắc cho năng lực cạnh tranh quốc gia. Khi đại học nghiên cứu mạnh, giáo dục nghề nghiệp hiện đại và nhân lực mũi nhọn được đào tạo mang tính chiến lược, giáo dục Việt Nam sẽ thực sự trở thành động lực trung tâm của phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Bảy nội dung chiến lược được đề xuất trên đây theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV không mang tính độc lập mà là một chỉnh thể thống nhất: từ triết lý khai phóng đến hiện đại hóa toàn diện; từ quốc tế hóa ngôn ngữ đến chuẩn hóa đào tạo; từ phát triển con người toàn diện đến chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; từ đại học nghiên cứu đến giáo dục nghề nghiệp và nhân lực mũi nhọn. Đây chính là con đường để nền giáo dục quốc dân Việt Nam vươn lên ngang tầm khu vực và thế giới, thực hiện khát vọng phát triển đất nước hùng cường trong giai đoạn hiện nay và tiến đến 100 năm đất nước dưới sự lãnh đạo vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2030), và 100 năm Quốc khánh Nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945-2045)./.



BÀI THAM LUẬN 4: **NHỮNG THÀNH TỰU – KẾT QUẢ CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII**

1. Khái quát chung về những thành tựu:

Trong giai đoạn 2021–2025, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, giữ vai trò trực tiếp trong việc đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Định hướng này được thể hiện nhất quán và rõ nét trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề, gắn chặt với khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cùng với đó, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (*Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW*), đã khẳng định GDNN giữ vị trí then chốt trong đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Trên cơ sở đó, Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định rõ mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, từng bước tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế. Trong giai đoạn hậu COVID-19 và hiện nay, GDNN đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phân luồng học nghề và cơ hội việc làm sau đào tạo, đào tạo nghề theo cơ cấu chuyển dịch nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng và tính cạnh tranh cao. Bên cạnh đó, hệ thống GDNN đã thật sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy quản trị sang “tinh thần phục vụ và giám sát”, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, phát triển mô hình quản trị tinh gọn, chú trọng chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

Đặc biệt nhất là việc sát nhập Tổng cục GDNN về Bộ Giáo dục & Đào tạo (GDĐT) thành Cục GDNN - Giáo dục thường xuyên (GDTX) ngay vào đầu năm 2025, và Quốc hội vừa thông qua Luật GDNN (sửa đổi) vào cuối năm 2025, là những cột mốc quan trọng tạo tiền đề cho GDNN tiếp tục phát triển vượt bậc và tạo sự đột phá trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045.

2. Hệ thống GDNN được củng cố, sắp xếp tinh gọn và hoạt động hiệu quả:

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, hệ thống GDNN đã được củng cố và sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phát triển bền vững, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong dài hạn. Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, mạng lưới cơ sở GDNN trên cả nước đã được rà soát, quy hoạch lại một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng dàn trải, từng bước hình thành cơ cấu hợp lý, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của từng vùng, từng địa phương. Tính đến thời điểm đầu năm 2025, cả nước có khoảng 1.850 cơ sở GDNN với hơn 35% là cơ sở GDNN ngoài công lập, và đã giảm được gần 15% các cơ sở GDNN công lập. Việc tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm đã góp phần hình thành các cơ sở GDNN chất lượng cao, trong đó một số trường từng bước tiệm cận chuẩn đào tạo của khu vực ASEAN và quốc tế, trở thành hạt nhân dẫn dắt và lan tỏa chất lượng trong toàn hệ thống GDNN.

Cùng với quá trình sắp xếp, củng cố mạng lưới, cơ chế tăng cường quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động hơn trong tổ chức đào tạo, hợp tác với doanh nghiệp, huy động nguồn lực

xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị. Đây là bước chuyển quan trọng về tư duy quản lý, góp phần khơi dậy tính năng động, sáng tạo của các cơ sở GDNN, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Những kết quả đó đã và đang tạo dựng nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ năng trong thời gian tới.

3. Chất lượng đào tạo nghề đã được nâng cao và tiệm cận với khu vực Châu Á:

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, chất lượng đào tạo nghề đã có bước chuyển biến rõ rệt, thể hiện sự thay đổi căn bản từ tư duy đến cách tiếp cận trong GDNN. Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh và chuẩn hóa theo năng lực thực hiện, lấy yêu cầu của thị trường lao động làm trung tâm, khắc phục tình trạng đào tạo xa rời thực tiễn. Việc đẩy mạnh đào tạo theo chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN và quốc tế đã góp phần nâng cao tính chuẩn mực, khả năng so sánh và hội nhập của hệ thống GDNN. Nhờ đó, năng lực nghề nghiệp của người học được cải thiện rõ rệt, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo đạt mức cao, nhiều ngành nghề đạt trên 80–90%, trong đó không ít trường hợp được doanh nghiệp tuyển dụng ngay trong quá trình thực tập.

Đặc biệt nhất là chỉ số chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam trong giai đoạn 2021–2025, dựa trên kết quả đánh giá của doanh nghiệp đã có những bước thăng hạng nhảy vọt; trong khu vực ASEAN, chỉ số chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam xếp hạng thứ 3, sau Singapore và Indonesia.

4. Gắn kết GDNN với doanh nghiệp mang tính bước đột phá và thực chất:

Trong giai đoạn 2021–2025, mối gắn kết giữa giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đã có bước đột phá quan trọng, tạo chuyển biến rõ nét về hiệu quả đào tạo. Doanh nghiệp không chỉ đóng vai trò tuyển dụng sau đào tạo mà đã tham gia ngày càng sâu vào toàn bộ quá trình đào tạo, từ xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kỹ năng đến tiếp nhận người học thực tập và làm việc. Các mô hình đào tạo kép, đào tạo theo đơn đặt hàng và theo chuỗi cung ứng lao động được mở rộng, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động. Qua đó, GDNN từng bước chuyển từ tư duy “*đào tạo những gì có*” sang “*đào tạo những gì thị trường cần*”, mang tính bền vững, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế trong giai đoạn đột phá phát triển và trước thềm kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong thời gian qua, mô hình liên kết “ba nhà” (Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp) và mô hình “Nhà trường trong Doanh nghiệp” ngày càng được triển khai hiệu quả, trở thành hướng đi phù hợp với yêu cầu phát triển GDNN hiện đại. Tinh thần xuyên suốt và chủ trương định hướng trong giai đoạn 2021–2025 luôn là “Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, định hướng và hỗ trợ chính sách; nhà trường tập trung tổ chức đào tạo, bảo đảm chất lượng; doanh nghiệp trực tiếp tham gia đào tạo tại nơi sản xuất – sử dụng người lao động, gắn lý thuyết với thực hành”. Việc đưa hoạt động đào tạo GDNN vào doanh nghiệp mạnh mẽ trong giai đoạn vừa qua không chỉ giúp người học làm quen sớm với môi trường lao động thực tế, mà còn nâng cao tính thích ứng, kỷ luật và kỹ năng nghề, qua đó nâng cao hiệu quả đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

4. Thành tích nổi bật về kỹ năng nghề ở khu vực và quốc tế của GDNN Việt Nam:

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, thành tích của đội tuyển kỹ năng nghề Việt Nam tại các đấu trường khu vực và quốc tế đã trở thành một trong những điểm sáng nổi bật của GDNN. Việt Nam liên tục tham gia Kỳ thi tay nghề ASEAN, Kỳ thi tay nghề châu Á và Kỳ thi tay nghề thế giới (WorldSkills) với số lượng và chất lượng huy chương của đoàn Việt Nam không ngừng được nâng lên, thứ hạng quốc gia từng bước được cải thiện một cách bền

vững, phản ánh sự tiến bộ thực chất về trình độ kỹ năng nghề và năng lực đào tạo. Ở nhiều ngành nghề mũi nhọn gắn với công nghiệp, công nghệ và dịch vụ hiện đại, thí sinh Việt Nam đã đạt kết quả tương đương, thậm chí vượt trội so với một số quốc gia trong khu vực, khẳng định tay nghề lao động Việt Nam ngang bằng hoặc thậm chí cao hơn các nước ASEAN và châu Á trong một số lĩnh vực nghề nghiệp.

Những thành tựu này đã phản ánh một cách khách quan và thực tiễn sinh động về hiệu quả của quá trình đổi mới hệ thống GDNN theo hướng chuẩn hóa, hội nhập và gắn với chuẩn tay nghề phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực toàn cầu. Đây cũng là dấu ấn quan trọng, có sức lan tỏa mạnh mẽ quốc gia và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của GDNN và nguồn nhân lực Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

5. Chuyển đổi số, đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao vị thế GDNN và hội nhập quốc tế mạnh mẽ:

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, chuyển đổi số và đổi mới phương thức đào tạo đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở GDNN đã đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số, triển khai đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp và các mô hình mô phỏng, thực hành số, từng bước đổi mới phương thức tổ chức đào tạo và kiểm tra, đánh giá kỹ năng nghề bằng công nghệ, trí tuệ nhân tạo. Việc số hóa công tác quản lý đào tạo, theo dõi quá trình học tập và đánh giá năng lực đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính minh bạch và khả năng cá thể hóa quá trình học tập. Nhờ đó, hệ thống GDNN đã thích ứng tương đối nhanh với bối cảnh dịch bệnh trong đầu nhiệm kỳ 2021-2025, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu học tập linh hoạt, học tập suốt đời của người lao động trong nền kinh tế số và Chính phủ số theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Song song với quá trình đổi mới về công nghệ và phương thức đào tạo, vị thế xã hội của GDNN từng bước được nâng cao. Nhận thức của xã hội về học nghề đã có sự chuyển biến tích cực, ngày càng khẳng định học nghề là con đường lập nghiệp bền vững, gắn với việc làm và thu nhập ổn định, không còn bị coi là lựa chọn “thứ yếu”. Thông qua việc cung ứng nguồn nhân lực kỹ năng cho thị trường lao động, GDNN đã đóng góp thiết thực vào giảm thất nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, đồng thời góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế bền vững.

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều cơ sở GDNN đã chủ động tiếp nhận, chuyển giao và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, đặc biệt từ các quốc gia có hệ thống đào tạo nghề phát triển, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và tính chuẩn mực của chương trình đào tạo trong nước. Hoạt động hợp tác đào tạo, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở GDNN nước ngoài ngày càng đa dạng, gắn với đào tạo giảng viên, chuyển giao công nghệ, công nhận kỹ năng và bằng cấp. Những kết quả này không chỉ góp phần nâng cao năng lực hội nhập của hệ thống GDNN, mà còn tạo điều kiện cho người học và người lao động Việt Nam tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế Lâm Đồng (nhiệm kỳ 2019-2024), ký kết hợp tác với Đại học Y khoa Penn State – Mỹ, trong hợp tác đào tạo nguồn nhân lực y tế song phương.

5. những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết đối với GDNN cần tập trung triển khai trong nhiệm kỳ tới.

Trong nhiệm kỳ 2026–2030, GDNN đứng trước yêu cầu phát triển mới của đất nước bước vào “Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, và trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các Nghị quyết Trung ương số 57-NQ/TW, 59-NQ/TW và 71-NQ/TW, các Luật Giáo dục sửa đổi trong năm 2025, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, tạo nền tảng - động lực và định hướng chiến lược cho đổi mới GDNN gắn với phát triển khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia trong khu vực và trên toàn cầu.

Thứ nhất, trong nhiệm kỳ 2026-2030, GDNN cần khẩn trương tập trung thực hiện tốt các nội dung trọng tâm của Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi (2025), đây là khuôn khổ pháp lý quan trọng để thúc đẩy đổi mới toàn diện GDNN. Do vậy cần triển khai sớm và chặt chẽ khung pháp lý và thể chế cho việc thực hiện mô hình “trung học nghề”, giúp mở rộng hướng đi mới trong phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, tạo điều kiện cho người học tiếp cận sớm với kỹ năng nghề gắn với thực tiễn nhu cầu nguồn nhân lực lao động và bảo đảm điều kiện học nâng cao.

Thứ hai, trong nhiệm kỳ 2026-2030, cần phải cấp thiết xây dựng khung pháp lý trong đào tạo liên thông giữa các trình độ từ trung học nghề lên trung cấp - cao đẳng đến các bậc học cao hơn. Đây là thể chế rất quan trọng cho GDNN, nhằm tạo sự đột phá trong việc xây dựng hệ thống học tập mở, linh hoạt, tạo điều kiện cho người lao động có tay nghề thông qua đào tạo được học tập suốt đời và nâng cao trình độ theo nhu cầu cá nhân và yêu cầu của xã hội.

Thứ ba, nhiệm kỳ 2026-2030 tiếp tục phát triển những thành tựu trong nhiệm kỳ 2021-2025 và quán triệt sâu sắc tinh thần các Văn kiện Đại hội XIV về “giáo dục đào tạo là quốc sách”, đặc biệt là trong GDNN. Hệ thống GDNN cần phải quyết liệt hơn nữa trong việc đổi mới nội dung - chương trình, phương thức tổ chức đào tạo và bảo đảm chất lượng GDNN, chuyển mạnh sang tiếp cận năng lực thực hành, gắn đào tạo với chuẩn kỹ năng nghề quốc gia - khu vực và quốc tế, đồng thời tăng cường kiểm định chất lượng và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDNN.

Thứ tư, hệ thống GDNN cần phải tạo sự đột phá trong gắn kết vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong GDNN, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp tham gia sâu vào đào tạo và hình thành quỹ đào tạo nhân lực, quỹ đổi mới – sáng tạo – khởi nghiệp, góp phần huy động nguồn lực xã hội, chia sẻ trách nhiệm giữa “Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp” trong phát triển nguồn nhân lực kỹ năng nghề chất lượng cao, phục vụ cho ngành công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn, tạo tiền đề vững chắc cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Thứ năm, hệ thống GDNN cần phải khẩn trương quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở GDNN theo hướng tinh gọn, có trọng tâm - trọng điểm, tập trung đầu tư phát triển các cơ sở GDNN chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế, có khả năng dẫn dắt và lan tỏa chất lượng – học thuật. Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, coi đây là khâu then chốt quyết định chất lượng GDNN, thông qua việc đào tạo bồi dưỡng thường xuyên năng lực ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số và vận dụng linh hoạt – sáng tạo – có kiểm soát trí tuệ nhân tạo vào đào tạo, giảng dạy và học tập nâng cao.

Thứ sáu, cần đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác xuyên biên giới, chuyển giao chương trình và công nhận kỹ năng nghề quốc tế; triển khai tuyển dụng nguồn nhân lực GDNN quốc tế có trình độ tay nghề cao tham gia giảng dạy, huấn luyện giảng viên, đào tạo nhà quản lý GDNN, chuyển giao nghiên cứu – sáng chế; qua đó nâng cao vị thế của GDNN Việt Nam và khả năng cạnh tranh của lao động tay nghề cao của Việt Nam trong khu vực và trên toàn cầu.

Do vậy, việc triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Trung ương cùng những điểm mới then chốt của Luật GDNN sửa đổi (2025), phát huy những thành tựu của GDNN trong nhiệm kỳ 2021-2025, sẽ là điều kiện quyết định để GDNN thực sự trở thành trụ cột trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia giai đoạn 2026–2030 và những năm tiếp theo, tạo sự đột phá mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực nghề Việt Nam trong “Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”./.

BÀI THAM LUẬN 5: **TRUNG HỌC NGHỀ - HÌNH THỨC GIÁO DỤC** **CẦN THIẾT CHO VIỆT NAM**

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và tạo sự đột phá trong phát triển nguồn nhân lực nghề chất lượng cao, việc đổi mới căn bản hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhằm thích ứng với những điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đã và đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; cùng với chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu xây dựng một hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, thực học, thực hành và gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động.

Trước những yêu cầu thực tiễn và theo tinh thần các Nghị quyết trung ương của Bộ Chính trị, ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV chính thức thông qua Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung và điều chỉnh nhiều nội dung quan trọng nhằm hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi (Luật số 124/2025/QH15) có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đã bổ sung một loại hình giáo dục mới có ý nghĩa quan trọng là “Trung học nghề”: hình thức giáo dục dạy văn hóa và dạy nghề đồng thời, theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người học, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực quốc gia và trong khu vực trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045. Bên cạnh đó, hình thức giáo dục Trung học nghề còn có vai trò và sứ mệnh rất quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân đang dần được hoàn thiện và thống nhất về thể chế.

1. Ý nghĩa quan trọng của Trung học nghề trong phân luồng giáo dục

Trung học nghề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phân luồng giáo dục sau trung học cơ sở theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận 91 của Bộ Chính trị (ngày 25/9/2025), vì đây là con đường giúp học sinh sớm tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp trên nền tảng kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi. Hình thức giáo dục Trung học nghề tạo điều kiện để người học sau khi hoàn thành chương trình có trình độ học vấn tương đương trung học phổ thông, đồng thời được trang bị kỹ năng thực hành nghề, đủ năng lực tham gia trực tiếp vào thị trường lao động.

Điều quan trọng nữa là trung học nghề không phải là “điểm dừng”, mà là một “lộ trình mở”, cho phép người học tiếp tục học lên các trình độ cao hơn như trung cấp, cao đẳng hoặc đại học trong cùng nhóm ngành – nghề. Trung học nghề vừa góp phần giảm áp lực cho hệ thống giáo dục phổ thông, thu hút học sinh có định hướng nghề nghiệp sớm có thể theo học, giúp tạo nguồn nhân lực có vừa có đủ “văn hóa cốt lõi” trung học phổ thông, vừa có “tay nghề nông cốt” của giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho người học.

2. Sứ mệnh của trường Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Để thu hút người học là học sinh đã hoàn thành trung học cơ sở, các trường Trung học nghề cần lựa chọn đào tạo những ngành nghề có sức hấp dẫn cao đối với người học, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp đặt hàng tuyển dụng sau đào tạo. Các trường Trung học nghề cần gắn năng lực đào tạo của nhà trường với khả năng tham gia sâu rộng của doanh nghiệp, các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước, trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực nghề đầu ra,

kỹ năng thực hành nghề nghiệp, chuyển giao chương trình tiên tiến và các ngành nghề mũi nhọn, cũng như việc tuyển dụng sau đào tạo.

Bên cạnh khả năng tạo việc làm sau tốt nghiệp, các trường Trung học nghề cần xây dựng và cụ thể hóa các ngành nghề được lựa chọn đào tạo, có lộ trình học tập nâng cao rõ ràng theo hướng liên thông sau tốt nghiệp, cho phép người học tiếp tục phát triển lên các bậc trung cấp, cao đẳng và đại học. Đặc biệt, cần chú trọng phát triển các ngành nghề mới, có hàm lượng khoa học công nghệ cơ bản tương đương bậc ba và bậc bốn theo thang trình độ quốc gia tám bậc hiện hành. Chú trọng các ngành nghề có tiềm năng phát triển người học sau tốt nghiệp, định hướng trở thành nguồn nhân lực nghề chất lượng cao trong tương lai cho các ngành công nghệ bán dẫn, vũ trụ - hàng không, kỹ thuật y sinh; công nghiệp dược - dược liệu, điện hạt nhân, điện mặt trời, thiết kế và chế tạo công nghệ lõi; công nghiệp thời trang, nghe nhìn hiện đại, văn hóa - nghệ thuật hiện đại...

Thực hiện tốt sứ mệnh này sẽ giúp các trường Trung học nghề tăng sức hút đối với người học, tạo bước khởi đầu vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực mũi nhọn của nền kinh tế, tiến đến thay thế dần nguồn nhân lực có kỹ năng nghề đơn giản không phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực nghề hiện tại và tương lai.

3. Vai trò của trường Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay

Hình thức giáo dục Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân là một hình thức giáo dục tích hợp văn hóa - nghề nghiệp phù hợp và có vai trò rất lớn trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh cả nước đã - đang và tiếp tục triển khai sắp xếp, tổ chức lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, việc hình thành và phát triển mạng lưới các trường trung học nghề tạo ra một cấu trúc đào tạo linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu phân luồng và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội.

Đặc biệt, quá trình sắp xếp lại các cơ sở giáo dục thường xuyên hiện nay mở ra cơ hội quan trọng để bố trí, tận dụng đội ngũ giáo viên dạy văn hóa tham gia giảng dạy trong các trường Trung học nghề, qua đó bảo đảm chất lượng khối kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi cho người học. Sự kết hợp này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn nhân lực giáo dục hiện có, mà còn góp phần xây dựng hình thức giáo dục Trung học nghề bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

4. Định hướng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện hình thức giáo dục Trung học nghề

Nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả, hình thức giáo dục Trung học nghề sẽ phải được triển khai tại những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện, phù hợp với mục tiêu giáo dục nhà trường và chuẩn năng lực nghề tối thiểu bậc ba hoặc bậc bốn theo từng ngành nghề có nhu cầu nguồn nhân lực tương ứng.

Các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên giảng dạy văn hóa phổ thông trung học, và có liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp là những đơn vị có nhiều thuận lợi để triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề gắn với đào tạo nghề bậc ba và bậc bốn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Các trường trung cấp nghề có thể tham gia triển khai theo hướng linh hoạt, đào tạo nghề bậc 3 tùy thuộc vào đặc thù ngành nghề, nhu cầu lao động và năng lực bảo đảm chất lượng của từng cơ sở.

Ngoài ra việc triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề có thể được thực hiện thông qua liên kết đào tạo quốc gia và quốc tế, tận dụng thế mạnh về giảng dạy văn hóa

hoặc thực hành nghề của các cơ sở liên kết. Việc cho phép triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề cần gắn với quy trình kiểm định, đánh giá năng lực và cấp phép chặt chẽ, bảo đảm chỉ những cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo mới được thực hiện, qua đó bảo đảm tính bền vững và hiệu quả của mô hình trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Những ưu điểm nổi bật của hình thức giáo dục Trung học nghề quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi (Luật số 124/2025/QH15)

Tính ưu việt của hình thức giáo dục Trung học nghề bao hàm trong việc hình thành nguồn nhân lực có tay nghề, đồng thời bảo đảm trình độ văn hóa đủ để liên thông lên các bậc học cao hơn. Vì vậy, khi xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp, cần coi liên thông là nguyên tắc thiết kế cốt lõi, chứ không chỉ là giải pháp kỹ thuật sau đào tạo. Đặc biệt là cơ chế liên thông cần được thiết kế theo hướng công nhận và tích lũy các mô-đun năng lực đã hoàn thành, bảo đảm người học không phải học lại những nội dung đã học, kỹ năng đã được đào tạo và đánh giá đạt chuẩn trong cùng ngành nghề. Cách tiếp cận này vừa nâng cao hiệu quả đào tạo, vừa khuyến khích học tập suốt đời, đồng thời khẳng định Trung học nghề là một “*lộ trình học tập mở*”, có giá trị và triển vọng phát triển lâu dài trong hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Những định hướng chính trong xây dựng chương trình giáo dục Trung học nghề

Từ kinh nghiệm của các quốc gia có nền giáo dục nghề nghiệp phát triển như Đức, Pháp, Áo, Thụy Sĩ, Hà Lan hay Singapore, có thể thấy mô hình phù hợp nhất đối với Việt Nam hiện nay là hình thức giáo dục Trung học nghề tích hợp ba năm sau trung học cơ sở. Theo mô hình này, học sinh sau khi hoàn thành lớp 9 sẽ tham gia chương trình Trung học nghề kéo dài ba năm, tương đương với giai đoạn lớp 10 đến lớp 12 trong hệ thống giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, khác với mô hình trung học phổ thông truyền thống, chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp ngay từ năm học đầu tiên.

Chương trình Trung học nghề nên được thiết kế theo hướng cân đối, có trọng tâm, trong đó khoảng 40% tổng thời gian đào tạo trong ba năm dành cho khối kiến thức “văn hóa phổ thông cốt lõi”, tương đương khoảng 50% nội dung chương trình trung học phổ thông hiện hành, nhằm bảo đảm người học có nền tảng học vấn cần thiết, đủ điều kiện học tiếp và hội nhập xã hội; 60% thời gian còn lại dành cho đào tạo nghề, tập trung vào thực hành và “*kỹ năng nghề nòng cốt*”, tương ứng khoảng 70% khối lượng kiến thức nghề tối thiểu theo chuẩn đầu ra, giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất.

Trong 60% thời lượng dành cho đào tạo nghề, cần chú trọng cân đối khối lượng học tập giữa lý thuyết nghề (20%), thực hành nghề (30%) và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (10%). Học sinh được tiếp cận nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất thông qua các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực lớn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, công nghệ bán dẫn, logistics, du lịch, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành dịch vụ kỹ thuật hiện đại. Cách tiếp cận này không chỉ giúp người học hình thành kỹ năng nghề sớm mà còn tạo động lực học tập, giảm tỷ lệ bỏ học và nâng cao khả năng có việc làm sau tốt nghiệp.

Đặc biệt nhất là một trong những đặc trưng quan trọng của hình thức giáo dục Trung học nghề hiện đại là sự tham gia thực chất của doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình đào tạo. Doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận thực tập mà còn trở thành một chủ thể đồng hành với nhà trường trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng lao động. Tỷ lệ đào tạo tại doanh nghiệp nên đạt tối thiểu từ 30% tổng thời lượng chương trình. Năm học cuối cùng cần được tổ chức theo mô hình “*học kỳ doanh*

ngiệp”, trong đó học sinh được tham gia môi trường sản xuất thực tế, được hướng dẫn bởi các chuyên gia kỹ thuật và có cơ hội nhận thu nhập trong quá trình học tập, phù hợp với xu hướng đổi mới trong hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Định hướng văn bằng sau khi tốt nghiệp Trung học nghề trong tương lai

Sau khi hoàn thành chương trình Trung học nghề, người học cần được cấp bằng Trung học nghề đồng thời với chứng nhận trình độ Kỹ năng nghề quốc gia theo chuẩn đầu ra đã được kiểm định; giúp phản ánh trình độ học vấn và khẳng định năng lực hành nghề thực tế của người học. Do vậy, hệ thống văn bằng Trung học nghề phải bảo đảm tính liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tránh tạo ra các “*ngõ cụt*” trong giáo dục và “*điểm nghẽn*” trong học tập suốt đời. Người học sau khi tốt nghiệp Trung học nghề được cấp bằng có giá trị tương đương trung học phổ thông, đồng thời được cấp bằng nghề bậc ba hoặc bậc bốn theo ngành nghề đã lựa chọn ban đầu. Như vậy vừa bảo đảm giá trị pháp lý và xã hội của văn bằng, vừa giúp người học có thể tham gia thị trường lao động ngay sau tốt nghiệp, khởi nghiệp với chuyên ngành được đào tạo, đồng thời có khả năng liên thông lên cao đẳng hoặc đại học ứng dụng, đúng với tinh thần phân luồng theo “lộ trình mở”, không “đóng lối” và “học tập suốt đời”.

8. Những điều kiện bảo đảm triển khai thành công Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Để triển khai thành công mô hình Trung học nghề, hệ thống giáo dục quốc dân cần hội tụ đồng bộ nhiều điều kiện bảo đảm:

Trước hết là Nhà nước cần phải có cơ chế chính sách đồng bộ khi triển khai Trung học nghề, chính sách ưu tiên đối với người học thông qua miễn học phí, hỗ trợ học bổng và tín dụng đào tạo nghề, cơ chế chính sách ưu tiên trong xã hội hóa giáo dục Trung học nghề, thành lập các quỹ đầu tư giáo dục và an sinh xã hội.

Thứ hai là xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực thực hành nghề nghiệp cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế; phát triển đội ngũ giáo viên Trung học nghề cần được thực hiện theo hướng kết hợp hài hòa giữa trình độ sư phạm, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp.

Thứ ba là đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hệ thống công nghệ đào tạo hiện đại. Các cơ sở đào tạo cần được đầu tư đồng bộ từ phòng học thông minh, phòng thí nghiệm chuyên ngành, xưởng thực hành nghề đến hệ thống mô phỏng kỹ thuật số, công nghệ thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.

Thứ tư là cần có cơ chế chính sách cho việc thúc đẩy cơ chế hợp tác công – tư, huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư cơ sở vật chất và cùng khai thác các trung tâm thực hành nghề nghiệp hiện đại dùng chung theo mô hình đào tạo kép, đào tạo chuyên giao và đào tạo lại – đào tạo liên tục.

Thứ năm là cơ quan chủ quản của hệ thống giáo dục quốc dân cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo hướng tiếp cận năng lực, lấy chuẩn đầu ra làm trung tâm, trên cơ sở tham chiếu với các chuẩn nghề nghiệp khu vực ASEAN, chuẩn kỹ năng nghề quốc tế và yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Ngoài ra, giai đoạn sau 2030, việc xây dựng hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cần được thực hiện theo hướng độc lập với cơ sở đào tạo, có sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và các tổ chức kiểm định chuyên môn.

Cuối cùng là các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị, các hội nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp cần đẩy mạnh truyền thông xã hội nhằm thay đổi nhận thức về giáo dục, đề cao hình thức giáo dục Trung học nghề, để người học - gia đình và cộng đồng xem đây là một lựa chọn có giá trị tương đương với giáo dục nghề

nghiệp sau phổ thông cơ sở và có kiến thức phổ thông trung học, có cơ hội việc làm sớm và giúp định hướng học tập suốt đời, có cơ hội tiếp tục học tập lên hình thức giáo dục cao hơn.

9. Kết luận về hình thức giáo dục Trung học nghề

Trung học nghề là một hình thức giáo dục tích hợp văn hóa và nghề nghiệp mới trong hệ thống giáo dục công lập, có mục tiêu giáo dục và ý nghĩa đặc thù, đáp ứng yêu cầu phân luồng và phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay và cho tương lai. Có thể khẳng định rằng, Trung học nghề không đơn thuần là một loại hình giáo dục mới mà là một bước đột phá chiến lược trong đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân. Nếu được triển khai đúng định hướng, đây sẽ là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương phân luồng sau trung học cơ sở, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước trong kỷ nguyên kinh tế số và hội nhập toàn cầu.

Do vậy, hình thức giáo dục Trung học nghề cần được thể chế hóa một cách chặt chẽ, dựa trên tinh thần chỉ đạo của các Nghị quyết Trung ương đã được ban hành, theo các nội dung của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã được Quốc hội Khóa XV thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chất lượng, thực học – thực hành trong hệ thống giáo dục quốc dân./.



BÀI THAM LUẬN 6: **MÔ HÌNH TRUNG HỌC NGHỀ** **TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**

Bài học gì để triển khai mô hình trung học nghề một cách bền vững

Việt Nam đã có nhiều mô hình giáo dục được thiết kế tương đương như cấp trung học phổ thông (THPT) kể từ sau khi thống nhất đất nước cho đến nay, nhưng hầu như đều không đạt được mục tiêu đích thực của yêu cầu thực tiễn và tính phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội qua từng thời kỳ.

Đầu tiên là chương trình bổ túc văn hóa THPT bắt đầu từ những năm 1980 và được thể chế hóa trong Luật Giáo dục 1998/2005/2019 dưới hình thức giáo dục thường xuyên (GDTX) trong hệ thống giáo dục quốc dân; đây là hình thức nhằm mở rộng cơ hội học tập cho người không theo học phổ thông chính quy, có giá trị pháp lý tương đương về văn bằng THPT, nhưng chất lượng không đồng đều, được tổ chức thực hiện tại các trung tâm GDTX, thiếu gắn kết với kỹ năng nghề, giá trị bằng cấp xã hội thường bị đánh giá thấp nên khó khăn trong việc học nâng cao, cho đến nay bị xem như lựa chọn thứ yếu của người học.

Hình thức thứ hai là mô hình học trung học chuyên nghiệp kết hợp học bổ túc văn hóa THPT được triển khai nhằm giúp học sinh vừa học nghề vừa hoàn thiện học văn THPT. Tuy nhiên, việc học văn hóa và học nghề được tổ chức theo hai hệ tách rời, thiếu một chuẩn tích hợp thống nhất, không có vị thế pháp lý rõ ràng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Sau khi có Luật Dạy nghề (Luật 76/2006/QH11), hệ thống giáo dục Việt Nam mở rộng mô hình học trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp sau trung học cơ sở (THCS), kèm theo học một phần văn hóa phổ thông, giúp phân luồng sớm và tương đương THPT về trình độ; nhưng do không có chuẩn văn hóa đầy đủ, nên văn bằng không thay thế được bằng THPT. Mô hình này vẫn được duy trì từ năm 2014 đến nay vì Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tiếp tục cho phép đào tạo sau THCS và dạy văn hóa song song. Thế nhưng, theo Thông tư 15/2022/TT-BGDĐT sau khi học sinh đã học và thi đạt yêu cầu thì vẫn chỉ được cấp giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT để theo học trình độ cao hơn của GDNN.

Do vậy qua các giai đoạn phát triển của đất nước, dù rằng với mục tiêu xuyên suốt nhằm phổ cập giáo dục phổ thông và định hướng nghề nghiệp cho nhu cầu nguồn nhân lực nghề, hệ thống giáo dục Việt Nam đã có nhiều mô hình tương đương THPT nhưng hiệu quả không cao vì chưa thu hút người học, chưa tạo sự an tâm cho người học – gia đình – xã hội vì việc triển khai chưa thống nhất do thiếu khung chương trình và chuẩn năng lực tối thiểu về trình độ văn hóa THPT, kỹ năng tay nghề, cơ hội liên thông rộng và học tập suốt đời.

Mô hình trung học nghề trong Luật GDNN (sửa đổi) được Quốc hội thông qua mới đây (ngày 10/12/2025) và có hiệu lực thi hành từ năm 2026 đã khẳng định giá trị bằng cấp tương đương bằng THPT là rất quan trọng, giúp thu hút học sinh có định hướng nghề nghiệp sớm theo học trung học nghề và mở rộng cơ hội học tập suốt đời theo khung trình độ quốc gia. Do vậy trong thời gian tới để triển khai mô hình trung học nghề đã được Luật hóa trong Luật GDNN 2025 (sửa đổi) - một bộ phận cần thiết của giáo dục quốc dân - cần phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến những giá trị pháp lý, vai trò và sứ mệnh, mục đích và ý nghĩa, giá trị bằng cấp tương đương THPT của trung học nghề; và đặc biệt là người học được bảo đảm khối lượng “văn hóa THPT cốt lõi” sau tốt nghiệp, được cấp bằng nghề bậc 3 hoặc bậc 4 tùy theo chương trình học và ngành nghề theo học. Như vậy chắc chắn sẽ

tạo ra được sự thu hút người học và hình thành nguồn nhân lực nghề chất lượng tốt, bảo đảm tính liên thông và nhu cầu học tập suốt đời của người học và của nguồn nhân lực nghề.

Thiết kế chương trình giáo dục trung học nghề ra sao để bảo đảm kế thừa các nguồn lực sẵn có của hệ thống GDNN và hội nhập quốc tế

Để bảo đảm tính kế thừa các nguồn lực sẵn có của hệ thống GDNN, đặc biệt những điều kiện thuận lợi khách quan trong giai đoạn hiện nay của việc sắp xếp lại các cơ sở GDNN theo hướng tinh gọn theo tinh thần của Nghị quyết 18-NQ/TW và đồng bộ với bộ máy tổ chức của chính quyền hai cấp, mô hình trung học nghề sẽ được kế thừa nguồn lực giáo viên giảng dạy văn hóa THPT từ các trung tâm GDTX theo định hướng phải sát nhập hoặc giải thể vì chức năng nhiệm vụ sẽ còn rất hạn chế; kế thừa nguồn lực đào tạo nghề từ các cơ sở GDNN là các trường trung cấp nghề hiện đang gặp khó khăn trong thu hút người học. Do vậy, việc thiết kế chương trình giáo dục trung học nghề về cơ bản là phải dựa trên nguồn lực con người và cơ sở vật chất hiện có của hệ thống GDTX và GDNN, nhưng chỉ nên được triển khai tại những cơ sở GDNN đủ điều kiện, phù hợp với mục tiêu giáo dục bảo đảm “văn hóa trung học phổ thông cốt lõi” và “chuẩn năng lực nghề nông cốt” bậc ba hoặc bậc bốn theo từng ngành nghề có nhu cầu nguồn nhân lực tương ứng.

Các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên giảng dạy văn hóa THPT, và có liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp là những đơn vị có nhiều thuận lợi để triển khai trung học nghề gắn với đào tạo nghề bậc ba và bậc bốn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Các trường trung cấp nghề có thể tham gia triển khai theo hướng linh hoạt, đào tạo nghề bậc ba tùy thuộc vào đặc thù ngành nghề, nhu cầu lao động và năng lực bảo đảm chất lượng của từng cơ sở.

Ngoài ra để tạo sự đột phá trong thực hiện chương trình trung học nghề theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW và 71-NQ/TW về hội nhập quốc tế, ngoài chương trình trung học nghề truyền thống theo quy định tại Luật GDNN (sửa đổi) 2025, cần xây dựng các chương trình trung học nghề tiên tiến hoặc chất lượng cao; giúp người học bảo đảm năng lực chuyên môn để có cơ hội hội nhập vào thị trường việc làm khu vực và toàn cầu - đây là những nơi có nhu cầu nguồn nhân lực nghề chất lượng cao về tay nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực về công nghệ, trí tuệ nhân tạo, khả năng học tập nâng cao.

Do vậy, các chương trình trung học nghề có thể được thực hiện thông qua liên kết đào tạo quốc gia và quốc tế, tận dụng thế mạnh về giảng dạy văn hóa hoặc thực hành nghề của các cơ sở liên kết, chuyển giao chương trình nghề quốc tế; gắn kết chặt chẽ với các quy trình kiểm định, đánh giá năng lực, bảo đảm chất lượng và cấp phép chặt chẽ; đề cao tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề, nhằm bảo đảm tính bền vững - hiệu quả - tiên tiến của mô hình trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ giảng dạy và cấp chứng nhận kỹ năng thực hành nghề nghiệp về đo đa ký giấc ngủ cho sinh viên y khoa Đại học Penn State qua học tập tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng và Trung tâm Đào tạo Hội Y học Giác ngủ Việt Nam (Xuân Hương – Đà Lạt, Lâm Đồng, tháng 6/2025).

Cách thức tổ chức đào tạo, nội dung chương trình, phương án đánh giá và công nhận tốt nghiệp đối với mô hình giáo dục trung học nghề

Chương trình trung học nghề nên được thiết kế theo hướng cân đối, có trọng tâm, trong đó khoảng 40% tổng thời gian đào tạo trong ba năm dành cho khối kiến thức “văn hóa trung học phổ thông cốt lõi”, tương đương khoảng 50% nội dung chương trình trung học phổ thông hiện hành, nhằm bảo đảm người học có nền tảng học vấn cần thiết, đủ điều kiện học tiếp và hội nhập xã hội; 60% thời gian còn lại dành cho đào tạo nghề, tập trung vào thực hành và “kỹ năng nghề nòng cốt”, tương ứng khoảng 70% khối lượng kiến thức nghề tối thiểu theo chuẩn đầu ra, giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất.

Về chuẩn đầu ra, cần thiết kế chương trình giáo dục theo hình thức tốt nghiệp trung học nghề được cấp bằng có giá trị pháp lý như THPT đã được quy định trong Luật GDNN (sửa đổi), đồng thời được cấp bằng nghề bậc ba hoặc bậc bốn theo ngành nghề đã lựa chọn ban đầu và chương trình đào tạo. Như vậy vừa bảo đảm giá trị pháp lý và xã hội của văn bằng, vừa giúp người học có thể tham gia thị trường lao động ngay, đồng thời giữ nguyên khả năng liên thông lên trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, đúng với tinh thần phân luồng “lộ trình mở” và “học tập suốt đời”.

Những điều kiện then chốt nào cần được chuẩn bị và triển khai ngay để mô hình trung học nghề có thể đi vào thực tiễn một cách hiệu quả

Để mô hình trung học nghề có thể đi vào thực tiễn một cách hiệu quả, cần đồng thời chuẩn bị và triển khai một số điều kiện then chốt, mang tính hệ thống như sau:

Thứ nhất, mô hình trung học nghề cần được cụ thể hóa rõ ràng trong hệ thống văn bản dưới luật, trên cơ sở Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua (ngày 10/12/2025). Việc cụ thể hóa này phải được thực hiện thông qua các nghị định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, cũng như thông tư liên bộ khi cần thiết, nhằm xác lập rõ vị trí pháp lý, chuẩn đầu ra và cơ chế vận hành của mô hình trung học nghề, tránh tình trạng “luật mở” nhưng thực thi “lúng túng” như đã từng xảy ra.

Thứ hai, cần xây dựng một khung chương trình “văn hóa trung học phổ thông cốt lõi” dành riêng cho các cơ sở GDNN tổ chức thực hiện dạy văn hóa song song với đào tạo nghề. Khung chương trình này phải bảo đảm chuẩn năng lực văn hóa trung học phổ thông thiết yếu, có tính thống nhất trên phạm vi toàn quốc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tiếp ở các trình độ cao hơn.

Thứ ba, việc triển khai trung học nghề không thể dàn trải mà cần gắn với quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDNN đủ điều kiện tham gia thực hiện. Quy hoạch phải tính đến năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất, đặc thù vùng miền và nhu cầu nhân lực, nhằm bảo đảm chất lượng và tính bền vững của mô hình.

Thứ tư, các cơ sở GDNN tham gia chương trình trung học nghề cần chủ động xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, ưu tiên các ngành - nghề có tiềm năng phát triển và sức hút đối với người học như công nghệ sinh học, công nghệ bán dẫn, điện hạt nhân, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch, nghệ- nhìn thông minh, thời trang cao cấp, nghệ thuật đương đại...

Thứ năm, Nhà nước và doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trung học nghề cần có chính sách hỗ trợ thiết thực, như hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học trung học nghề, đồng thời xây dựng các chính sách thu hút, bố trí việc làm sau đào tạo. Đây là yếu tố then chốt để tạo niềm tin cho người học và gia đình.

Cuối cùng, cần đẩy mạnh công tác truyền thông và phổ biến một cách đúng mực, có cơ sở, làm rõ những ưu điểm của mô hình trung học nghề, như bảo đảm đồng thời chuẩn năng lực văn hóa và tay nghề, rút ngắn thời gian đào tạo, tiết kiệm nguồn lực cho gia đình và xã hội, cũng như mở ra cơ hội việc làm và học liên thông cao. Khi người học nhìn thấy lợi ích thực chất, phân luồng sẽ diễn ra một cách tự nhiên và bền vững, tạo điều kiện cho học sinh có thiên hướng nghề nghiệp sớm chọn lựa theo học trung học nghề./

BÀI THAM LUẬN 7: **TRUNG HỌC NGHỀ - HÌNH THỨC GIÁO DỤC CẦN THIẾT CHO HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN CỦA VIỆT NAM**

1. Phần mở đầu

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và tạo sự đột phá trong phát triển nguồn nhân lực nghề chất lượng cao, việc đổi mới căn bản hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhằm thích ứng với những điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đã và đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; cùng với chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu xây dựng một hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, thực học, thực hành và gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động.

Trước những yêu cầu thực tiễn và theo tinh thần các Nghị quyết trung ương của Bộ Chính trị, ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV chính thức thông qua Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung và điều chỉnh nhiều nội dung quan trọng nhằm hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi (Luật số 124/2025/QH15) có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đã bổ sung một loại hình giáo dục mới có ý nghĩa quan trọng là “Trung học nghề”: hình thức giáo dục dạy văn hóa và dạy nghề đồng thời, theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người học, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực quốc gia và trong khu vực trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045. Bên cạnh đó, hình thức giáo dục Trung học nghề còn có vai trò và sứ mệnh rất quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân đang dần được hoàn thiện và thống nhất về thể chế.

2. Ý nghĩa quan trọng của Trung học nghề trong phân luồng giáo dục

Trung học nghề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phân luồng giáo dục sau trung học cơ sở theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận 91 của Bộ Chính trị (ngày 25/9/2025), vì đây là con đường giúp học sinh sớm tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp trên nền tảng kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi. Hình thức giáo dục Trung học nghề tạo điều kiện để người học sau khi hoàn thành chương trình có trình độ học vấn tương đương trung học phổ thông, đồng thời được trang bị kỹ năng thực hành nghề, đủ năng lực tham gia trực tiếp vào thị trường lao động.

Điều quan trọng hơn nữa là trung học nghề không phải là “điểm dừng”, mà là một “lộ trình mở”, cho phép người học tiếp tục học lên các trình độ cao hơn như trung cấp, cao đẳng hoặc đại học trong cùng nhóm ngành – nghề. Trung học nghề vừa góp phần giảm áp lực cho hệ thống giáo dục phổ thông, thu hút học sinh có định hướng nghề nghiệp sớm có thể theo học, giúp tạo nguồn nhân lực có vừa có đủ “văn hóa cốt lõi” trung học phổ thông, vừa có “tay nghề nông cốt” của giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho người học.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ cùng các đại biểu tham dự Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, chụp hình lưu niệm cùng TBT-Chủ tịch nước Tô Lâm (Hà Nội, ngày 16/9/2025)

3. Sứ mệnh của trường Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Để thu hút người học là học sinh đã hoàn thành trung học cơ sở, các trường Trung học nghề cần lựa chọn đào tạo những ngành nghề có sức hấp dẫn cao đối với người học, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp đặt hàng tuyển dụng sau đào tạo. Các trường Trung học nghề cần gắn năng lực đào tạo của nhà trường với khả năng tham gia sâu rộng của doanh nghiệp, các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước, trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực nghề đầu ra, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, chuyển giao chương trình tiên tiến và các ngành nghề mũi nhọn, cũng như việc tuyển dụng sau đào tạo.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ cùng các chuyên gia giáo dục là Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL Việt Nam (nhiệm kỳ 2022 – 2026), nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT vì có thành tích xuất sắc trong đóng góp xây dựng các Luật Giáo dục được Quốc Hội Khóa XV thông qua (Hà Nội, ngày 01/6/2026)

Bên cạnh khả năng tạo việc làm sau tốt nghiệp, các trường Trung học nghề cần xây dựng và cụ thể hóa các ngành nghề được lựa chọn đào tạo, có lộ trình học tập nâng cao rõ ràng theo hướng liên thông sau tốt nghiệp, cho phép người học tiếp tục phát triển lên các bậc trung cấp, cao đẳng và đại học. Đặc biệt, cần chú trọng phát triển các ngành nghề mới, có hàm lượng khoa học công nghệ cơ bản tương đương bậc ba và bậc bốn theo thang trình độ quốc gia tám bậc hiện hành. Chú trọng các ngành nghề có tiềm năng phát triển người học sau tốt nghiệp, định hướng trở thành nguồn nhân lực nghề chất lượng cao trong tương lai cho các ngành công nghệ bán dẫn, vũ trụ - hàng không, kỹ thuật y sinh; công nghiệp dược - dược liệu, điện hạt nhân, điện mặt trời, thiết kế và chế tạo công nghệ lõi; công nghiệp thời trang, nghe nhìn hiện đại, văn hóa - nghệ thuật hiện đại...

Thực hiện tốt sứ mệnh này sẽ giúp các trường Trung học nghề tăng sức hút đối với người học, tạo bước khởi đầu vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực mũi nhọn của nền kinh tế, tiến đến thay thế dần nguồn nhân lực có kỹ năng nghề đơn giản không phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực nghề hiện tại và tương lai.

4. Vai trò của trường Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay

Hình thức giáo dục Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân là một hình thức giáo dục tích hợp văn hóa - nghề nghiệp phù hợp và có vai trò rất lớn trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh cả nước đã - đang và tiếp tục triển khai sắp xếp, tổ chức lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, việc hình thành và phát triển mạng lưới các trường trung học nghề tạo ra một cấu trúc đào tạo linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu phân luồng và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội.

Đặc biệt, quá trình sắp xếp lại các cơ sở giáo dục thường xuyên hiện nay mở ra cơ hội quan trọng để bố trí, tận dụng đội ngũ giáo viên dạy văn hóa tham gia giảng dạy trong các trường Trung học nghề, qua đó bảo đảm chất lượng khối kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi cho người học. Sự kết hợp này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn nhân lực giáo dục hiện có, mà còn góp phần xây dựng hình thức giáo dục Trung học nghề bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

5. Định hướng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện hình thức giáo dục Trung học nghề

Nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả, hình thức giáo dục Trung học nghề sẽ phải được triển khai tại những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện, phù hợp với mục tiêu giáo dục nhà trường và chuẩn năng lực nghề tối thiểu bậc ba hoặc bậc bốn theo từng ngành nghề có nhu cầu nguồn nhân lực tương ứng.

Các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên giảng dạy văn hóa phổ thông trung học, và có liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp là những đơn vị có nhiều thuận lợi để triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề gắn với đào tạo nghề bậc ba và bậc bốn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Các trường trung cấp nghề có thể tham gia triển khai theo hướng linh hoạt, đào tạo nghề bậc 3 tùy thuộc vào đặc thù ngành nghề, nhu cầu lao động và năng lực bảo đảm chất lượng của từng cơ sở.

Ngoài ra việc triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề có thể được thực hiện thông qua liên kết đào tạo quốc gia và quốc tế, tận dụng thế mạnh về giảng dạy văn hóa hoặc thực hành nghề của các cơ sở liên kết. Việc cho phép triển khai hình thức giáo dục Trung học nghề cần gắn với quy trình kiểm định, đánh giá năng lực và cấp phép chặt chẽ,

bảo đảm chỉ những cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo mới được thực hiện, qua đó bảo đảm tính bền vững và hiệu quả của mô hình trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Những ưu điểm nổi bật của hình thức giáo dục Trung học nghề quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi (Luật số 124/2025/QH15)

Tính ưu việt của hình thức giáo dục Trung học nghề bao hàm trong việc hình thành nguồn nhân lực có tay nghề, đồng thời bảo đảm trình độ văn hóa đủ để liên thông lên các bậc học cao hơn. Vì vậy, khi xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp, cần coi liên thông là nguyên tắc thiết kế cốt lõi, chứ không chỉ là giải pháp kỹ thuật sau đào tạo. Đặc biệt là cơ chế liên thông cần được thiết kế theo hướng công nhận và tích lũy các mô-đun năng lực đã hoàn thành, bảo đảm người học không phải học lại những nội dung đã học, kỹ năng đã được đào tạo và đánh giá đạt chuẩn trong cùng ngành nghề. Cách tiếp cận này vừa nâng cao hiệu quả đào tạo, vừa khuyến khích học tập suốt đời, đồng thời khẳng định Trung học nghề là một “*lộ trình học tập mở*”, có giá trị và triển vọng phát triển lâu dài trong hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Những định hướng chính trong xây dựng chương trình giáo dục Trung học nghề

Từ kinh nghiệm của các quốc gia có nền giáo dục nghề nghiệp phát triển như Đức, Pháp, Áo, Thụy Sĩ, Hà Lan hay Singapore, có thể thấy mô hình phù hợp nhất đối với Việt Nam hiện nay là hình thức giáo dục Trung học nghề tích hợp ba năm sau trung học cơ sở. Theo mô hình này, học sinh sau khi hoàn thành lớp 9 sẽ tham gia chương trình Trung học nghề kéo dài ba năm, tương đương với giai đoạn lớp 10 đến lớp 12 trong hệ thống giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, khác với mô hình trung học phổ thông truyền thống, chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp ngay từ năm học đầu tiên.

Chương trình Trung học nghề nên được thiết kế theo hướng cân đối, có trọng tâm, trong đó khoảng 40% tổng thời gian đào tạo trong ba năm dành cho khối kiến thức “văn hóa phổ thông cốt lõi”, tương đương khoảng 50% nội dung chương trình trung học phổ thông hiện hành, nhằm bảo đảm người học có nền tảng học vấn cần thiết, đủ điều kiện học tiếp và hội nhập xã hội; 60% thời gian còn lại dành cho đào tạo nghề, tập trung vào thực hành và “*kỹ năng nghề nông cốt*”, tương ứng khoảng 70% khối lượng kiến thức nghề tối thiểu theo chuẩn đầu ra, giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất.

Trong 60% thời lượng dành cho đào tạo nghề, cần chú trọng cân đối khối lượng học tập giữa lý thuyết nghề (20%), thực hành nghề (30%) và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (10%). Học sinh được tiếp cận nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất thông qua các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực lớn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, công nghệ bán dẫn, logistics, du lịch, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành dịch vụ kỹ thuật hiện đại. Cách tiếp cận này không chỉ giúp người học hình thành kỹ năng nghề sớm mà còn tạo động lực học tập, giảm tỷ lệ bỏ học và nâng cao khả năng có việc làm sau tốt nghiệp.

Đặc biệt nhất là một trong những đặc trưng quan trọng của hình thức giáo dục Trung học nghề hiện đại là sự tham gia thực chất của doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình đào tạo. Doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận thực tập mà còn trở thành một chủ thể đồng hành với nhà trường trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng lao động. Tỷ lệ đào tạo tại doanh nghiệp nên đạt tối thiểu từ 30% tổng thời lượng chương trình. Năm học cuối cùng cần được tổ chức theo mô hình “*học kỳ doanh nghiệp*”, trong đó học sinh được tham gia môi trường sản xuất thực tế, được hướng dẫn

bởi các chuyên gia kỹ thuật và có cơ hội nhận thu nhập trong quá trình học tập, phù hợp với xu hướng đổi mới trong hệ thống giáo dục quốc dân.

8. Định hướng văn bằng sau khi tốt nghiệp Trung học nghề trong tương lai

Sau khi hoàn thành chương trình Trung học nghề, người học cần được cấp bằng Trung học nghề đồng thời với chứng nhận trình độ Kỹ năng nghề quốc gia theo chuẩn đầu ra đã được kiểm định; giúp phản ánh trình độ học vấn và khẳng định năng lực hành nghề thực tế của người học. Do vậy, hệ thống văn bằng Trung học nghề phải bảo đảm tính liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tránh tạo ra các “ngõ cụt” trong giáo dục và “điểm nghẽn” trong học tập suốt đời. Người học sau khi tốt nghiệp Trung học nghề được cấp bằng có giá trị tương đương trung học phổ thông, đồng thời được cấp bằng nghề bậc ba hoặc bậc bốn theo ngành nghề đã lựa chọn ban đầu. Như vậy vừa bảo đảm giá trị pháp lý và xã hội của văn bằng, vừa giúp người học có thể tham gia thị trường lao động ngay sau tốt nghiệp, khởi nghiệp với chuyên ngành được đào tạo, đồng thời có khả năng liên thông lên cao đẳng hoặc đại học ứng dụng, đúng với tinh thần phân luồng theo “lộ trình mở”, không “đóng lối” và “học tập suốt đời”.

9. Những điều kiện bảo đảm triển khai thành công Trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Để triển khai thành công mô hình Trung học nghề, hệ thống giáo dục quốc dân cần hội tụ đồng bộ nhiều điều kiện bảo đảm:

Trước hết là Nhà nước cần phải có cơ chế chính sách đồng bộ khi triển khai Trung học nghề, chính sách ưu tiên đối với người học thông qua miễn học phí, hỗ trợ học bổng và tín dụng đào tạo nghề, cơ chế chính sách ưu tiên trong xã hội hóa giáo dục Trung học nghề, thành lập các quỹ đầu tư giáo dục và an sinh xã hội.

Thứ hai là xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực thực hành nghề nghiệp cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế; phát triển đội ngũ giáo viên Trung học nghề cần được thực hiện theo hướng kết hợp hài hòa giữa trình độ sư phạm, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp.

Thứ ba là đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hệ thống công nghệ đào tạo hiện đại. Các cơ sở đào tạo cần được đầu tư đồng bộ từ phòng học thông minh, phòng thí nghiệm chuyên ngành, xưởng thực hành nghề đến hệ thống mô phỏng kỹ thuật số, công nghệ thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.

Thứ tư là cần có cơ chế chính sách cho việc thúc đẩy cơ chế hợp tác công – tư, huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư cơ sở vật chất và cùng khai thác các trung tâm thực hành nghề nghiệp hiện đại dùng chung theo mô hình đào tạo kép, đào tạo chuyển giao và đào tạo lại – đào tạo liên tục.

Thứ năm là cơ quan chủ quản của hệ thống giáo dục quốc dân cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo hướng tiếp cận năng lực, lấy chuẩn đầu ra làm trung tâm, trên cơ sở tham chiếu với các chuẩn nghề nghiệp khu vực ASEAN, chuẩn kỹ năng nghề quốc tế và yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Ngoài ra, giai đoạn sau 2030, việc xây dựng hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cần được thực hiện theo hướng độc lập với cơ sở đào tạo, có sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và các tổ chức kiểm định chuyên môn.

Cuối cùng là các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị, các hội nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp cần đẩy mạnh truyền thông xã hội nhằm thay đổi nhận thức về giáo dục, đề cao hình thức giáo dục Trung học nghề, để người học - gia đình và cộng đồng xem đây là một lựa chọn có giá trị tương đương với giáo dục nghề nghiệp sau phổ thông cơ sở và có kiến thức phổ thông trung học, có cơ hội việc làm sớm

và giúp định hướng học tập suốt đời, có cơ hội tiếp tục học tập lên hình thức giáo dục cao hơn.

10. Kết luận về hình thức giáo dục Trung học nghề

Trung học nghề là một hình thức giáo dục tích hợp văn hóa và nghề nghiệp mới trong hệ thống giáo dục công lập, có mục tiêu giáo dục và ý nghĩa đặc thù, đáp ứng yêu cầu phân luồng và phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay và cho tương lai. Có thể khẳng định rằng, Trung học nghề không đơn thuần là một loại hình giáo dục mới mà là một bước đột phá chiến lược trong đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân. Nếu được triển khai đúng định hướng, đây sẽ là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương phân luồng sau trung học cơ sở, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước trong kỷ nguyên kinh tế số và hội nhập toàn cầu.

Do vậy, hình thức giáo dục Trung học nghề cần được thể chế hóa một cách chặt chẽ, dựa trên tinh thần chỉ đạo của các Nghị quyết Trung ương đã được ban hành, theo các nội dung của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã được Quốc hội Khóa XV thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chất lượng, thực học – thực hành trong hệ thống giáo dục quốc dân./.



BÀI THAM LUẬN 8:
**TINH GỌN BỘ MÁY ĐỂ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI,
LẤY CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ VÀ CHỈ SỐ
SỨC KHỎE NHÂN DÂN LÀM THUỐC ĐO HIỆU QUẢ
CAO NHẤT CỦA CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP**

Kế hoạch số 06-KH/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giảm tối thiểu 20% đầu mỗi cơ sở giáo dục đại học công lập và 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tầm quan trọng của đợt tái cấu trúc này và làm thế nào để việc tinh gọn không rơi vào tình trạng "cộng gộp" cơ học hoặc thu hẹp quy mô đào tạo một cách đơn thuần.

Theo Kế hoạch 06-KH/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương, về việc thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Bộ Chính trị đã phân công cho Đảng ủy Chính phủ thực hiện 19 nhiệm vụ cụ thể, trong đó có 02 nhiệm vụ (nhiệm vụ số 06 và 07) mang tính chiến lược trong giai đoạn hiện nay là giảm tối thiểu 20% đầu mỗi cơ sở giáo dục đại học công lập (hoàn tất trước 01/4/2027) và giảm tối thiểu 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp (hoàn tất trước 01/10/2026). Đây là những chủ trương rất quan trọng nhằm bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong quản trị hệ thống giáo dục quốc dân sau khi đã và đang thực hiện việc tinh giảm 30% đầu mỗi lãnh đạo và quản lý các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (hoàn tất trước ngày 30/8/2026), đồng bộ với mô hình chính quyền hai cấp.

Mục tiêu xuyên suốt và manh tính chỉ đạo của việc “tinh giản” đầu mỗi các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW của Bộ Chính trị không phải là “tinh giảm” mang tính cơ học mà là chiến lược nhằm tái cấu trúc lại mạng lưới giáo dục quốc dân theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hoạt động hiệu lực và hiệu quả, bảo đảm tính liên thông trong giáo dục các cấp; tạo tiền đề và xung lực cho việc xây dựng một mô hình quản trị giáo dục quốc gia hiện đại và tiên tiến; qua đó nâng cao chất lượng giáo dục nước nhà và thực hiện tốt vai trò và sứ mệnh của ngành giáo dục là đào tạo ra nguồn lực con người chất lượng tốt, chất lượng cao về kỹ năng và tay nghề (giáo dục nghề nghiệp) hoặc cao hơn về đổi mới - sáng tạo hay phát minh và sáng chế (giáo dục đại học và sau đại học), thậm chí là đào tạo ra được nhân tài thông qua giáo dục các cấp để phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước trong tương lai.

Thế nên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp phải nhận thức rõ là Kế hoạch số 06-KH/TW của Bộ Chính trị không đơn thuần là một chủ trương giảm số lượng đầu mỗi, mà là một bước đi chiến lược nhằm tái cấu trúc toàn diện hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Mục tiêu cuối cùng không phải là có ít trường hơn, mà là xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân tinh gọn, hiệu quả, chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh quốc tế và đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế số, kinh tế xanh và khoa học - công nghệ theo các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.



GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ được gặp mặt và trao đổi cùng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

Do vậy, các cơ quan chủ quản của các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp nếu chỉ nhìn vào con số giảm 20% đầu mỗi đối với giáo dục đại học, hay giảm 30% đầu mỗi cho giáo dục nghề nghiệp, thì rất dễ dẫn đến cách làm mang tính hành chính, mang tính ghép cơ học các cơ sở lại với nhau nhưng mô hình quản trị, chương trình đào tạo, đội ngũ, cơ chế tài chính và phương thức vận hành vẫn giữ nguyên. Khi đó, quy mô có thể lớn hơn nhưng hiệu quả chưa chắc được cải thiện, thậm chí còn làm gia tăng tầng nấc quản lý thứ phát sau sát nhập, phát sinh khó khăn trong điều hành và quản trị, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, mục tiêu của giáo dục, gây hoang mang cho người học, gia đình và xã hội.

Việc “tinh gọn” các cơ sở giáo dục công lập Theo tinh thần của kế hoạch 06-KH/TW, phải được hiểu là nhằm tái cấu trúc lại hệ thống giáo dục Việt Nam theo những mục tiêu đã được các Nghị quyết Trung ương và Chương trình hành động thực hiện Văn kiện Đại hội XIV nêu ra, nên không phải chỉ đơn thuần là sắp xếp lại tổ chức bộ máy cho phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp hiện nay. Mỗi cơ sở giáo dục sau sắp xếp phải trở thành một tổ chức học thuật hiện đại, có quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, quản trị dựa trên dữ liệu số, đánh giá bằng chất lượng đầu ra, hiệu quả nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, chứ không chỉ dựa trên quy mô tuyển sinh hay số lượng đơn vị trực thuộc và được lãnh đạo bởi một người hiệu trưởng có tư duy quản trị tốt.

Theo Kế hoạch 06-KH/TW, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ chuyển về địa phương quản lý. Thực tế hiện nay, nhiều địa phương đang có xu hướng sáp nhập trường Cao đẳng Y tế vào các trường Đại học địa phương hoặc Cao đẳng đa ngành: nguy cơ làm mất đi tính đặc thù trong đào tạo nhân lực ngành Y (vốn gắn liền với bệnh viện thực hành, chuẩn năng lực hành nghề y khoa) nếu thực hiện sáp nhập "lệch hệ" hoặc "khác bản chất đào tạo".

Việc chuyển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về địa phương quản lý đã được thể hiện rất rõ ràng trong Kế hoạch 06-KH/TW (điểm 07; mục 2; Phần 3: Nhiệm vụ cụ thể) và phù hợp với sự thay đổi mô hình bộ máy hành chính của chính quyền hiện nay theo hướng tinh gọn và một đầu mối. Đây cũng là một thay đổi cơ bản trong quản trị của chính quyền địa phương và liên kết vùng về đào tạo nguồn nhân lực; tạo sự chủ động, linh hoạt và phù hợp trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu vùng miền, quốc gia và khu vực; gắn liền với các thế mạnh đặc thù của địa phương, nhu cầu nguồn lao động, chính sách thu hút, liên thông nhân lực giáo dục nghề nghiệp thuộc chính quyền hai cấp; tránh chồng chéo trong chủ thể quản lý các cơ sở giáo dục trên địa bàn các tỉnh thành nhưng trực thuộc Bộ ngành Trung ương, ngoại trừ những cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ đặc thù về an ninh quốc phòng.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc nhóm ngành nghề sức khỏe, bao gồm các trường trung cấp và cao đẳng y tế, việc tinh gọn bộ máy theo tinh thần Kế hoạch 06-KH/TW cũng phải được thực hiện một cách khắt khe và quyết liệt. Trong thời gian vừa qua, các trường trung cấp và cao đẳng y tế cũng đã thực hiện việc sát nhập vào một số trường cao đẳng đa ngành địa phương và đã giảm hơn 50% các đầu mối, từ 84 trường công lập và tư thực kể từ năm 2022, hiện nay trong hệ thống công lập chỉ còn lại khoảng 25 trường cao đẳng y tế, các trường trung cấp y dược hầu như đã không còn tồn tại hoặc chuẩn bị sát nhập và giải thể, ngoại trừ những trường đặc thù của khối an ninh quốc phòng.



GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ phát biểu về những thành tựu của ngành y tế với lãnh đạo Chính phủ và các Bộ ngành trung ương tại Lễ gặp mặt đại diện các trí thức & nhà khoa học tiêu biểu trong lĩnh vực y tế, nhân dịp Kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (Hà Nội, ngày 24/02/2026).

Do vậy theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW, các trường cao đẳng y tế trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp vẫn phải tiếp tục thực hiện tinh giản đầu mối, tinh gọn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà trường, bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, đối với các trường cao đẳng y tế, việc sáp nhập mang tính cơ học cần được đánh giá hết sức thận trọng vì đây là một mô hình đào tạo mang tính đặc thù, chịu sự điều chỉnh đồng thời của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và đặc biệt là Luật Khám bệnh, chữa bệnh cùng hệ thống chuẩn năng lực hành nghề của Bộ Y tế. Sinh viên y khoa không chỉ học lý thuyết mà phần lớn thời gian phải học lâm sàng, thực hành tại bệnh viện, trung tâm y tế và cơ sở khám chữa bệnh. Mối liên kết hữu cơ giữa nhà trường và bệnh viện thực hành chính là "giá trị cốt lõi" của đào tạo nhân lực y tế. Đặc thù của đào tạo y khoa là không thể thay thế bệnh viện bằng phòng học "tiền lâm sàng" của các khoa y dược. Giảng viên của trường y không chỉ là nhà giáo mà còn phải là người hành nghề, thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng lâm sàng và tham gia chăm sóc người bệnh tại các cơ sở thực thành thuộc trường. Ngược lại, nhiều bác sĩ tại bệnh viện cũng đồng thời là giảng viên lâm sàng kiêm nhiệm, tham gia vào đào tạo sinh viên y khoa. Đây là mô hình đào tạo dựa trên thực hành mà các quốc gia có nền y học phát triển đều duy trì và phát triển. Nếu làm mất đi sự gắn kết này do việc thực hiện sát nhập hay sắp xếp lại thì rất khó bảo đảm người học sau tốt nghiệp đạt được chuẩn năng lực để tham gia kỳ đánh giá năng lực hoặc được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định hiện nay của pháp luật.

Nếu sáp nhập theo hướng "lệch hệ" hoặc "khác bản chất đào tạo", chẳng hạn đưa một trường cao đẳng y tế vào một trường cao đẳng đa nghề hoặc một đơn vị không có hệ sinh thái đào tạo y khoa đầy đủ, thì nguy cơ lớn nhất không phải là thay đổi tên gọi của trường mà là làm suy giảm chất lượng đào tạo thực hành, giảm tính chuyên nghiệp của đội ngũ giảng viên, đứt gãy mối liên kết với bệnh viện thực hành và cuối cùng ảnh hưởng trực tiếp đến chuẩn năng lực nghề nghiệp của người học.

Một vấn đề rất đáng lưu ý là bối cảnh hiện nay của Việt Nam khi đang quyết liệt triển khai các yêu cầu của Nghị quyết Trung ương về chăm sóc sức khỏe nhân dân (Nghị quyết 72-NQ/TW), hệ thống y tế đang triển khai nhiều chủ trương lớn như khám sức khỏe toàn dân định kỳ hàng năm, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe toàn dân số hóa, tăng cường y học gia đình, thích ứng với già hóa dân số và phòng chống các bệnh không lây nhiễm, chăm lo phát triển thể chất cho trẻ em và cải thiện tuổi thọ cho người già. Do vậy, khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ y tế ngày càng lớn, trong khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân không ngừng tăng lên. Hiện nay, ngành y tế vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu nhân lực ở nhiều địa phương, đặc biệt tại tuyến cơ sở, vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo. Như vậy trước yêu cầu thực tiễn hiện nay, ngành y tế không chỉ phải cần nhiều nhân lực hơn cho tuyến cơ sở phục vụ cho an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo mô hình chính quyền hai cấp (điểm 09-10; mục 2; Phần 3: Nhiệm vụ cụ thể; Kế hoạch 06-KH/TW), mà quan trọng hơn nữa là cần nhân lực có tay nghề cao và có đủ năng lực hành nghề ngay khi bước vào hệ thống y tế, được đào từ các trường cao đẳng y tế.

Trong bối cảnh đó, việc tổ chức lại các trường cao đẳng y tế phải hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo, không làm suy giảm năng lực cung ứng nguồn nhân lực y tế có chất lượng tay nghề cao cho hệ thống y tế. Mỗi tỉnh thành hoặc khu vực cần duy trì một trường cao đẳng y tế được đầu tư hiện đại, gắn kết với các bệnh viện thực hành, có trung tâm mô phỏng kỹ năng tiên tiến, đội ngũ giảng viên lâm sàng và đáp ứng đầy đủ chuẩn năng lực theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh sẽ là hướng đi hợp lý sau sắp xếp; bảo đảm việc thực hiện theo mục tiêu nâng cao chất lượng tay nghề phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe.

Nếu sát nhập cơ học các trường cao đẳng y tế hiện nay vào các trường đa ngành sẽ làm suy giảm hoặc mất đi hệ sinh thái đào tạo nghề y khoa thì nguy cơ suy giảm chất lượng sẽ rất lớn; vì luôn có sự đầu tư dàn trải cho các ngành nghề cùng có vai trò quan trọng khác nhau của hệ sinh thái đào tạo đa ngành của các trường cao đẳng đa ngành nghề.

3- Mô hình sáp nhập chuẩn xác và bền vững nhất đối với hệ thống các trường đào tạo Y Dược (cả hệ Đại học và Cao đẳng) hiện nay. Việc tổ chức lại các cơ sở giáo dục và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế cần tuân thủ những nguyên tắc cốt lõi để vừa đạt mục tiêu tinh gọn, vừa bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực y tế cho đất nước.

Trong lĩnh vực đào tạo nhân lực y tế, mục tiêu quan trọng nhất của việc sắp xếp tổ chức lại hệ thống đào tạo theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW, không chỉ đơn thuần là sáp nhập như thế nào để giảm đầu mối, mà là tổ chức lại như thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường liên thông trong đào tạo nhân lực y tế từ cao đẳng lên đại học và sau đại học, sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo đảm an ninh y tế quốc gia. Đây là cách tiếp cận cần quán triệt khi triển khai Kế hoạch 06-KH/TW trong lĩnh vực y tế. Bên cạnh đó, khi việc đào tạo nhân lực y tế được tổ chức theo một hệ sinh thái liên thông từ giáo dục nghề nghiệp đến đại học, sau đại học và đào tạo liên tục, gắn chặt với hệ thống bệnh viện và y tế cơ sở của chính quyền hai cấp, sẽ vừa thực hiện được chủ trương tinh gọn của Đảng và Nhà nước, vừa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe toàn dân và bảo đảm nguồn nhân lực cho hệ thống y tế trong nhiều thập kỷ tới.

Với những mục tiêu cụ thể nêu trên và theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW, việc sát nhập mang tính bền vững nhất đối với hệ thống các trường đào tạo nhóm ngành sức khỏe, kỹ thuật y học cao đẳng và đại học hiện nay là cần hướng đến việc hình thành một mô hình hệ sinh thái đào tạo nhân lực y tế mang tính tích hợp, liên thông và tuần hoàn: người được đào tạo sẽ trở thành nhân viên chăm sóc sức khỏe và sau đó có thể trở thành chuyên gia đào tạo lâm sàng và kỹ năng. Theo mô hình này, các trường đại học y dược hoặc trường cao đẳng y tế hiện nay (địa phương không có trường đại học y dược), sẽ giữ vai trò trung tâm đào tạo; bệnh viện đại học hoặc bệnh viện thực hành là trung tâm đào tạo lâm sàng; các trung tâm mô phỏng kỹ năng, hệ thống y tế cơ sở, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ là các cấu phần hỗ trợ. Các cơ sở giáo dục y tế được quản trị theo một chiến lược thống nhất trong đào tạo nguồn nhân lực, tính liên thông cao, nhưng vẫn bảo đảm tính tự chủ học thuật, tự chủ chuyên môn và trách nhiệm giải trình. Đây cũng là mô hình đang được nhiều quốc gia phát triển trên thế giới đã và đang tổ chức thực hiện.

Những phân tích trên đây cho thấy rằng đối với các trường cao đẳng y tế, không nên sáp nhập cơ học vào các trường cao đẳng đa ngành vì sẽ là tiền đề làm mất đi bản sắc và năng lực đào tạo y khoa. Nếu cần tổ chức lại, có thể sát nhập vào một tổ chức lớn hơn trong cùng hệ thống đào tạo nhân lực y tế như là vào các trường đại học y, nhưng phải giữ được cơ chế quản trị chuyên môn độc lập được quy định bởi Luật Giáo dục nghề nghiệp, có chương trình đào tạo riêng mang tính liên thông lên đại học và sau đại học cùng ngành nghề, có đội ngũ giảng viên lâm sàng có chuẩn năng lực riêng của giáo dục nghề nghiệp, có mạng lưới bệnh viện thực hành và hệ thống bảo đảm chất lượng theo chuẩn của cơ quan chủ quản, đáp ứng các điều kiện để tham gia đánh giá năng lực, cấp giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại các cơ sở giáo dục và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế cũng đã được quy định rõ trong Kế hoạch 06-KH/TW (điểm 08; mục 2; Phần 3: Nhiệm vụ cụ thể). Đối với các cơ sở đào tạo và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, việc tổ chức lại cần phải được thực hiện dựa trên cơ sở chức năng và sứ mệnh của từng đơn vị. Các trường đại học trực thuộc

Bộ Y tế hiện nay đã và đang thực hiện rất tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực y tế cho các tuyến và nguồn nhân lực chất lượng cao. Các bệnh viện đầu ngành trực thuộc Bộ Y tế hiện nay không chỉ thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh chuyên sâu mà còn là trung tâm đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chỉ đạo tuyến và chuyên giao kỹ thuật cho toàn hệ thống. Vì vậy, việc sắp xếp phù hợp nhất hiện nay theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW là căn hướng tới hình thành các phức hợp y học hàn lâm và y học lâm sàng, nơi đào tạo, nghiên cứu và khám chữa bệnh được tích hợp chặt chẽ, tạo môi trường phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy y học học thuật; do vậy các bệnh viện chuyên sâu trực thuộc Bộ Y tế có thể được sát nhập vào mô hình quản trị của các trường đại học y dược trực thuộc Bộ Y tế theo mô hình Trường - Viện hiện nay; điều này sẽ giảm đầu mối đơn vị chủ quản, giảm nhân lực lãnh đạo - quản lý và giúp gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo hàn lâm và y học lâm sàng.

Tuy nhiên mô hình bệnh tật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe luôn phát triển theo thời gian và phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, chính sách an sinh xã hội và yêu cầu đặc thù của hoạt động chăm sóc sức khỏe. Thế nên, không thể có một mô hình sát nhập chuẩn sát nhất và bền vững nhất, mà cần phải xem xét đến thực tiễn khách quan để có sự lựa chọn phù hợp theo định hướng mục tiêu – nhiệm vụ công tác chăm sóc giai đoạn 2026 – 20230 và tầm nhìn đến 2045. Do vậy, quá trình tổ chức sắp lại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế địa phương hoặc trực thuộc Bộ Y tế cần phải tuân thủ năm nguyên tắc cốt lõi.

Thứ nhất, lấy chất lượng đào tạo và an toàn người bệnh làm trung tâm. Mọi phương án sắp xếp phải được đánh giá bằng khả năng duy trì và nâng cao chuẩn năng lực của người hành nghề, không chỉ bằng số lượng đầu mối được cắt giảm.

Thứ hai, bảo đảm tính liên tục của hệ sinh thái đào tạo nhân lực y tế. Nhà trường phải gắn với bệnh viện thực hành, mạng lưới y tế cơ sở, trung tâm mô phỏng kỹ năng và hệ thống kiểm định chất lượng. Không để xảy ra tình trạng sáp nhập hành chính nhưng làm đứt gãy hoạt động đào tạo lâm sàng.

Thứ ba, quy hoạch theo nhu cầu nhân lực y tế của từng vùng và từng cấp chăm sóc. Trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai quản lý sức khỏe toàn dân, tăng cường y tế cơ sở, thích ứng với già hóa dân số và gia tăng bệnh mạn tính, việc đào tạo phải dựa trên dự báo nhu cầu nhân lực của 10–20 năm tới, thay vì dựa trên quy mô tổ chức hiện tại.

Thứ tư, tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình. Các cơ sở đào tạo cần được trao quyền chủ động về học thuật, nhân lực, tài chính và hợp tác quốc tế, đồng thời phải chịu sự kiểm định độc lập, công khai các chỉ số chất lượng, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ đạt chuẩn năng lực hành nghề và khả năng đáp ứng nhu cầu của hệ thống y tế.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số và liên thông đào tạo. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đào tạo nhân lực sức khỏe, kết nối giữa cơ sở đào tạo, bệnh viện, cơ quan quản lý và hệ thống đánh giá năng lực hành nghề, tạo nền tảng cho đào tạo liên tục, đào tạo liên thông, học tập suốt đời và quản trị hiện đại.

Do vậy, trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam không nên chỉ hướng tới một hệ thống đào tạo y dược ít đầu mối hơn, mà cần xây dựng một hệ thống tinh gọn hơn nhưng mạnh hơn, có năng lực đào tạo theo chuẩn quốc tế, gắn chặt với bệnh viện thực hành, đáp ứng yêu cầu của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và đủ khả năng cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân. Hệ thống y tế và chính quyền các cấp cần quán triệt tinh thần của cải cách giáo dục và cải cách y tế trong giai đoạn phát triển mới theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương và Kế hoạch 06-KH/TW của Bộ Chính trị là: **“Tinh gọn để nâng cao chất lượng, tự chủ để phát**

triển và lấy hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân làm thước đo cao nhất của mọi quyết sách khi thực hiện việc sắp xếp”.

4- Khi thực hiện tinh gọn bộ máy và giảm đầu mối, bài toán xáo trộn vị trí việc làm đối với đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học và bác sĩ giảng dạy luôn là thách thức lớn nhất: Chính phủ và ngành Y tế cần có những cơ chế "đòn bẩy" hay chính sách tự chủ đặc thù để bảo đảm quyền lợi, ổn định tâm lý và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ trí thức y khoa sau quá trình sắp xếp.

Khi thực hiện tinh gọn bộ máy và giảm đầu mối, việc thay đổi vị trí việc làm đối với đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học và bác sĩ giảng dạy là không nhiều so với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cơ sở được sát nhập, vì việc sát nhập, sắp xếp lại nhằm mục tiêu ban đầu là giảm đầu mối lãnh đạo và quản lý. Tuy nhiên, việc thay đổi mô hình bộ máy tổ chức thiên về hành chính sự nghiệp hiện nay sang một mô hình quản trị mới mang tính tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của các đối tượng có liên quan trực tiếp hay gián tiếp.

Do vậy, các cơ sở đào tạo nhân lực y tế và cơ quan chủ quản cần hiểu rõ là thành công của quá trình sắp xếp không chỉ được đánh giá bằng số lượng đầu mối giảm đi, mà phải được đánh giá bằng việc duy trì được tính ổn định và sự phát triển tức thời thông qua các chính sách thu hút nhân tài, đãi ngộ và trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao về y tế, phát triển đội ngũ giảng viên đồng cơ hữu các viện – trường, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực y tế, phát huy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân chất lượng tốt hơn. Trong lĩnh vực y tế, đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và bác sĩ giảng dạy không chỉ là nguồn nhân lực của một cơ sở đào tạo mà còn là nguồn lực chiến lược của quốc gia, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương và chính sách theo tinh thần các Nghị quyết trung ương.

Tuy nhiên, đặc thù của giảng viên y khoa và các bác sĩ lâm sàng kiêm nhiệm công tác giảng dạy thực hành tại các cơ sở khám chữa bệnh lại là một người cán bộ y tế đảm nhiệm đồng thời ba chức năng: đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc người bệnh. Do vậy, khi sắp xếp và tổ chức lại hệ thống đào tạo y tế và các bệnh viện thực hành địa phương hoặc trung ương (trực thuộc Bộ Y tế), cần có chính sách đặc thù đối với nhóm nhân lực y tế đang đảm nhiệm nhiệm vụ quan trọng này, không thể áp dụng một chính sách chung như đối với các đơn vị hành chính hoặc các lĩnh vực khác như giáo dục mầm non hay phổ thông.

Do vậy, Chính phủ và ngành Y tế nên có chính sách tăng cường hơn nữa cho cơ chế tự chủ đặc thù cho các cơ sở đào tạo nhân lực y tế, trên cơ sở phân cấp mạnh về tổ chức, nhân sự, tài chính và học thuật, nhưng gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng. Khi được trao quyền tự chủ thực chất, các trường sẽ chủ động bố trí đội ngũ theo năng lực, xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và tạo động lực để giảng viên cống hiến lâu dài. Để tạo điều kiện cho cán bộ y tế đang làm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay sau quá trình sắp xếp, Chính phủ và các Bộ ngành liên quan cần có những chính sách mang tính “đòn bẩy” nhằm tạo động lực cho sự phát triển của hệ thống y tế sau sắp xếp theo tinh thần của Kế hoạch 06-KH/TW.

Thứ nhất, bảo đảm ổn định vị trí nghề nghiệp của đội ngũ trí thức y khoa là giảng viên. Việc sắp xếp không nên đồng nghĩa với cắt giảm cơ học nhân sự mà cần đánh giá dựa trên năng lực chuyên môn, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu và hoạt động lâm sàng. Những chuyên gia đầu ngành, giảng viên có học hàm, học vị cao, các bác sĩ có năng lực chuyên môn tốt cần được tiếp tục phát huy trong mô hình mới sau sắp xếp.

Thứ hai, xây dựng cơ chế việc làm linh hoạt giữa nhà trường và bệnh viện. Giảng viên y khoa cần được duy trì đồng thời chức danh giảng viên và chức danh chuyên môn tại bệnh viện. Đây vừa là yêu cầu để bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành, vừa giúp duy trì kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giúp tăng thu hút trong tuyển dụng và tạo động lực phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Thứ ba, đổi mới cơ chế tiền lương và thu nhập theo vị trí việc làm và kết quả công hiến. Đối với giảng viên y khoa, thu nhập cần phản ánh đầy đủ ba nhiệm vụ: giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn lâm sàng. Đồng thời cần có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với những lĩnh vực đang thiếu nhân lực như điều dưỡng, hồi sức cấp cứu, y học gia đình, tâm thần, lão khoa, y học giấc ngủ và y tế cơ sở.

Thứ tư, đầu tư mạnh từ ngân sách quốc gia và địa phương cho nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Cần hình thành các trung tâm nghiên cứu y sinh, trung tâm mô phỏng lâm sàng, phòng thí nghiệm hiện đại, quỹ nghiên cứu cạnh tranh và cơ chế hợp tác quốc tế để đội ngũ trí thức y khoa có điều kiện phát triển học thuật ngay trong nước.

Thứ năm, xây dựng hệ thống đào tạo liên tục và phát triển nghề nghiệp suốt đời. Sau khi sắp xếp, mọi giảng viên và cán bộ y tế cần được tạo điều kiện cập nhật kiến thức, đào tạo liên thông đúng nghĩa giữa các bậc theo khung trình độ quốc gia, đào tạo chuyên khoa, đào tạo sau đại học, nghiên cứu sinh và tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực y tế. Đây cũng là yêu cầu phù hợp với xu hướng phát triển năng lực nghề nghiệp liên tục và các quy định về cập nhật kiến thức trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Thứ sáu, các tổ chức Đảng, đoàn thể cần quan tâm đến yếu tố tâm lý và văn hóa tổ chức trong quá trình chuyển đổi. Mỗi đợt sắp xếp đều tạo ra những thay đổi về vị trí việc làm, môi trường làm việc và tâm lý nghề nghiệp. Do đó, quá trình triển khai cần công khai, minh bạch, có lộ trình phù hợp, đối thoại thường xuyên với đội ngũ giảng viên và cán bộ y tế, bảo đảm mọi quyết định đều dựa trên tiêu chí khách quan, công bằng và tôn trọng giá trị cống hiến của từng cá nhân.

Trong bối cảnh hiện nay đất nước ta đang triển khai khám sức khỏe định kỳ toàn dân, tăng cường y tế cơ sở, chuyển đổi số y tế, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 72-NQ/TW đã được trình bày và phân tích trên đây, nhu cầu nhân lực y tế chất lượng cao sẽ còn tăng mạnh trong nhiều năm tới. Vì vậy, quá trình tinh gọn phải đi đôi với chiến lược phát triển nguồn nhân lực y tế quốc gia, trong đó đội ngũ giảng viên, bác sĩ giảng dạy và nhà khoa học cần được xem là lực lượng đầu tư ưu tiên, không phải là đối tượng cần cắt giảm.

Do vậy, nếu xây dựng được cơ chế tự chủ phù hợp, chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường học thuật hiện đại và hệ sinh thái gắn kết giữa nhà trường – bệnh viện – viện nghiên cứu, thì việc sắp xếp sẽ không chỉ giữ được đội ngũ trí thức y khoa mà còn tạo động lực mới để cán bộ y tế các cấp phát huy tối đa năng lực, góp phần đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao và nâng cao chất lượng hệ thống chăm sóc sức khỏe của Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới; thực hiện phương châm: *“Tinh gọn bộ máy để phát triển con người, lấy chất lượng nguồn nhân lực y tế và chỉ số sức khỏe nhân dân làm thước đo hiệu quả cao nhất của chính sách khi thực hiện sắp xếp”*./.

BÀI THAM LUẬN 9: **SẮP XẾP MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC: TINH GỌN BỘ MÁY PHẢI GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoàn thành việc sắp xếp trường học trước ngày 30/8 để kịp năm học mới. Ý nghĩa của chủ trương này trong bối cảnh ngành giáo dục đang thực hiện đổi mới toàn diện.

Chủ trương sắp xếp hệ thống trường học công lập hướng tới giảm đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập là một chủ trương đúng đắn, cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình đổi mới căn bản, toàn diện về mô hình quản trị của hệ thống giáo dục quốc gia. Đây cũng là chủ trương chiến lược của Chính phủ, phù hợp với tiến trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang triển khai và bước đầu đã đạt được một số kết quả rất khả quan.

Tuy nhiên, chủ trương sắp xếp hệ thống trường công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, tạo tiền đề cho việc hình thành thể hệ công dân ưu tú, nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua mô hình quản trị mới sau sắp xếp là một chủ trương lớn và rất phức tạp vì liên quan đến rất nhiều chủ thể, bao gồm hơn mười lăm nghìn trường mầm non công lập đang chăm sóc cho hơn năm triệu trẻ em trong độ tuổi; hơn hai mươi lăm nghìn trường phổ thông các cấp đang thực hiện nhiệm vụ giáo dục cho gần mười chín triệu học sinh phổ thông, cùng với đó là một đội ngũ nhà giáo gần một triệu ba trăm nghìn người, trong đó có khoảng một trăm nghìn cán bộ quản lý giáo dục đang hiện hữu.

Do vậy, toàn ngành giáo dục và cả hệ thống chính quyền địa phương các cấp cần nhận thức đầy đủ rằng việc sắp xếp mạng lưới trường học không chỉ là một giải pháp sắp xếp, tổ chức lại bộ máy như việc thực hiện theo mô hình chính quyền hai cấp, mà có những đặc thù riêng, phạm vi ảnh hưởng lớn; và càng không nên được hiểu đơn giản là cộng gộp hoặc giảm số lượng trường học và cán bộ quản lý một cách cơ học, vì chủ trương này có liên quan đến nhiều chủ thể, quan trọng nhất là các trẻ mầm non, học sinh phổ thông, phụ huynh học sinh, lực lượng nhà giáo chuyên môn và cán bộ quản lý giáo dục vẫn đang thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Do vậy, Chính phủ và toàn bộ hệ thống chính trị cần thực hiện việc tuyên truyền mục đích ý nghĩa của việc sắp xếp, thống nhất phương thức triển khai theo cấu trúc dân số học đường và khu vực dân cư, đồng bộ với chính quyền hai cấp hiện có. Bên cạnh đó, gia đình và nhà trường cần phải hiểu rõ bản chất sâu xa của chủ trương sắp xếp này là nhằm tái cấu trúc hệ thống giáo dục phù hợp với quy mô dân số, phân bố dân cư, điều kiện địa lý, nhu cầu học tập và không gian phát triển mới của từng địa phương; đồng bộ với việc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tự chủ và trách nhiệm giải trình của hệ thống giáo dục với người học, gia đình và xã hội.

Thế nên, chủ trương sắp xếp lại hệ thống trường học của Chính phủ là một yêu cầu tất yếu khi đã thực hiện mô hình chính quyền hai cấp trong thời gian qua; vì không thể duy trì nguyên trạng một mô hình quản lý giáo dục cũ trong một cấu trúc quản trị quốc gia đã thay đổi, thậm chí có thể là phải sắp xếp lại các ngành khác như là y tế theo phương thức tương tự trong giai đoạn tiếp theo. Vì vậy, việc sắp xếp trường học lần này phải được coi là cơ hội để chuyển từ tư duy “quản lý từng trường học” sang “*quản trị hệ sinh thái giáo dục quốc gia*”; từ điều hành chủ yếu bằng thủ tục hành chính sang quản trị bằng chiến lược, tiêu chuẩn chất lượng và dữ liệu số. Mục tiêu cuối cùng không phải là giảm được bao nhiêu đầu mối, bao nhiêu biên chế lãnh đạo hay quản lý, mà là hình thành được một hệ thống giáo dục tinh gọn hơn, hiệu lực hơn, công bằng hơn và có khả năng cung cấp dịch

vụ giáo dục chất lượng cao hơn cho người dân. Trong đó, người học phải là trung tâm, nhà giáo là động lực, nhà trường là nền tảng và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia là mục tiêu cao nhất của việc sắp xếp trường học.

Do vậy, Chính phủ yêu cầu hoàn thành việc sắp xếp trường học trước ngày 30/8 để kịp năm học mới, một lần nữa đã thể hiện tinh thần hành động quyết liệt, quyết tâm cao của Chính phủ, nhằm hạn chế xáo trộn đối với học sinh, phụ huynh và giáo viên khi năm học mới bắt đầu. Tinh thần khẩn trương, tiến độ cấp tốc cần phải đi cùng với phương án sắp xếp khoa học, thận trọng và có trách nhiệm của từng chính quyền địa phương các cấp; tuyệt đối không vì áp lực thời gian mà sắp xếp mang tính cơ học, hình thức hóa hoặc áp dụng một mô hình đồng loạt cho mọi địa phương, thiếu phản biện xã hội và sự đóng góp ý kiến từ các chủ thể hành chính liên quan đến hoạt động giáo dục.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ được gặp mặt và trao đổi cùng Tổng Bí thư Tô Lâm, nhân dịp Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

Những vấn đề cần được đặc biệt lưu ý để chủ trương này vừa đạt mục tiêu tinh gọn, vừa bảo đảm chất lượng giáo dục.

Do tính phức tạp của việc triển khai thực hiện sắp xếp trường học lần này, toàn ngành giáo dục và bộ máy chính quyền các cấp cần đặc biệt lưu ý năm vấn đề cốt lõi sau đây:

Thứ nhất, mọi phương án sắp xếp phải dựa trên dữ liệu và căn cứ khoa học; phương án tối ưu phải được chọn lựa thông qua phản biện xã hội và sự cộng đồng trách nhiệm của toàn hệ thống chính quyền địa phương. Các địa phương cần đánh giá đầy đủ số lượng học sinh hiện tại và dự báo tăng trưởng trong những năm tới, phân bố dân cư, khoảng cách, thời gian và điều kiện đi lại, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, nhu cầu học tập cũng như đặc điểm kinh tế – xã hội của từng địa bàn; không thể chỉ dựa vào số lượng đầu mỗi hành chính để quyết định giữ hay sáp nhập một trường học.

Thứ hai, tính gọn bộ máy không được làm suy giảm quyền tiếp cận giáo dục của người dân. Khi sắp xếp cần phải quán triệt quan điểm là quyền học tập không chỉ là có một chỗ học, mà còn là được học trong môi trường an toàn, với giáo viên có năng lực, chương trình có chất lượng và các điều kiện hỗ trợ cần thiết. Đặc biệt, không để học sinh vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và các nhóm yếu thế bị thiệt thòi sau sắp xếp.

Thứ ba, phải bảo đảm các điều kiện về quy mô lớp học, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất đồng bộ, cơ cấu hợp lý. Về nguyên lý, trường lớn hơn không đồng nghĩa đương nhiên với trường tốt hơn mà phải là trường có hệ thống quản trị tốt hơn, tinh gọn hơn, hoạt động hiệu quả hơn và chất lượng giáo dục phải cao hơn. Do vậy, nếu quy mô vượt quá năng lực quản trị, lớp học quá đông, giáo viên phải di chuyển nhiều, cơ sở vật chất không đáp ứng hoặc các phân hiệu ở quá xa nhau thì việc sáp nhập có thể làm tăng chi phí xã hội và giảm chất lượng giáo dục. Ngoài ra cần phải lưu ý là chỉ nên giải thể điểm trường lẻ khi trường chính, trường nội trú hoặc bán trú đã được chuẩn bị đầy đủ về phòng học, ký túc xá, dinh dưỡng, nước sạch, vệ sinh, y tế học đường, tư vấn tâm lý, phương tiện đưa đón và an toàn giao thông; tránh tuyệt đối tình trạng đóng hay ghép một điểm trường trước rồi mới tìm giải pháp thay thế mang tính tạm bợ cho học sinh sau.

Thứ tư, nguồn lực tiết kiệm được từ giảm đầu mỗi quản lý phải được tái đầu tư và tăng cường nguồn lực trực tiếp phục vụ cho người học và hoạt động chuyên môn. Do vậy, giảm nhân sự quản lý giáo dục không có nghĩa là giảm đầu tư cho giáo dục; mà ngược lại, cần tăng đầu tư nguồn lực cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, giáo viên tư vấn học đường, nhân sự nhà giáo hỗ trợ cho học sinh yếu thế, tăng cường nguồn lực cho thư viện, đầu tư cho phòng thí nghiệm các trường học, xây dựng hạ tầng số, giáo dục thể chất, năng lực ngoại ngữ, tư vấn tâm lý, y tế học đường, giáo dục kỹ năng và giáo dục hòa nhập.

Thứ năm, cần tạo được sự đồng thuận xã hội ở mức cao nhất về mục tiêu sắp xếp lại trường học là nhằm tinh gọn bộ máy quản lý để hoạt động hiệu quả hơn; và về lâu dài là giúp chất lượng giáo dục được nâng lên, tạo điều kiện cho sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục được thu hẹp và nguồn lực công trong giáo dục được sử dụng hiệu quả hơn.

Do vậy, phương án sắp xếp phải được thông tin công khai, minh bạch; có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh, đại diện học sinh, Đoàn TNCS, chính quyền cơ sở và đại diện cộng đồng dân cư. Những vấn đề liên quan trực tiếp đến học sinh như địa điểm học, thời gian đi lại, tổ chức bán trú, phân lớp và chuyển trường phải được thông báo sớm, rõ ràng và có phương án hỗ trợ cụ thể, hợp lý và khoa học.

Việc sắp xếp trường học có thể dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ quản lý, nhân viên trường học phải điều chuyển hoặc dôi dư. Cơ chế, chính sách bảo đảm quyền lợi cho lực lượng này, tránh phát sinh tâm tư trong quá trình triển khai.

Đây là vấn đề rất quan trọng, rất phức tạp và rất nhạy cảm vì liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục sau quá trình sắp xếp và các chủ thể liên quan. Do vậy, nếu việc thực hiện chủ trương sắp xếp trường học chỉ tập trung vào cơ cấu tổ chức mà không giải quyết thấu đáo chính sách đối với cán bộ lãnh đạo – quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên trong toàn ngành giáo dục (mầm non và phổ thông các cấp) thì rất dễ phát sinh tâm tư của đội ngũ nhà giáo, sự đoàn kết thống nhất và đồng bộ của mô hình quản trị mới, làm gián đoạn hay thậm chí là suy giảm chất lượng trong hoạt động của nhà trường.

Trước hết, cần thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và có lộ trình cụ thể theo hai bước dù thời gian rất cấp bách: bước thứ nhất là phải khảo sát đánh giá thực tế và đề xuất các phương án của việc sắp xếp trường học của chính quyền địa phương; bước thứ hai là phản biện đánh giá và chọn phương án hợp lý nhất. Bên cạnh đó, việc xác

định người tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhà trường, người được bổ trí nhiệm vụ mới hoặc người thuộc diện dư dôi phải dựa trên vị trí việc làm, tiêu chuẩn năng lực, kết quả công tác, uy tín nghề nghiệp và nhu cầu thực tế của cơ sở giáo dục; không nên chỉ căn cứ vào thâm niên công tác, đơn vị công tác hoặc vai trò quản lý hành chính. Bên cạnh đó, ngành giáo dục và nội vụ cần phải có hướng dẫn đề xuất một số mô hình gợi ý, vị trí việc làm mới sau sắp xếp, chế độ chính sách đi kèm.

Cần phân loại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục theo mô hình quản trị mới để có giải pháp phù hợp, thay vì áp dụng một chính sách chung cho tất cả. Những cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn tốt có thể được bổ trí phù hợp theo nguyện vọng làm giáo viên, tổ trưởng chuyên môn, phụ trách phân hiệu, nhân sự chuyên môn kiểm định chất lượng, chuyển đổi số, tư vấn học đường, hoặc đảm nhận nhiệm vụ tại cơ quan quản lý giáo dục địa phương và tại các bộ phận tham mưu cho chính quyền về giáo dục; một số cán bộ quản lý giáo dục nòng cốt cần được chọn lựa để tiếp tục được đào tạo nâng cao về năng lực quản trị trường học công, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, năng lực hội nhập quốc tế trong giáo dục, hoặc luân chuyển vị trí công việc đặc thù.

Cần phải có sự hỗ trợ về chính sách an sinh xã hội hợp lý, chế độ phụ cấp phù hợp đối với chức vụ và thu nhập trong thời gian chuyển tiếp; hỗ trợ việc đi lại nếu phải công tác xa hơn, nhà công vụ, công tác phí; tạo điều kiện và khuyến khích đào tạo lại, chuyển đổi năng lực nghề nghiệp; đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ như đã triển khai mô hình chính quyền hai cấp trước đây như nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc hoặc tinh giản theo quy định đối với những người có nguyện vọng và đủ điều kiện.

Đặc biệt là phải có sự bảo đảm của các cơ quan chủ quản về chế độ chính sách sau sắp xếp trường học; do vậy phải tăng cường đối thoại trực tiếp với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục, nhà giáo với lãnh đạo ngành giáo dục và từ chính quyền địa phương. Cán bộ lãnh đạo và quản lý các trường học, giáo viên và nhân viên ngành giáo dục cần được biết mục đích, ý nghĩa của việc phải sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiểu rõ các tiêu chí bố trí nhân sự, quyền lợi sẽ được giải quyết; tránh tình trạng khiếu nại hay kiến nghị tập thể. Do vậy, khi thực thi chủ trương sắp xếp trường học với chính sách minh bạch, công bằng và nhân văn, đội ngũ nhà giáo sẽ chia sẻ và đồng hành với chủ trương chung và toàn tâm toàn ý tiếp tục đóng góp cho nền giáo dục nước nhà.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ phát biểu góp ý các chính sách liên quan đến giáo dục và đào tạo trong phiên họp thường kỳ của Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL do Lãnh đạo Chính phủ chủ trì.

Việc hình thành các trường quy mô lớn, nhiều phân hiệu hoặc nhiều cấp học sẽ tạo ra những yêu cầu mới về quản trị. Đội ngũ hiệu trưởng, cán bộ quản lý cần đáp ứng những yêu cầu gì, nhất là trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

Trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, việc hình thành các trường quy mô lớn, nhiều phân hiệu hoặc tích hợp nhiều cấp học không chỉ là sự thay đổi về mô hình tổ chức, mà còn đòi hỏi một cuộc chuyển đổi mạnh mẽ về tư duy quản trị. Thế nên, quản trị nhà trường trong giai đoạn tới cần được tiếp cận như quản trị nền hành chính công hiện đại, lấy người học là trung tâm, chất lượng phục vụ người học là thước đo hiệu quả; đào tạo ra những công dân ưu tú, nguồn nhân lực chất lượng cao tương lai cho đất nước là mục tiêu cao nhất của việc sắp xếp và tinh gọn hệ thống trường học. Trong mô hình mới sau sắp xếp, hiệu trưởng không còn đơn thuần là người điều hành hoạt động chuyên môn của một trường học theo nghĩa truyền thống, mà phải trở thành nhà lãnh đạo và quản trị một tổ chức giáo dục hiện đại, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, xã hội và người học về chất lượng giáo dục, hiệu quả sử dụng nguồn lực công và sự phát triển bền vững của nhà trường và phải có những thuộc tính năng lực tối thiểu sau đây:

Trước hết, đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý giáo dục cần chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị chiến lược và quản trị phục vụ. Hiệu trưởng phải có năng lực xây dựng tầm nhìn phát triển dài hạn, hoạch định chiến lược dựa trên dữ liệu và bằng chứng khoa học số hóa; tổ chức bộ máy theo vị trí việc làm, phân cấp, phân quyền rõ ràng cho các phó hiệu trưởng, trưởng bộ phận và lãnh đạo các phân hiệu; đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ, phối hợp liên thông và trách nhiệm giải trình minh bạch. Nhà trường phải được vận hành như một hệ thống quản trị thống nhất, linh hoạt và hướng tới kết quả đầu ra thay vì chỉ thực hiện các quy trình hành chính.

Thứ hai, hiệu trưởng cần có năng lực quản trị tổng thể về nguồn nhân lực, tài chính công, tài sản công và chất lượng giáo dục. Khi quy mô trường học lớn hơn, phạm vi quản lý mở rộng hơn, yêu cầu đặt ra không chỉ là sử dụng hiệu quả ngân sách mà còn phải bảo đảm phân bổ hợp lý đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và các nguồn lực giáo dục giữa các phân hiệu, các cấp học và các nhóm học sinh. Mục tiêu của sắp xếp trường học không phải chỉ là giảm đầu mỗi quản lý, mà phải tạo ra giá trị gia tăng về chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư công và cơ hội học tập bình đẳng cho mọi học sinh.

Thứ ba, năng lực số và quản trị bằng dữ liệu phải trở thành năng lực cốt lõi của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, mọi hoạt động quản trị cần dựa trên hệ thống dữ liệu số đồng bộ, liên thông và thời gian thực. Dữ liệu về học sinh, giáo viên, chương trình giáo dục, kết quả học tập, tài chính, cơ sở vật chất, an toàn trường học và kiểm định chất lượng phải được tích hợp thành hệ thống quản trị thông minh để hỗ trợ ra quyết định. Hồ sơ điện tử không chỉ thay thế giấy tờ mà phải trở thành công cụ dự báo, giúp phát hiện sớm nguy cơ học sinh bỏ học, suy giảm kết quả học tập, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, phát triển thể chất và năng lực, tình trạng thiếu giáo viên hay sự mất cân đối trong phân bổ nguồn lực.

Thứ tư, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) cần được xem là động lực nâng cao năng lực quản trị và chất lượng giáo dục. Người hiệu trưởng phải biết khai thác AI trong phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu nhân lực, xây dựng học liệu số, hỗ trợ cá thể hóa học tập, giảm tải công việc hành chính cho giáo viên và nâng cao chất lượng phục vụ người học là học sinh các cấp học. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI phải được đặt trên nền tảng đạo đức, bảo vệ dữ liệu cá nhân người học, bảo đảm quyền riêng tư, tính minh bạch và công bằng,

đồng thời không để khoảng cách số trở thành rào cản đối với học sinh ở vùng khó khăn và các nhóm yếu thế.

Thứ năm, trong một hệ thống trường học quy mô lớn, hiệu trưởng phải là người kiến tạo văn hóa tổ chức và dẫn dắt sự thay đổi; đặc biệt phải chú trọng văn hóa đọc, văn hóa ứng xử, văn hóa đổi mới sáng tạo và hội nhập toàn cầu. Quản trị hệ thống trường học thành công không chỉ dựa vào nội quy và quy chế mà còn dựa vào khả năng tạo dựng niềm tin, kết nối đội ngũ, xử lý xung đột, truyền cảm hứng đổi mới và xây dựng sự đồng thuận giữa các tập thể trường học sau sát nhập vốn có lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển khác nhau. Một nhà trường hiện đại sau sát nhập hay sắp xếp lại cần có bản sắc chung, nhưng đồng thời vẫn tôn trọng sự đa dạng và đặc thù của từng phân hiệu, từng cấp học và từng địa phương.

Do vậy, trước yêu cầu cao và cấp bách đối với năng lực quản trị của lãnh đạo trường học, ngành giáo dục cần sớm xây dựng chuẩn năng lực mới đối với đội ngũ hiệu trưởng và cán bộ quản lý giáo dục, theo hướng tiệm cận mô hình quản trị nền hành chính công hiện đại và theo thông lệ các hệ thống giáo dục quốc tế tiên tiến. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục, tập trung vào quản trị chiến lược, quản trị số, tài chính công, pháp luật, quản trị dữ liệu, kiểm định chất lượng, quản trị nhân sự, quản trị rủi ro, an toàn trường học, ứng dụng AI và kỹ năng lãnh đạo sự thay đổi trong học đường. Bên cạnh đó, việc bổ nhiệm, đánh giá và sử dụng hiệu trưởng cần dựa trên năng lực quản trị thực chất, kết quả hoạt động của nhà trường và mức độ hài lòng của người học, phụ huynh và xã hội, thay vì chủ yếu dựa vào bằng cấp hay thâm niên công tác.

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, cơ chế hậu kiểm như thế nào để đánh giá chủ trương này có thực sự nâng cao chất lượng giáo dục, thay vì chỉ đạt mục tiêu giảm đầu mối?

Hậu kiểm là khâu đặc biệt quan trọng trong quản trị giáo dục hiện đại. Do vậy, việc dựa trên các báo cáo cơ học về số trường đã giảm, số đầu mối đã sáp nhập hoặc số biên chế quản lý giáo dục đã tinh gọn và sắp xếp lại vị trí việc làm thì chưa thể khẳng định chủ trương sắp xếp trường học theo tinh thần của các Nghị quyết trung ương dưới sự chỉ đạo của Chính phủ là thành công. Kết quả phải được đánh giá bằng sự thay đổi thực chất đối với năng lực người học là học sinh, nhà giáo các cấp, chất lượng nhà trường, hiệu quả sử dụng nguồn lực công trong giáo dục và tác động tích cực của mô hình quản trị giáo dục với xã hội.

Dựa trên thực tiễn điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, các định hướng đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết trung ương (Nghị quyết 71-NQ/TW), ngành giáo dục cùng với chính quyền địa phương cần xây dựng và ban hành một bộ chỉ số thống nhất để đánh giá định kỳ một cách khách quan nhất hiệu quả của chủ trương sắp xếp trường học công lập theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai mô hình quản trị hiệu quả, hoạt động đồng bộ với bộ máy chính quyền hai cấp, trong đó nên có ít nhất năm nhóm tiêu chí sau đây:

Nhóm thứ nhất là quyền tiếp cận giáo dục: bao gồm khoảng cách và thời gian học sinh đến trường, tỉ lệ chuyên cần, bỏ học và chuyển trường, điều kiện đi lại; khả năng tiếp cận của học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế.

Nhóm thứ hai là chất lượng giáo dục: dựa trên kết quả học tập và rèn luyện, mức độ tiến bộ của học sinh, chất lượng giáo dục toàn diện, năng lực số, ngoại ngữ, thể chất và kỹ năng xã hội; mức độ chênh lệch giữa trường chính với các phân hiệu.

Nhóm thứ ba là đội ngũ nhà giáo: liên quan đến tỉ lệ giáo viên/lớp học, cơ cấu giáo viên theo môn học, khối lượng công việc nhà giáo, mức độ hài lòng; tình trạng điều chuyển, nghỉ việc, cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp.

Nhóm thứ tư là hiệu quả quản trị, tài chính và chuyển đổi số: dựa vào mức tiết kiệm chi hành chính, chi thường xuyên, phần nguồn lực được tái đầu tư cho dạy học; hiệu quả sử dụng phòng học, thiết bị và tài sản công; mức độ số hóa, liên thông dữ liệu và giảm thủ tục hành chính.

Nhóm thứ năm là sự hài lòng và niềm tin xã hội: thông qua kết quả lấy ý kiến của học sinh, phụ huynh, nhà giáo, cán bộ quản lý và chính quyền cơ sở; số lượng phản ánh, khiếu nại; mức độ an toàn và ổn định tâm lý sau sắp xếp.

Việc đánh giá cần được thực hiện định kỳ mỗi sáu tháng, một năm, ba năm và năm năm; có so sánh với dữ liệu trước sắp xếp và sau mỗi chu kỳ đánh giá. Ngoài việc kiểm tra – đánh giá của cơ quan quản lý giáo dục địa phương, chính quyền cơ sở, cần có đánh giá độc lập của cơ quan kiểm định thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuyên gia giáo dục và các tổ chức tư vấn giáo dục và đào tạo của Chính phủ (Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL), Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức giám sát xã hội. Các kết quả hậu kiểm và đánh giá cần phải được công khai để người dân biết việc sắp xếp đã tạo ra những thay đổi tích cực và có ý nghĩa, tạo niềm tin trong toàn xã hội. Cần chú trọng đến việc nhân rộng những mô hình sắp xếp hay, những cách làm tiêu biểu của các địa phương để tạo sự lan tỏa và đồng thuận xã hội; đặc biệt phải lưu ý hỗ trợ, giải quyết kịp thời những địa phương phát sinh những bất cập trong quá trình thực hiện chủ trương này. Không nên coi phương án sắp xếp đã phê duyệt là mệnh lệnh hành chính và bất biến, mà đòi hỏi phải có sự linh động, tính phù hợp trong việc triển khai.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị xã hội cần quán triệt và lan tỏa trong toàn xã hội một mục tiêu xuyên suốt của chủ trương sắp xếp trường học theo chỉ đạo của Chính phủ lần này là: *“giảm đầu mỗi chi là nguyên tắc thực hiện; nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận và phát triển con người thông qua giáo dục mới là mục tiêu của chủ trương sắp xếp”*.

Cần khẳng định rằng sắp xếp trường học không phải là đích đến, mà là phương tiện để nâng cao chất lượng giáo dục quốc gia. Thành công của quá trình này sẽ được đo bằng khả năng xây dựng những nhà trường hoạt động hiệu quả, minh bạch, số hóa và lấy người học làm trung tâm; trường học là nơi mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực số và tinh thần đổi mới sáng tạo. Đó cũng chính là nền tảng quan trọng để đào tạo nên những thế hệ công dân ưu tú, có năng lực hội nhập quốc tế và góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Do vậy, thành công của chủ trương của Chính phủ về sắp xếp lại hệ thống trường học công lập từ mầm non đến trung học phổ thông các cấp, không chỉ được đo bằng số lượng trường học được giảm đi, mà phải được đo bằng cơ hội học tập tốt hơn của học sinh, điều kiện làm việc tốt hơn của nhà giáo, hiệu quả quản trị cao hơn của nhà trường và chất lượng nguồn nhân lực tương lai được nâng lên. Chủ trương sắp xếp lại mạng lưới trường học mang trong mình một sứ mệnh lịch sử rất quan trọng, là bước khởi đầu cho một quá trình đổi mới sâu sắc hơn trong giáo dục mầm non và phổ thông; tạo tiền đề xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, khai phóng và nhân văn, số hóa, tự chủ, có trách nhiệm giải trình và không để bất kỳ người học nào bị bỏ lại phía sau.

BÀI THAM LUẬN 10: **TINH GỌN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC PHẢI GẮN VỚI** **ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ GIÁO DỤC, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI** **VÀ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC GIA”**

Thủ tướng yêu cầu các địa phương hoàn thành việc sắp xếp hệ thống trường mầm non, phổ thông công lập trước ngày 30/8, hướng tới giảm khoảng 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập.

Chủ trương sắp xếp hệ thống trường mầm non, phổ thông công lập hướng tới giảm đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập là một chủ trương có ý nghĩa chiến lược của Chính phủ. Chủ trương này không đơn thuần là sắp xếp lại hệ thống trường học, mà là một nội dung quan trọng trong tiến trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp mà Đảng và Nhà nước đang triển khai.

Điều quan trọng cần nhận thức là mục tiêu giảm khoảng 30% đầu mỗi không phải là đích đến cuối cùng của việc cải cách cơ học. Giá trị cốt lõi của chủ trương này nằm ở việc tái cấu trúc toàn bộ mạng lưới giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư và không gian phát triển của từng địa phương; giảm sự phân tán nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư công, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nếu bộ máy hành chính nhà nước đang chuyển từ mô hình nhiều tầng nấc như ba cấp như trước đây, sang mô hình tinh gọn, phân cấp mạnh, phân quyền rõ và tăng trách nhiệm giải trình thì giáo dục cũng phải chuyển đổi theo cùng tư duy đó. Vì không thể duy trì một bộ máy quản lý giáo dục cũ trong một mô hình chính quyền mới. Đây cũng chính là bước chuyển từ quản lý giáo dục sang quản trị giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm, nhà giáo làm động lực, nhà trường là nền tảng và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia là mục tiêu cao nhất.

Một tư tưởng chỉ đạo rất quan trọng của chủ trương sắp xếp lần này là phải gắn liền với chuyển đổi số theo tinh thần của các Nghị quyết trung ương và theo định hướng phát triển quốc gia số hóa. Dữ liệu về dân số học đường, giáo viên, cơ sở vật chất, nhu cầu học tập, khoảng cách đến trường và nhu cầu nhân lực của từng địa phương phải trở thành cơ sở khoa học cho mọi quyết định. Đây cũng chính là tinh thần quản trị bằng dữ liệu, quản trị số mà đồng chí Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Tô Lâm đã quán triệt trong quá trình xây dựng nền hành chính công hiện đại giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ được gặp mặt và trao đổi cùng Tổng Bí thư Tô Lâm, nhân dịp Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

Chủ trương mới hướng đến giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy.

Chủ trương giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy là một chủ trương rất đúng đắn, rất phù hợp với mô hình quản trị quốc gia tinh gọn, hiệu quả và tập trung đầu tư trực tiếp vào nguồn lực con người thông qua giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, chủ trương này muốn thành công phải bảo đảm được những điều kiện sau đây:

Trước hết, nguồn lực tiết kiệm được từ việc tinh gọn bộ máy phải được tái đầu tư trực tiếp cho giáo dục, đặc biệt là đội ngũ giáo viên. Giảm đầu mỗi quản lý không có nghĩa là giảm đầu tư cho giáo dục, mà ngược lại phải tăng đầu tư cho hoạt động dạy học, nghiên cứu, chuyển đổi số và phát triển chuyên môn.

Thứ hai, cần cơ cấu lại đội ngũ theo nguyên tắc giảm quản lý trung gian, tăng giáo viên trực tiếp giảng dạy và tăng các vị trí hỗ trợ chuyên môn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tư vấn tâm lý và y tế học đường, giáo dục hòa nhập, phát triển tài năng học đường và quản trị dữ liệu.

Thứ ba, phải chuẩn hóa nguồn nhân lực giáo dục một cách đồng bộ và tiên tiến. Chuẩn hóa ngày nay không chỉ là chuẩn bằng cấp mà còn là chuẩn năng lực nghề nghiệp, năng lực số, ngoại ngữ, khả năng đổi mới sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp của người thầy.

Thứ tư, cần đổi mới cơ chế tài chính theo hướng phân bổ ngân sách dựa trên người học, nhiệm vụ và kết quả đầu ra. Những địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới cần được ưu tiên nhiều hơn để bảo đảm công bằng trong giáo dục.

Cuối cùng, phải xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng sau sắp xếp dựa trên dữ liệu thực tế như tỷ lệ học sinh đến trường, khoảng cách đi học, sĩ số lớp, kết quả học tập, sức

khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và mức độ hài lòng của người học, giáo viên và phụ huynh. Mọi kết quả cần được công khai, minh bạch để toàn xã hội cùng giám sát.

Một trong những điểm đáng chú ý là tổ chức các trường quy mô lớn, có nhiều phân hiệu hoặc trường phổ thông nhiều cấp học. Những yêu cầu mới đối với năng lực quản trị của đội ngũ hiệu trưởng, cán bộ quản lý và việc ứng dụng công nghệ trong quản lý giáo dục

Chủ trương hình thành các trường quy mô lớn, nhiều phân hiệu hoặc trường phổ thông nhiều cấp học là một chủ trương lớn và định hướng cho việc thay đổi căn bản và quan trọng nhất của cuộc cải cách hệ thống quản trị giáo dục lần này.

Do vậy vai trò của ban giám hiệu mà đứng đầu là hiệu trưởng trong tương lai sẽ không chỉ là người điều hành chuyên môn, tổ chức các hoạt động dạy và học, mà phải trở thành nhà lãnh đạo của một tổ chức giáo dục hiện đại, có năng lực quản trị nhiều cấp học, nhiều phân hiệu, với số lượng học sinh lớn hơn nhiều so với trước đây, cùng với đội ngũ giáo viên với quy mô lớn hơn, ngân sách đầu tư lớn, tài sản công đồi dào và hệ thống dữ liệu số học đường phong phú.

Do vậy, những yêu cầu này đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục các cấp phải chuyển từ tư duy hành chính sang tư duy quản trị chiến lược; các thành viên ban giám hiệu trong giai đoạn mới phải có năng lực quản trị nhân lực, quản trị tài chính công, quản trị chất lượng, quản trị dữ liệu, quản trị đổi mới sáng tạo và quản trị chuyển đổi số, hội nhập quốc tế trong giáo dục.

Đặc biệt, năng lực ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số phải trở thành một thuộc tính năng lực bắt buộc của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý; vì đây là nền tảng của quản trị nhà trường sau sắp xếp tinh gọn, là yêu cầu bắt buộc để đội ngũ cán bộ quản lý các cấp xây dựng một hệ thống quản trị dạy và học dựa trên hồ sơ học tập điện tử, hồ sơ giáo viên số hóa, quản lý tài sản - tài chính trực tuyến; cùng với việc ứng dụng công nghệ trong đánh giá chất lượng, kiểm định giáo dục, điều hành vĩ mô và báo cáo định kỳ số hóa theo thời gian thực cần được thực hiện trên một hệ thống dữ liệu thống nhất từ mạng lưới trường học đến cấp xã / phường, cấp tỉnh / thành phố và liên thông đến cơ quan chủ quản cao nhất về giáo dục là Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năng lực quản trị bằng dữ liệu dựa trên công nghệ là một trong những yêu cầu quan trọng nhất của cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời gian sắp đến sau sắp xếp. Đây là yêu cầu tiên quyết khi thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy quản lý giáo dục và chuyển sang mô hình quản trị giáo dục theo hướng tinh gọn và hiện đại; giúp giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch, nâng cao hiệu quả ra quyết định và tăng trách nhiệm giải trình của người đứng đầu hệ thống giáo dục các cấp, bao gồm hiệu trưởng và các thành viên ban giám hiệu. Đây cũng là yêu cầu thiết yếu để tổ chức thực hiện việc xây dựng nền hành chính công trong giáo dục theo hướng số hóa, minh bạch với mục tiêu là phục vụ người học và phục vụ đất nước.

Đối với vùng sâu, vùng xa, việc tổ chức lại các điểm trường lẻ để hình thành trường nội trú, bán trú được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện học tập tốt hơn cho học sinh. Cần có những chính sách để bảo đảm học sinh ở khu vực khó khăn không bị ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận giáo dục và phát triển toàn diện

Khi thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các điểm trường thì tư tưởng chủ đạo là không để bất kỳ trẻ em nào bị mất cơ hội học tập vì việc sắp xếp mạng lưới trường học. Do vậy, việc giải thể các điểm trường lẻ chỉ nên được thực hiện khi trường chính hoặc trường nội trú, bán trú đã được chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, ký túc xá, điều kiện dinh dưỡng của

các bữa ăn bán trú hoặc nội trú, y tế học đường, tư vấn tâm lý, kết nối giao thông thuận lợi và điều kiện sinh hoạt phù hợp.

Đối với trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cần có các chính sách hỗ trợ riêng về học bổng, phương tiện đi lại, thiết bị học tập số và giáo viên tư vấn về kỹ năng và hỗ trợ tâm lý.

Bên cạnh đó cần phải có chính sách đặc thù cho đối tượng là học sinh yếu thế với các quan điểm chủ đạo dựa trên nguyên tắc quyền tiếp cận giáo dục không chỉ là học sinh có một chỗ học thuận tiện sau sắp xếp hạt sát nhập, mà còn là quyền được tiếp cận giáo viên giỏi, chương trình giáo dục chất lượng, công nghệ giáo dục hiện đại và môi trường học tập an toàn, nhân văn.

Để cho học sinh phát triển một cách toàn diện trong môi trường giáo dục các cấp, song song với việc đầu tư cơ sở hạ tầng và đội ngũ nhà giáo, giáo dục trong nhà trường cần phải dựa trên các chính sách hiện nay về phát triển con người và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa vùng miền và các dân tộc thiểu số. Nhà trường không chỉ truyền đạt tri thức mà còn nuôi dưỡng cho học sinh phát triển toàn diện với một thể chất tốt, một nhân cách đẹp, lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm với cộng đồng và khát vọng cống hiến khi trưởng thành.

Khuyến nghị để việc sắp xếp mạng lưới trường học trở thành động lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia trong giai đoạn tới, thay vì chỉ dừng lại ở mục tiêu tinh gọn bộ máy

Cần chuyển từ tư duy sắp xếp trường học sang tư duy kiến tạo hệ sinh thái giáo dục quốc gia tiên tiến và hiện đại, tạo sự cải cách mạnh mẽ theo các định hướng sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện mô hình quản trị giáo dục đồng bộ với chính quyền địa phương hai cấp; phân cấp mạnh nhưng đi đôi với phân quyền rõ ràng, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực của người đứng đầu là hiệu trưởng và các thành viên ban giám hiệu.

Thứ hai, xây dựng nền hành chính số trong giáo dục. Mọi hoạt động quản lý, điều hành, kiểm định và đánh giá phải dựa trên dữ liệu số thống nhất toàn quốc; giảm tối đa hồ sơ giấy, giảm thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Thứ ba, đẩy mạnh tự chủ cơ sở giáo dục gắn với trách nhiệm giải trình. Trường học cần được trao quyền nhiều hơn về chuyên môn, tổ chức bộ máy và sử dụng nguồn lực, nhưng phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước và xã hội về chất lượng dạy và học, hiệu quả đầu tư và kết quả phát triển người học là học sinh.

Thứ tư, chuẩn hóa nguồn nhân lực giáo dục, từ giáo viên, hiệu trưởng đến cán bộ quản lý, theo chuẩn nghề nghiệp mới, có năng lực số, tư duy đổi mới và khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ thứ hai là tiếng Anh trong hội nhập quốc tế; mỗi nhà giáo trở thành động lực đổi mới trong quản trị giáo dục, mỗi quyết định quản trị đều dựa trên dữ liệu, khoa học và lợi ích của người học.

Thứ năm, bảo đảm mọi học sinh đều có quyền tiếp cận giáo dục chất lượng, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Đây không chỉ là yêu cầu về công bằng xã hội mà còn là đầu tư cho phát triển bền vững của quốc gia.

Thứ sáu, xây dựng nền giáo dục phát triển con người toàn diện. Giáo dục không chỉ đào tạo học sinh trở thành nguồn nhân lực tương lai mà còn hình thành nhân cách, đạo đức, năng lực sáng tạo, tinh thần dân tộc, bản sắc văn hóa Việt Nam và năng lực công dân toàn cầu của mỗi người học là học sinh.

BÀI THAM LUẬN 11: **RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ PHỤNG SỰ TỔ QUỐC** **VÀ PHỤC VỤ NHÂN DÂN Ở TẦM CAO MỚI**

RỐI LOẠN GIẤC NGỦ - HIỂM HỌA SỨC KHỎE THẦM LẶNG

Rối loạn giấc ngủ rất thường gặp ở trẻ em, người lớn và người cao tuổi, làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất và khả năng học tập ở trẻ em, giảm chất lượng công việc và sức khỏe ở người lớn, rút ngắn tuổi thọ, gây ra các biến chứng tim mạch, chuyển hóa, thần kinh và nguy cơ đột quỵ. Tại Việt Nam, có hơn một triệu trẻ em và bốn triệu người lớn bị ngủ ngáy và ngưng thở khi ngủ, hơn mười triệu người trưởng thành bị mất ngủ. Thế nhưng, đây lại là vấn đề sức khỏe chưa được cộng đồng quan tâm vì những tai biến và biến chứng của ngủ ngáy và ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ, mất ngủ diễn tiến âm thầm qua nhiều năm.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ - Chủ tịch Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam, tặng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cuốn Cẩm nang 7.000 câu Hỏi – Đáp về giấc ngủ, nhân dịp Thủ tướng Chính phủ gặp mặt Đại diện các nhà khoa học tiêu biểu lĩnh vực y tế và giám đốc các bệnh viện trung ương, kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (Hà Nội, ngày 24/02/2026).

Trẻ em bị ngủ ngáy và ngưng thở khi ngủ thường là do trẻ bị amidan to gây chèn ép, làm tắc nghẽn vùng hầu họng khi ngủ, hoặc do tình trạng trẻ bị thừa cân béo phì làm hẹp đường thở khi ngủ, đặc biệt là khi nằm ngửa. Trẻ bị ngủ ngáy và ngưng thở do tắc nghẽn khi ngủ (OSA: Obstructive Sleep Apnea) kéo dài có thể bị tăng động - giảm chú ý và giảm khả năng học tập. Người lớn bị OSA thường do thừa cân - béo phì, vòng cổ lớn, hoặc do tuổi cao làm cho trương lực cơ vùng hầu họng yếu dễ gây xẹp đường thở khi ngủ. Người bị OSA lâu ngày có thể bị tiểu đường, tăng huyết áp, xơ vữa mạch máu, gan nhiễm mỡ, sa sút trí tuệ và đột quỵ.

Nguy cơ đột quỵ rất cao ở những người bị OSA nặng với chỉ số ngưng thở - giảm thở (AHI: Apnea – Hypopnea Index) trên 30 lần trong một giờ ở người lớn (trẻ em là trên 10 lần); nhất là ở những người bị tăng huyết áp, xơ vữa mạch máu, đái tháo đường, béo phì. Do vậy việc tầm soát OSA bằng cách đo đa ký hô hấp khi ngủ hoặc đa ký giấc ngủ ở những người có nguy cơ là rất cần thiết. Trong năm 2024 – 2025, Hội Y học Giác ngủ Việt Nam (VSSM) đã tầm soát OSA cho những bệnh nhân có bệnh tim mạch, đái tháo đường, béo phì, tại một số bệnh viện trong cả nước và đo đa ký hô hấp khi ngủ miễn phí cho gần 500 bệnh nhân. Kết quả cho thấy tần suất OSA rất cao ở những bệnh này, với hơn 75% bệnh nhân bị OSA; làm tăng nguy cơ bị tai biến, biến chứng và tử vong cho người bệnh nếu không điều trị kịp thời. Việc điều trị OSA ở trẻ em chủ yếu là cắt amidan và nạo VA; ở người lớn thường là phải giảm cân, ngủ tư thế nghiêng, thở máy áp lực dương khi ngủ (CPAP: Continuous Positive Airway Pressure).

Ở những người bị mất ngủ hay thiếu ngủ, nguy cơ bị các bệnh tim mạch, chuyển hóa, béo phì, rối loạn lo âu, thậm chí đột quỵ vẫn có thể xảy ra. Mất ngủ hay thiếu ngủ ở trẻ phần lớn là do thói quen đi ngủ trễ, xem tivi, sử dụng điện thoại - máy tính buổi tối. Người trưởng thành bị mất ngủ thường là do vệ sinh giấc ngủ chưa tốt, như là dùng trà – cà phê trước khi ngủ, làm việc thường xuyên trên máy tính ban đêm, vận động quá mức vào buổi tối, xem ti vi kéo dài về đêm.

Việc điều trị mất ngủ thường là hướng dẫn vệ sinh giấc, thay đổi nhận thức và hành vi (CBT-I: Cognitive Behaviour Therapy for Insomnia), chế độ dinh dưỡng giàu melatonin và tryptophan (chuối, sữa, trứng, cá, thịt gà), tiếp xúc với ánh sáng buổi sáng (trước 10g sáng) và hạn chế ánh sáng mạnh vào buổi chiều (sau 16g chiều), chỉ vào giường khi buồn ngủ, thực hiện thư giãn tâm trí trước khi ngủ. Bên cạnh đó, có thể sử dụng các biện pháp điều trị mất ngủ theo y học cổ truyền, oxy cao áp; các thuốc hướng thần, hoặc thuốc chống trầm cảm, lo âu chỉ được sử dụng trong những trường hợp có những biểu hiện tâm thần kinh đi kèm và được chỉ định bởi các bác sĩ chuyên ngành hoặc các bác sĩ đa khoa – chuyên khoa khác đã được Hội Y học Giác ngủ Việt Nam đào tạo và cấp chứng chỉ (mã ngành đào tạo B86; Cục KHCN & Đào tạo – Bộ Y tế).

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA Y HỌC GIÁC NGỦ VIỆT NAM

Trong thời gian qua, ngay sau khi được thành lập vào ngày 10/12/2019 và cho đến nay, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ - Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ (YHGN) Việt Nam, cùng với các chuyên gia của Hội đã đào tạo cấp chứng chỉ cho hơn 600 cán bộ y tế Việt Nam về kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ (6 tuần), chẩn đoán và điều trị ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ - OSA (30 chuyên đề; 3 tháng), chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ ngoài OSA (37 chuyên đề; 3 tháng), chẩn đoán và điều trị rối loạn giấc ngủ ở trẻ em (60 chuyên đề; 3 tháng).

GS.TSKH.Dương Quý Sỹ cùng với các đồng nghiệp Hội YHGN Việt Nam đã chủ trì thực hiện rất nhiều nghiên cứu đa trung tâm về y học giấc ngủ tại Việt Nam và kết quả đã được báo cáo tại các hội nghị giấc ngủ khu vực và thế giới: Nghiên cứu tần suất OSA ở người trưởng thành Việt Nam; Nghiên cứu rối loạn giấc ngủ của cán bộ y tế trong chống dịch Covid-19; Nghiên cứu quốc gia tần suất OSA trong cán bộ y tế sau Covid-19; Nghiên cứu quốc gia tần suất mất ngủ và ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ y tế; Nghiên cứu đa trung tâm tần suất OSA ở người bị tim mạch, tiểu đường và béo phì. Kết quả những nghiên cứu này là cơ sở giúp Hội YHGN Việt Nam tham mưu cho Bộ Y tế xây dựng các chiến lược chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho nhân dân theo tinh thần các nghị quyết trung ương và triển khai đào tạo y học giấc ngủ tại các trường sức khỏe trong cả nước.



*Hội nghị thường niên Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam với hơn 500 đại biểu tham dự.
(Lâm Đồng, tháng 6/2025)*

GS.TSKH.Dương Quý Sỹ đã cùng với các chuyên gia của Hội YHGN Việt Nam thực hiện nhiều phát minh sáng chế, sở hữu trí tuệ các sản phẩm khoa học công nghệ giúp phát hiện sớm, chăm sóc và cải thiện các rối loạn giấc ngủ cho cộng đồng như là: Camera thông minh giúp phát hiện buồn ngủ sớm ở tài xế; App chăm sóc sức khỏe giấc ngủ miễn phí cho cộng đồng (SleepCare VSSM); Quy trình sáng chế nhạc Binaural Beat cải thiện giấc ngủ; Tai nghe nhạc thông minh giúp đánh giá chất lượng giấc ngủ; Đề án sáng chế máy thở CPAP thông minh và chi phí thấp tại Việt Nam. Cho đến nay GS.TSKH.Dương Quý Sỹ đã và đang hướng dẫn cho hơn 10 nghiên cứu sinh về chủ đề bệnh lý giấc ngủ ở trẻ em và người lớn.

Nhằm lan tỏa những chiến lược và giải pháp chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho khu vực và trên toàn thế giới, ngay từ đầu năm 2026, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ đã là người sáng lập và cùng với Chủ tịch Hiệp hội Giấc ngủ Thế giới (WSS), Viện trưởng Viện Sức khỏe Tâm thần và Giấc ngủ Stanford – Hoa Kỳ, các chuyên gia y học giấc ngủ Đại học Penn State, Đại học Paris Saclay, chủ tịch các hiệp hội y học giấc ngủ khu vực, các nước pháp ngữ và các quốc gia trên toàn cầu, thành lập “Khởi xướng Toàn cầu Chăm sóc Bệnh Ngưng thở Tắc nghẽn Khi ngủ - GIFOSA” và “Khởi xướng Toàn cầu Chăm sóc Bệnh Mất ngủ - GIFIN”, nhằm có chiến lược chăm sóc phù hợp cho gần một tỷ người bị OSA và hơn ba tỷ người bị rối loạn mất ngủ trên toàn cầu, đặc biệt là chính sách chia sẻ nguồn lực chuyên môn trong chẩn đoán - điều trị và dự phòng các bệnh lý này cho các nước có nguồn lực thấp.

RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CAO HƠN





GS.TSKH.Dương Quý Sỹ trong thời gian làm bác sĩ nội trú tại các bệnh viện Bordeaux, Paris và giảng viên Đại học Y khoa Paris Descartes.

Trong suốt hành trình cuộc đời gắn bó với y tế và giáo dục nước nhà, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ luôn đặt mục tiêu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là lý tưởng cao nhất, gắn liền với tình yêu quê hương đất nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Là bác sĩ đang công tác tại một trường y tế nhỏ bé tại quê nhà (giai đoạn 1993-2003) và sau đó với hơn 10 năm sang Pháp làm bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa lâm sàng tại một bệnh viện lớn nhất nhì Paris (Bệnh viện Cochin), giảng viên Đại học Paris Cité – Viện Sorbonne, tốt nghiệp xuất sắc tiến sĩ khoa học tại Đại học Paris Est, nhưng vì mong muốn đóng góp cho sự nghiệp y tế và giáo dục nước nhà nên đã quay trở về phục vụ tại địa phương Lâm Đồng kể từ năm 2014 với vai trò Bí thư Đảng bộ - Hiệu trưởng trong suốt hai nhiệm kỳ; giúp phát triển Trường Cao đẳng y tế Lâm Đồng từ một đơn vị có xuất phát điểm thấp nhất trong các trường trở thành trường nhóm hàng đầu và được vinh danh “Top 100 Trường học tiêu biểu châu Á theo tiêu chí UNESCO”, đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước vào tháng 2/2024.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ được phong hàm Giáo sư chính thức Đại học Y khoa Penn State (2016 - 2030).

Đặc biệt trong giai đoạn đại dịch Covid-19, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ đã tình nguyện vào tỉnh Bình Dương (tên gọi trước đây) trong 6 tháng chống dịch và phụ trách chuyên môn tại Khoa Hồi sức bệnh nhân Covid-10 (Bệnh viện Covid-19 Phú Chánh), trực tiếp khám chữa bệnh, hội chẩn chuyên môn, triển khai và áp dụng các phương pháp điều trị mới giúp làm giảm tỷ lệ tử vong cho bệnh nhân Covid-19 nguy kịch.

Sau giai đoạn đại dịch Covid-19, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ vẫn tiếp tục hỗ trợ khám chuyên gia về y học giấc ngủ và hô hấp cho các vùng miền trong cả nước, từ Tp HCM, đến Đà Nẵng, Ninh Bình, Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Nội và Lâm Đồng; dùng kinh phí khám chữa bệnh để mua tặng hơn 14 máy đo đa ký giấc ngủ, máy đo đa ký hô hấp, và nhiều thiết bị chuyên dùng để tặng cho gần 20 bệnh viện trong cả nước, giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ cho người bệnh hiệu quả hơn.

Với hơn 10 năm quay về lại phục vụ cho địa phương, cho đất nước, chấp nhận xa vợ con đang sống và làm việc tại Pháp, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ luôn trung thành với mục tiêu & lý tưởng của mình, chấp nhận mọi khó khăn trong mọi môi trường làm việc, không quan tâm đến chế độ chính sách cho cá nhân, nhận bậc lương thấp nhất trong thang bậc giảng viên (giáo viên hạng 3), mặc dù đã nhận học hàm phó giáo (Hội đồng Chức danh GS-PGS Việt Nam) từ năm 2013) và giáo sư (Đại học Penn State – Mỹ) từ năm 2016.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ nhận giải thưởng đảng viên tiêu biểu trong phòng chống dịch Covid-19 và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tiêu biểu của Bộ Lao động & TBXH (Hà Nội, 2022).

Tuy nhiên, nhìn lại chặng đường hơn 30 năm đóng góp cho sự nghiệp y tế và giáo dục nước nhà luôn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ khẳng định đã luôn tự hào trong đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước, luôn vững tin vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, luôn phấn đấu vươn lên trong chuyên môn nghiệp vụ, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm giàu hành trang tri thức với hơn 200 công bố quốc tế, 8 bằng phát minh sáng chế, các giải thưởng vì cộng đồng, huân chương lao động hạng cao, thư cảm ơn của Thủ tướng Chính phủ (ngày 01/01/2022), 2 nhiệm kỳ bí thư đảng bộ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vai trò khoa học lãnh đạo các hiệp hội chuyên ngành khu vực và thế giới; quyết tâm sẽ tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp y tế - giáo dục nước nhà trong kỷ nguyên mới, góp phần vào thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV./.



BÀI THAM LUẬN 12: **ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ CHẤT LƯỢNG CAO TRONG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA VIỆT NAM” - GIẢI PHÁP THEN CHỐT TẠO SỰ ĐỘT PHÁ TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN**

1. Bối cảnh và yêu cầu chiến lược

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, Đảng ta vừa mới ban hành hai Nghị quyết Trung ương có ý nghĩa đặc biệt đối với ngành y tế: Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá trong giáo dục – đào tạo và Nghị quyết 72-NQ/TW về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đây là hai trụ cột chiến lược, tạo hành lang chính sách để đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, giúp nâng tầm đội ngũ thầy thuốc, chuyên gia và cán bộ y tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng (Nghị quyết 59-NQ/TW), chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức (Nghị quyết 57-NQ/TW); định hướng và tạo sự đồng bộ cho các dự thảo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Luật Phòng bệnh và các Luật có liên quan đang được Quốc hội xem xét và thông qua.

Nghị quyết 71-NQ/TW được xem như là nền tảng tư tưởng chỉ đạo trong phát triển nhân lực trình độ cao, tạo nguồn nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chuẩn năng lực quốc tế, xem nguồn nhân lực chất lượng cao là “động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của quốc gia”. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW cũng nhấn mạnh đến sự tạo đột phá trong đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, chuẩn hóa năng lực, nâng cao ý thức và cải thiện chế độ đãi ngộ, nhất là ở tuyến cơ sở, tạo điều kiện và môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ y tế tại các tuyến; phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, công bằng, chất lượng và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Kết tinh tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW và 72-NQ/TW, hệ thống y tế Việt Nam cần một chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng đồng bộ, tiên tiến và hiện đại, tiệm cận với mô hình đào tạo nguồn nhân lực y tế các nước tiên tiến, gắn liền với nhu cầu nguồn nhân lực quốc gia, phù hợp mô hình hệ thống chăm sóc sức khỏe 2 cấp sau cải cách hành chính.

2. Thực trạng nguồn nhân lực y tế hiện nay

2.1. Sự thiếu hụt và phân bố không đồng đều

Trong thời gian qua, hệ thống y tế Việt Nam đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng một mạng lưới y tế trải đều các vùng miền đất nước, bảo đảm nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên thực tế hiện nay cho thấy, thực trạng phân bố nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực chuyên môn của nguồn nhân lực y tế vẫn còn có những vấn đề chiến lược cần được giải quyết một cách triệt để để tạo sự đột phá trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo tinh thần các Nghị quyết TW.

Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế chất lượng cao tại tuyến cơ sở diễn ra phổ biến, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa – nơi đảm nhiệm phần lớn gánh nặng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Trong khi đó, nguồn nhân lực y tế chất lượng cao như là bác sĩ chuyên khoa (CK1, CK2), điều dưỡng – kỹ thuật viên có chuyên môn cao lại tập trung chủ yếu ở các bệnh viện tuyến trung ương và các bệnh viện đa khoa tỉnh – thành phố; dẫn đến thiếu nguồn bệnh tuyến dưới nhưng lại quá tải tuyến trên, làm giảm hiệu quả phân tầng điều trị và

gia tăng chi phí y tế cho hệ thống bảo hiểm và chi phí chăm sóc gián tiếp cho người bệnh và người nhà.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch đáng kể về chuẩn năng lực chuyên môn của các bác sĩ giữa các vùng miền, giữa khu vực công và tư, cùng với điều kiện đào tạo và chuẩn năng lực nghề nghiệp không đồng đều trong hệ thống các trường đào tạo y tế, đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng khám chữa bệnh và hạn chế khả năng hội nhập chuyên môn quốc gia và quốc tế của đội ngũ nhân lực y tế. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp bách phải tái cấu trúc, chuẩn hóa và cân đối nguồn nhân lực y tế trên phạm vi toàn quốc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống y tế trong giai đoạn mới.

2.2. Yêu cầu mới từ chuyển đổi mô hình hành chính

Việc tinh gọn hệ thống hành chính với 34 tỉnh – thành phố và triển khai thực hiện chính quyền hai cấp trong thời gian vừa qua, một bước cải cách có tính cấu trúc sâu rộng, đã tạo ra những áp lực mới và trực tiếp lên toàn bộ hệ thống y tế. Sự thay đổi này đòi hỏi phải phân tuyến lại nguồn lực theo quy mô tỉnh mới, đồng thời tái phân bổ nhiệm vụ chuyên môn giữa các tuyến nhằm bảo đảm tính liên tục, thống nhất và hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hệ thống y tế buộc phải thích ứng nhanh với mô hình quản trị mới, trong đó yêu cầu quan trọng nhất là chuẩn hóa và đồng bộ hóa nguồn nhân lực y tế chất lượng cao để bảo đảm khả năng phối hợp liên vùng và liên tuyến. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính đồng nghĩa với việc phải xây dựng lại cơ chế điều hành, cơ chế giám sát và phương án tổ chức mạng lưới chăm sóc sức khỏe theo mô hình hai cấp (tỉnh và cơ sở), trong đó năng lực của đội ngũ nhân lực y tế đóng vai trò quyết định. Đây là thách thức lớn, nhưng cũng là cơ hội để tái cấu trúc hệ thống y tế theo hướng tinh gọn, hiện đại và hiệu quả hơn, phù hợp định hướng chiến lược của các Nghị quyết TW.

2.3. Chất lượng đào tạo y khoa còn nhiều bất cập

Bên cạnh những nỗ lực đổi mới trong thời gian qua, chất lượng đào tạo y khoa vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực của đội ngũ nhân lực y tế chất lượng cao trong giai đoạn mới. Trước hết, đội ngũ giảng viên lâm sàng còn thiếu về số lượng và chưa đồng đều về trình độ, đặc biệt là thiếu giảng viên có năng lực chuyên sâu, khả năng giảng dạy lâm sàng theo chuẩn quốc tế và năng lực nghiên cứu khoa học. Điều này dẫn đến việc truyền thụ kỹ năng lâm sàng cho sinh viên chưa đạt chất lượng mong đợi. Bên cạnh đó, các bệnh viện – đặc biệt là tuyến trung ương – luôn trong tình trạng quá tải bệnh nhân, sinh viên y khoa đông, khiến khả năng tổ chức thực hành lâm sàng cho sinh viên của các trường nhóm ngành sức khỏe bị hạn chế. Sinh viên không có đủ thời gian tiếp cận bệnh nhân, không được thực hành đầy đủ và bài bản, làm giảm năng lực nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

Một bất cập lớn khác là chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra chưa được thống nhất trên phạm vi toàn quốc, mỗi cơ sở đào tạo áp dụng bộ tiêu chuẩn riêng, dẫn đến chất lượng đào tạo không đồng đều và khó xây dựng khung năng lực quốc gia. Đồng thời, một số hình thức đào tạo chưa tương thích với khung trình độ quốc gia 8 bậc, gây khó khăn cho việc liên thông, công nhận văn bằng và kiểm định chất lượng. Bên cạnh đó, các sinh viên y khoa sau khi tốt nghiệp cần phải thực hành khám bệnh, chữa bệnh trở lại (không lương) 12 tháng tại các bệnh viện theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP, để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; đây là mô hình không còn thấy tại các nước đào tạo y khoa tiên tiến. Theo chương trình của Bộ Y tế, trong thời gian sắp đến (01/01/2027), việc triển khai kỳ thi quốc gia bắt buộc đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh là bắt buộc.

2.4. Chế độ đãi ngộ nguồn nhân lực y tế chất lượng cao chưa thỏa đáng

Một trong những nguyên nhân cốt lõi dẫn đến tình trạng thiếu hụt và dịch chuyển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao từ tuyến cơ sở về trung ương, từ hệ thống công lập sang tư nhân chính là do thiếu chế độ đãi ngộ và chính sách thu hút. Bác sĩ hành nghề y vốn đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, thời gian đào tạo kéo dài, áp lực công việc nặng nề và thường xuyên đối diện các rủi ro nghề nghiệp. Tuy nhiên, thu nhập hiện tại của đội ngũ thầy thuốc chưa tương xứng với yêu cầu, trách nhiệm và mức độ cống hiến trong chăm sóc người bệnh. Do vậy nhiều bác sĩ, đặc biệt là những người có trình độ chuyên môn cao, không đủ động lực gắn bó lâu dài với hệ thống y tế công lập.

3. Định hướng cải cách chiến lược về đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao

3.1. Xây dựng khung năng lực quốc gia về y khoa thống nhất toàn hệ thống

Việc xây dựng khung năng lực quốc gia về y khoa là nhiệm vụ trọng tâm và có ý nghĩa nền tảng trong tiến trình đổi mới đào tạo nhân lực y tế theo tinh thần Nghị quyết 71 và 72-NQ/TW. Khung năng lực cần phải được thiết kế một cách khoa học, toàn diện và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm tạo ra hệ chuẩn chung cho toàn bộ hệ thống đào tạo – đánh giá – hành nghề y khoa của Việt Nam. Trên cơ sở đó, mọi cơ sở đào tạo nhân lực y tế, cơ quan quản lý và cơ sở y tế có thể vận hành thống nhất, liên thông, đồng bộ nguồn nhân lực y tế, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao.

Khung năng lực này phải đóng vai trò làm nền tảng chuẩn hóa toàn hệ thống, là cơ sở cho tất cả các khâu chủ chốt trong đào tạo và hành nghề, bao gồm: 1) tuyển sinh đầu vào một chuẩn thống nhất trên cả nước giúp bảo đảm tuyển chọn người học có phẩm chất, năng lực và động cơ nghề nghiệp tốt nhất với ngành y tế; 2) đánh giá đầu ra theo tiêu chí thống nhất để công nhận năng lực nghề nghiệp trước khi ra trường; 3) thi cấp chứng chỉ hành nghề bảo đảm mọi nhân lực y tế khi hành nghề đều đạt chuẩn năng lực quốc gia.

Việc xây dựng khung năng lực quốc gia không chỉ góp phần chuẩn hóa chất lượng nhân lực y tế, mà còn mở đường cho hội nhập khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của nhân lực y tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh tri thức sức khỏe ngày càng mạnh mẽ. Đây cũng là nền tảng quan trọng để thực hiện các kỳ thi năng lực quốc gia và các mô hình đào tạo hiện đại của các nước châu Âu và tiêu biểu nhất là Cộng hòa Pháp, qua đó tạo ra đội ngũ thầy thuốc tinh hoa, chuyên nghiệp và nòng cốt cho hệ thống y tế trong nhiều thập kỷ tới.

3.2. Đổi mới mô hình đào tạo bác sĩ y khoa theo hướng chất lượng cao và hội nhập

Đổi mới mô hình đào tạo y khoa là một yêu cầu cấp thiết và mang tính chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế chất lượng cao trong giai đoạn mới. Theo tinh thần Nghị quyết 71 và 72-NQ/TW, đào tạo y khoa không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, mà phải hướng đến hình thành đội ngũ thầy thuốc có tư duy hiện đại, năng lực chuyên sâu, phẩm chất nhân văn và khả năng hội nhập quốc tế. Trên cơ sở kinh nghiệm của các quốc gia có nền giáo dục y khoa phát triển và tương đồng với Việt Nam, đặc biệt là mô hình đào tạo bác sĩ của Cộng hòa Pháp (gọi tắt là Pháp) hiện nay có thể là hình mẫu trong đổi mới đào tạo bác sĩ tại Việt Nam, nhằm tạo sự đột phá trong nguồn nhân lực y tế chất lượng cao và hội nhập quốc tế.

3.2.1. Mô hình học 6 năm và thi bác sĩ nội trú quốc của Pháp

Một trong những định hướng cải cách quan trọng là xây dựng mô hình 6 năm đào tạo cơ bản kết hợp thi tuyển chương trình bác sĩ nội trú (BSNT) quốc gia, được xem như là chuẩn mực của nhiều nước có nền y học tiên tiến. Tại Pháp, với truyền thống của một nền giáo dục y khoa lâu đời và là quốc gia đã đặt nền tảng xây dựng cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế đầu tiên tại Việt Nam là Đại học Y Hà Nội vào năm 1902, do Bác sĩ Alexandre Yersin làm

Hiệu trưởng. Do vậy mô hình đào tạo bác sĩ, bác sĩ nội trú của Việt Nam hầu như là tương đồng với chương trình đào tạo y khoa của Pháp.

Tại Pháp, các ứng viên sau tốt nghiệp trung học thi đầu vào học bác sĩ theo một đề thi và ngày thi thống nhất trên toàn quốc. Thi đầu học 6 năm và khi ra trường một số là bác sĩ đa khoa hành nghề bác sĩ tại các phòng khám tư như bác sĩ gia đình; đa số thi vào chương trình BSNT quốc gia; dựa vào kết quả xếp hạng thi đầu BSNT để chọn chuyên khoa với thời gian làm BSNT các bệnh viện trên cả nước Pháp là 3-4 năm tùy chuyên khoa. Tuy nhiên trong khoảng 5 năm qua, tất cả các sinh viên y khoa sau học 6 năm đều phải thi vào BSNT và tiếp tục thực hành khám chữa bệnh, trực bệnh viện, tại các bệnh viện. Do vậy trong năm 2024 toàn nước Pháp có hơn tám nghìn sinh viên sau học 6 năm thi và làm BSNT, năm 2025 là gần 10 nghìn BSNT; BSNT được trả lương trong suốt thời gian đào tạo và thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện toàn nước Pháp.

Hiện nay, do tình trạng thiếu hụt bác sĩ ở những vùng xa thành phố, chính phủ Pháp thực hiện chính sách phân công các bác sĩ sau khi tốt nghiệp BSNT về những nơi thiếu hụt bác sĩ. Do vậy, nguồn nhân lực bác sĩ tại Pháp đều có chuẩn năng lực đầu vào và chuẩn năng lực đầu ra tương đồng sau khi hoàn thành chương trình BSNT các bệnh viện và ra làm việc tại các cơ sở y tế công lập hay tư nhân. Tại Pháp sau đại học hiện nay chỉ có bằng thạc sĩ và tiến sĩ cho lĩnh vực nghiên cứu hàn lâm và bằng chuyên khoa cho các ngành chuyên sâu cho những bác sĩ muốn học thêm chuyên khoa khác; tại Pháp không có bằng bác sĩ chuyên khoa 1 hoặc chuyên khoa 2 như tại Việt Nam. Hàng năm các bệnh viện và trường đại học y khoa tại Pháp vẫn nhận 150 – 200 bác sĩ Việt Nam sang Pháp làm chức năng BSNT trong 1-2 năm (240 bác sĩ trong năm 2025).

3.2.2. Mô hình đào tạo bác sĩ y khoa theo hướng một chuẩn chất lượng thống nhất cho Việt Nam

Việc thực hiện chương trình đào tạo y khoa vẫn tiếp tục duy trì như hiện nay, tuy nhiên cần phải thực hiện việc thi đầu vào theo một chuẩn thống nhất trên toàn quốc. Sau khi kết thúc 6 năm học, tất cả sinh viên phải tham dự kỳ thi BSNT quốc gia; kết quả xếp hạng của kỳ thi sẽ là căn cứ để phân ngành và lựa chọn các thí sinh vào chương trình BSNT quốc gia, một cơ chế tuyển chọn khách quan, minh bạch, bảo đảm phân luồng nhân lực theo năng lực thực chất và phù hợp với nhu cầu của hệ thống y tế. Trong quá trình đào tạo nội trú, Nhà nước giữ vai trò then chốt thông qua việc hỗ trợ học phí, chi trả lương và thực hiện phân công nhiệm sở sau tốt nghiệp theo quy hoạch nhân lực quốc gia, giúp bác sĩ nội trú toàn tâm học tập và phát triển chuyên môn.

Sau khi hoàn thành chương trình học và thực hành bệnh viện, BSNT được cấp Bằng Bác sĩ Nội trú và có Giấy phép hành nghề khám chữa bệnh. Có như vậy, bằng BSNT thể hiện trình độ cao nhất trong đào tạo lâm sàng y khoa và được xem như là nguồn nhân lực chất lượng cao của hệ thống y tế. Mô hình này không chỉ tạo dựng đội ngũ thầy thuốc tinh hoa, đạt chuẩn quốc gia và hội nhập quốc tế, mà còn khắc phục sự chênh lệch về chất lượng đào tạo giữa các cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của hệ thống y tế Việt Nam và theo tinh thần của Nghị quyết 72-NQ/TW: “mọi người dân đều có thể tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao, được cung cấp bởi nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm tạo sự bình đẳng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân”. Như vậy sẽ tránh được tình trạng số lượng BSNT hiện nay mỗi năm chỉ rất ít, học phải đóng tiền và làm việc không lương; khi học xong chỉ tập trung ở tuyến trung ương và quá trình thực hành bệnh viện chỉ tập trung tại các bệnh viện lớn, khả năng lâm sàng phụ thuộc nhiều vào các phương tiện cận lâm sàng hiện đại.

3.2.3. Gắn đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao với mô hình hệ thống y tế của chính quyền 2 cấp

Việc tái cấu trúc hệ thống hành chính từ 63 đơn vị hành chính xuống còn 34 đơn vị và thực hiện chính quyền 2 cấp đòi hỏi yêu cầu cấp thiết phải tổ chức lại mạng lưới y tế theo mô hình chính quyền 2 cấp – tuyến cơ sở và tuyến chuyên sâu. Để mô hình này vận hành hiệu quả, công tác đào tạo nhân lực y tế cần được thiết kế đồng bộ, gắn chặt với chức năng – nhiệm vụ của từng tuyến, bảo đảm sự phân tầng hợp lý, đội ngũ nhân lực y tế chất lượng cao phải được phủ đều trong hệ thống, liên thông và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tại tuyến cơ sở, mục tiêu trọng tâm là hình thành đội ngũ thầy thuốc có năng lực toàn diện trong chăm sóc sức khỏe ban đầu. Do đó, cần tăng cường đào tạo BSNT chuyên ngành Y học gia đình, làm nòng cốt trong quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng, điều trị liên tục – dài hạn cho người bệnh và đóng vai trò “chiến sĩ áo trắng tuyến đầu” của hệ thống y tế. Đồng thời, chương trình đào tạo phải chú trọng năng lực quản lý bệnh mạn tính như tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn giấc ngủ – những bệnh chiếm tỷ lệ cao trong cộng đồng. Tuyến cơ sở cũng cần được trang bị đội ngũ có khả năng thực hiện cấp cứu và hồi sức ban đầu từ nguồn BSNT được phân bổ, bảo đảm người dân tiếp cận can thiệp sớm, giảm nguy cơ tử vong và rút ngắn thời gian chuyển tuyến.

Tại tuyến chuyên sâu, nhiệm vụ đào tạo tập trung vào việc phát triển đội ngũ BSNT chuyên sâu theo các chuyên ngành mũi nhọn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật cao của các bệnh viện tuyến cuối. Đây là nơi triển khai những kỹ thuật hiện đại như nội soi chẩn đoán – can thiệp, phẫu thuật ghép tạng, điều trị ung thư theo cơ chế sinh học phân tử, hồi sức cấp cứu tiên tiến và các kỹ thuật cao trong chẩn đoán hình ảnh hay tim mạch – hô hấp. Đào tạo tại tuyến chuyên sâu phải hướng đến việc tạo dựng đội ngũ thầy thuốc có trình độ chuyên môn vượt trội, làm chủ công nghệ cao, có khả năng nghiên cứu khoa học và dẫn dắt chuyên môn cho toàn hệ thống.

Việc gắn đào tạo nhân lực chất lượng cao thông qua đội ngũ BSNT quốc gia với mô hình hệ thống y tế 2 cấp không chỉ giúp phân bổ hợp lý nguồn lực mà còn tạo ra chuỗi cung ứng nhân lực y tế có cấu trúc “hiện đại và bền vững – bình đẳng và nhân văn – an toàn và hiệu quả”, bảo đảm tính liên thông dọc giữa cơ sở và chuyên sâu. Đây là một trong những định hướng mang tính chiến lược, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe toàn dân và củng cố nền tảng hệ thống y tế Việt Nam trong giai đoạn mới, vì **“một nước Việt Nam khỏe mạnh”** theo quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm.

4. Kết luận

Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao thông qua đào tạo không chỉ là yêu cầu cá biệt riêng của ngành y tế, mà là đòi hỏi mang tính chiến lược đối với cả hệ thống chính trị, góp phần vào sự trường tồn, thịnh vượng và vị thế của quốc gia. Đầu tư cho nhân lực y tế chính là đầu tư cho tương lai dân tộc, bảo đảm sức khỏe nhân dân, tăng cường nội lực quốc gia, và khẳng định vai trò của Việt Nam trong khu vực cũng như trên trường quốc tế trong chăm sóc sức khỏe. Trong bối cảnh mới hiện nay - với những thay đổi lớn về mô hình quản trị, cơ cấu dân số, gánh nặng bệnh tật và xu thế hội nhập - đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị phải coi nhân lực y tế chất lượng cao là trọng tâm của mọi cải cách y tế, là trụ cột của hệ thống chăm sóc sức khỏe hiện đại, công bằng, hiệu quả và bền vững.

Do vậy, để thực hiện thành công Nghị quyết 71-NQ/TW và 72-NQ/TW không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành y tế mà là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, đòi hỏi sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý quyết liệt của Nhà nước, sự đổi mới sáng tạo của các cơ sở đào tạo - bệnh viện - viện nghiên cứu, và sự đồng hành của đội ngũ thầy thuốc trên cả

nước. Cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và liên tục giữa các bộ, ngành, địa phương; đồng thời bảo đảm thể chế, nguồn lực và môi trường thuận lợi để nhân lực y tế phát triển toàn diện. Việc phát triển nhân lực y tế chất lượng cao thông qua đào tạo sẽ góp phần củng cố vững chắc hệ thống an ninh y tế quốc gia, nâng cao chất lượng dân số, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, và tạo tiền đề để Việt Nam đạt được vị thế tương xứng của một quốc gia phát triển trong những thập niên tới, phù hợp với mục tiêu của Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV./.



BÀI THAM LUẬN 13: **NHỮNG THÀNH TỰU VĨ VANG CỦA NGÀNH Y TẾ** **VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021 – 2025)**

I. Bối cảnh nhiệm kỳ và những thách thức đặc biệt:

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng (2021–2025) diễn ra trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động sâu sắc, phức tạp và khó lường. Đại dịch COVID-19 bùng phát trên quy mô toàn cầu đã đặt hệ thống y tế Việt Nam trước những thách thức chưa từng có tiền lệ, không chỉ về năng lực chuyên môn, mà còn về tổ chức, điều hành, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Dịch bệnh gây tổn thất nghiêm trọng về sức khỏe, tính mạng của người dân, đồng thời tạo ra áp lực kéo dài đối với toàn bộ hệ thống y tế trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế.

Cùng với đại dịch, sự bất ổn toàn cầu gia tăng do xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai toàn cầu đã làm gia tăng các nguy cơ y tế mới, từ dịch bệnh truyền nhiễm đến thảm họa môi trường và khủng hoảng nhân đạo. Những diễn biến này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực y học thảm họa, y tế khẩn cấp và khả năng ứng phó linh hoạt của hệ thống y tế quốc gia.

Bên cạnh đó, ngành y tế còn phải đối mặt với các thách thức mang tính dài hạn như già hóa dân số, sự gia tăng nhanh của các bệnh không lây nhiễm, những bất cập trong phân bổ nguồn lực và bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng, miền và nhóm dân cư. Đồng thời, sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y học, công nghệ gen và công nghệ sinh học, vừa mở ra cơ hội lớn trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới tư duy, thể chế và nguồn nhân lực y tế.

Trong bối cảnh đó, ngành y tế Việt Nam vừa phải thực hiện nhiệm vụ cấp bách là phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phải duy trì và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đồng thời từng bước xây dựng nền tảng cho phát triển bền vững trong dài hạn. Thực tiễn nhiệm kỳ Đại hội XIII cho thấy, y tế không chỉ là một lĩnh vực chuyên môn thuần túy, mà đã và đang trở thành trụ cột quan trọng của an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế – xã hội, gắn chặt với năng lực quản trị quốc gia và sức mạnh tổng hợp của đất nước ta trong bối cảnh mới.



GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ thay mặt đội ngũ cán bộ y tế cả nước gửi lời cảm ơn và chúc sức khỏe đến Tổng Bí thư Tô Lâm nhân dịp Hội nghị Toàn quốc quán triệt các Nghị quyết Trung ương. (Hà Nội, tháng 9/2025)

II. Thành tựu thứ nhất: Chiến thắng đại dịch COVID-19 là thành tựu vĩ vang của ngành y tế

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021–2025), công tác phòng, chống đại dịch COVID-19 đã trở thành dấu ấn nổi bật và có ý nghĩa lịch sử của ngành y tế Việt Nam, thể hiện rõ năng lực chỉ đạo, điều hành, tinh thần đoàn kết và bản lĩnh của cả hệ thống chính trị trong bảo vệ sức khỏe nhân dân. Trước một thách thức y tế toàn cầu chưa từng có tiền lệ, ngành y tế đã phát huy vai trò nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, huy động sự vào cuộc đồng bộ của toàn xã hội với tinh thần chung sức, đồng lòng, quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi dịch bệnh. Sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm sự chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch.

Đặc biệt, sự chỉ đạo quyết liệt, trách nhiệm và kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cùng với vai trò điều hành trực tiếp, chuyên môn sâu sát của lãnh đạo ngành y tế và chính quyền các cấp, đã tạo nên tảng quan trọng cho việc triển khai các giải pháp phòng, chống dịch một cách bài bản và phù hợp thực tiễn. Ngay từ những giai đoạn đầu, Việt Nam đã chủ động ngăn chặn dịch sớm, thực hiện truy vết, cách ly kịp thời, khoanh vùng và kiểm soát ổ dịch, hạn chế lây lan trong cộng đồng. Song song với các biện pháp y tế dự phòng, công tác điều trị chuyên khoa và chuyên sâu được đặc biệt chú trọng, với việc huy động tối đa năng lực của hệ thống bệnh viện các tuyến và sự hỗ trợ chuyên môn trực tiếp từ tuyến trung ương cho các địa phương có dịch.

Trong điều trị bệnh nhân COVID-19 nặng và nguy kịch, ngành y tế đã mạnh dạn áp dụng các phương thức điều trị mới, tiên tiến, làm chủ nhiều kỹ thuật chuyên sâu như lọc máu thay huyết tương, lọc máu hấp phụ, kỹ thuật ECMO, hồi sức tích cực và chăm sóc toàn diện. Những tiến bộ này đã góp phần quan trọng vào việc giảm tỷ lệ tử vong, nâng cao chất lượng điều trị và khẳng định năng lực chuyên môn của y tế Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng y tế toàn cầu.

Thành công trong phòng, chống dịch không thể tách rời sự hy sinh, nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ y tế ở tuyến đầu, tuyến cơ sở và tuyến điều trị. Trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, nguy cơ lây nhiễm cao và áp lực kéo dài, đội ngũ y bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên y tế vẫn kiên cường bám trụ, tận tụy chăm sóc người bệnh, thể hiện rõ ý thức và trách nhiệm nghề nghiệp cao cả. Sự chi viện kịp thời của lực lượng y tế trung ương cho các địa phương có dịch lớn đã tạo nên sức mạnh đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong toàn ngành.

Một yếu tố quyết định khác đóng góp rất quan trọng trong chiến thắng đại dịch COVID-19 là chiến lược vắc-xin thần tốc, đúng đắn và hiệu quả, với việc tổ chức chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn trong thời gian ngắn, đạt tỷ lệ bao phủ cao trên phạm vi toàn quốc. Nhờ đó, Việt Nam đã từng bước khống chế dịch bệnh, giảm rõ rệt tỷ lệ mắc và tử vong do COVID-19, sớm chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt và phục hồi các hoạt động kinh tế – xã hội. Những thành tựu này không chỉ khẳng định vai trò trụ cột của ngành y tế, mà còn là minh chứng sinh động cho sức mạnh của sự lãnh đạo đúng đắn, tinh thần đoàn kết và quyết tâm chính trị trong bảo vệ sức khỏe nhân dân và ổn định đất nước.

III. Thành tựu thứ hai: Phát triển mạnh mẽ hệ thống y tế và bảo đảm tốt chăm sóc sức khỏe toàn dân

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, hệ thống y tế các cấp của Việt Nam tiếp tục được củng cố và phát triển cả về quy mô, độ bao phủ và chất lượng, tạo nền tảng quan trọng cho việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đến cuối nhiệm kỳ, cả nước có hơn 18.000 cơ sở y tế, bao gồm hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện công lập và ngoài công lập, cùng mạng lưới cơ sở hành nghề y, được tư nhân ngày càng phát triển. Mạng lưới y tế cơ sở với hơn 10.000 trạm y tế xã, phường, thị trấn tiếp tục được củng cố, phát triển đồng bộ theo mô hình chính quyền hai cấp, từng bước khẳng định vai trò là tuyến đầu trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm và y tế dự phòng.

Cùng với mở rộng mạng lưới, các chỉ số sức khỏe cộng đồng cơ bản tiếp tục được cải thiện. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được duy trì ổn định, với tỷ lệ bao phủ các vắc-xin cơ bản thường xuyên đạt trên 95%, góp phần kiểm soát hiệu quả nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và bảo vệ sức khỏe thế hệ tương lai. Các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ – trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng tiếp tục được triển khai đồng bộ; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tiếp tục giảm; phản ánh mạnh mẽ những nỗ lực bền bỉ của hệ thống y tế trong nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

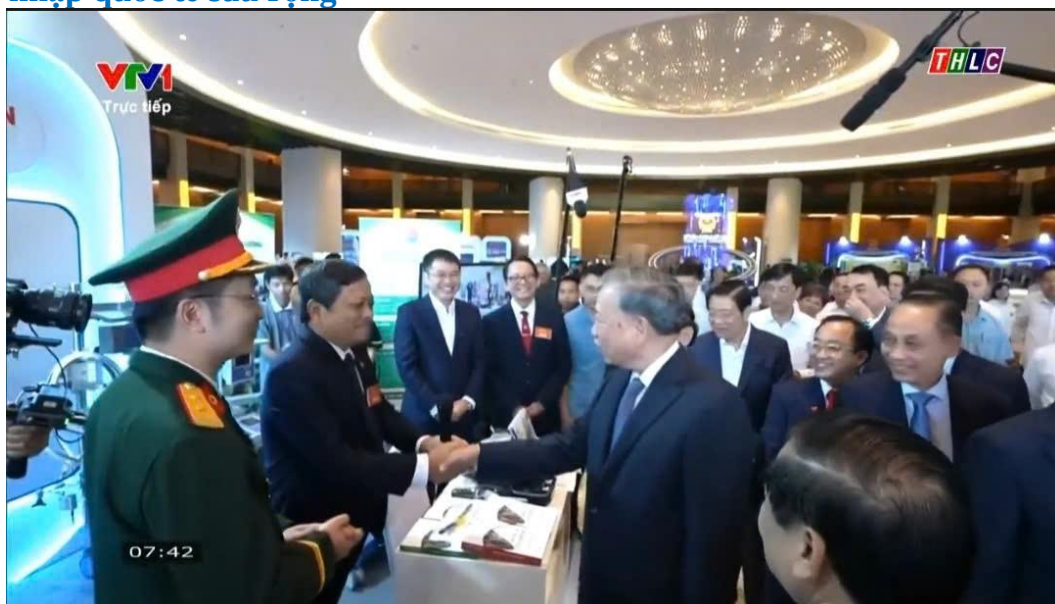
Trong lĩnh vực bệnh không lây nhiễm, việc tăng cường quản lý, theo dõi và điều trị tại tuyến y tế cơ sở, kết hợp với truyền thông thay đổi hành vi, đã góp phần kiểm soát xu hướng gia tăng tử vong sớm do các bệnh tim mạch, đái tháo đường và một số bệnh mạn tính phổ biến. Mặc dù còn nhiều thách thức, song chất lượng sống của người bệnh mạn tính từng bước được cải thiện, phản ánh hiệu quả của định hướng lấy y tế cơ sở làm nền tảng. Đội ngũ cán bộ y tế tiếp tục được phát triển về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng. Đến cuối nhiệm kỳ, số bác sĩ đạt khoảng 10–11 bác sĩ / 10.000 dân, số điều dưỡng đạt khoảng 14–15 điều dưỡng / 10.000 dân, phản ánh nỗ lực lớn trong đào tạo và bổ sung nguồn nhân lực y tế một cách chủ động và kịp thời. Mặc dù phân bố nhân lực còn chưa đồng đều giữa các vùng, miền, song đội ngũ cán bộ y tế đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng lớn, áp lực công việc ngày càng cao và yêu cầu chuyên môn ngày càng chuyên sâu hơn.

Trong lĩnh vực bảo đảm an sinh y tế, bảo hiểm y tế tiếp tục được mở rộng với tỷ lệ bao phủ đạt trên 92–93% dân số, tiệm cận mục tiêu bao phủ toàn dân. Quy mô và mức chi

trả của quỹ bảo hiểm y tế ngày càng tăng, góp phần giảm đáng kể gánh nặng chi phí khám, chữa bệnh cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Các chính sách y tế đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em, người cao tuổi được triển khai tương đối đồng bộ, thể hiện rõ tính nhân văn và công bằng xã hội.

Đáng chú ý, năng lực ứng phó của hệ thống y tế trước thiên tai, dịch bệnh và các tình huống y tế khẩn cấp ngày càng được nâng cao. Việc chủ động xây dựng phương án, huy động lực lượng, bảo đảm thuốc men, trang thiết bị và tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời đã góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại về sức khỏe và tính mạng của người dân. Những kết quả đó cho thấy hệ thống y tế Việt Nam không chỉ lớn mạnh về quy mô, mà còn từng bước được củng cố về năng lực, hiệu quả và tính bền vững, xứng đáng là trụ cột quan trọng của an sinh xã hội và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

IV. Thành tựu thứ ba: Phát triển mạng lưới y tế chuyên sâu ngang tầm khu vực và hội nhập quốc tế sâu rộng



Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tham quan quầy triển lãm những thành tựu trong lĩnh vực ghép phổi của Bệnh viện Phổi Trung ương tại Hội nghị Toàn quốc quán triệt các Nghị quyết Trung ương. (Hà Nội, tháng 9/2025)

Một thành tựu quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng ta về y tế là sự phát triển của mạng lưới y tế chuyên sâu, từng bước tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế. Nhiều bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh đã làm chủ các kỹ thuật y học hiện đại, công nghệ cao trong chẩn đoán, điều trị và can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và giảm dần tình trạng người bệnh ra nước ngoài chữa trị. Đặc biệt, lĩnh vực ghép tạng đạt được những bước tiến vượt bậc, với số ca ghép tim, gan, thận, phổi ngày càng tăng, kỹ thuật ngày càng hoàn thiện, tỷ lệ thành công và chất lượng sống sau ghép được nâng cao. Việt Nam đã hình thành các trung tâm ghép tạng có uy tín, từng bước khẳng định vị thế trong khu vực. Bên cạnh đó, các lĩnh vực y học chuyên sâu mới như y học giấc ngủ, tim mạch can thiệp, ung bướu, hồi sức – cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, y học cá thể hóa từng bước được quan tâm phát triển. Việc đưa y học giấc ngủ, y học gia đình, chăm sóc người cao tuổi vào thực hành lâm sàng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng điều trị các bệnh mạn tính, mà còn phản ánh xu hướng tiếp cận y học hiện đại, toàn diện, lấy chất lượng sống của người bệnh làm trung tâm; thể hiện mạnh mẽ việc quán triệt và thực hiện theo

quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Đảng trong xây dựng một nền “Y tế học thuật – Y tế nhân văn – Y tế hiện đại”.

Song hành với sự phát triển về chuyên môn kỹ thuật, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế tiếp tục là một trụ cột quan trọng góp phần nâng cao vị thế và năng lực của y tế Việt Nam trong nhiệm kỳ 2021–2025. Hệ thống y tế Việt Nam đã chủ động mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với nhiều cơ sở y tế, trung tâm nghiên cứu và bệnh viện hàng đầu của các quốc gia có nền y học phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Úc và các nước châu Âu. Thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương, nhiều kỹ thuật y học hiện đại, công nghệ cao trong chẩn đoán, điều trị, ghép tạng, hồi sức – cấp cứu, tim mạch, ung bướu và chẩn đoán hình ảnh đã được chuyển giao, làm chủ và ứng dụng hiệu quả tại Việt Nam. Việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ không chỉ dừng ở kỹ thuật, mà còn bao gồm đào tạo nhân lực, quản trị bệnh viện và chuẩn hóa quy trình chuyên môn theo thông lệ quốc tế.

Đáng chú ý, đội ngũ chuyên gia y tế Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trong cộng đồng y học khu vực và quốc tế. Nhiều chuyên gia y tế, bác sĩ Việt Nam đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, chủ chốt trong các tổ chức, hiệp hội y học chuyên ngành của khu vực ASEAN và châu Á, tham gia xây dựng hướng dẫn chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật và chiến lược phát triển y tế. Điều này không chỉ phản ánh năng lực chuyên môn và uy tín khoa học của đội ngũ y tế Việt Nam, mà còn cho thấy sự chuyển biến từ vai trò “tiếp nhận” sang vai trò tham gia “kiến tạo và dẫn dắt” trong một số lĩnh vực y học chuyên sâu.

Bên cạnh việc tiếp thu tri thức y học tiên tiến, Việt Nam cũng từng bước tham gia chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho các quốc gia có hệ thống y tế chưa phát triển, nhất là trong khu vực ASEAN và một số nước đang phát triển. Các chương trình đào tạo, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh, cấp cứu thảm họa và chăm sóc sức khỏe ban đầu được triển khai hiệu quả, thể hiện tinh thần trách nhiệm quốc tế, nhân văn và sự trưởng thành của y tế Việt Nam trong hội nhập khu vực và toàn cầu.

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, ngành y tế Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị khoa học y học quốc tế và khu vực ở các lĩnh vực chuyên sâu như ghép tạng, tim mạch, ung bướu, hồi sức – cấp cứu, y học giấc ngủ và y học chính xác. Các hội nghị không chỉ là diễn đàn trao đổi học thuật, cập nhật tri thức mới, mà còn là cơ hội để kết nối hợp tác nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của y tế Việt Nam trên trường quốc tế.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ cùng các đồng nghiệp tổ chức Hội nghị khoa học thường niên Hội Y học Giác ngủ Việt Nam với sự tham dự của Chủ tịch Hiệp hội Giác ngủ Thế giới, Chủ tịch Hội Bệnh phổi Pháp ngữ, các chuyên gia y học giấc ngủ đầu ngành thế giới và Việt Nam. (Đà Lạt, tháng 6/2025)

V. Thành tựu thứ tư: Chuyển đổi số bền vững và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học – công nghệ vào hệ thống y tế

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học – công nghệ trong y tế đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng thúc đẩy đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và cung ứng dịch vụ y tế. Quá trình này được đẩy mạnh trên phạm vi toàn ngành, đặc biệt trong giai đoạn phòng, chống đại dịch COVID-19 và phục hồi sau dịch, góp phần nâng cao năng lực điều hành, tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế, quản lý tiêm chủng và giám sát dịch tễ đã giúp tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

Một bước tiến quan trọng là việc từng bước xây dựng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, hướng tới quản lý sức khỏe người dân xuyên suốt vòng đời. Cùng với đó, các mô hình khám, chữa bệnh từ xa (telemedicine) được mở rộng, góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng, miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Trong bối cảnh dịch bệnh và thiên tai, các nền tảng số đã phát huy hiệu quả rõ nét, hỗ trợ hội chẩn chuyên môn, đào tạo từ xa và điều phối nguồn lực y tế. Đây là những nền tảng quan trọng để xây dựng hệ thống y tế hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, phù hợp với xu thế phát triển của y học thế giới.

Song song với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học – công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và công nghệ gen, từng bước được đưa vào thực tiễn y tế. Nhiều cơ sở y tế đã ứng dụng AI trong chẩn đoán hình ảnh, hỗ trợ ra quyết định lâm sàng, quản lý bệnh mạn tính và dự báo dịch tễ, góp phần nâng cao độ chính xác, giảm tải cho đội ngũ y tế và cải thiện chất lượng điều trị. Việc tiếp cận các thành tựu mới của y học hiện đại không chỉ phản ánh sự chủ động hội nhập, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, thích ứng với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

VI. Thành tựu thứ năm: Sự ra đời của Nghị quyết 72-NQ/TW với các giải pháp đột phá và hoàn thiện mạnh mẽ thể chế y tế

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng ta, đặc biệt nhất là sự ra đời của Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 09/9/2025) được xem là cột mốc quan trọng, là điểm son sáng ngời mang tính định hướng chiến lược đối với phát triển ngành y tế trong giai đoạn mới. Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu tạo các giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Những điểm nhấn có tính đột phá thể hiện ở việc đặt trọng tâm vào phòng bệnh – y tế dự phòng – chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc người cao tuổi, cải thiện tuổi thọ, số năm sống khỏe mạnh và nâng cao tầm vóc người Việt Nam; thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu y tế và hồ sơ sức khỏe điện tử, tăng cường liên thông dữ liệu toàn hệ thống; đổi mới cơ chế tài chính y tế theo hướng minh bạch, hiệu quả; và khuyến khích phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế đa dạng, trong đó có y tế tư nhân tham gia có trách nhiệm, cùng Nhà nước bảo đảm mục tiêu công bằng trong tiếp cận dịch vụ.

Nghị quyết 72-NQ/TW đã tiếp tục khẳng định việc chăm lo, phát triển đội ngũ cán bộ y tế – lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng và hiệu quả của hệ thống y tế, là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết đặt ra yêu cầu cải thiện căn bản chế độ, chính sách, phụ cấp và điều kiện làm việc cho cán bộ y tế, nhất là ở tuyến cơ sở, vùng khó khăn, chuyên ngành đặc thù và lĩnh vực y tế dự phòng. Bên cạnh đó, Nhà nước có trách nhiệm xây dựng các chính sách hỗ trợ học phí, chi phí đào tạo và khuyến khích người học các ngành nghề y tế, góp phần giải quyết bài toán thiếu hụt và mất cân đối nhân lực trong dài hạn; hoàn thiện cơ chế tôn vinh, khen thưởng, ghi nhận xứng đáng đối với những đóng

góp, hy sinh của cán bộ y tế được xác định là yêu cầu mang tính nhân văn và động lực tinh thần quan trọng, giúp đội ngũ y tế yên tâm gắn bó, cống hiến lâu dài cho ngành.

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng ta cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng trong hoàn thiện hệ thống pháp luật về y tế. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, đã tạo khuôn khổ pháp lý mới cho hoạt động khám chữa bệnh, nhấn mạnh chuẩn hóa chất lượng chuyên môn, quyền và an toàn người bệnh, đạo đức nghề nghiệp, cũng như các cơ chế quản trị phù hợp với xu thế hiện đại hóa hệ thống y tế. Bên cạnh đó, Luật Phòng bệnh được xây dựng và Quốc hội thông qua vào cuối năm 2025 đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng để chuyển mạnh từ tư duy “chữa bệnh” sang “chủ động phòng bệnh”, tăng cường quản lý nguy cơ, sàng lọc và can thiệp sớm, phù hợp với tinh thần và mục tiêu xuyên suốt của Nghị quyết 72-NQ/TW.

VII. Kết luận:

Nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021–2025) đánh dấu một giai đoạn đặc biệt quan trọng và nhiều dấu ấn trong phát triển ngành y tế Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, đại dịch COVID-19, thiên tai, dịch bệnh và những thách thức mới của y học hiện đại, ngành y tế đã thể hiện rõ bản lĩnh, năng lực và tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, Nhà nước và nhân dân. Từ công tác phòng, chống đại dịch, củng cố hệ thống y tế các cấp, bảo đảm an sinh y tế, phát triển y tế chuyên sâu, đẩy mạnh chuyển đổi số và khoa học – công nghệ, đến mở rộng hợp tác quốc tế và hoàn thiện thể chế, y tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu toàn diện, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài.

Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết 72-NQ/TW cùng với việc hoàn thiện các đạo luật quan trọng về y tế đã tạo hành lang chính trị – pháp lý vững chắc cho đổi mới và phát triển ngành trong giai đoạn mới. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, mà còn củng cố niềm tin xã hội, khẳng định vai trò trụ cột của y tế trong an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước. Trên nền tảng đó, ngành y tế Việt Nam có đủ điều kiện và động lực để tiếp tục vươn lên, hội nhập sâu rộng, hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, hiện đại và nhân văn, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, xây dựng “Y tế học thuật – Y tế nhân văn – Y tế hiện đại”, vì một “Nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam khỏe mạnh”./

BÀI THAM LUẬN 14: **VỊ THẾ Y TẾ VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ KHU VỰC ASEAN**

Y tế Việt Nam đang đứng ở đâu trên bản đồ khu vực và đâu là lợi thế cạnh tranh rõ nhất hiện nay.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, y tế Việt Nam đang nằm trong nhóm hệ thống y tế các nước phát triển năng động của khu vực ASEAN và châu Á, đồng thời có tiềm năng vươn lên dẫn đầu ASEAN nếu tiếp tục phát huy đúng các lợi thế cạnh tranh đặc thù sẵn có. Điểm nổi bật nhất của hệ thống y tế Việt Nam hiện nay là sự phát triển hài hòa và đồng bộ giữa các lĩnh vực chuyên ngành, sự thống nhất trong phương thức quản trị và chuyển đổi số mạnh mẽ trong toàn hệ thống, có chính sách y tế đột phá theo tinh thần các nghị quyết trung ương; giúp tạo nên một mô hình y tế linh hoạt, hiện đại và thích ứng tốt với bối cảnh mới của công tác chăm sóc sức khỏe mang tính toàn diện và tiên tiến của một nước có hệ thống y tế phát triển.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ được gặp và trao đổi cùng Tổng Bí thư Tô Lâm, nhân dịp Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

Trước tiên, ưu điểm nổi bật nhất của Việt Nam là có một hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở được xây dựng rộng khắp từ tuyến xã – phường đến trung ương. Đây là lợi thế chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh mô hình bệnh tật đang chuyển dần sang quản lý tốt các bệnh mạn tính và nhu cầu chăm sóc sức khỏe theo vòng đời. Bên cạnh đó, y học lâm sàng của Việt Nam đang phát triển rất nhanh và mạnh mẽ, đội ngũ y bác sĩ có nhiều kinh nghiệm, có chuyên môn cao và hệ thống chăm sóc điều dưỡng ngày càng được chú trọng tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung ương, nhiều kỹ thuật y khoa hiện đại – tiên tiến đã được triển khai thực hiện và ứng dụng thành công. Y học chuyên sâu cũng đang từng bước tạo nên vị thế quan trọng cho hệ thống y tế Việt Nam với năng lực làm chủ ngày càng nhiều kỹ thuật chuyên ngành tiên tiến.

Việt Nam có một lợi thế quan trọng nữa đó là sự năng động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực y tế - đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo liên tục và đào tạo chuyên sâu theo chuẩn năng lực nghề nghiệp, sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước

về chuẩn đầu ra. Việc đào tạo theo chuẩn năng lực kết hợp với nghiên cứu y học lâm sàng hiện cũng đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam tạo nền tảng cho mô hình chăm sóc sức khỏe toàn diện dựa trên y học chứng cứ và nâng cao chất lượng chuyên môn. Bên cạnh đó, Việt Nam ta có một mạng lưới hợp tác quốc tế về y tế sâu rộng trong đào tạo và chuyển giao khoa học công nghệ với các quốc gia có nền y học tiên tiến như Pháp, Đức, Hoa Kỳ và một số nước châu Á tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore; điều này tạo nên một lợi thế cạnh tranh rất lớn.

Ngoài ra, sự gắn kết chặt chẽ giữa y tế công lập và ngoài công lập trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân cũng tạo thêm sự đặc thù và sức bật cho hệ thống y tế Việt Nam. Nhiều bệnh viện ngoài công lập đang làm nhiệm vụ dẫn dắt chuyên môn trong một số lĩnh vực chuyên sâu cùng với các bệnh viện trường đại học, các cơ sở y tế trung ương, tạo xung lực rất lớn cho sự đổi mới khoa học công nghệ trong y học, nâng tầm chất lượng dịch vụ trong chăm sóc y tế. Đặc biệt nhất là Việt Nam ta có được sự quan tâm rất lớn của Đảng và nhà nước trong lĩnh vực y tế; điều này thể hiện rất rõ thông qua Nghị quyết 72-NQ/TW và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng ta, với các chính sách bảo hiểm y tế toàn dân, khám sức khỏe định kỳ, chăm sóc người cao tuổi, tăng đầu tư nguồn lực tài chính cho y tế và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sự tham gia tích cực của toàn hệ thống chính trị đã tạo nền tảng cho sự đột phá phát triển và lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam hiện nay và trong tương lai. Tại Việt Nam, các hội nghề nghiệp y tế ngày càng phát triển mạnh mẽ và giữ vai trò dẫn dắt chuyên môn thông qua xây dựng hướng dẫn thực hành, đào tạo liên tục, kết nối nghiên cứu và hợp tác quốc tế, cũng đã góp phần nâng cao vị thế của nền y học Việt Nam trong khu vực và trên toàn cầu.

Sau cùng là Việt Nam còn có lợi thế cạnh tranh rất lớn trong khu vực ASEAN và châu Á vì có tiềm năng phát triển mạnh mẽ về du lịch khám chữa bệnh do có chi phí hợp lý, đội ngũ bác sĩ chuyên môn giỏi, thời gian chờ đợi ngắn, cán bộ y tế tận tâm, cùng với lợi thế có các vẻ điểm đến du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh nổi tiếng trong khu vực và trên toàn thế giới; mở ra một vận hội rất lớn cho Việt Nam trong hình thành và phát triển các trung tâm y tế gắn kết với du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của ASEAN và châu Á.

Tóm lại, những lợi thế cạnh tranh nổi bật của y tế Việt Nam hiện nay là có được một hệ thống y tế dự phòng vững mạnh, nền y học lâm sàng tiên tiến, sự phát triển mạnh mẽ của y học chuyên sâu, có nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; cùng với sự hợp tác quốc tế sâu rộng, phối hợp công – tư mang tính hài hòa và bình đẳng, có chính sách y tế đột phá và tiềm năng to lớn về du lịch y tế. Đây là những tiền đề quan trọng để y tế Việt Nam từng bước khẳng định vai trò và vị thế, tiến đến việc dẫn dắt nền y học tiên tiến của khu vực.

Yếu tố then chốt quyết định việc Việt Nam có thể trở thành điểm đến chữa bệnh của khu vực: kỹ thuật cao, quản trị bệnh viện hay chính sách?

Không có một yếu tố đơn lẻ nào đủ sức quyết định điều này, mà điều kiện tiên quyết để Việt Nam trở thành điểm đến chữa bệnh của khu vực là sự kết hợp hài hòa giữa y tế kỹ thuật cao, quản trị bệnh viện tiên tiến và chính sách y tế ưu việt, trong đó yếu tố then chốt nhất là chính sách đúng đắn và đồng bộ, giúp tạo nên sự đột phá trong chăm sóc sức khỏe.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ - Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, tặng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cuốn Cẩm nang 7.000 câu Hỏi – Đáp về giấc ngủ, nhân dịp Thủ tướng Chính phủ gặp mặt Đại diện các nhà khoa học tiêu biểu lĩnh vực y tế và giám đốc các bệnh viện trung ương, kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (Hà Nội, ngày 24/02/2026).

Thật vậy, hệ thống y tế kỹ thuật cao và chất lượng tốt là điều kiện cần thiết cho sự thu hút. Vì muốn thu hút người bệnh quốc tế đến khám chữa bệnh đòi hỏi phải có đội ngũ bác sĩ có năng lực chuyên môn giỏi, trang thiết bị y tế hiện đại, chất lượng dịch vụ chăm sóc tốt, năng lực tư vấn sức khỏe hoàn hảo, cùng với cơ sở hạ tầng y tế hiện đại. Bên cạnh đó, quản trị bệnh viện tiên tiến cũng là yếu tố quan trọng trong thu hút vì giúp chuyển hóa năng lực chuyên môn của cán bộ y tế thành trải nghiệm thực tiễn cho người bệnh – khách hàng quốc tế. Một hệ thống quản trị tiên tiến và hiệu quả, đội ngũ nhân lực y tế thấu cảm giúp người bệnh quốc tế được tiếp cận dịch vụ y tế nhanh chóng, giúp nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo đảm an toàn cho người bệnh theo chuẩn mực quốc tế.

Tuy nhiên, chính sách y tế vẫn là yếu tố quyết định quan trọng nhất, mang tính chiến lược, tạo sự thu hút người bệnh trong khu vực và quốc tế đến chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam. Chính sách y tế mang tính đồng bộ trong hiện đại hóa hệ thống y tế, hội nhập quốc tế theo tinh thần các nghị quyết trung ương, các nghị quyết chuyên đề, sẽ giúp tạo sự đột phá trong thu hút khách hàng quốc tế đến trải nghiệm dịch vụ y tế tại Việt Nam; tái cấu trúc mạnh mẽ không gian chăm sóc sức khỏe, tạo môi trường thuận lợi để y tế kỹ thuật cao phát triển và quản trị bệnh viện được đổi mới theo hướng tiên tiến và hội nhập. Những chính sách phù hợp về bảo hiểm y tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, tự chủ bệnh viện, hợp tác công – tư, thu hút nhân lực chất lượng cao và mở rộng hợp tác quốc tế sẽ tạo nên hệ sinh thái y tế đủ sức cạnh tranh với các trung tâm y tế hiện đại trong khu vực.

Do vậy có thể nói rằng: y tế kỹ thuật cao là “năng lực cốt lõi”, quản trị bệnh viện tiên tiến là “công cụ vận hành”, chính sách y tế ưu việt là “ngọn đuốc dẫn đường” trong thu hút khách quốc tế đến trải nghiệm dịch vụ y tế chất lượng cao – chi phí hợp lý tại Việt Nam trong tương lai.

Các bệnh viện đầu ngành đóng vai trò gì để kéo mặt bằng chất lượng y tế toàn hệ thống đi lên, thay vì chỉ phát triển đơn lẻ?

Các bệnh viện đầu ngành không nên chỉ là nơi tập trung kỹ thuật cao hay điều trị các ca bệnh phức tạp, mà còn phải giữ vai trò đầu tàu dẫn dắt chuyên môn, giúp nâng mặt bằng chất lượng của toàn hệ thống y tế quốc gia.

Các bệnh viện đầu ngành luôn phải giữ vai trò chuẩn hóa chuyên môn cho các tuyến y tế. Các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, các quy trình kỹ thuật, quy trình chăm sóc sẽ phải được các bệnh viện đầu ngành xây dựng dựa trên y học chứng cứ, chuẩn mực lâm sàng, nguồn lực y tế thực tiễn, được cụ thể hóa thành các hướng dẫn chung để các bệnh viện tuyến dưới, các cơ sở y tế nguồn lực thấp có thể áp dụng; giúp tạo ra một chuẩn năng lực thống nhất theo từng tuyến và chất lượng điều trị sẽ được nâng lên đồng đều hơn trong toàn hệ thống.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ phát biểu với Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cần thiết phát triển y học giác ngủ trong chăm sóc sức toàn diện, nhân dịp Thủ tướng Chính phủ gặp mặt Đại diện các nhà khoa học tiêu biểu lĩnh vực y tế và giám đốc các bệnh viện trung ương, kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (Hà Nội, ngày 24/02/2026).

Các bệnh viện đầu ngành còn có nhiệm vụ đào tạo và chuyển giao chuyên môn cho các tuyến, là trung tâm kết nối mạng lưới chuyên gia, thông qua hội chẩn - hỗ trợ chuyên môn từ xa và phối hợp điều trị theo vùng và khu vực; điều này giúp phân tầng điều trị hợp lý, tối ưu hóa nguồn lực và bảo đảm người bệnh được tiếp cận đúng dịch vụ ở đúng tuyến.

Một nhiệm vụ khác không kém phần quan trọng của các bệnh viện đầu ngành là dẫn dắt nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong y học. Nghiên cứu cần gắn chặt với thực tiễn lâm sàng của Việt Nam, tạo ra những dữ liệu khoa học có giá trị ứng dụng cao, từ đó giúp lan tỏa ứng dụng khoa học cho toàn hệ thống y tế. Bên cạnh đó, các bệnh viện đầu ngành cần tiên phong trong quản trị bệnh viện hiện đại, quản lý chất lượng chuyên môn tiên tiến, an toàn người bệnh theo chuẩn mực quốc tế, chuyển đổi số toàn diện và tối ưu hóa việc chăm sóc tốt và toàn diện cho người bệnh.

Do vậy, các bệnh viện đầu ngành phải chuyển từ tư duy phát triển riêng lẻ sang tư duy dẫn dắt hệ thống trong chuẩn hóa chuyên môn, thực hiện đào tạo và chuyển giao, kết nối mạng lưới chăm sóc, trong nghiên cứu y học chuyên sâu và quản trị hiện đại. Có như vậy, các bệnh viện đầu ngành mới thực sự kéo được mặt bằng chất lượng y tế quốc gia phát triển một cách đồng bộ và hệ thống hóa. Tuy nhiên trong thời gian qua, tại Việt Nam, các bệnh viện đầu ngành luôn làm tốt sứ mệnh này theo sự chỉ đạo của Bộ Y tế.

Rào cản lớn nhất hiện nay khiến y tế Việt Nam chưa bứt phá mạnh mẽ ra khu vực là gì và cần tháo gỡ từ đâu?

Rào cản lớn nhất hiện nay khiến y tế Việt Nam chưa bứt phá mạnh mẽ ra khu vực không phải là vấn đề chuyên môn chưa cao, thiếu nguồn nhân lực hay trang thiết bị y tế, mà là sự chưa đồng bộ trong cơ chế vận hành của toàn hệ thống, bao gồm từ cơ chế chính sách, năng lực quản trị, phân tầng chuyên môn đến phân bổ nguồn lực. Nói cách khác, hệ thống y tế Việt Nam ta có rất nhiều “điểm son”, nhưng chưa hình thành được sức mạnh mang tính đột phá để vươn mình tạo ra vị thế chuyên ngành trong khu vực ASEAN và châu Á.

Trước tiên, rào cản thứ nhất đó là sự chênh lệch về chất lượng y tế giữa các tuyến. Khi hệ thống y tế chưa cân bằng giữa các tuyến, khu vực và các vùng miền, thì rất khó để tạo ra được hình ảnh một nền y tế mạnh ở cấp độ khu vực và thế giới.

Rào cản thứ hai là cơ chế quản trị và chính sách y tế của chúng ta vẫn còn nhiều điểm nghẽn cần tháo gỡ. Một số quy định về tài chính y tế, tự chủ bệnh viện, mua sắm – đấu thầu, đãi ngộ nhân lực y tế hay hợp tác công – tư chưa thực sự mang tính đột phá và linh hoạt, làm cho các đơn vị y tế khó phát huy tối đa năng lực quản trị, đầu tư chuyên môn và trang thiết bị, chưa thích ứng kịp thời với nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong tình hình mới và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Rào cản thứ ba là hệ sinh thái nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong y học chưa phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Có thể nói rằng năng lực chuyên môn về lâm sàng và cận lâm sàng của cán bộ y tế Việt Nam ta rất tốt, thậm chí rất xuất sắc trong một số lĩnh vực chuyên sâu, nhưng nghiên cứu khoa học, đổi mới – sáng tạo trong y học, phát triển công nghệ y tế, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong toàn hệ thống y tế vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Đây là rào cản cho việc chuyển đổi từ vai trò “ứng dụng khoa học kỹ thuật” trong y tế sang vị thế “dẫn dắt chuyên môn” trong y học của khu vực và hội nhập quốc tế.

Sau cùng là nguồn nhân lực y tế Việt Nam vẫn đang chịu áp lực lớn về khối lượng công việc theo mô hình chính quyền hai cấp và cơ chế đãi ngộ chưa thật sự thỏa đáng, do vậy việc giữ chân chuyên gia giỏi và thu hút chuyên gia quốc tế còn gặp nhiều khó khăn trong hệ thống y tế công lập.

Như vậy, rào cản lớn nhất hiện nay khiến y tế Việt Nam chưa bứt phá mạnh mẽ ra khu vực không phải là thiếu năng lực chuyên môn, mà là thiếu sự liên kết mạnh mẽ giữa các thành tố trong hệ thống y tế. Khi tháo gỡ được điểm nghẽn về cơ chế chính sách và mô hình quản trị, y tế Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển từ phát triển nhanh sang bứt phá, từng bước khẳng định vị thế của một nền y học tiên tiến trong khu vực.

Trong 10–15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được nhắc tới với hình ảnh nào trên bản đồ y tế châu Á?

Mục tiêu chung của ngành y tế là trong 10–15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ phải được nhắc đến trên bản đồ y tế châu Á không chỉ như là nơi có y tế kỹ thuật cao, mà là nơi có các bệnh viện hoạt động theo một mô hình y tế hiện đại, gắn kết với dịch vụ y tế hiệu quả, nhưng vẫn mang tính nhân văn cao, chất lượng chuyên môn gắn liền với khả

năng tiếp cận của người bệnh và sự phát triển bền vững của toàn hệ thống bệnh viện chuyên ngành và các bệnh viện đa khoa.

Kỳ vọng lớn nhất của chúng ta trong 10-15 năm sắp đến là hình ảnh đất nước Việt Nam có một mạng lưới bệnh viện đồng bộ, các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến xã – phường và khu vực đạt chuẩn chất lượng cao, đủ năng lực giải quyết phần lớn nhu cầu chăm sóc sức khỏe, bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế. Trong tương lai, một số bệnh viện Việt Nam được kỳ vọng sẽ trở thành những trung tâm y học chuyên sâu và có uy tín trong khu vực và châu Á, đặc biệt ở các lĩnh vực đã có thế mạnh hiện nay.

Chúng ta cũng kỳ vọng rằng trong 10-15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được biết đến như là các trung tâm đào tạo và chuyển giao kỹ thuật chuyên môn của khu vực ASEAN và châu Á, nơi tham quan học tập cho các nước về mô hình quản trị bệnh viện hiện đại và lấy người bệnh làm trung tâm, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong chăm sóc và tư vấn sức khỏe.

Trong 10-15 năm tới, Việt Nam có thể được nhắc đến như điểm đến chăm sóc y tế kết hợp của du lịch nghỉ dưỡng tại châu Á, với hệ thống bệnh viện tiên tiến và hiện đại, nơi luôn được người bệnh quốc tế lựa chọn vì có sự kết hợp giữa chuyên môn tốt, chi phí hợp lý, chăm sóc và tư vấn toàn diện.

Do vậy, chúng ta có thể kỳ vọng rằng trong 10–15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được nhận diện trong khu vực như một mạng lưới các bệnh viện hiện đại, chuyên sâu, đồng bộ, có năng lực đào tạo và nghiên cứu, quản trị hiệu quả và thân thiện với người bệnh; là biểu tượng của một nền y tế năng động, nhân văn trong khu vực và tại châu Á./



BÀI THAM LUẬN 15: **TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP DƯỢC LIỆU VIỆT NAM: GIÀU BẢN SẮC DÂN TỘC, HIỆN ĐẠI VÀ HỘI NHẬP CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU”**

1. Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đã biến y học cổ truyền và dược liệu thành ngành công nghiệp mang lại doanh thu hàng chục đến hàng trăm tỷ USD mỗi năm. Việt Nam hiện nay trong cuộc đua kinh tế thảo dược toàn cầu

Đất nước ta có một nền y học cổ truyền với truyền thống lâu đời, được bảo tồn và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử, gắn liền với các Danh y nổi tiếng như Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, với những câu nói nổi tiếng như “Nam dược trị Nam nhân” (Tuệ Tĩnh). Việt Nam hiện đang là một quốc gia có mạng lưới y học cổ truyền (YHCT) phát triển đồng bộ và rộng khắp từ trung ương đến các tỉnh thành và y tế tuyến cơ sở, đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho nhân dân về YHCT, ứng dụng tốt các bài thuốc dược liệu truyền thống, kết hợp với y học hiện đại.

Có thể nói trong hệ sinh thái công nghiệp thảo dược toàn cầu, Việt Nam hiện nay đang là một quốc gia giàu tiềm năng phát triển về công nghiệp dược liệu nhưng chưa trở thành một nước có nền kinh tế thảo dược phát triển. Dù với nguồn dược liệu rất đa dạng và phong phú trải dài khắp cả nước, nhưng giá trị kinh tế thảo dược tạo ra vẫn còn khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Nguồn nguyên liệu dược từ thảo dược chủ yếu được trồng và khai thác thủ công, chưa có những khu nghiên cứu, canh tác dược liệu công nghiệp hóa thông minh và hiện đại, phù hợp với ngành công nghiệp sản xuất - chế biến và xuất khẩu dược liệu tiên tiến, tính cạnh tranh cao, mang thương hiệu quốc gia, hình thành chuỗi cung ứng cho khu vực và quốc tế, đóng góp mạnh mẽ nguồn lực kinh tế tài chính thảo dược và khoa học công nghệ dược quốc gia và toàn cầu.

2. Việt Nam được xem là quốc gia có nguồn tài nguyên dược liệu rất phong phú, nhưng giá trị xuất khẩu còn rất khiêm tốn và chủ yếu ở dạng nguyên liệu thô.

Có thể nói nghịch lý lớn nhất của ngành dược liệu Việt Nam hiện nay là dược thể hiện phù hợp với những đánh giá chung: “tài nguyên phong phú nhưng sản phẩm còn nghèo nàn”. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học thảo dược cao, với hàng nghìn loài cây thuốc và nhiều dược liệu đặc hữu có giá trị ứng dụng cao trong CSSK như sâm Ngọc Linh, atisô Lâm Đồng (Đà Lạt), quế Trà My, hồi Lạng Sơn, ba kích tím, cà gai leo, đinh lăng... Tuy nhiên, phần lớn dược liệu vẫn được xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế sử dụng đơn giản, chưa được đầu tư công nghệ chế biến chuyên sâu, tiêu chuẩn hóa giá trị sử dụng quốc tế, chưa có sản phẩm xuất khẩu tham gia vào nền kinh tế dược liệu tỷ đô toàn cầu.



GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ khám chữa bệnh mắt ngủ bằng dược liệu YHCT cho bệnh nhân tại Bệnh viện YHCT Lào Cai, định kỳ hàng tháng.

Một nghịch lý khác là mặc dù nhu cầu sử dụng cao các loại thuốc thảo dược trong cải thiện các vấn đề sức khỏe cho người cao tuổi về tim mạch, giấc ngủ, thần kinh, chuyển hóa, bài tiết, xương khớp; kết hợp với xu hướng ngày càng cao của người trẻ thích sử dụng các loại thực phẩm chức năng dược liệu có tác dụng tốt cho sức khỏe và các loại mỹ phẩm từ nguồn thảo dược trong nước và khu vực, nhưng Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn nguyên dược liệu từ nước ngoài. Điều này cho thấy sự mất cân đối trong phát triển nguồn tài nguyên thảo dược tiềm năng quốc gia so với nhu cầu cấp thiết phải xây dựng chuỗi giá trị kinh tế công nghiệp dược liệu.

3. Thực trạng dược liệu Việt Nam xuất thô nhưng các sản phẩm giá trị cao lại được sản xuất ở nước ngoài

Nhận định "bán rẻ tài nguyên, mua lại giá trị gia tăng" phản ánh một phần nào thực trạng của ngành dược liệu Việt Nam trong thời gian qua. Thật vậy, trong chuỗi giá trị dược liệu, giá trị kinh tế lớn nhất không nằm ở khâu trồng trọt hay thu hái nguyên liệu, mà nằm ở các công đoạn nghiên cứu hoạt chất, tiêu chuẩn hóa chất lượng, chiết xuất và bào chế, đăng ký sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường. Đây chính là những khâu tạo ra phần lớn lợi nhuận của ngành công nghiệp dược liệu hiện đại.

Trong thời gian qua, ngành dược liệu Việt Nam cũng đã phát triển rất sôi động nhưng vẫn chủ yếu tham gia ở phân khúc đầu vào của chuỗi giá trị thảo dược. Nhiều loại dược liệu được xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế với giá trị không cao; nhưng sau đó đã được các doanh nghiệp dược liệu nước ngoài sử dụng công nghệ hiện đại để chế biến, chiết xuất hoạt chất, sản xuất thuốc YHCT, thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoặc mỹ phẩm mang thương hiệu quốc tế và xuất khẩu trở lại vào các thị trường xuất khẩu nguyên liệu thô, các quốc gia có nhu cầu với giá trị tăng lên rất nhiều lần.

Do vậy có thể nói rằng Việt Nam ta rất giàu tài nguyên dược liệu, giàu tri thức về YHCT được kế thừa và phát triển qua hàng nghìn năm. Tuy nhiên, sự tụt hậu về công nghệ dược liệu, năng lực nghiên cứu phát triển thấp, sản phẩm dược liệu chưa bảo đảm tiêu

chuẩn chất lượng quốc tế và năng lực thương mại hóa sản phẩm còn yếu, khiến Việt Nam chưa có được những sản phẩm thảo dược giá trị cao nhất đóng góp cho nền kinh tế công nghiệp dược liệu và chuỗi giá trị toàn cầu.

4. NHỮNG MẮC XÍCH YẾU NHẤT KHIẾN VIỆT NAM CHƯA THỂ XÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT NGÀNH CÔNG NGHIỆP DƯỢC LIỆU QUY MÔ LỚN VÀ CÓ THƯƠNG HIỆU QUỐC TẾ

Dưới góc nhìn mang tính hệ thống, những điểm yếu lớn nhất của Việt Nam hiện nay trong việc chưa thể xây dựng được thương hiệu một quốc gia có nền công nghiệp dược liệu phát triển không chỉ nằm ở một khâu hay một mắc xích riêng lẻ như vùng nguyên liệu, công nghệ chế biến hay doanh nghiệp dẫn dắt, mà do bởi chúng ta chưa xây dựng được một chiến lược quốc gia đủ mạnh để phát triển công nghiệp dược liệu như một ngành kinh tế y sinh học hiện đại.



GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ tặng nguyên Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, sách “Cẩm nang Hỏi – Đáp về Y học giấc ngủ”, có những nội dung về CSSK giấc ngủ bằng YHCT.

Trước hết, ngành công nghiệp dược liệu của Việt Nam chưa có một định hướng phát triển mang tính liên ngành và dài hạn. Dược liệu không chỉ thuộc lĩnh vực YHCT hay nông nghiệp, mà là giao điểm của y học, dược học, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại quốc tế và sở hữu trí tuệ. Vì vậy, nếu mỗi bộ, ngành, địa phương phát triển theo một hướng riêng, thiếu điều phối tổng thể, thì rất khó tạo ra một ngành công nghiệp dược liệu quy mô lớn.

Thứ hai, sự liên kết về định hướng quy hoạch và phát triển của công nghiệp dược liệu giữa các vùng trọng điểm còn chưa đủ chặt chẽ. Việt Nam có nhiều vùng dược liệu quý như Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Trường Sơn, Đông Bắc và Lâm Đồng, nhưng các vùng này chưa được tổ chức thành những cụm công nghiệp dược liệu hoàn chỉnh. Một vùng dược liệu hiện đại không chỉ là nơi trồng cây thuốc, mà phải gắn với trung tâm nghiên cứu, cơ sở kiểm nghiệm, nhà máy chiết xuất, doanh nghiệp chế biến sâu, hệ thống hạ tầng và chiến lược thị trường.

Thứ ba, đầu tư cho khoa học công nghệ trong lĩnh vực dược liệu còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng quốc gia. Trong khi các nước phát triển đã ứng dụng sinh học

phân tử, giải trình tự gen, trí tuệ nhân tạo, công nghệ nano và sinh tổng hợp hoạt chất để phát triển thuốc từ dược liệu, thì Việt Nam vẫn chủ yếu dừng ở mức nghiên cứu thành phần hóa học, khảo sát tác dụng sinh học hoặc sản xuất sản phẩm ở quy mô nhỏ.

Thứ tư, Việt Nam còn thiếu năng lực làm chủ công nghệ lõi trong nghiên cứu và phát triển dược liệu. Những khâu tạo giá trị cao nhất hiện nay là xác định hoạt chất chính, chuẩn hóa hàm lượng hoạt chất, chiết xuất tinh khiết, bào chế hiện đại, kiểm chứng cơ chế tác dụng ở mức tế bào và phân tử, thử nghiệm tiền lâm sàng, thử nghiệm lâm sàng và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Đây là những khâu quyết định một dược liệu có thể trở thành sản phẩm khoa học công nghệ hay chỉ dừng lại ở nguyên liệu thô.

Thứ năm, canh tác dược liệu sạch, chất lượng cao và có truy xuất nguồn gốc vẫn là điểm nghẽn lớn tại Việt Nam. Một sản phẩm dược liệu muốn đi ra thị trường quốc tế phải có vùng trồng chuẩn hóa, giống ổn định, quy trình canh tác sạch, kiểm soát tồn dư hóa chất, kim loại nặng, vi sinh vật và bảo đảm hàm lượng hoạt chất đồng nhất. Nếu không có nguyên liệu chuẩn, mọi công nghệ chế biến phía sau đều khó tạo ra sản phẩm đạt chuẩn quốc tế.

Thứ sáu, Việt Nam ta chưa đầu tư đủ mạnh để phát triển dược liệu thành các sản phẩm chăm sóc, phục hồi và tái tạo sức khỏe thể hệ mới, phục vụ cho y học cá thể, y học chính xác. Xu hướng y học hiện đại không chỉ điều trị bệnh mà còn hướng đến dự phòng, phục hồi chức năng, chống lão hóa, điều hòa miễn dịch, tái tạo mô, cải thiện chuyển hóa và nâng cao chất lượng sống. Đây là không gian rất lớn để dược liệu Việt Nam tham gia vào phát triển, nhưng cần có nền tảng nghiên cứu về sinh học phân tử, miễn dịch học, tế bào học, y học tái tạo và công nghệ bào chế tiên tiến.

5. Thiếu vùng nguyên liệu chuẩn hoá, thiếu công nghệ chế biến sâu hay thiếu những doanh nghiệp đủ tầm để dẫn dắt ngành dược liệu Việt Nam bước ra thị trường toàn cầu

Cả ba yếu tố được đề cập đến như là vùng nguyên liệu chuẩn hóa, công nghệ chế biến sâu và doanh nghiệp dẫn dắt, đều là những điều kiện hết sức quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp dược liệu. Tuy nhiên, nếu nhìn dưới góc độ phát triển quốc gia và xây dựng một nền công nghiệp dược liệu hiện đại, thì đây mới chỉ là những điều kiện cần, nhưng chưa phải là điều kiện đủ.

Điều đáng lo ngại hơn là Việt Nam vẫn chưa thực sự hình thành được một chiến lược quốc gia đủ mạnh, đủ dài hạn và đủ tính đột phá để phát triển công nghiệp dược liệu trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, không có quốc gia nào xây dựng thành công ngành công nghiệp dược liệu chỉ bằng nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trung Quốc, Hàn Quốc hay Nhật Bản đều thành công nhờ có chiến lược quốc gia rõ ràng, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế, định hướng phát triển, đầu tư cho khoa học công nghệ và tạo môi trường để doanh nghiệp phát triển.

Thật vậy, nếu không có một chủ trương mang tầm chiến lược quốc gia thì rất khó giải quyết đồng thời các vấn đề về vùng nguyên liệu, công nghệ và doanh nghiệp. Bởi lẽ, vùng nguyên liệu cần quy hoạch liên vùng và liên ngành; công nghệ cần đầu tư dài hạn cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp cần môi trường chính sách ổn định để mạnh dạn đầu tư cho nghiên cứu phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường quốc tế.

Có thể nói, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay của ngành công nghiệp dược liệu Việt Nam chưa phát triển đủ mạnh để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu là sự thiếu đồng bộ giữa chiến lược phát triển kinh tế dược liệu với các chiến lược về khoa học công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh học, y tế và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp dược liệu chất lượng cao. Dược liệu vẫn đang nhìn dược liệu chủ yếu dưới góc độ cây

thuốc hoặc sản phẩm YHCT, trong khi thế giới đã nhìn được liệu như một thành phần quan trọng của nền kinh tế sinh học và công nghệ CSSK thế hệ mới.

Do vậy, điều quan trọng và cấp thiết nhất hiện nay là dựa trên các Nghị quyết trung ương, các Kết luận và định hướng của Bộ Chính trị, cần phải xây dựng một Chiến lược Quốc gia về Công nghiệp Dược liệu và Kinh tế Dược liệu Việt Nam giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045, với các cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, giới khoa học và các địa phương cùng tham gia đóng góp.

6. Nếu không có những thay đổi mang tính đột phá trong chính sách và đầu tư, liệu Việt Nam có nguy cơ tiếp tục đứng ngoài "miếng bánh" hàng trăm tỷ USD của ngành công nghiệp thảo dược thế giới

Hiện nay vấn đề này không chỉ là nguy cơ mà là thực tiễn. Nếu không có những thay đổi mang tính đột phá, Việt Nam có thể tiếp tục chỉ đứng ở phần thấp hay khâu đầu tiên của chuỗi giá trị dược liệu toàn cầu, trong khi phần giá trị gia tăng lớn nhất vẫn thuộc về các quốc gia làm chủ công nghệ, thương hiệu, dữ liệu khoa học và thị trường quốc tế. Điều quan trọng nhất là Việt Nam không thiếu tiềm năng: chúng ta có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú, có nền YHCT lâu đời, có nhiều vùng sinh thái đặc thù và có thị trường CSSK hơn một trăm triệu dân. Nhưng tiềm năng không thể tự chuyển hóa thành sức mạnh kinh tế và muốn tham gia vào “miếng bánh” hàng trăm tỷ USD của ngành công nghiệp thảo dược thế giới, Việt Nam phải có những đột phá mạnh mẽ và đồng bộ.

Thứ nhất là đột phá về chính sách: Cần xem công nghiệp dược liệu không chỉ là một lĩnh vực của YHCT, mà là một ngành kinh tế y sinh học, kinh tế xanh và kinh tế chăm sóc sức khỏe. Việt Nam cần một chiến lược quốc gia lớn mạnh, có cơ chế ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, tín dụng, thuế, bảo hộ sở hữu trí tuệ và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ hai là đột phá về con người: Ngành dược liệu hiện đại cần nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực dược học, hóa dược, công nghệ sinh học, sinh học phân tử, y học tái tạo, công nghệ nano, trí tuệ nhân tạo, quản trị chất lượng, sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế. Nếu không có đội ngũ chuyên gia đủ tầm, chúng ta khó tạo ra sản phẩm đủ sức cạnh tranh toàn cầu.

Thứ ba là đột phá về khoa học công nghệ: Giá trị cao nhất của dược liệu nằm ở nghiên cứu hoạt chất, cơ chế tác dụng, chiết xuất tinh khiết, bào chế hiện đại, sinh tổng hợp hoạt chất, thử nghiệm tiền lâm sàng, thử nghiệm lâm sàng và chuẩn hóa chất lượng. Việt Nam cần đầu tư mạnh vào các trung tâm công nghệ dược liệu, phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế và các nền tảng nghiên cứu dựa trên sinh học phân tử, AI và công nghệ sinh học.

Thứ tư là đột phá về cây trồng dược liệu: Không thể xây dựng công nghiệp dược liệu bằng vùng trồng nhỏ lẻ, tự phát và chất lượng không đồng nhất. Cần quy hoạch các vùng dược liệu trọng điểm đạt chuẩn quốc tế, có giống chuẩn, canh tác sạch, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát hoạt chất, bảo tồn nguồn gen và phát triển các dược liệu quốc gia như Sâm Ngọc Linh, quế, hồi, atisô, cà gai leo, nghệ và các dược liệu đặc hữu khác.

Thứ năm là đột phá về liên kết xuất khẩu và đầu tư quốc tế: Việt Nam cần chủ động tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua hợp tác với các tập đoàn dược liệu, công nghệ sinh học, thực phẩm sức khỏe và mỹ phẩm thiên nhiên. Không chỉ xuất khẩu nguyên liệu, chúng ta phải xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh, công nghệ, thương hiệu và các giải pháp chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc từ dược liệu Việt Nam.

Thứ sáu là đột phá trong sử dụng dược liệu phục vụ CSSK nhân dân: Dược liệu Việt Nam phải được đưa vào hệ thống CSSK một cách khoa học, an toàn và có kiểm chứng. Các sản phẩm từ dược liệu cần hướng đến dự phòng bệnh tật, phục hồi sức khỏe, hỗ trợ

điều trị bệnh mạn tính, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa, phục hồi chức năng và cải thiện chất lượng sống. Đây là thị trường rất lớn, đồng thời cũng là sứ mệnh xã hội của ngành dược liệu Việt Nam.

Nếu không có những đột phá mang tính chính sách này thì thị phần của ngành công nghiệp dược liệu Việt Nam sẽ chỉ là “mẫu bánh nhỏ” trong “miếng bánh lớn” của ngành công nghiệp dược liệu toàn cầu.



GS.TSKH.BS.Dương Quý Sỹ cùng đại biểu ngành y tế chụp hình lưu niệm với lãnh đạo Chính phủ nhân dịp 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 – 27/02/2026).

7. Việt Nam có những lợi thế để bứt phá và trở thành một trung tâm sản xuất dược liệu, sản phẩm y học cổ truyền của khu vực trong 10 - 20 năm tới

Việt Nam hoàn toàn có cơ hội trở thành một trung tâm dược liệu và nghỉ dưỡng tích hợp chăm sóc YHCT hiện đại của khu vực nếu có chiến lược phát triển đúng đắn và đầu tư đủ mạnh cho khoa học công nghệ dược liệu.

Chúng ta có nhiều lợi thế mà không phải quốc gia nào cũng đồng thời sở hữu được: nguồn tài nguyên dược liệu phong phú, đa dạng sinh học thuộc nhóm cao của thế giới, hệ sinh thái tự nhiên đa dạng trải dài từ miền núi phía Bắc đến vùng cao nguyên phía Nam, nền y học cổ truyền lâu đời và kho tàng tri thức bản địa được tích lũy qua nhiều thế hệ, là quốc gia có các Danh y được UNESCO công nhận (Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác), kế thừa được những tư tưởng quan trọng mang tính chiến lược và tầm nhìn thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền y học Việt Nam mang tính đại chúng dựa trên Đông – Tây y phối hợp và đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang bước vào giai đoạn đột phá phát triển về khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đột phá trong công tác CSSK theo tinh thần các Nghị quyết trung ương. Đây chính là nền tảng quan trọng để chuyển hóa tài nguyên dược liệu thành các sản phẩm có hàm lượng khoa học và giá trị gia tăng cao. Do vậy, lợi thế lớn nhất của Việt Nam không nằm ở số lượng cây thuốc mà nằm ở khả năng kết hợp giữa dược liệu – YHCT – công nghệ sinh học hiện đại. Đây cũng chính là

những tiền đề giúp tạo ra xu hướng phát triển của một ngành “*công nghiệp CSSK xanh - sạch - thân thiện và tinh hoa*” của Việt Nam trong hội nhập toàn cầu trong tương lai.

Nếu có thêm những chính sách đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư mạnh cho nghiên cứu và phát triển, xây dựng vùng dược liệu chuẩn hóa, phát triển doanh nghiệp dẫn dắt và tăng cường hợp tác quốc tế với các tập đoàn công nghiệp dược liệu, Việt Nam hoàn toàn có thể hình thành một ngành công nghiệp dược liệu hiện đại và tiên tiến, đóng góp có ý nghĩa cho GDP quốc gia vào những năm 2045.

Với những định hướng mang tính chiến lược như trên, trong vòng 10 – 20 năm sắp đến, chắc chắn rằng Việt Nam ta không chỉ sẽ trở thành trung tâm sản xuất dược liệu của khu vực mà còn có khả năng phát triển các sản phẩm CSSK, phục hồi chức năng, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa và y học tái tạo mang thương hiệu Việt Nam trong chuỗi giá trị dược liệu theo định hướng YHCT trên toàn cầu.

8. Những việc cấp bách nhất cần làm ngay lúc này để Việt Nam không chỉ là "kho nguyên liệu" mà có thể xây dựng những thương hiệu thảo dược quốc gia đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Việc cấp thiết nhất hiện nay không phải là trồng thêm nhiều dược liệu hơn hay gia tăng sản lượng nguyên liệu, mà là phải xây dựng một “***Chiến lược Quốc gia về phát triển công nghiệp dược liệu và kinh tế dược liệu Việt Nam***” với tầm nhìn dài hạn đến năm 2045 và xa hơn.

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mạnh sang kinh tế sinh học, kinh tế xanh và công nghệ “CSSK thân thiện”, dược liệu không nên chỉ được xem là một sản phẩm nông nghiệp hay một lĩnh vực của YHCT, mà phải được xác định là một ngành công nghiệp chiến lược có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao sức khỏe nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta cần phải triển khai đồng thời và đồng bộ một số định hướng lớn mang tầm quốc gia.

Trước hết là xây dựng “Chiến lược Quốc gia về quy hoạch và phát triển vùng dược liệu”. Cần xác định rõ các vùng sinh thái trọng điểm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Trường Sơn, Nam Trung Bộ và các vùng cao nguyên để phát triển những dược liệu có lợi thế cạnh tranh. Việc quy hoạch phải gắn với bảo tồn nguồn gen, chuẩn hóa giống, canh tác sạch, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai là xây dựng “Chiến lược Quốc gia về công nghiệp dược liệu và công nghệ dược liệu”. Trọng tâm không còn là xuất khẩu nguyên liệu thô mà là đầu tư vào khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, sinh học phân tử, công nghệ chiết xuất hoạt chất, công nghệ sinh tổng hợp, công nghệ nano và các nền tảng đổi mới sáng tạo để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Việt Nam.

Thứ ba là xây dựng “Chiến lược Quốc gia về chăm sóc sức khỏe dựa trên nguyên lý y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại”. Đây là xu hướng mà nhiều quốc gia phát triển đang hướng tới. Các sản phẩm dược liệu có bằng chứng khoa học cần được nghiên cứu, đánh giá và từng bước đưa vào hệ thống CSSK quốc gia, đặc biệt trong dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa, CSSK người cao tuổi và quản lý bệnh mạn tính.

Thứ tư là chủ động thành lập các “Viện Nghiên cứu Quốc gia về Dược liệu, Công nghệ Y sinh và Y học Cổ truyền hiện đại”. Các viện này cần đóng vai trò đầu tàu trong nghiên cứu hoạt chất, sinh học phân tử, dược lý học, thử nghiệm lâm sàng, công nghệ bào chế, y học tái tạo và phát triển các sản phẩm CSSK thế hệ mới từ nguồn dược liệu Việt Nam; gắn kết với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với sự tham gia của các trường đại học,

viện nghiên cứu, bệnh viện, doanh nghiệp công nghệ sinh học và các địa phương có thể mạnh về dược liệu.

Sau cùng là, trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, ***“Dược liệu và YHCT cần được tích hợp vào các chương trình chăm sóc người cao tuổi, người yếu thế, phục hồi chức năng cộng đồng và nâng cao chất lượng sống”***. Đây vừa là nhu cầu rất lớn của xã hội, vừa là thị trường đầy tiềm năng cho ngành công nghiệp dược liệu trong tương lai.

Nói tóm lại, nếu muốn thoát khỏi vị thế ***“kho nguyên liệu”*** của ngành công nghiệp dược liệu, Việt Nam cần chuyển đổi mạnh mẽ theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, chuyển từ tư duy phát triển cây thuốc sang tư duy xây dựng một nền công nghiệp dược liệu hiện đại dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, gắn với chăm sóc sức khỏe toàn dân và hội nhập y học cổ truyền toàn cầu. Khi có chiến lược quốc gia mạnh mẽ và đột phá, có đầu tư cho khoa học công nghệ chuyên ngành công nghiệp dược liệu, có hệ sinh thái nghiên cứu – doanh nghiệp – thị trường dược liệu vững mạnh và có chính sách bền vững, tạo sự đột phá đưa các sản phẩm dược liệu vào chăm sóc sức khỏe nhân dân, chuỗi giá trị dược liệu toàn cầu, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng những thương hiệu thảo dược quốc gia mang tầm khu vực và quốc tế trong những thập niên tới./.





CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

GIÁC NGỦ – "CHÌA KHÓA THẦM LẶNG" NÂNG TẦM THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Mối liên hệ giữa chất lượng giấc ngủ và thành tích thể thao

Hiện nay, Y học giấc ngủ – lĩnh vực nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe liên quan đến giấc ngủ – đang ngày càng được khẳng định là "mảnh ghép" không thể thiếu để nâng cao thành tích thể thao, giảm chấn thương và tối ưu hóa hiệu suất vận động viên.

Nhân kỷ niệm 80 năm Ngày Thể thao Việt Nam (27/3/1946 – 27/3/2026), trao đổi với phóng viên Báo Điện tử Chính phủ, GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Phó Chủ tịch Hội Y học giấc ngủ châu Á, Thành viên Ban chấp hành Hội giấc ngủ thế giới cho biết, mỗi con người thường dành hơn 1/3 cuộc đời để ngủ.

Nhưng với vận động viên, đặc biệt là vận động viên thành tích cao, giấc ngủ không chỉ là nghỉ ngơi mà còn là "giai đoạn vàng" để phục hồi thể chất, tái tạo năng lượng và ổn định tinh thần. Một giấc ngủ chất lượng giúp hệ cơ xương khớp phục hồi, hệ thần kinh minh mẫn, từ đó cải thiện khả năng tập luyện, phản xạ và ra quyết định trong thi đấu.

Các nghiên cứu quốc tế, đặc biệt từ Mỹ và châu Âu cũng đã chứng minh mối liên hệ chặt chẽ giữa chất lượng giấc ngủ và thành tích thể thao. Vận động viên ngủ đủ và sâu có xu hướng đạt phong độ cao hơn, giảm nguy cơ chấn thương và duy trì sự ổn định tâm lý tốt hơn so với những người thiếu ngủ hoặc ngủ kém chất lượng.

"Sức khỏe giấc ngủ là nền tảng của thành tích cao, giúp vận động viên không chỉ thi đấu tốt hơn mà còn giảm nguy cơ chấn thương và duy trì sự ổn định lâu dài. Đồng thời giúp điều chỉnh theo hướng tích cực hành vi và thái độ chuẩn mực của vận động viên khi thi đấu ở những môn có tính đối kháng và tính tập thể cao, như bóng chuyền, bóng đá, đua thuyền, chạy tiếp sức...", GS.TSKH Dương Quý Sỹ nhấn mạnh.

Thách thức của y học giấc ngủ trong thể thao hiện nay

Dù vai trò đã được chứng minh rõ ràng, song việc ứng dụng y học giấc ngủ trong thể thao vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Trên thế giới, các nền thể thao tiên tiến đã tích hợp quản lý giấc ngủ vào hệ thống đào tạo vận động viên từ rất sớm. Giấc ngủ được theo dõi như một chỉ số quan trọng ngang với thể lực hay dinh dưỡng, thậm chí được đưa vào các chương trình phòng ngừa chấn thương và phát triển tài năng trẻ. Tuy nhiên, tại Việt Nam, lĩnh vực này vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa trở thành một phần chính thức trong hệ thống huấn luyện thể thao thành tích cao.

GS.TSKH Dương Quý Sỹ cũng chỉ ra một thực tế đáng lo ngại, đó là tỷ lệ rối loạn giấc ngủ trong cộng đồng không hề nhỏ. Theo thống kê, hơn 8,5% người trưởng thành có rối loạn thở khi ngủ và trên 25% bị thiếu ngủ. Điều này cũng phản ánh phần nào nguy cơ tiềm ẩn ở các vận động viên – nhóm đối tượng chịu áp lực cao về thể chất và tinh thần.

Các thách thức nổi bật có thể kể đến như: thiếu nhận thức chuyên môn; lệch nhịp sinh học ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất; áp lực thi đấu căng thẳng, tâm lý lo âu, khiến chất

lượng giấc ngủ suy giảm; lạm dụng thiết bị điện tử gây khó ngủ; thiếu hệ thống hỗ trợ chuyên sâu...

Hệ quả của tình trạng này là thiếu ngủ hoặc ngủ kém chất lượng, dẫn đến suy giảm khả năng tập trung, phản xạ chậm, tăng nguy cơ chấn thương và ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích thi đấu.

Hướng đi nào cho y học giấc ngủ trong thể thao?

Trước những thách thức đó, GS.TSKH Dương Quý Sỹ chỉ ra rằng, Việt Nam cần sớm xây dựng chiến lược phát triển y học giấc ngủ trong thể thao theo hướng bài bản, hiện đại và hội nhập quốc tế.

Theo đó, trước tiên chúng ta cần có các nghiên cứu, khảo sát toàn diện về sức khỏe giấc ngủ của vận động viên. Đây sẽ là cơ sở khoa học để xây dựng chính sách và chương trình can thiệp phù hợp.



Sức khỏe giấc ngủ có ý nghĩa rất quan trọng đối với động viên khi thi đấu ở những môn có tính đối kháng và tính tập thể cao, như bóng chuyền, bóng đá, đua thuyền, chạy tiếp sức...

Song song, cần tăng cường đào tạo kiến thức về y học giấc ngủ cho huấn luyện viên, bác sĩ thể thao và chính các vận động viên. Khi nhận thức được nâng cao, việc thay đổi hành vi – như ngủ đúng giờ, hạn chế thiết bị điện tử, duy trì thói quen thư giãn – sẽ trở nên dễ dàng hơn.

Thứ hai là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu. Hiện nay, đội ngũ chuyên gia về y học giấc ngủ trong thể thao ở nước ta còn thiếu. Do đó, cần triển khai các chương trình đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn cho cán bộ y tế thể thao, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để cập nhật kiến thức và công nghệ mới.

Thứ 3 là ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo. Sự phát triển của công nghệ mở ra cơ hội lớn trong việc theo dõi và cải thiện giấc ngủ. Các thiết bị đeo thông minh, giường ngủ thông minh hay hệ thống phân tích dữ liệu lớn có thể giúp theo dõi nhịp sinh học, chất lượng giấc ngủ theo thời gian thực.

Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo (AI) có thể phân tích dữ liệu để cá thể hóa chương trình luyện tập, nghỉ ngơi và phục hồi cho từng vận động viên, từ đó tối ưu hóa hiệu suất và giảm nguy cơ chấn thương.

Thứ 4, xây dựng hệ thống trung tâm chuyên sâu. Việc thành lập các trung tâm hoặc viện chuyên về y học giấc ngủ trong thể thao là hướng đi mang tính chiến lược. Đây sẽ là nơi thực hiện các hoạt động khám, đánh giá giấc ngủ định kỳ, tư vấn và điều trị các rối loạn giấc ngủ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đồng thời là nơi đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ 5, cá thể hóa chương trình huấn luyện. Đây là một xu hướng quan trọng trên thế giới là cá thể hóa – tức xây dựng chương trình riêng cho từng vận động viên dựa trên đặc điểm sinh học, tâm lý, cường độ tập luyện và giấc ngủ. Điều này giúp tối ưu hóa hiệu quả và giảm thiểu rủi ro.

Giấc ngủ – nền tảng cho thành tích bền vững

Có thể thấy, y học giấc ngủ không còn là yếu tố "phụ trợ" mà đã trở thành trụ cột quan trọng trong thể thao hiện đại. Một giấc ngủ tốt không chỉ giúp vận động viên phục hồi thể lực mà còn nâng cao trí tuệ, cảm xúc và khả năng thích nghi trong thi đấu.

GS.TSKH Dương Quý Sỹ khẳng định, giấc ngủ tốt là điều kiện tiên quyết để vận động viên đạt phong độ cao nhất, đồng thời là 'lá chắn' quan trọng giúp phòng ngừa chấn thương và duy trì sự nghiệp thi đấu lâu dài.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới nâng tầm thể thao trên đấu trường quốc tế, việc đầu tư cho y học giấc ngủ chính là góp phần đầu tư cho nền tảng phát triển bền vững. Khi giấc ngủ được đặt đúng vị trí, kết hợp với dinh dưỡng, khoa học huấn luyện và công nghệ hiện đại, thể thao Việt Nam hoàn toàn có thể tạo ra những bước đột phá trong tương lai gần.





CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

NGƯỜI "ĐÁNH THỨC" GIẤC NGỦ KHỎE CHO CỘNG ĐỒNG

Nhiều năm qua, khi nhắc đến y học giấc ngủ tại Việt Nam, giới chuyên môn và bệnh nhân đều nhớ đến ông - GS. TSKH. Dương Quý Sỹ – người đặt nền móng cho một lĩnh vực còn rất mới mẻ nhưng liên quan trực tiếp đến sức khỏe của hàng chục triệu người Việt.

Theo các thống kê chuyên ngành, tại Việt Nam có hơn 1 triệu trẻ em và 4 triệu người lớn bị ngủ ngáy, ngưng thở khi ngủ; hơn 10 triệu người trưởng thành bị mất ngủ. Đặc biệt, các rối loạn giấc ngủ lại âm thầm diễn biến qua nhiều năm, để lại hậu quả nặng nề như tăng huyết áp, tiểu đường, xơ vữa mạch máu, sa sút trí tuệ và đột quỵ.

"Người ta có thể sợ ung thư, sợ nhồi máu cơ tim nhưng lại xem nhẹ ngủ ngáy và mất ngủ. Trong khi đó, rối loạn giấc ngủ chính là mảnh đất âm thầm nuôi dưỡng các bệnh lý nguy hiểm ấy", GS. TSKH Dương Quý Sỹ nhấn mạnh.

Từ "giấc ngủ" quên trong chuyên môn

Hiệp hội Giấc ngủ thế giới (World Sleep Society), tổ chức tiền thân là Hiệp hội Y học giấc ngủ thế giới (WASM), đã khởi xướng Ngày Giấc ngủ thế giới (World Sleep Day) lần đầu tiên vào năm 2008. Tổ chức này quy tụ các chuyên gia nhằm nâng cao nhận thức toàn cầu về tầm quan trọng của giấc ngủ.

Sau gần 11 năm, đến cuối năm 2019, Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam chính thức được thành lập. GS.TSKH Dương Quý Sỹ giữ vai trò Chủ tịch. Đây không chỉ là một cột mốc nghề nghiệp, mà còn là bước ngoặt của y học giấc ngủ nước nhà.

Ông chia sẻ, muốn bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chúng ta phải bắt đầu từ giấc ngủ. Không có giấc ngủ khỏe thì không có một xã hội khỏe mạnh".

Ngay sau khi thành lập, Hội đã triển khai các chương trình đào tạo bài bản, với hơn 600 cán bộ y tế được cấp chứng chỉ đo đa ký giấc ngủ, các khóa đào tạo 3 tháng về chẩn đoán và điều trị ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ (OSA) liên tục được triển khai, cùng với 37 chuyên đề về rối loạn giấc ngủ ngoài OSA và 60 chuyên đề về rối loạn giấc ngủ ở trẻ em.

"Đào tạo nhân lực là giải pháp bền vững nhất. Một bác sĩ hiểu đúng về giấc ngủ sẽ cứu được hàng nghìn bệnh nhân trong suốt sự nghiệp của mình", GS.TSKH Dương Quý Sỹ nhấn mạnh.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ trong thời gian làm bác sĩ chuyên khoa hô hấp tại Bệnh viện Cochin – Paris (năm 2006).

Cảnh báo về "kẻ giết người thầm lặng" mang tên OSA

Ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ (OSA) là một trong những bệnh lý được GS.TSKH Dương Quý Sỹ đặc biệt quan tâm. Ở trẻ em, OSA thường do amidan to hoặc béo phì gây hẹp đường thở. Trẻ có thể tăng động, giảm chú ý, học tập sa sút. Ở người lớn, OSA liên quan đến thừa cân, vòng cổ lớn, tuổi cao và nguy cơ đột quỵ tăng mạnh khi chỉ số AHI vượt quá 30 lần/giờ.

"Một người ngủ ngáy to không chỉ làm phiền người bên cạnh, họ có thể đang đối mặt với nguy cơ đột quỵ bất cứ lúc nào nếu không được chẩn đoán và điều trị", Giáo sư cảnh báo.

Trong giai đoạn 2024–2025, Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam đã tầm soát OSA cho bệnh nhân tim mạch, đái tháo đường, béo phì tại nhiều bệnh viện trên cả nước. Gần 500 người được đo đa ký hô hấp miễn phí. Kết quả cho thấy, hơn 75% trong nhóm nguy cơ cao mắc OSA.

"Con số ấy đủ để chúng ta không thể thờ ơ", ông nói.

Điều trị OSA ở trẻ chủ yếu là cắt amidan, nạo VA; ở người lớn là giảm cân, ngủ nghiêng, sử dụng máy thở áp lực dương liên tục (CPAP).



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ được phong hàm Giáo sư chính thức Đại học Y khoa Penn State (2016 - 2030).

Điều trị giấc ngủ không chỉ là... uống thuốc

Không chỉ OSA, mất ngủ cũng là "đại dịch thầm lặng". Trẻ em thức khuya vì điện thoại, người lớn làm việc xuyên đêm, uống cà phê muộn, sử dụng thiết bị điện tử trước khi ngủ. Tất cả đang phá vỡ nhịp sinh học.

Trong khi đó, thuốc ngủ không phải là giải pháp đầu tiên. Thay đổi nhận thức và hành vi mới là nền tảng, ông khẳng định.

Liệu pháp nhận thức – hành vi cho mất ngủ (CBT-I), chế độ ăn giàu melatonin và tryptophan, tiếp xúc ánh sáng buổi sáng, hạn chế ánh sáng mạnh buổi tối, thư giãn cơ trước khi ngủ... là những biện pháp được GS Dương Quý Sỹ và cộng sự hướng dẫn rộng rãi.

"Chỉ vào giường khi buồn ngủ và hãy để phòng ngủ là nơi nghỉ ngơi chứ không phải văn phòng làm việc", GS Dương Quý Sỹ thường nhắc bệnh nhân như vậy.

Nhà khoa học với khát vọng công nghệ Việt

Không dừng ở đào tạo và điều trị, GS Dương Quý Sỹ còn cùng cộng sự phát triển nhiều sáng chế phục vụ cộng đồng như: camera thông minh phát hiện buồn ngủ sớm cho tài xế; ứng dụng miễn phí SleepCare VSSM; quy trình nhạc Binaural Beat hỗ trợ giấc ngủ; tai nghe thông minh đánh giá chất lượng giấc ngủ và đề án máy thở CPAP thông minh chi phí thấp sản xuất tại Việt Nam.

Ông cho rằng, công nghệ phải phục vụ người dân, nhất là những người có thu nhập thấp. Một chiếc máy thở giá phù hợp có thể cứu sống rất nhiều người.

Hiện nay, GS Dương Quý Sỹ đang hướng dẫn hơn 10 nghiên cứu sinh về bệnh lý giấc ngủ, đồng thời chủ trì nhiều nghiên cứu đa trung tâm: tần suất OSA ở người Việt trưởng thành; rối loạn giấc ngủ của nhân viên y tế trong và sau Covid-19; nghiên cứu OSA ở bệnh nhân tim mạch, tiểu đường, béo phì...

Những dữ liệu này đã được báo cáo tại các hội nghị khu vực và thế giới, trở thành cơ sở tham mưu cho Bộ Y tế xây dựng chiến lược chăm sóc sức khỏe giấc ngủ.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ nhận giải thưởng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tiêu biểu của Bộ Lao động & TBXH vào tháng 11/2022

"Giác ngủ" vươn ra toàn cầu

Đầu năm 2026, ông sáng lập "Khởi xướng toàn cầu chăm sóc bệnh ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ – GIFOSA" và "Khởi xướng toàn cầu chăm sóc bệnh mất ngủ – GIFIN", kết nối chuyên gia từ nhiều quốc gia.

Ông chia sẻ, giấc ngủ là nhu cầu sinh học chung của nhân loại. Vì thế, chăm sóc giấc ngủ cũng phải là nỗ lực toàn cầu.

Mục tiêu của các sáng kiến này là xây dựng chiến lược chăm sóc phù hợp cho gần 1 tỷ người mắc OSA và hơn 3 tỷ người rối loạn mất ngủ trên thế giới. Đồng thời chia sẻ nguồn lực chuyên môn cho các quốc gia có hệ thống y tế hạn chế.

Người thầy luôn "thức" để cộng đồng ngủ

Trong suốt 33 năm gắn bó với y tế và giáo dục nước nhà, GS.TSKH Dương Quý Sỹ luôn xem chăm sóc sức khỏe nhân dân là lý tưởng cao nhất, gắn với tình yêu quê hương và niềm tin vào con đường phát triển của đất nước.

Từng có hơn 10 năm (1993–2003) học tập và làm việc tại Pháp – bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa lâm sàng tại Bệnh viện Cochin (Paris), giảng viên Đại học Paris Cité – Viện Sorbonne, tốt nghiệp xuất sắc Tiến sĩ khoa học tại Đại học Paris Est, ông vẫn đau đáu mong muốn trở về cống hiến cho quê hương.

Năm 2014, ông trở lại Việt Nam, giữ cương vị Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng trong hai nhiệm kỳ. Dưới sự điều hành của ông, từ một đơn vị có xuất phát điểm thấp, Nhà trường đã vươn lên nhóm đầu, được vinh danh "Top 100 trường học tiêu biểu châu Á theo tiêu chí UNESCO" và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất tháng 2/2024.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ tặng Thủ tướng Phạm Minh Chính cuốn Cẩm nang 7.000 câu Hỏi - Đáp về giấc ngủ (ngày 24/2/2026) nhân dịp Thủ tướng gặp mặt đại diện các nhà khoa học tiêu biểu trong lĩnh vực y tế và Giám đốc các bệnh viện Trung ương nhân Kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam - Ảnh: VGP/Nhật Bắc - Ảnh: VGP

Trong đại dịch COVID-19, ông tình nguyện vào Bình Dương 6 tháng, phụ trách chuyên môn tại Khoa Hồi sức Bệnh viện COVID-19 Phú Chánh, trực tiếp điều trị, hội chẩn và triển khai phương pháp mới, góp phần giảm tỷ lệ tử vong ở bệnh nhân nguy kịch.

Sau dịch, ông tiếp tục khám và hỗ trợ chuyên môn về hô hấp, y học giấc ngủ tại nhiều địa phương: TP.HCM, Đà Nẵng, Ninh Bình, Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Nội, Lâm Đồng. Ông dùng kinh phí cá nhân mua tặng hơn 14 máy đo đa ký giấc ngủ, đa ký hô hấp và nhiều thiết bị chuyên dụng cho gần 20 bệnh viện trên cả nước.

Hơn 10 năm trở về phục vụ Tổ quốc, ông chấp nhận xa gia đình đang sinh sống tại Pháp, kiên định với mục tiêu cống hiến trong mọi hoàn cảnh.

Với những đóng góp bền bỉ, ông được phong hàm Phó Giáo sư năm 2013; nhận chức danh Giáo sư năm 2016 tại Đại học Penn State (Mỹ). Ông sở hữu hơn 200 công bố quốc tế, 8 bằng phát minh sáng chế, nhiều giải thưởng vì cộng đồng, Huân chương Lao động và giữ vai trò lãnh đạo tại các hiệp hội chuyên ngành khu vực và thế giới, tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp y tế nước nhà trong kỷ nguyên mới.

Bên cạnh nghiên cứu, GS Dương Quý Sỹ cũng tích cực giảng dạy, tổ chức hội nghị khoa học, tham gia phản biện chính sách y tế, đóng góp dữ liệu cho các khuyến cáo quốc tế, đại diện Việt Nam tại các hội đồng chuyên môn toàn cầu về hen và COPD.

Nhưng khi được hỏi về điều tự hào nhất, ông chỉ mỉm cười: "Điều tôi hạnh phúc nhất không phải là bài báo quốc tế, mà là khi một bệnh nhân nói rằng họ đã ngủ ngon trở lại".

Hình ảnh một vị Giáo sư lặng lẽ đi khắp các tỉnh, thành trên cả nước để tầm soát miễn phí, giảng dạy cho đồng nghiệp trẻ, miệt mài với phòng bệnh và những bản thảo nghiên

cứu... là minh chứng cho sự cống hiến không ngừng nghỉ của người thầy thuốc mãi được ví như "Mẹ hiền".

"Ngủ ngon là quyền của mỗi người dân. Nếu chúng ta bảo vệ được giấc ngủ của họ, chúng ta đang bảo vệ tương lai của đất nước", ông nói.

Và có lẽ, đó cũng chính là tinh thần cao đẹp của người thầy thuốc – luôn "thức" để cộng đồng được ngủ yên.





CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

KỶ VỌNG ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: KHƠI DẬY NỘI LỰC CON NGƯỜI CHO "KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH"

Trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, các chuyên gia cho rằng Đại hội Đảng lần thứ XIV không chỉ hoạch định tầm nhìn phát triển đất nước, mà còn đặt ra những quyết sách then chốt để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng trí thức, tạo dựng môi trường học thuật dân chủ, nhân văn - nền tảng để giáo dục thực sự trở thành động lực trung tâm của phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Bước ngoặt lịch sử và triết lý "Con người là trung tâm"

GS.TSKH Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực cho biết, Đại hội XIV của Đảng không chỉ là một kỳ đại hội chuyển tiếp thông thường, mà là một cột mốc mang ý nghĩa lịch sử. Đây là thời điểm mà Đảng sẽ thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện thông qua những đột phá về thể chế và tư duy chính trị. Giáo sư đặt kỳ vọng lớn vào sự đồng lòng, đoàn kết của toàn hệ thống chính trị để hiện thực hóa khát vọng về một "kỷ nguyên vườn mình của dân tộc" trong nhiệm kỳ 2026–2030 và các năm tiếp theo.

Ông nhấn mạnh: "Con người phải được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chiến lược phát triển. Họ vừa là chủ thể sáng tạo, trực tiếp thực thi các mục tiêu chiến lược, nhưng đồng thời cũng phải là đối tượng thụ hưởng tiên quyết của mọi chính sách." Trong kỷ nguyên mới, sự thịnh vượng của đất nước không chỉ đo bằng những con số tăng trưởng của GDP mà phải được xây dựng trên nền tảng chất lượng nguồn nhân lực, lấy văn hóa làm điểm tựa và khoa học – công nghệ làm đòn bẩy.



GS.TSKH Dương Quý Sỹ: Đại hội XIV là một cột mốc mang ý nghĩa lịch sử - Ảnh: NVCC

Giáo dục trước yêu cầu chuyển mình thời đại số

Dành nhiều tâm huyết khi nói về giáo dục và đào tạo, GS. Dương Quý Sỹ nhận định nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIV chính là "cơ hội vàng" để tái cấu trúc mô hình giáo dục theo hướng hiện đại, mở và hội nhập toàn cầu. Ông cho rằng đã đến lúc giáo dục Việt Nam cần một cuộc chuyển dịch căn bản và toàn diện: thoát ly khỏi lối mòn truyền thụ kiến thức thụ động để chuyển sang phát triển con người toàn diện, hình thành năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng và học tập suốt đời cho toàn dân.

Giáo sư phân tích sâu: "Mỗi công dân trong tương lai cần được trang bị năng lực tư duy độc lập, óc sáng tạo và đặc biệt là khả năng học tập suốt đời". Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số đang tái định nghĩa lại thị trường lao động, giáo dục không thể đứng ngoài cuộc. Tuy nhiên, theo ông, công nghệ dù hiện đại đến đâu cũng phải song hành với việc giữ vững và lan tỏa các giá trị nhân văn, đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc. Mục tiêu cuối cùng là hình thành một hệ sinh thái giáo dục mở, liên thông, nơi tri thức và lòng nhân văn được lan tỏa đến mỗi người dân trên mọi vùng miền của Tổ quốc, không để ai bị bỏ lại phía sau, góp phần hình thành một thể hệ công dân giàu tri thức, có năng lực chuyên môn cao, nhiệt huyết với trách nhiệm xã hội.

Trọng dụng trí thức: Không chỉ là đãi ngộ, mà là sự tôn trọng

Một điểm nhấn quan trọng trong quan điểm của GS. Dương Quý Sỹ chính là chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và trí thức.

Theo Giáo sư, môi trường làm việc chính là yếu tố giữ chân nhân tài. Đó phải là một môi trường học thuật dân chủ, liêm chính, nơi năng lực và sự cống hiến thực chất được ghi nhận minh bạch. Ông nhấn mạnh việc khơi dậy niềm tin và khát vọng phụng sự thông qua nền tảng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chính sự trân trọng và cơ chế trọng dụng tài năng sẽ là động lực mạnh mẽ nhất để đội ngũ trí thức đem hết trí tuệ và tâm huyết đóng góp cho sự nghiệp xây dựng quốc gia hùng cường.



TS. Lê Đông Phương: Giáo dục đang vướng nhiều "nút thắt" - Ảnh: NVCC

Giáo dục trong dòng chảy lịch sử và những "nút thắt" hiện hữu

Nhìn lại lịch sử các kỳ Đại hội, TS. Lê Đông Phương (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam) phân tích rằng giáo dục luôn là chủ đề nóng bỏng, nhận được sự quan tâm đặc biệt

của xã hội. Từ sau Đổi mới, quan điểm của Đảng đã có những bước tiến dài: từ mục tiêu đào tạo để đáp ứng nhu cầu lao động thuần túy sang phát triển con người toàn diện, khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu và là nền tảng của năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trước thềm Đại hội XIV, TS. Lê Đông Phương thẳng thắn chỉ ra những "nút thắt" nội tại đang đặt ra bài toán cấp bách. Việt Nam hiện đứng trước một nghịch lý lớn: Một nền kinh tế có độ mở cực rộng, gắn chặt với chuỗi cung ứng toàn cầu nhưng lại đang đối mặt với tình trạng già hóa dân số nhanh và tỷ lệ lao động trình độ cao còn khiêm tốn. Sự tái định hình các chuỗi giá trị toàn cầu cùng làn sóng tự động hóa buộc chúng ta phải ưu tiên phát triển năng lực STEM, kỹ năng số và tinh thần học tập suốt đời. Dù Nghị quyết 71 đã tạo luồng sinh khí mới cho giáo dục phổ thông, nhưng đề quốc gia thực sự nắm giữ vai trò kiến tạo và dẫn dắt kinh tế - công nghiệp, nhân lực trình độ cao mới là yếu tố mang tính sống còn.

Trăn trở trước thực trạng tỉ lệ lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên còn thấp so với khu vực, ông cho rằng yêu cầu đổi mới hệ thống đào tạo đại học và sau đại học đã không còn là lựa chọn, mà là mệnh lệnh cấp thiết. Để giải bài toán này, TS. Lê Đông Phương nhấn mạnh phải kiên quyết chấm dứt tư duy xem các trường đại học chỉ là đơn vị sự nghiệp hành chính thuần túy. Thay vào đó, các cơ sở này – đặc biệt là đại học nghiên cứu cần được trao quyền tự chủ thực chất để trở thành những trung tâm sáng tạo tri thức đích thực. Ở đó, đội ngũ giảng viên phải được nhìn nhận như những chuyên gia, những nhà sáng tạo giàu tâm huyết, chứ không thể mãi bị bó hẹp trong tư duy "viên chức" hành chính.

Trong lộ trình ấy, Nhà nước cần đóng vai trò "bà đỡ" thông qua việc đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu mũi nhọn, đồng thời thúc đẩy "liên minh" chiến lược giữa Nhà trường và Doanh nghiệp. TS. Phương đặc biệt đề cao vai trò của doanh nghiệp: "Họ không thể đứng ngoài cuộc như những đơn vị tiếp nhận sản phẩm đào tạo đơn thuần, mà phải tham gia trực tiếp vào quá trình nghiên cứu, chuyển hóa tri thức thành công nghệ và giá trị cạnh tranh". TS. Phương nhấn mạnh, tại đây, vai trò điều tiết của Nhà nước với các cơ chế minh bạch sẽ là sợi dây gắn kết giúp các bên cùng đồng hành và cùng hưởng lợi trên một hành trình chung.



Khơi dậy tinh thần cống hiến trong đội ngũ trí thức

Đề trí thức yên tâm "phụng sự dân tộc"

Một nội dung quan trọng, cũng là niềm trăn trở lớn nhất của các chuyên gia, chính là vị thế của đội ngũ nhà giáo và trí thức trong lòng xã hội. GS.TSKH Dương Quý Sỹ tâm

huyết chia sẻ rằng, khát vọng về một kỷ nguyên vươn mình chỉ có thể thành hình khi những người làm giáo dục và khoa học được yên tâm cống hiến bằng một tâm thế tự hào nhất.

Theo ông, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện thể chế để đảm bảo cho họ sự vững vàng cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, đó không chỉ là câu chuyện của thu nhập hay những con số định lượng, mà sâu xa hơn, đó là sự kiến tạo một môi trường học thuật thực sự dân chủ, liêm chính và nhân văn. Ở đó, mọi nỗ lực và cống hiến đều phải được soi chiếu dưới lăng kính của sự công bằng, minh bạch, lấy năng lực thực chất làm thước đo duy nhất. Đặc biệt, việc tiếp tục lan tỏa tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt để khơi dậy lòng tự trọng nghề nghiệp, thổi bùng tinh thần phụng sự vốn đã luôn âm ỉ cháy trong mỗi nhà giáo, trí thức.

Khép lại những chia sẻ đầy tâm huyết, các chuyên gia đều chung niềm tin rằng, những quyết sách từ Đại hội XIV sẽ tạo ra một luồng sinh khí mới, hóa giải những trăn trở bấy lâu. Khi đó, giáo dục Việt Nam sẽ không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ dạy chữ, dạy người, mà sẽ thực sự trở thành một "động lực bùng nổ", chuẩn bị đầy đủ hành trang và năng lực để mỗi công dân tự tin bước vào một chương mới của lịch sử.

"Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đang đến gần, và hơn bao giờ hết, chúng ta có quyền kỳ vọng vào những quyết sách thuận lòng dân, những bước đi đột phá để đưa giáo dục thực sự trở thành nền tảng của một quốc gia hùng cường", TS. Lê Đông Phương khẳng định với một niềm tin mãnh liệt.





CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

GÓP Ý VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: XÂY DỰNG HỆ THỐNG Y TẾ VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ HIỆN ĐẠI

GS.TSKH.Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển Nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Hô hấp Việt Nam khẳng định: *"Dự thảo các Văn kiện Đại hội XIV đã định hình hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến 2045, là một kiến trúc tổng thể hiện đại và hài hòa để mọi người dân đều được sống khỏe mạnh, được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng cao trong một xã hội 'an toàn về sức khỏe, văn minh trong chăm sóc', và không ai bị bỏ lại phía sau"*.

Sức khỏe nhân dân: Trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia

Trong kỷ nguyên mới – thời kỳ vươn mình mạnh mẽ của dân tộc hướng đến “một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”, con người được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chiến lược phát triển.

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam một lần nữa khẳng định: chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Đảng, là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, là biểu hiện của một chế độ xã hội chủ nghĩa nhân văn và văn minh.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”.

Tư tưởng ấy trở thành kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi đường lối phát triển đất nước. Từ đó, các nghị quyết, văn kiện của Đảng qua nhiều kỳ Đại hội đều nhấn mạnh: sức khỏe nhân dân là “nguồn lực quý nhất của quốc gia”, là động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.



GS. TSKH. Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực.

Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết 59/70/71/72 của Bộ Chính trị (Hà Nội, 16/9/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “*Mỗi người dân Việt Nam đều phải được khỏe để học, khỏe để làm việc, khỏe để hạnh phúc, khỏe để bảo vệ Tổ quốc*”.

Đó không chỉ là khát vọng của nhân dân, mà còn là mục tiêu chiến lược xuyên suốt trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV – vì một nước Việt Nam khỏe mạnh.

Theo GS Dương Quý Sỹ, Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV xác định: “Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững” là định hướng chiến lược trọng tâm giai đoạn 2026–2030 và tầm nhìn đến 2045. Đây là bước ngoặt về tư duy trong công tác y tế khi người dân thực sự được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chính sách.

Một hệ thống y tế hiện đại không chỉ điều trị bệnh tật mà còn phải chủ động phòng bệnh, dự phòng dịch, quản trị rủi ro sức khỏe và chăm sóc con người toàn diện. Công bằng trong chăm sóc sức khỏe không chỉ là quyền con người, mà còn là thước đo bản chất nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Dù ở miền núi hay hải đảo, mọi người dân đều phải được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng, an toàn và nhân văn.

Cùng với đó, việc nâng cao năng lực của y tế cơ sở, củng cố mạng lưới trạm y tế xã, đầu tư vào đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao vừa có chuyên môn vững, vừa sáng ngời y đức được xác định là trụ cột của chiến lược quốc gia chăm sóc sức khỏe nhân dân.



Đảng ta không chỉ là một chính sách xã hội ưu tiên đơn thuần, phát triển đồng bộ với các chính sách an sinh khác.

Hiện đại hóa nền y tế Việt Nam – vì một quốc gia phát triển và hạnh phúc

Dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã cụ thể hóa mục tiêu xây dựng mạng lưới khám chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế, gắn với chiến lược “Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm công bằng, tiến bộ, chăm lo đời sống nhân dân”.

Theo đó, hệ thống y tế Việt Nam sẽ hình thành các trung tâm y tế chuyên sâu, hiện đại, không chỉ là nơi điều trị, mà còn là trung tâm kết nối tri thức, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Các trung tâm này sẽ tích hợp y học lâm sàng, nghiên cứu dịch tễ, y học giấc ngủ, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn đưa y tế Việt Nam vươn lên trở thành biểu tượng của nền y học nhân văn và tiên tiến trong khu vực.

Đáng chú ý, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV cũng nhấn mạnh nhiệm vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trong đó sự hài lòng, niềm tin và an toàn của người dân phải là “thước đo cao nhất của y đức”. Ngành y tế sẽ chuyển đổi mô hình quản trị bệnh viện theo

hướng hiện đại, phát triển bệnh viện thông minh, y tế số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị.

Kinh nghiệm từ đại dịch COVID-19 cho thấy: sức mạnh y tế quốc gia không chỉ nằm ở khả năng điều trị, mà còn ở năng lực phòng bệnh, kiểm soát và ứng phó linh hoạt.

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng hệ thống y tế dự phòng vững mạnh, đủ năng lực phát hiện sớm, ứng phó nhanh và kiểm soát dịch hiệu quả trong mọi tình huống.

Việc hình thành hệ thống giám sát dịch tễ thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, kết nối giữa trung ương và địa phương, sẽ giúp Việt Nam chủ động trước mọi biến động y tế toàn cầu. Bên cạnh đó, công tác giáo dục sức khỏe cộng đồng, nâng cao ý thức tự bảo vệ sức khỏe, khuyến khích lối sống lành mạnh, tăng cường vận động thể chất và chăm sóc giấc ngủ sẽ là nền tảng để chuyển từ “chăm sóc sức khỏe truyền thống” sang “quản trị sức khỏe thông minh”.

Một trong những điểm nhấn quan trọng của Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV là chủ trương xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và số sức khỏe điện tử toàn dân. Theo GS Dương Quý Sỹ, đây chính là “bộ não thông minh” của nền y tế hiện đại – nơi mọi dữ liệu về sức khỏe được kết nối, phân tích và phục vụ cho chăm sóc con người suốt cuộc đời.

Dữ liệu y tế không chỉ phục vụ điều trị, mà còn giúp hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, dự báo nhu cầu nhân lực y tế, kiểm soát bất bình đẳng vùng miền. Việc số hóa toàn bộ quá trình khám chữa bệnh từ hồ sơ bệnh án, xét nghiệm, hình ảnh chẩn đoán đến toa thuốc điện tử giúp giảm sai sót, tiết kiệm chi phí, tăng tính minh bạch và niềm tin giữa người bệnh thầy thuốc.

Chủ trương này thể hiện tầm nhìn hiện đại, nhân văn của Đảng ta: lấy khoa học, công nghệ và con người làm trung tâm của phát triển y tế. Mỗi người dân, khi được quản lý và chủ động tiếp cận hồ sơ sức khỏe số của mình, sẽ trở thành chủ thể trong việc chăm sóc sức khỏe bản thân đúng với tinh thần “y học vì con người”.

Chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV không chỉ là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại, mà còn là bước phát triển mang tính thời đại của Đảng ta thống nhất giữa lý trí chính trị, sứ mệnh cách mạng và tình yêu con người.

Mục tiêu cuối cùng là xây dựng một nền y tế công bằng, nhân văn, chất lượng và hiện đại, nơi mọi người dân từ miền núi, hải đảo đến thành thị đều được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe toàn diện.

“Đó không chỉ là chiến lược phát triển y tế, mà còn là biểu tượng của văn minh, nhân ái và niềm tự hào Việt Nam trong kỷ nguyên mới”, GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh.



CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

GÓP Ý VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀ ĐỘNG LỰC THEN CHỐT ĐỂ VIỆT NAM ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Trao đổi với phóng viên Báo Nhà báo và Công luận, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam khẳng định: Với sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sức mạnh khối Đại đoàn kết dân tộc và sự hội tụ của trí tuệ Việt Nam trong và ngoài nước, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng nền giáo dục Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, khẳng định vai trò và vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên mới của nền văn minh nhân loại.

+ *Quan điểm về giáo dục của Đảng được thể hiện như thế nào trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV thừa kế giáo sư?*

- Dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng ta tiếp tục khẳng định tầm nhìn chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục, dựa trên nền tảng tư tưởng chủ đạo “*giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu*”, là động lực để xây dựng “*quốc gia phát triển, phồn vinh, hạnh phúc*”.

Trên nền tảng thành tựu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội XIV đã đặt ra một yêu cầu cao hơn, mang tầm nhìn thời đại nhằm kiến tạo một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, công bằng, tiên tiến, hội nhập sâu vào tri thức toàn cầu, và đủ tầm đáp ứng mục tiêu phát triển quốc gia đến năm 2045.

Về giáo dục và đào tạo, tư tưởng chủ đạo của dự thảo văn kiện nhằm định hình nền giáo dục Việt Nam theo hướng “*chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế*”; đồng thời thích ứng với các xu thế mới của giáo dục thời đại trong chuyển đổi số, đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tự chủ đại học, và phát triển hệ sinh thái học tập suốt đời.

Dự thảo văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định tầm nhìn trí tuệ của Đảng ta về giáo dục và đào tạo, những đột phá quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, luôn đặt mỗi con người Việt Nam vào trung tâm của sự phát triển về giáo dục và đào tạo, lấy nhà trường làm nôi tri thức, xã hội là môi trường nuôi dưỡng nhân cách con người, khơi dậy khát vọng cống hiến của toàn dân tộc, đề cao trách nhiệm với cộng đồng và sáng tạo của thế hệ trẻ.



Giáo dục luôn là cội nguồn của sức mạnh dân tộc Việt Nam.

+ Theo giáo sư, dự thảo Văn kiện Đại hội XIV nêu quan điểm gì để tạo đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực “vừa hồng – vừa chuyên”?

- Dự thảo văn kiện Đại hội XIV cũng nêu bật quan điểm đặt giáo dục và đào tạo vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn giáo dục với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế; coi phát triển con người là nền tảng của phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường.

Quan điểm chỉ đạo của dự thảo văn kiện Đại hội XIV cũng đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng vươn lên, năng lực sáng tạo và ý chí tự cường dân tộc; đưa ra định hướng chiến lược chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, xây dựng đội ngũ trí thức và lực lượng khoa học công nghệ tiên phong, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Bên cạnh đó, quan điểm chỉ đạo của văn kiện Đại hội XIV cũng bao hàm nhiệm vụ gắn giáo dục và đào tạo với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đào tạo thế hệ trẻ có tri thức, đạo đức, ý thức công dân và tinh thần trách nhiệm quốc gia; kết hợp hài hòa phát triển con người với bảo đảm an ninh, quốc phòng, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, văn kiện Đại hội XIV cũng là nền tảng tư tưởng để các cơ quan chủ quản giáo dục xây dựng hệ thống giáo dục trong sạch, hiện đại, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và quản trị trong ngành giáo dục; thực hiện dân chủ, minh bạch, phòng chống tiêu cực, chạy theo thành tích; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, bảo đảm kỷ cương và liêm chính học thuật.



Văn kiện Đại hội XIV của Đảng ta một lần nữa khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

+ *Xin giáo sư cho biết, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đặt mục tiêu gì đối với việc xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới?*

- Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội XIV khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò quyết định tương lai dân tộc. Đảng ta định hướng xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, công bằng, “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”, hướng tới phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ.

Văn kiện Đại hội cũng nêu bật trọng tâm chiến lược tạo sự đột phá trong giáo dục và đào tạo là cần phải triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa giáo dục, đột phá phát triển giáo dục công lập là nòng cốt, nhưng đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục ngoài công lập.

Tiếp tục chú trọng phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo hướng tiên tiến và chuẩn hóa; hiện đại hóa đại học và phát triển một số trường đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế.

Trong giai đoạn 2026-2030 và tiếp theo, cần có một cuộc cách mạng về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh dạy ngoại ngữ trong nhà trường để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai, tích hợp năng lực số và trí tuệ nhân tạo vào các chương trình giáo dục.



Yêu cầu đổi mới sâu sắc, căn bản và toàn diện hơn nữa để đưa nền giáo dục Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới.

Văn kiện Đại hội XIV định hướng đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng mở, liên thông các trình độ theo khung trình độ quốc gia; chuyển từ mục tiêu giáo dục truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, phân luồng mạnh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; phát triển đào tạo nghề chất lượng cao, tạo sự đột phá trong chuyển đổi số toàn diện, tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập suốt đời.

Nội dung dự thảo văn kiện Đại hội XIV khẳng định sự tăng cường đổi mới quản trị giáo dục, trao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình cho các cơ sở giáo dục, hoàn thiện chính sách tài chính, đầu tư cho giáo dục.

Đặc biệt dự thảo văn kiện cũng đã nêu bật sự quan tâm của Đảng ta trong phát triển giáo dục vùng khó khăn, giải quyết thiếu giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tạo động lực để chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học; thu hút trí thức trong và ngoài nước; đưa học sinh, sinh viên ra nước ngoài học tập và thu hút sinh viên quốc tế đến Việt Nam.

Xây dựng cơ chế phát hiện và trọng dụng nhân tài, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học công nghệ chiến lược. Dự thảo văn kiện cũng đưa ra những tư tưởng chủ đạo cho việc thúc đẩy xã hội học tập, phát triển mô hình giáo dục cộng đồng, đào tạo từ xa, tạo điều kiện học tập suốt đời cho mọi người và mọi lứa tuổi, nhất là vùng khó khăn; huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục.

+ *Theo giáo sư, những tư tưởng ưu việt và tầm nhìn thời đại nào của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong dự thảo văn kiện Đại hội XIV về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo?*

Tính ưu việt của giáo dục Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2045 không chỉ nhằm trang bị kiến thức toàn diện cho người học, mà nhằm khai phóng tư duy, năng lực sáng tạo, phẩm chất công dân toàn cầu và bản lĩnh văn hóa Việt Nam.

Đây là nhiệm vụ thiêng liêng của ngành giáo dục nhưng cũng là cơ hội lịch sử để hình thành một hệ sinh thái tri thức quốc gia tiên tiến - hiện đại; lấy chuyển đổi số thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khoa học công nghệ để mở rộng năng lực của con người thông qua giáo dục và đào tạo, học tập suốt đời.



Giáo dục và đào tạo không còn là “một lĩnh vực then chốt” mà trở thành điều kiện sống còn của dân tộc Việt Nam.

Dự thảo Báo cáo chính trị và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ và tiên phong, mang tính cách mạng cao trong xây dựng trường học thông minh, thực hiện chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, chính sách ưu tiên phát triển nhân lực công nghệ cao, nâng tầm ngoại ngữ và năng lực số của học sinh – sinh viên, phát triển đội ngũ trí thức và nhà giáo, thúc đẩy liên kết quốc tế trong giáo dục, và đặc biệt tạo môi trường học tập suốt đời – một xã hội học tập đúng nghĩa theo nền tảng tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Dự thảo văn kiện Đại hội XIV giúp định hướng giáo dục Việt Nam không chỉ đơn thuần là thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực, mà là thiết chế một hành trình kiến tạo con người Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, giàu lòng nhân ái, nuôi dưỡng tâm hồn cao đẹp, giàu tri thức và trí tuệ cảm xúc, tràn đầy khát vọng dân tộc trong hội nhập giáo dục toàn cầu.

Đó là con đường để Việt Nam bước vững chắc vào tương lai, hội nhập mà không hòa tan, sáng tạo mà không đánh mất bản sắc, phát triển nhanh nhưng bền vững – vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và nhân ái.

Tầm nhìn chiến lược trong dự thảo các văn kiện Đại hội XIV chỉ có thể hiện thực hóa khi được kết nối với quyết tâm chính trị mạnh mẽ, sự đầu tư tương xứng về nguồn lực con người, tinh thần hành động quyết liệt của Chính phủ, ý chí đổi mới sáng tạo và sự chung tay của toàn xã hội.

Mỗi cán bộ quản lý giáo dục, mỗi nhà giáo, mỗi người học và toàn dân phải trở thành tác nhân của đổi mới, biến tri thức thành sức mạnh phát triển quốc gia, biến khát vọng Việt Nam hùng cường - thịnh vượng năm 2045 thành hiện thực.

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

SẮP XẾP MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC: BƯỚC CHUYỂN TỪ QUẢN LÝ GIÁO DỤC SANG QUẢN TRỊ GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

Việc sắp xếp lại mạng lưới trường mầm non, phổ thông công lập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đang được xem là một trong những cuộc cải tổ lớn nhất của ngành giáo dục trong nhiều năm qua. Mục tiêu không chỉ dừng ở việc giảm khoảng 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục, mà còn hướng tới xây dựng mô hình quản trị hiện đại, nâng cao chất lượng dạy học và phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Đây là cơ hội để chuyển từ tư duy “quản lý trường học” sang “quản trị hệ sinh thái giáo dục”, lấy người học làm trung tâm và dữ liệu số làm nền tảng cho mọi quyết định.

Cuộc cải cách không chỉ là chuyện sáp nhập trường học

Chủ trương sắp xếp hệ thống trường mầm non, phổ thông công lập là một quyết sách có ý nghĩa chiến lược, gắn với tiến trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp mà Đảng và Nhà nước đang triển khai.

“Mục tiêu giảm khoảng 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập không nên được nhìn nhận như một phép cộng, trừ về số lượng trường học hay đầu mỗi quản lý. Giá trị cốt lõi của chủ trương này nằm ở việc tái cấu trúc toàn bộ mạng lưới giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư và không gian phát triển của từng địa phương; giảm sự phân tán nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư công, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục”, cũng giống như bộ máy hành chính đang chuyển từ mô hình nhiều tầng nấc sang mô hình tinh gọn, phân cấp mạnh và tăng trách nhiệm giải trình, giáo dục cũng cần chuyển đổi theo cùng tư duy.

“Không thể duy trì một bộ máy quản lý giáo dục cũ trong một mô hình chính quyền mới. Đây chính là bước chuyển từ quản lý giáo dục sang quản trị giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm, nhà giáo làm động lực, nhà trường là nền tảng và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia là mục tiêu cao nhất”.

Giảm quản lý để tăng đầu tư cho người học

Một trong những điểm là việc sắp xếp trường học lần này phải gắn với chuyển đổi số và quản trị bằng dữ liệu. Dữ liệu về dân số học đường, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, khoảng cách đến trường, nhu cầu học tập cũng như nhu cầu nhân lực của từng địa phương cần trở thành cơ sở khoa học cho mọi quyết định liên quan đến quy hoạch mạng lưới trường học.

Đó cũng là tinh thần quản trị số, quản trị bằng dữ liệu mà Đảng và Nhà nước đang định hướng trong quá trình xây dựng nền hành chính hiện đại.

Đánh giá chủ trương giảm biên chế quản lý, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy, là hướng đi đúng, song muốn đạt hiệu quả thì nguồn lực tiết kiệm được từ việc tinh gọn bộ máy phải được tái đầu tư cho giáo dục.

“Giảm đầu mỗi quản lý không có nghĩa là giảm đầu tư cho giáo dục mà ngược lại phải tăng đầu tư cho hoạt động dạy học, nghiên cứu, chuyển đổi số và phát triển chuyên môn”.

Cùng với việc tăng giáo viên trực tiếp đứng lớp, ngành giáo dục cũng cần bổ sung các vị trí hỗ trợ chuyên môn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tư vấn tâm lý, y tế học đường, giáo dục hòa nhập, phát triển tài năng và quản trị dữ liệu.

Đồng thời, việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cũng cần được thực hiện theo hướng mới. “Chuẩn hóa ngày nay không chỉ là chuẩn bằng cấp mà còn là chuẩn năng lực nghề nghiệp, năng lực số, ngoại ngữ, khả năng đổi mới sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp”.

Đề xuất đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách theo hướng dựa trên người học, nhiệm vụ và kết quả đầu ra; ưu tiên nhiều hơn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới để bảo đảm công bằng trong giáo dục.



Cô Nguyễn Thị Liên, Phó Hiệu trưởng Trường PTNT TH&THCS Dục Nông (Quảng Ngãi) và các em học sinh. Ảnh: NVCC.

Hiệu trưởng phải trở thành nhà quản trị hiện đại

Việc hình thành các trường quy mô lớn, nhiều phân hiệu hoặc trường phổ thông nhiều cấp học sẽ tạo ra yêu cầu hoàn toàn mới đối với đội ngũ lãnh đạo nhà trường.

Trong bối cảnh mới, hiệu trưởng không chỉ điều hành chuyên môn mà phải trở thành người lãnh đạo một tổ chức giáo dục hiện đại với quy mô lớn hơn nhiều về học sinh, giáo viên, ngân sách, tài sản công và dữ liệu số.

Điều đó đòi hỏi đội ngũ quản lý phải chuyển từ tư duy hành chính sang tư duy quản trị chiến lược; có năng lực quản trị nhân lực, tài chính công, chất lượng giáo dục, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, năng lực ứng dụng công nghệ và quản trị bằng dữ liệu sẽ trở thành yêu cầu bắt buộc. Toàn bộ hoạt động quản lý từ hồ sơ học tập điện tử, hồ sơ giáo viên, quản lý tài

sản, tài chính, kiểm định chất lượng đến điều hành và báo cáo cần được vận hành trên hệ thống dữ liệu thống nhất từ nhà trường đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

“Năng lực quản trị bằng dữ liệu là một trong những yêu cầu quan trọng nhất của đội ngũ lãnh đạo giáo dục trong giai đoạn tới”.

Không để học sinh vùng khó thiệt thòi

Đối với vùng sâu, vùng xa, việc tổ chức lại các điểm trường lẻ phải được thực hiện trên nguyên tắc không để bất kỳ trẻ em nào mất cơ hội học tập vì việc sắp xếp mạng lưới trường học.

Chỉ nên giải thể điểm trường khi trường chính hoặc trường nội trú, bán trú đã được chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, ký túc xá, điều kiện dinh dưỡng, y tế học đường, tư vấn tâm lý và giao thông.

Bên cạnh đó, cần có các chính sách riêng dành cho học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thông qua học bổng, phương tiện đi lại, thiết bị học tập số và hỗ trợ tâm lý.

Quyền tiếp cận giáo dục không chỉ là có chỗ học mà còn là quyền được học với giáo viên giỏi, chương trình giáo dục chất lượng, công nghệ hiện đại và môi trường học tập an toàn.

Từ góc độ Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực, GS Sỹ cho rằng cuộc sắp xếp lần này cần được nhìn nhận như cơ hội để kiến tạo hệ sinh thái giáo dục quốc gia tiên tiến và hiện đại, thay vì chỉ dừng ở mục tiêu tinh gọn bộ máy.

Cần đồng thời hoàn thiện mô hình quản trị giáo dục phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng nền hành chính số trong giáo dục; đẩy mạnh tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn mới; đồng thời bảo đảm mọi học sinh đều được tiếp cận giáo dục chất lượng.

“Giáo dục không chỉ đào tạo nguồn nhân lực mà còn phải hình thành nhân cách, đạo đức, năng lực sáng tạo, bản sắc văn hóa Việt Nam và năng lực công dân toàn cầu của mỗi người học”.



NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP
CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP
DƯỢC LIỆU VIỆT NAM**

Trao đổi với phóng viên Báo Nhà báo và Công luận, GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL Việt Nam, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Hô hấp Việt Nam, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Trưởng Bộ môn Y học giấc ngủ, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội khẳng định:

"Khi có chiến lược quốc gia mạnh mẽ và đột phá, có đầu tư cho khoa học công nghệ chuyên ngành công nghiệp dược liệu, có hệ sinh thái nghiên cứu - doanh nghiệp - thị trường dược liệu vững mạnh và có chính sách bền vững, tạo sự đột phá đưa các sản phẩm dược liệu vào chăm sóc sức khỏe nhân dân, chuỗi giá trị dược liệu toàn cầu, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng những thương hiệu thảo dược quốc gia mang tầm khu vực và quốc tế trong những thập niên tới".

Tài nguyên phong phú nhưng sản phẩm còn nghèo nàn

+Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đã biến y học cổ truyền và dược liệu thành ngành công nghiệp mang lại doanh thu hàng chục đến hàng trăm tỷ USD mỗi năm. Việt Nam hiện nay đang đứng ở đâu trong cuộc đua kinh tế thảo dược toàn cầu, thưa ông?

- Đất nước ta có một nền y học cổ truyền với truyền thống lâu đời, được bảo tồn và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử, gắn liền với các Danh y nổi tiếng như Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác với những câu nói nổi tiếng như “Nam dược trị Nam nhân” (Tuệ Tĩnh). Việt Nam hiện đang là một quốc gia có mạng lưới y học cổ truyền (YHCT) phát triển đồng bộ và rộng khắp từ trung ương đến các tỉnh thành và y tế tuyến cơ sở, đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho nhân dân về YHCT, ứng dụng tốt các bài thuốc dược liệu truyền thống, kết hợp với y học hiện đại.

Có thể nói trong hệ sinh thái công nghiệp thảo dược toàn cầu, Việt Nam hiện nay đang là một quốc gia giàu tiềm năng phát triển về công nghiệp dược liệu nhưng chưa trở thành một nước có nền kinh tế thảo dược phát triển. Dù với nguồn dược liệu rất đa dạng và phong phú trải dài khắp cả nước, nhưng giá trị kinh tế thảo dược tạo ra vẫn còn khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nguồn nguyên liệu dược từ thảo dược chủ yếu được trồng và khai thác thủ công, chưa có những khu nghiên cứu, canh tác dược liệu công nghiệp hóa thông minh và hiện đại, phù hợp với ngành công nghiệp sản xuất - chế biến và xuất khẩu dược liệu tiên tiến, tính cạnh tranh cao, mang thương hiệu quốc gia, hình thành chuỗi cung ứng cho khu vực và quốc tế, đóng góp mạnh mẽ nguồn lực kinh tế tài chính thảo dược và khoa học công nghệ dược quốc gia và toàn cầu.

Việt Nam hiện nay đang là một quốc gia giàu tiềm năng phát triển về công nghiệp dược liệu nhưng chưa trở thành một nước có nền kinh tế thảo dược phát triển

+Việt Nam được xem là quốc gia có nguồn tài nguyên dược liệu rất phong phú, nhưng giá trị xuất khẩu còn rất khiêm tốn và chủ yếu ở dạng nguyên liệu thô. Vậy đâu là nghịch lý lớn nhất của ngành dược liệu Việt Nam hiện nay?

-Có thể nói nghịch lý lớn nhất của ngành dược liệu Việt Nam hiện nay là dược thể hiện phù hợp với những đánh giá chung: “Tài nguyên phong phú nhưng sản phẩm còn nghèo nàn”. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học thảo dược cao, với hàng nghìn loài cây thuốc và nhiều dược liệu đặc hữu có giá trị ứng dụng cao trong CSSK như sâm Ngọc Linh, atiso Lâm Đồng (Đà Lạt), quế Trà My, hồi Lạng Sơn, ba kích tím, cà gai leo, đinh lăng...

Tuy nhiên, phần lớn dược liệu vẫn được xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế sử dụng đơn giản, chưa được đầu tư công nghệ chế biến chuyên sâu, tiêu chuẩn hóa giá trị sử dụng quốc tế, chưa có sản phẩm xuất khẩu tham gia vào nền kinh tế dược liệu tỷ đô toàn cầu.

Một nghịch lý khác là mặc dù nhu cầu sử dụng cao các loại thuốc thảo dược trong cải thiện các vấn đề sức khỏe cho người cao tuổi về tim mạch, giấc ngủ, thần kinh, chuyển hóa, bài tiết, xương khớp; kết hợp với xu hướng ngày càng cao của người trẻ thích sử dụng các loại thực phẩm chức năng dược liệu có tác dụng tốt cho sức khỏe và các loại mỹ phẩm từ nguồn thảo dược trong nước và khu vực, nhưng Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn nguyên dược liệu từ nước ngoài. Điều này cho thấy sự mất cân đối trong phát triển nguồn tài nguyên thảo dược tiềm năng quốc gia so với nhu cầu cấp thiết phải xây dựng chuỗi giá trị kinh tế công nghiệp dược liệu.



Người dân trồng sâm Ngọc Linh tại người dân các huyện Tu Mơ Rông, Đăk Glei (Kon Tum cũ). Ảnh: Đức Nhật/TNO

Bán rẻ tài nguyên, mua lại giá trị gia tăng

+Nhiều ý kiến cho rằng, chúng ta đang "bán rẻ tài nguyên, mua lại giá trị gia tăng". Ông nhìn nhận như thế nào về thực trạng dược liệu Việt Nam xuất thô nhưng các sản phẩm giá trị cao lại được sản xuất ở nước ngoài?

-Nhận định "bán rẻ tài nguyên, mua lại giá trị gia tăng" phản ánh một phần nào thực trạng của ngành dược liệu Việt Nam trong thời gian qua. Thật vậy, trong chuỗi giá trị dược

liệu, giá trị kinh tế lớn nhất không nằm ở khâu trồng trọt hay thu hái nguyên liệu, mà nằm ở các công đoạn nghiên cứu hoạt chất, tiêu chuẩn hóa chất lượng, chiết xuất và bào chế, đăng ký sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường. Đây chính là những khâu tạo ra phần lớn lợi nhuận của ngành công nghiệp dược liệu hiện đại.

Trong thời gian qua, ngành dược liệu Việt Nam cũng đã phát triển rất sôi động nhưng vẫn chủ yếu tham gia ở phân khúc đầu vào của chuỗi giá trị thảo dược. Nhiều loại dược liệu được xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế với giá trị không cao; nhưng sau đó đã được các doanh nghiệp dược liệu nước ngoài sử dụng công nghệ hiện đại để chế biến, chiết xuất hoạt chất, sản xuất thuốc YHCT, thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoặc mỹ phẩm mang thương hiệu quốc tế và xuất khẩu trở lại vào các thị trường xuất khẩu nguyên liệu thô, các quốc gia có nhu cầu với giá trị tăng lên rất nhiều lần.

Do vậy có thể nói rằng, Việt Nam ta rất giàu tài nguyên dược liệu, giàu tri thức về YHCT được kế thừa và phát triển qua hàng nghìn năm. Tuy nhiên, sự tụt hậu về công nghệ dược liệu, năng lực nghiên cứu phát triển thấp, sản phẩm dược liệu chưa bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và năng lực thương mại hóa sản phẩm còn yếu, khiến Việt Nam chưa có được những sản phẩm thảo dược giá trị cao nhất đóng góp cho nền kinh tế công nghiệp dược liệu và chuỗi giá trị toàn cầu.

Cần xây dựng một Chiến lược Quốc gia về Công nghiệp Dược liệu và Kinh tế Dược liệu Việt Nam giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045

+Nếu so sánh với Trung Quốc, Hàn Quốc hay Nhật Bản, đâu là những mắt xích yếu nhất khiến Việt Nam chưa thể xây dựng được một ngành công nghiệp dược liệu quy mô lớn và có thương hiệu quốc tế, thưa ông?

- Dưới góc nhìn mang tính hệ thống, những điểm yếu lớn nhất của Việt Nam hiện nay trong việc chưa thể xây dựng được thương hiệu một quốc gia có nền công nghiệp dược liệu phát triển không chỉ nằm ở một khâu hay một mắt xích riêng lẻ như vùng nguyên liệu, công nghệ chế biến hay doanh nghiệp dẫn dắt, mà do bởi chúng ta chưa xây dựng được một chiến lược quốc gia đủ mạnh để phát triển công nghiệp dược liệu như một ngành kinh tế y sinh học hiện đại.

Trước hết, ngành công nghiệp dược liệu của Việt Nam chưa có một định hướng phát triển mang tính liên ngành và dài hạn. Dược liệu không chỉ thuộc lĩnh vực YHCT hay nông nghiệp, mà là giao điểm của y học, dược học, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại quốc tế và sở hữu trí tuệ. Vì vậy, nếu mỗi bộ, ngành, địa phương phát triển theo một hướng riêng, thiếu điều phối tổng thể, thì rất khó tạo ra một ngành công nghiệp dược liệu quy mô lớn.

Thứ hai, sự liên kết về định hướng quy hoạch và phát triển của công nghiệp dược liệu giữa các vùng trọng điểm còn chưa đủ chặt chẽ. Việt Nam có nhiều vùng dược liệu quý như Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Trường Sơn, Đông Bắc và Lâm Đồng, nhưng các vùng này chưa được tổ chức thành những cụm công nghiệp dược liệu hoàn chỉnh. Một vùng dược liệu hiện đại không chỉ là nơi trồng cây thuốc, mà phải gắn với trung tâm nghiên cứu, cơ sở kiểm nghiệm, nhà máy chiết xuất, doanh nghiệp chế biến sâu, hệ thống hạ tầng và chiến lược thị trường.



Một vùng dược liệu hiện đại không chỉ là nơi trồng cây thuốc, mà phải gắn với trung tâm nghiên cứu. Ảnh: Liên Châu/TNO

Thứ ba, đầu tư cho khoa học công nghệ trong lĩnh vực dược liệu còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng quốc gia. Trong khi các nước phát triển đã ứng dụng sinh học phân tử, giải trình tự gen, trí tuệ nhân tạo, công nghệ nano và sinh tổng hợp hoạt chất để phát triển thuốc từ dược liệu, thì Việt Nam vẫn chủ yếu dừng ở mức nghiên cứu thành phần hóa học, khảo sát tác dụng sinh học hoặc sản xuất sản phẩm ở quy mô nhỏ.

Thứ tư, Việt Nam còn thiếu năng lực làm chủ công nghệ lõi trong nghiên cứu và phát triển dược liệu. Những khâu tạo giá trị cao nhất hiện nay là xác định hoạt chất chính, chuẩn hóa hàm lượng hoạt chất, chiết xuất tinh khiết, bào chế hiện đại, kiểm chứng cơ chế tác dụng ở mức tế bào và phân tử, thử nghiệm tiền lâm sàng, thử nghiệm lâm sàng và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Đây là những khâu quyết định một dược liệu có thể trở thành sản phẩm khoa học công nghệ hay chỉ dừng lại ở nguyên liệu thô.

Thứ năm, canh tác dược liệu sạch, chất lượng cao và có truy xuất nguồn gốc vẫn là điểm nghẽn lớn tại Việt Nam. Một sản phẩm dược liệu muốn đi ra thị trường quốc tế phải có vùng trồng chuẩn hóa, giống ổn định, quy trình canh tác sạch, kiểm soát tồn dư hóa chất, kim loại nặng, vi sinh vật và bảo đảm hàm lượng hoạt chất đồng nhất. Nếu không có nguyên liệu chuẩn, mọi công nghệ chế biến phía sau đều khó tạo ra sản phẩm đạt chuẩn quốc tế.

Thứ sáu, Việt Nam ta chưa đầu tư đủ mạnh để phát triển dược liệu thành các sản phẩm chăm sóc, phục hồi và tái tạo sức khỏe thể hệ mới, phục vụ cho y học cá thể, y học chính xác. Xu hướng y học hiện đại không chỉ điều trị bệnh mà còn hướng đến dự phòng, phục hồi chức năng, chống lão hóa, điều hòa miễn dịch, tái tạo mô, cải thiện chuyển hóa và nâng cao chất lượng sống. Đây là không gian rất lớn để dược liệu Việt Nam tham gia vào phát triển, nhưng cần có nền tảng nghiên cứu về sinh học phân tử, miễn dịch học, tế bào học, y học tái tạo và công nghệ bào chế tiên tiến.

+Theo ông, điều gì đáng lo ngại hơn: Thiếu vùng nguyên liệu chuẩn hoá, thiếu công nghệ chế biến sâu hay thiếu những doanh nghiệp đủ tầm để dẫn dắt ngành dược liệu Việt Nam bước ra thị trường toàn cầu?

-Cả ba yếu tố được đề cập đến như là vùng nguyên liệu chuẩn hóa, công nghệ chế biến sâu và doanh nghiệp dẫn dắt, đều là những điều kiện hết sức quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp dược liệu. Tuy nhiên, nếu nhìn dưới góc độ phát triển quốc gia và xây dựng một nền công nghiệp dược liệu hiện đại, thì đây mới chỉ là những điều kiện cần, nhưng chưa phải là điều kiện đủ.

Điều đáng lo ngại hơn là Việt Nam vẫn chưa thực sự hình thành được một chiến lược quốc gia đủ mạnh, đủ dài hạn và đủ tính đột phá để phát triển công nghiệp dược liệu trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, không có quốc gia nào xây dựng thành công ngành công nghiệp dược liệu chỉ bằng nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trung Quốc, Hàn Quốc hay Nhật Bản đều thành công nhờ có chiến lược quốc gia rõ ràng, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế, định hướng phát triển, đầu tư cho khoa học công nghệ và tạo môi trường để doanh nghiệp phát triển.

Thật vậy, nếu không có một chủ trương mang tầm chiến lược quốc gia thì rất khó giải quyết đồng thời các vấn đề về vùng nguyên liệu, công nghệ và doanh nghiệp. Bởi lẽ, vùng nguyên liệu cần quy hoạch liên vùng và liên ngành; công nghệ cần đầu tư dài hạn cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp cần môi trường chính sách ổn định để mạnh dạn đầu tư cho nghiên cứu phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường quốc tế.



Dây chuyền sản xuất thuốc viên nang mềm. Ảnh: Etek

Có thể nói, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay của ngành công nghiệp dược liệu Việt Nam chưa phát triển đủ mạnh để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu là sự thiếu đồng bộ giữa chiến lược phát triển kinh tế dược liệu với các chiến lược về khoa học công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh học, y tế và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp dược liệu chất lượng cao. Dược liệu vẫn đang nhìn dược liệu chủ yếu dưới góc độ cây thuốc hoặc sản phẩm YHCT, trong khi thế giới đã nhìn dược liệu như một thành phần quan trọng của nền kinh tế sinh học và công nghệ CSSK thế hệ mới.

Do vậy, điều quan trọng và cấp thiết nhất hiện nay là dựa trên các Nghị quyết trung ương, các Kết luận và định hướng của Bộ Chính trị, cần phải xây dựng một Chiến lược Quốc gia về Công nghiệp Dược liệu và Kinh tế Dược liệu Việt Nam giai đoạn 2026 – 2030

và tầm nhìn đến 2045, với các cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, giới khoa học và các địa phương cùng tham gia đóng góp.

+Nếu không có những thay đổi mang tính đột phá trong chính sách và đầu tư, liệu Việt Nam có nguy cơ tiếp tục đứng ngoài "miếng bánh" hàng trăm tỷ USD của ngành công nghiệp thảo dược thế giới?

- Hiện nay vấn đề này không chỉ là nguy cơ mà là thực tiễn. Nếu không có những thay đổi mang tính đột phá, Việt Nam có thể tiếp tục chỉ đứng ở phần thấp hay khâu đầu tiên của chuỗi giá trị dược liệu toàn cầu, trong khi phần giá trị gia tăng lớn nhất vẫn thuộc về các quốc gia làm chủ công nghệ, thương hiệu, dữ liệu khoa học và thị trường quốc tế. Điều quan trọng nhất là Việt Nam không thiếu tiềm năng: chúng ta có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú, có nền YHCT lâu đời, có nhiều vùng sinh thái đặc thù và có thị trường CSSK hơn một trăm triệu dân. Nhưng tiềm năng không thể tự chuyển hóa thành sức mạnh kinh tế và muốn tham gia vào "miếng bánh" hàng trăm tỷ USD của ngành công nghiệp thảo dược thế giới, Việt Nam phải có những đột phá mạnh mẽ và đồng bộ.

Thứ nhất là đột phá về chính sách: Cần xem công nghiệp dược liệu không chỉ là một lĩnh vực của YHCT, mà là một ngành kinh tế y sinh học, kinh tế xanh và kinh tế chăm sóc sức khỏe. Việt Nam cần một chiến lược quốc gia lớn mạnh, có cơ chế ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, tín dụng, thuế, bảo hộ sở hữu trí tuệ và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ hai là đột phá về con người: Ngành dược liệu hiện đại cần nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực dược học, hóa dược, công nghệ sinh học, sinh học phân tử, y học tái tạo, công nghệ nano, trí tuệ nhân tạo, quản trị chất lượng, sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế. Nếu không có đội ngũ chuyên gia đủ tầm, chúng ta khó tạo ra sản phẩm đủ sức cạnh tranh toàn cầu.

Thứ ba là đột phá về khoa học công nghệ: Giá trị cao nhất của dược liệu nằm ở nghiên cứu hoạt chất, cơ chế tác dụng, chiết xuất tinh khiết, bào chế hiện đại, sinh tổng hợp hoạt chất, thử nghiệm tiền lâm sàng, thử nghiệm lâm sàng và chuẩn hóa chất lượng. Việt Nam cần đầu tư mạnh vào các trung tâm công nghệ dược liệu, phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế và các nền tảng nghiên cứu dựa trên sinh học phân tử, AI và công nghệ sinh học.

Thứ tư là đột phá về cây trồng dược liệu: Không thể xây dựng công nghiệp dược liệu bằng vùng trồng nhỏ lẻ, tự phát và chất lượng không đồng nhất. Cần quy hoạch các vùng dược liệu trọng điểm đạt chuẩn quốc tế, có giống chuẩn, canh tác sạch, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát hoạt chất, bảo tồn nguồn gen và phát triển các dược liệu quốc gia như Sâm Ngọc Linh, quế, hồi, atisô, cà gai leo, nghệ và các dược liệu đặc hữu khác.

Thứ năm là đột phá về liên kết xuất khẩu và đầu tư quốc tế: Việt Nam cần chủ động tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua hợp tác với các tập đoàn dược liệu, công nghệ sinh học, thực phẩm sức khỏe và mỹ phẩm thiên nhiên. Không chỉ xuất khẩu nguyên liệu, chúng ta phải xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh, công nghệ, thương hiệu và các giải pháp chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc từ dược liệu Việt Nam.

Thứ sáu là đột phá trong sử dụng dược liệu phục vụ CSSK nhân dân: Dược liệu Việt Nam phải được đưa vào hệ thống CSSK một cách khoa học, an toàn và có kiểm chứng. Các sản phẩm từ dược liệu cần hướng đến dự phòng bệnh tật, phục hồi sức khỏe, hỗ trợ điều trị bệnh mạn tính, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa, phục hồi chức năng và cải thiện chất lượng sống. Đây là thị trường rất lớn, đồng thời cũng là sứ mệnh xã hội của ngành dược liệu Việt Nam.

Nếu không có những đột phá mang tính chính sách này thì thị phần của ngành công nghiệp dược liệu Việt Nam sẽ chỉ là “mẫu bánh nhỏ” trong “miếng bánh lớn” của ngành công nghiệp dược liệu toàn cầu

+ Ngược lại, nếu được đầu tư đúng hướng Việt Nam có những lợi thế nào để bứt phá và trở thành một trung tâm sản xuất dược liệu, sản phẩm y học cổ truyền của khu vực trong 10 - 20 năm tới?

-Việt Nam hoàn toàn có cơ hội trở thành một trung tâm dược liệu và nghỉ dưỡng tích hợp chăm sóc YHCT hiện đại của khu vực nếu có chiến lược phát triển đúng đắn và đầu tư đủ mạnh cho khoa học công nghệ dược liệu.

Chúng ta có nhiều lợi thế mà không phải quốc gia nào cũng đồng thời sở hữu được: Nguồn tài nguyên dược liệu phong phú, đa dạng sinh học thuộc nhóm cao của thế giới, hệ sinh thái tự nhiên đa dạng trải dài từ miền núi phía Bắc đến vùng cao nguyên phía Nam, nền y học cổ truyền lâu đời và kho tàng tri thức bản địa được tích lũy qua nhiều thế hệ, là quốc gia có các Danh y được UNESCO công nhận (Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác), kế thừa được những tư tưởng quan trọng mang tính chiến lược và tầm nhìn thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền y học Việt Nam mang tính đại chúng dựa trên Đông – Tây y phối hợp và đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang bước vào giai đoạn đột phá phát triển về khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đột phá trong công tác CSSK theo tinh thần các Nghị quyết trung ương. Đây chính là nền tảng quan trọng để chuyển hóa tài nguyên dược liệu thành các sản phẩm có hàm lượng khoa học và giá trị gia tăng cao. Do vậy, lợi thế lớn nhất của Việt Nam không nằm ở số lượng cây thuốc mà nằm ở khả năng kết hợp giữa dược liệu – YHCT – công nghệ sinh học hiện đại. Đây cũng chính là những tiền đề giúp tạo ra xu hướng phát triển của một ngành “*công nghiệp CSSK xanh - sạch - thân thiện và tinh hoa*” của Việt Nam trong hội nhập toàn cầu trong tương lai.



GS Dương Quý Sỹ khám chữa bệnh mắt ngủ bằng dược liệu YHCT cho bệnh nhân tại Bệnh viện YHCT Lào Cai, định kỳ hàng tháng.

Nếu có thêm những chính sách đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư mạnh cho nghiên cứu và phát triển, xây dựng vùng được liệu chuẩn hóa, phát triển doanh nghiệp dẫn dắt và tăng cường hợp tác quốc tế với các tập đoàn công nghiệp được liệu, Việt Nam hoàn toàn có thể hình thành một ngành công nghiệp được liệu hiện đại và tiên tiến, đóng góp có ý nghĩa cho GDP quốc gia vào những năm 2045.

Với những định hướng mang tính chiến lược như trên, trong vòng 10 – 20 năm sắp đến, chắc chắn rằng Việt Nam ta không chỉ sẽ trở thành trung tâm sản xuất được liệu của khu vực mà còn có khả năng phát triển các sản phẩm CSSK, phục hồi chức năng, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa và y học tái tạo mang thương hiệu Việt Nam trong chuỗi giá trị được liệu theo định hướng YHCT trên toàn cầu.

+Theo ông, đâu là việc cấp bách nhất cần làm ngay lúc này để Việt Nam không chỉ là "kho nguyên liệu" mà có thể xây dựng những thương hiệu thảo dược quốc gia đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế?

-Việc cấp thiết nhất hiện nay không phải là trồng thêm nhiều được liệu hơn hay gia tăng sản lượng nguyên liệu, mà là phải xây dựng một **“Chiến lược Quốc gia về phát triển công nghiệp được liệu và kinh tế được liệu Việt Nam”** với tầm nhìn dài hạn đến năm 2045 và xa hơn.

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mạnh sang kinh tế sinh học, kinh tế xanh và công nghệ “CSSK thân thiện”, được liệu không nên chỉ được xem là một sản phẩm nông nghiệp hay một lĩnh vực của YHCT, mà phải được xác định là một ngành công nghiệp chiến lược có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao sức khỏe nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta cần phải triển khai đồng thời và đồng bộ một số định hướng lớn mang tầm quốc gia.

Trước hết là xây dựng **“Chiến lược Quốc gia về quy hoạch và phát triển vùng được liệu”**. Cần xác định rõ các vùng sinh thái trọng điểm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Trường Sơn, Nam Trung Bộ và các vùng cao nguyên để phát triển những được liệu có lợi thế cạnh tranh. Việc quy hoạch phải gắn với bảo tồn nguồn gen, chuẩn hóa giống, canh tác sạch, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai là xây dựng **“Chiến lược Quốc gia về công nghiệp được liệu và công nghệ được liệu”**. Trọng tâm không còn là xuất khẩu nguyên liệu thô mà là đầu tư vào khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, sinh học phân tử, công nghệ chiết xuất hoạt chất, công nghệ sinh tổng hợp, công nghệ nano và các nền tảng đổi mới sáng tạo để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Việt Nam.

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

Y TẾ VIỆT NAM CÓ ĐỦ LỢI THẾ ĐỂ VƯƠN LÊN DẪN ĐẦU ASEAN NẾU BIẾT PHÁT HUY ĐÚNG 'ĐIỂM SON'

GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển Nhân lực cho rằng, hệ thống y tế Việt Nam có rất nhiều “điểm son”, nhưng chưa hình thành được sức mạnh mang tính đột phá để vươn mình tạo ra vị thế chuyên ngành trong khu vực ASEAN và châu Á.

"Rào cản lớn nhất của y tế Việt Nam hiện nay không nằm ở năng lực chuyên môn mà ở những điểm nghẽn mang tính hệ thống", giáo sư Sỹ nhấn mạnh.

4 rào cản được giáo sư chỉ rõ: Thứ nhất là sự chênh lệch chất lượng giữa các tuyến, khu vực, khiến hệ thống chưa đủ đồng đều để tạo dựng hình ảnh một nền y tế mạnh ở tầm khu vực và thế giới.

Thứ hai, cơ chế quản trị và chính sách còn nhiều bất cập, từ tài chính, tự chủ bệnh viện, đầu thầu - mua sắm, đãi ngộ nhân lực đến hợp tác công - tư, làm hạn chế khả năng đầu tư, đổi mới và thích ứng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Thứ ba, hệ sinh thái nghiên cứu và đổi mới sáng tạo chưa phát triển tương xứng. Dù năng lực lâm sàng của đội ngũ y tế rất tốt, nhưng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng AI và chuyển đổi số toàn hệ thống vẫn chưa tạo được bước đột phá, khiến y tế Việt Nam chủ yếu ở vai trò “ứng dụng” thay vì “dẫn dắt”.

Cuối cùng, nhân lực y tế chịu áp lực công việc lớn trong khi cơ chế đãi ngộ chưa tương xứng, gây khó khăn trong việc giữ chân và thu hút chuyên gia giỏi. Nếu tháo gỡ được các điểm nghẽn về cơ chế và tăng cường liên kết giữa các thành tố trong hệ thống, y tế Việt Nam hoàn toàn có thể bứt phá, khẳng định vị thế trong khu vực.

Thực tiễn phát triển những năm gần đây cho thấy, y tế Việt Nam đang nằm trong nhóm hệ thống y tế năng động của ASEAN và châu Á. Với những lợi thế đặc thù, Việt Nam hoàn toàn có thể vươn lên nhóm dẫn đầu khu vực nếu biết phát huy đúng thế mạnh và tháo gỡ các rào cản nội tại.

Một trong những điểm nổi bật của y tế Việt Nam là sự phát triển tương đối hài hòa giữa các chuyên ngành, giữa dự phòng - điều trị - phục hồi chức năng, cùng sự thống nhất trong quản trị hệ thống. Chuyển đổi số y tế đang được thúc đẩy mạnh mẽ, tạo nền tảng cho quản lý hiện đại và kết nối liên thông.

Đặc biệt, các chủ trương, nghị quyết lớn của Trung ương về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã tạo hành lang chính sách ngày càng rõ ràng và mang tính đột phá. Đây chính là trụ cột thể chế để ngành y tế tăng tốc trong giai đoạn mới.

Theo giáo sư Sỹ, ưu thế chiến lược đầu tiên của Việt Nam là hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở rộng khắp. Trong bối cảnh mô hình bệnh tật chuyển dịch sang bệnh mạn tính và yêu cầu chăm sóc sức khỏe liên tục, nền tảng này giúp bảo đảm bao phủ dịch vụ và tính công bằng trong tiếp cận.

Song hành với đó, y học lâm sàng phát triển nhanh, đội ngũ bác sĩ có chuyên môn cao, nhiều kỹ thuật hiện đại được làm chủ. Ở một số lĩnh vực chuyên sâu, năng lực chuyên môn của Việt Nam đã đạt trình độ cao trong khu vực.

Hệ thống đào tạo nhân lực y tế cũng có bước tiến rõ nét khi ngày càng gắn với chuẩn năng lực nghề nghiệp, nghiên cứu lâm sàng và y học chứng cứ. Mạng lưới hợp tác quốc tế với các quốc gia có nền y học phát triển như Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn và chuyên giao công nghệ.

Bên cạnh khu vực công lập, y tế ngoài công lập phát triển mạnh, tạo thêm nguồn lực đầu tư, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ. Chính sách bảo hiểm y tế toàn dân và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước tiếp tục là nền tảng bảo đảm tính bền vững của hệ thống.

Việt Nam cũng sở hữu tiềm năng lớn về du lịch y tế nhờ chi phí hợp lý, thời gian chờ đợi ngắn, đội ngũ bác sĩ giỏi và lợi thế về du lịch nghỉ dưỡng. Đây có thể trở thành hướng phát triển chiến lược nếu được tổ chức bài bản.

Giáo sư cũng kỳ vọng Việt Nam sẽ trở thành điểm đến điều trị của khu vực, không thể dựa vào một yếu tố đơn lẻ mà cần sự kết hợp giữa kỹ thuật cao, quản trị hiện đại và chính sách đồng bộ.

Kỹ thuật cao là điều kiện cần để tạo niềm tin cho người bệnh quốc tế. Quản trị bệnh viện tiên tiến giúp bảo đảm chất lượng, an toàn và trải nghiệm dịch vụ. Tuy nhiên, yếu tố mang tính chiến lược và quyết định vẫn là chính sách.

Chính sách về tự chủ bệnh viện, đầu tư hạ tầng, cơ chế tài chính linh hoạt, hợp tác công - tư, thu hút và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao, hội nhập quốc tế... sẽ quyết định khả năng chuyển hóa tiềm năng thành lợi thế cạnh tranh thực sự. Nếu không tháo gỡ được các “điểm nghẽn” thể chế, kỹ thuật cao cũng khó phát huy hết giá trị.

Giáo sư Sỹ nhấn mạnh, các bệnh viện đầu ngành không chỉ là nơi tập trung kỹ thuật cao mà phải thực sự dẫn dắt toàn hệ thống.

Trước hết, cần xây dựng và chuẩn hóa các hướng dẫn chẩn đoán, điều trị dựa trên y học chứng cứ, phù hợp điều kiện thực tiễn trong nước để nâng mặt bằng chất lượng chung.

Thứ hai, đẩy mạnh đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, phát triển mạng lưới chuyên gia, hội chẩn từ xa, phân tầng điều trị hợp lý nhằm tối ưu nguồn lực.

Thứ ba, tiên phong trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời áp dụng mô hình quản trị hiện đại, quản lý chất lượng và an toàn người bệnh theo chuẩn quốc tế.

Chỉ khi chuyển từ phát triển đơn lẻ sang tư duy dẫn dắt hệ thống, bệnh viện đầu ngành mới thực sự tạo được sức lan tỏa.

Trong 10-15 năm tới, giáo sư Sỹ kỳ vọng hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được nhận diện trên bản đồ y tế châu Á không chỉ vì kỹ thuật cao, mà còn vì một mô hình y tế hiện đại, hiệu quả và giàu tính nhân văn.

Đó sẽ là hệ thống bệnh viện đồng bộ từ cơ sở đến trung ương đạt chuẩn chất lượng cao; một số trung tâm chuyên sâu có uy tín khu vực; đồng thời là nơi đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho ASEAN và châu Á.

Việt Nam cũng có thể trở thành điểm đến của du lịch y tế chất lượng cao, nơi người bệnh quốc tế tìm đến vì sự kết hợp giữa chuyên môn vững, chi phí hợp lý và dịch vụ toàn diện.

Giáo sư Sỹ cũng chỉ rõ tiềm năng của y tế Việt Nam không nằm ở việc thiếu năng lực chuyên môn, mà ở khả năng liên kết các thành tố trong hệ thống. Khi chính sách và mô hình quản trị được hoàn thiện, y tế Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển từ phát triển nhanh sang bứt phá, khẳng định vị thế trong khu vực.

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

NHỮNG THÀNH TỰU VẺ VANG CỦA NGÀNH Y TẾ VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII (2021 – 2025)

Thực tiễn nhiệm kỳ Đại hội XIII cho thấy, y tế không chỉ là một lĩnh vực chuyên môn thuần túy, mà đã và đang trở thành trụ cột quan trọng của an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế – xã hội, gắn chặt với năng lực quản trị quốc gia và sức mạnh tổng hợp của đất nước ta trong bối cảnh mới.

Chiến thắng đại dịch COVID-19 là thành tựu vẻ vang của ngành y tế

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021–2025), công tác phòng, chống đại dịch COVID-19 đã trở thành dấu ấn nổi bật và có ý nghĩa lịch sử của ngành y tế Việt Nam, thể hiện rõ năng lực chỉ đạo, điều hành, tinh thần đoàn kết và bản lĩnh của cả hệ thống chính trị trong bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trước một thách thức y tế toàn cầu chưa từng có tiền lệ, ngành y tế đã phát huy vai trò nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, huy động sự vào cuộc đồng bộ của toàn xã hội với tinh thần chung sức, đồng lòng, quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi dịch bệnh.

Sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm sự chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch.

Đặc biệt, sự chỉ đạo quyết liệt, trách nhiệm và kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cùng với vai trò điều hành trực tiếp, chuyên môn sâu sát của lãnh đạo ngành y tế và chính quyền các cấp, đã tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai các giải pháp phòng, chống dịch một cách bài bản và phù hợp thực tiễn.

Ngay từ những giai đoạn đầu, Việt Nam đã chủ động ngăn chặn dịch sớm, thực hiện truy vết, cách ly kịp thời, khoanh vùng và kiểm soát ổ dịch, hạn chế lây lan trong cộng đồng.

Song song với các biện pháp y tế dự phòng, công tác điều trị chuyên khoa và chuyên sâu được đặc biệt chú trọng, với việc huy động tối đa năng lực của hệ thống bệnh viện các tuyến và sự hỗ trợ chuyên môn trực tiếp từ tuyến trung ương cho các địa phương có dịch.

Trong điều trị bệnh nhân COVID-19 nặng và nguy kịch, ngành y tế đã mạnh dạn áp dụng các phương thức điều trị mới, tiên tiến, làm chủ nhiều kỹ thuật chuyên sâu như lọc máu thay huyết tương, lọc máu hấp phụ, kỹ thuật ECMO, hồi sức tích cực và chăm sóc toàn diện.

Những tiến bộ này đã góp phần quan trọng vào việc giảm tỷ lệ tử vong, nâng cao chất lượng điều trị và khẳng định năng lực chuyên môn của y tế Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng y tế toàn cầu.

Thành công trong phòng, chống dịch không thể tách rời sự hy sinh, nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ y tế ở tuyến đầu, tuyến cơ sở và tuyến điều trị.



Chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn trong thời gian ngắn, đạt tỷ lệ bao phủ cao trên phạm vi toàn quốc. Ảnh: NB&CL

Một yếu tố quyết định khác đóng góp rất quan trọng trong chiến thắng đại dịch COVID-19 là chiến lược vắc-xin thần tốc, đúng đắn và hiệu quả, với việc tổ chức chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn trong thời gian ngắn, đạt tỷ lệ bao phủ cao trên phạm vi toàn quốc.

Nhờ đó, Việt Nam đã từng bước khống chế dịch bệnh, giảm rõ rệt tỷ lệ mắc và tử vong do COVID-19, sớm chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt và phục hồi các hoạt động kinh tế – xã hội

Phát triển mạnh mẽ hệ thống y tế và bảo đảm tốt chăm sóc sức khỏe toàn dân

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, hệ thống y tế các cấp của Việt Nam tiếp tục được củng cố và phát triển cả về quy mô, độ bao phủ và chất lượng, tạo nền tảng quan trọng cho việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đến cuối nhiệm kỳ, cả nước có hơn 18.000 cơ sở y tế, bao gồm hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện công lập và ngoài công lập, cùng mạng lưới cơ sở hành nghề y, được tư nhân ngày càng phát triển.

Mạng lưới y tế cơ sở với hơn 10.000 trạm y tế xã, phường, thị trấn tiếp tục được củng cố, phát triển đồng bộ theo mô hình chính quyền hai cấp, từng bước khẳng định vai trò là tuyến đầu trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm và y tế dự phòng.



Mạng lưới y tế cơ sở với hơn 10.000 trạm y tế xã, phường, thị trấn tiếp tục được củng cố.

Ảnh: NB&CL

Cùng với mở rộng mạng lưới, các chỉ số sức khỏe cộng đồng cơ bản tiếp tục được cải thiện. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được duy trì ổn định, với tỷ lệ bao phủ các vắc-xin cơ bản thường xuyên đạt trên 95%, góp phần kiểm soát hiệu quả nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và bảo vệ sức khỏe thế hệ tương lai.

Các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ – trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng tiếp tục được triển khai đồng bộ; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tiếp tục giảm; phản ánh mạnh mẽ những nỗ lực bền bỉ của hệ thống y tế trong nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

Trong lĩnh vực bệnh không lây nhiễm, việc tăng cường quản lý, theo dõi và điều trị tại tuyến y tế cơ sở, kết hợp với truyền thông thay đổi hành vi, đã góp phần kiểm soát xu hướng gia tăng tử vong sớm do các bệnh tim mạch, đái tháo đường và một số bệnh mạn tính phổ biến.

Mặc dù còn nhiều thách thức, song chất lượng sống của người bệnh mạn tính từng bước được cải thiện, phản ánh hiệu quả của định hướng lấy y tế cơ sở làm nền tảng. Đội ngũ cán bộ y tế tiếp tục được phát triển về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng.

Đến cuối nhiệm kỳ, số bác sĩ đạt khoảng 10–11 bác sĩ / 10.000 dân, số điều dưỡng đạt khoảng 14–15 điều dưỡng / 10.000 dân, phản ánh nỗ lực lớn trong đào tạo và bổ sung nguồn nhân lực y tế một cách chủ động và kịp thời.

Mặc dù phân bố nhân lực còn chưa đồng đều giữa các vùng, miền, song đội ngũ cán bộ y tế đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng lớn, áp lực công việc ngày càng cao và yêu cầu chuyên môn ngày càng chuyên sâu hơn.

Trong lĩnh vực bảo đảm an sinh y tế, bảo hiểm y tế tiếp tục được mở rộng với tỷ lệ bao phủ đạt trên 92–93% dân số, tiệm cận mục tiêu bao phủ toàn dân.



Chương trình sàng lọc miễn phí tại trạm y tế xã, phường sẽ giúp phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm, tư vấn sức khỏe sinh sản... Ảnh: NB&CL

Quy mô và mức chi trả của quỹ bảo hiểm y tế ngày càng tăng, góp phần giảm đáng kể gánh nặng chi phí khám, chữa bệnh cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

Các chính sách y tế đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em, người cao tuổi được triển khai tương đối đồng bộ, thể hiện rõ tính nhân văn và công bằng xã hội.

Đáng chú ý, năng lực ứng phó của hệ thống y tế trước thiên tai, dịch bệnh và các tình huống y tế khẩn cấp ngày càng được nâng cao. Việc chủ động xây dựng phương án, huy động lực lượng, bảo đảm thuốc men, trang thiết bị và tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời đã góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại về sức khỏe và tính mạng của người dân.

Những kết quả đó cho thấy hệ thống y tế Việt Nam không chỉ lớn mạnh về quy mô, mà còn từng bước được củng cố về năng lực, hiệu quả và tính bền vững, xứng đáng là trụ cột quan trọng của an sinh xã hội và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Phát triển mạng lưới y tế chuyên sâu ngang tầm khu vực và hội nhập quốc tế sâu rộng

Một thành tựu quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng ta về y tế là sự phát triển của mạng lưới y tế chuyên sâu, từng bước tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế. Nhiều bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh đã làm chủ các kỹ thuật y học hiện đại, công nghệ cao trong chẩn đoán, điều trị và can thiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và giảm dần tình trạng người bệnh ra nước ngoài chữa trị.

Đặc biệt, lĩnh vực ghép tạng đạt được những bước tiến vượt bậc, với số ca ghép tim, gan, thận, phổi ngày càng tăng, kỹ thuật ngày càng hoàn thiện, tỷ lệ thành công và chất lượng sống sau ghép được nâng cao. Việt Nam đã hình thành các trung tâm ghép tạng có uy tín, từng bước khẳng định vị thế trong khu vực.

Bên cạnh đó, các lĩnh vực y học chuyên sâu mới như y học giác ngủ, tim mạch can thiệp, ung bướu, hồi sức – cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, y học cá thể hóa từng bước được quan tâm phát triển.

Việc đưa y học giấc ngủ, y học gia đình, chăm sóc người cao tuổi vào thực hành lâm sàng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng điều trị các bệnh mạn tính, mà còn phản ánh xu hướng tiếp cận y học hiện đại, toàn diện, lấy chất lượng sống của người bệnh làm trung tâm; thể hiện mạnh mẽ việc quán triệt và thực hiện theo quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Đảng trong xây dựng một nền “*Y tế học thuật – Y tế nhân văn – Y tế hiện đại*”.



Thiết bị y tế hiện đại, sản phẩm số, mô hình 3D. Ảnh: NB&CL

Song hành với sự phát triển về chuyên môn kỹ thuật, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế tiếp tục là một trụ cột quan trọng góp phần nâng cao vị thế và năng lực của y tế Việt Nam trong nhiệm kỳ 2021–2025.

Hệ thống y tế Việt Nam đã chủ động mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với nhiều cơ sở y tế, trung tâm nghiên cứu và bệnh viện hàng đầu của các quốc gia có nền y học phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Úc và các nước châu Âu.

Thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương, nhiều kỹ thuật y học hiện đại, công nghệ cao trong chẩn đoán, điều trị, ghép tạng, hồi sức – cấp cứu, tim mạch, ung bướu và chẩn đoán hình ảnh đã được chuyển giao, làm chủ và ứng dụng hiệu quả tại Việt Nam. Việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ không chỉ dừng ở kỹ thuật, mà còn bao gồm đào tạo nhân lực, quản trị bệnh viện và chuẩn hóa quy trình chuyên môn theo thông lệ quốc tế.

Đáng chú ý, đội ngũ chuyên gia y tế Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trong cộng đồng y học khu vực và quốc tế. Nhiều chuyên gia y tế, bác sĩ Việt Nam đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, chủ chốt trong các tổ chức, hiệp hội y học chuyên ngành của khu vực ASEAN và châu Á, tham gia xây dựng hướng dẫn chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật và chiến lược phát triển y tế.

Điều này không chỉ phản ánh năng lực chuyên môn và uy tín khoa học của đội ngũ y tế Việt Nam, mà còn cho thấy sự chuyển biến từ vai trò “tiếp nhận” sang vai trò tham gia “kiến tạo và dẫn dắt” trong một số lĩnh vực y học chuyên sâu.

Bên cạnh việc tiếp thu tri thức y học tiên tiến, Việt Nam cũng từng bước tham gia chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho các quốc gia có hệ thống y tế chưa phát triển, nhất là trong khu vực ASEAN và một số nước đang phát triển.

Các chương trình đào tạo, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh, cấp cứu thảm họa và chăm sóc sức khỏe ban đầu được triển khai hiệu quả, thể hiện tinh thần trách nhiệm quốc tế, nhân văn và sự trưởng thành của y tế Việt Nam trong hội nhập khu vực và toàn cầu.

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, ngành y tế Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị khoa học y học quốc tế và khu vực ở các lĩnh vực chuyên sâu như ghép tạng, tim mạch, ung bướu, hồi sức – cấp cứu, y học giấc ngủ và y học chính xác.

Các hội nghị không chỉ là diễn đàn trao đổi học thuật, cập nhật tri thức mới, mà còn là cơ hội để kết nối hợp tác nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của y tế Việt Nam trên trường quốc tế.



GS Dương Quý Sỹ cùng các đồng nghiệp tổ chức Hội nghị khoa học thường niên Hội Y học Giác ngủ Việt Nam. Ảnh: NVCC

Chuyển đổi số bền vững và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học – công nghệ vào hệ thống y tế

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học – công nghệ trong y tế đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng thúc đẩy đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và cung ứng dịch vụ y tế.

Quá trình này được đẩy mạnh trên phạm vi toàn ngành, đặc biệt trong giai đoạn phòng, chống đại dịch COVID-19 và phục hồi sau dịch, góp phần nâng cao năng lực điều hành, tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế.



*Triển khai hệ thống Robot Cori trong phẫu thuật thay khớp gối toàn phần đầu tiên tại
Việt Nam. Ảnh: NB&CL*

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế, quản lý tiêm chủng và giám sát dịch tễ đã giúp tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

Một bước tiến quan trọng là việc từng bước xây dựng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, hướng tới quản lý sức khỏe người dân xuyên suốt vòng đời.

Cùng với đó, các mô hình khám, chữa bệnh từ xa (telemedicine) được mở rộng, góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng, miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Trong bối cảnh dịch bệnh và thiên tai, các nền tảng số đã phát huy hiệu quả rõ nét, hỗ trợ hội chẩn chuyên môn, đào tạo từ xa và điều phối nguồn lực y tế. Đây là những nền tảng quan trọng để xây dựng hệ thống y tế hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, phù hợp với xu thế phát triển của y học thế giới.

Sự ra đời của Nghị quyết 72-NQ/TW với các giải pháp đột phá và hoàn thiện mạnh mẽ thể chế y tế

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng ta, đặc biệt nhất là sự ra đời của Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 09/9/2025) được xem là cột mốc quan trọng, là điểm son sáng ngời mang tính định hướng chiến lược đối với phát triển ngành y tế trong giai đoạn mới.

Nghị quyết 72-NQ/TW đã tiếp tục khẳng định việc chăm lo, phát triển đội ngũ cán bộ y tế – lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng và hiệu quả của hệ thống y tế, là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước.

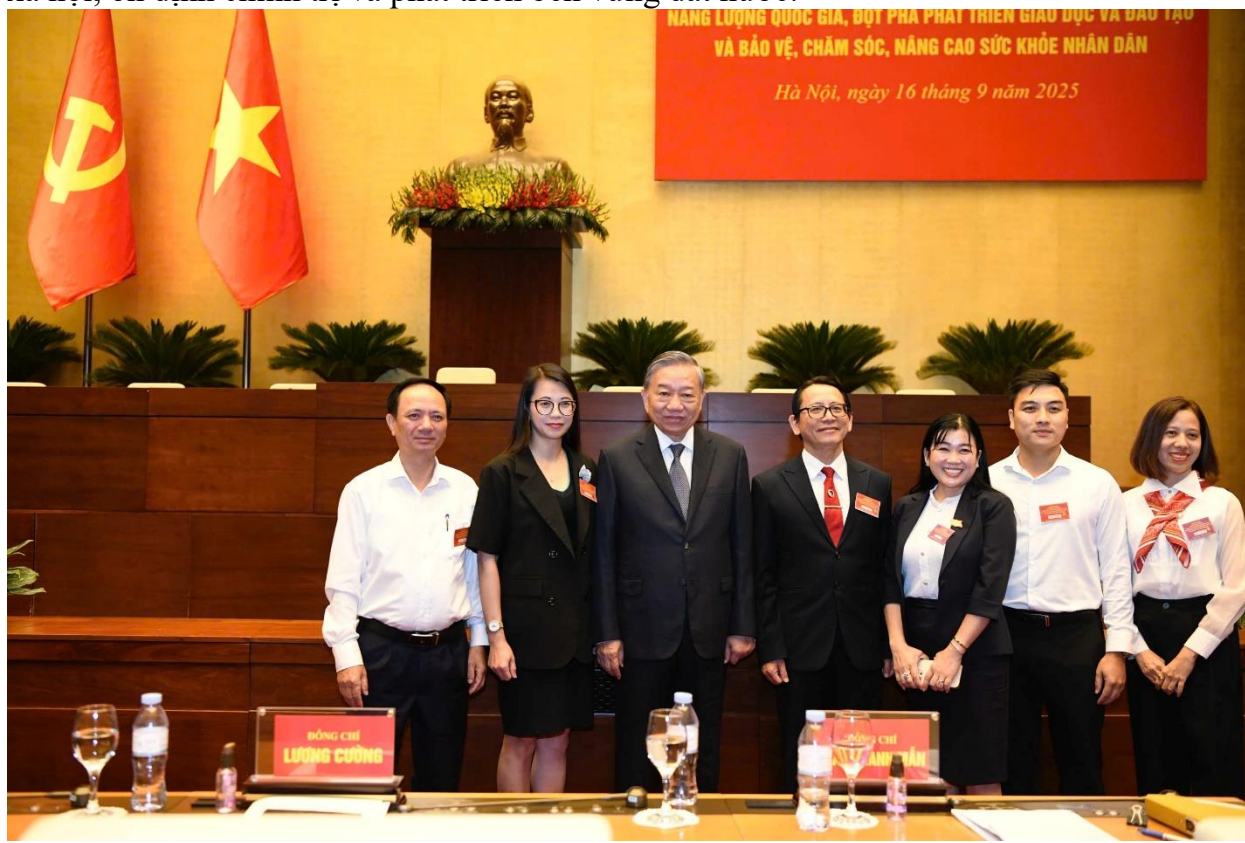
Bên cạnh đó, Luật Phòng bệnh được xây dựng và Quốc hội thông qua vào cuối năm 2025 đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng để chuyển mạnh từ tư duy “chữa bệnh” sang “chủ động phòng bệnh”, tăng cường quản lý nguy cơ, sàng lọc và can thiệp sớm, phù hợp với tinh thần và mục tiêu xuyên suốt của Nghị quyết 72-NQ/TW.



Tăng cường quản lý nguy cơ, sàng lọc và can thiệp sớm. Ảnh: NB&CL

Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết 72-NQ/TW cùng với việc hoàn thiện các đạo luật quan trọng về y tế đã tạo hành lang chính trị – pháp lý vững chắc cho đổi mới và phát triển ngành trong giai đoạn mới.

Những kết quả đạt được không chỉ góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, mà còn củng cố niềm tin xã hội, khẳng định vai trò trụ cột của y tế trong an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước.



NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

9 THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG (2021–2025)

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng (2021–2025) diễn ra trong bối cảnh đặc biệt khó khăn, phức tạp và nhiều biến động sâu sắc cả trong nước và trên thế giới. Đại dịch COVID-19 bùng phát tại Việt Nam vào đầu nhiệm kỳ và kéo dài đã tạo ra những gián đoạn chưa từng có đối với hoạt động kinh tế - xã hội, trong đó giáo dục là lĩnh vực chịu tác động trực tiếp, sâu rộng và kéo dài trong năm 2021.

Hàng chục triệu học sinh, sinh viên phải tạm dừng đến trường; hoạt động dạy và học chuyển sang hình thức trực tuyến trong điều kiện hạ tầng, thiết bị, năng lực công nghệ và điều kiện kinh tế – xã hội còn nhiều bất cập, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh tác động của đại dịch COVID-19, ngành giáo dục Việt Nam còn đứng trước những thách thức mang tính cơ cấu và dài hạn: Yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh nhân lực toàn cầu ngày càng gay gắt, cũng như đòi hỏi ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

Trong bối cảnh đó, việc vừa bảo đảm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống giáo dục, vừa thúc đẩy đổi mới và tạo nền tảng phát triển lâu dài là nhiệm vụ đặc biệt nặng nề, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong suốt Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, giáo dục tiếp tục được khẳng định là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt cho phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước, xây dựng xã hội học tập. Các chủ trương của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết 29-NQ/TW được triển khai nhất quán, xuyên suốt, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho các cải cách trong toàn hệ thống giai đoạn 2021-2025.

Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo vào cuối nhiệm kỳ mang một ý nghĩa rất quan trọng về tư duy và chiến lược phát triển giáo dục (ban hành ngày 22/8/2025). Nghị quyết đã mở rộng cách tiếp cận giáo dục từ góc độ thuần túy ngành sang cách tiếp cận phát triển tổng thể nguồn nhân lực, gắn giáo dục với khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đây là văn kiện thể hiện rõ tầm nhìn dài hạn của Đảng đối với sự nghiệp giáo dục trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về tri thức và nhân lực, đồng thời tạo động lực quan trọng cho những cải cách và đổi mới giáo dục sâu rộng trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2045.

Phát triển mạnh mẽ quy mô giáo dục và mở rộng cơ hội học tập cho người dân

Một trong những thành tựu quan trọng trong nhiệm kỳ 2021-2025 là quy mô của ngành giáo dục tiếp tục được mở rộng toàn diện về người học - giáo viên – cơ sở vật chất,

đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân. Số lượng người học ở các cấp học, trình độ đào tạo tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh nhu cầu học tập lớn và niềm tin của xã hội đối với hệ thống giáo dục nước nhà. Cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân được mở rộng không chỉ về mặt số lượng mà còn về hình thức, phương thức học tập, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và học tập suốt đời.

Bài học kinh nghiệm thực tiễn từ đại dịch COVID-19 và chủ động hội nhập quốc tế, đã giúp cho hệ thống giáo dục quốc dân từng bước hình thành các con đường học tập linh hoạt, tạo điều kiện cho người học lựa chọn lộ trình phù hợp với năng lực, điều kiện và nhu cầu cá nhân.

Giáo dục chính quy được hỗ trợ bởi giáo dục thường xuyên, đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục cho người lao động, người trưởng thành và các nhóm yếu thế trong xã hội.

Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở và đổi mới giáo dục phổ thông:

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, công tác phổ cập giáo dục tiếp tục là điểm sáng và cũng là thành tựu quan trọng của hệ thống giáo dục Việt Nam. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì và nâng cao chất lượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được giữ vững trên phạm vi cả nước, góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm công bằng xã hội.

Việc duy trì phổ cập trung học cơ sở trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài là nỗ lực lớn của toàn ngành giáo dục và chính quyền các cấp. Thành tựu này không chỉ phản ánh năng lực lãnh đạo và điều hành vĩ mô xuất sắc của hệ thống giáo dục, mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm quyền học tập của người dân, đặc biệt là trẻ em ở vùng khó khăn.

Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới 2018 trong nhiệm kỳ 2021-2025 đã tiếp tục được thực hiện theo lộ trình, đồng bộ và hiệu quả; đến cuối nhiệm kỳ, ngành giáo dục đã hoàn tất chu trình triển khai chương trình GDPT mới 2018.

Chương trình mới với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học đã tạo ra những chuyển biến bước đầu trong phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; chuyển mạnh từ nền giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển năng lực người học.

Mặc dù quá trình triển khai còn gặp không ít khó khăn, nhưng với quyết tâm chính trị cao và sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo ngành giáo dục các cấp, việc triển khai chương trình GDPT mới đã về đích một cách xuất sắc; đây là sự đổi mới mang tính chiến lược, đặt nền tảng cho đổi mới giáo dục phổ thông về dài hạn trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng tiếp theo về giáo dục và đào tạo.

Ngoài ra, các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trong nhiệm kỳ được tổ chức an toàn, nghiêm túc, từng bước đổi mới theo hướng giảm áp lực, tăng độ tin cậy và tính khách quan. Việc tổ chức kỳ thi trong điều kiện dịch bệnh phức tạp cho thấy năng lực thích ứng và điều hành linh hoạt của ngành giáo dục, đồng thời góp phần củng cố niềm tin xã hội đối với công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

Phát triển mạnh mẽ đội ngũ nhà giáo và sự ra đời của Luật Nhà giáo là thành tựu quan trọng

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục tăng mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng của hơn 1,6 triệu giáo viên; đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục nước nhà.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, nhiều chính sách liên quan đến đội ngũ nhà giáo được bổ sung, điều chỉnh theo hướng cải thiện điều kiện làm việc, thu hút nhân lực nhà giáo, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, động viên và khen thưởng kịp thời đội ngũ nhà giáo, tạo tâm lý ổn định và cống hiến mạnh mẽ hơn cho giáo dục nước nhà.



Nhiều chính sách liên quan đến đội ngũ nhà giáo được bổ sung. Ảnh: NB&CL

Đặc biệt, việc Quốc hội Khóa XV thông qua Luật Nhà giáo, có hiệu lực từ tháng 1/2026, là dấu mốc mang tính lịch sử đối với ngành giáo dục. Luật Nhà giáo đã xác lập một khung pháp lý đầy đủ, thống nhất cho vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; đồng thời tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các chính sách đãi ngộ, phát triển đội ngũ nhà giáo một cách bền vững.

Đây là bước tiến lớn, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ những người làm công tác giáo dục – lực lượng quyết định chất lượng và tương lai của nền giáo dục nước nhà.

Thống nhất trong quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và hoàn thiện mạnh mẽ về thể chế

Một dấu ấn quan trọng trong nhiệm kỳ 2021-2025 là việc thống nhất một cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục quốc dân; trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn chức năng quản lý giáo dục nghề nghiệp (GDNN) thông qua việc sát nhập Tổng cục GDNN vào Bộ Giáo dục & Đào tạo (tháng 3/2025).

Thành tựu này đã góp phần khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về GDNN, tạo điều kiện xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân đồng bộ, liên thông tám bậc, nâng cao hiệu quả hoạch định và thực thi chính sách.

Cùng với đó, thể chế, chính sách về giáo dục tiếp tục được hoàn thiện. Cuối nhiệm kỳ, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều luật liên quan đến giáo dục (Luật Giáo dục, Luật GDNN, Luật Giáo dục Đại học), tạo sự đột phá và cơ sở pháp lý mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo sau Đại hội XIV, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và chính sách trong giáo dục.



Trường trung học nghề tăng sức hút đối với người học, tạo bước khởi đầu vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực mũi nhọn. Ảnh: HNIVC

Chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng AI và xây dựng hệ sinh thái giáo dục số

Chuyển đổi số trong giáo dục là một trong những dấu ấn nổi bật của nhiệm kỳ. Việc ứng dụng nền tảng số, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý giáo dục, dạy học và đánh giá đã được đẩy mạnh. Nhiều cơ sở giáo dục triển khai các mô hình dạy học trực tuyến, tích hợp thực tế ảo, mô phỏng số, kho học liệu số; đã từng bước hình thành môi trường học tập số trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

Đặc biệt, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và hồ sơ học tập suốt đời của người học, từng bước kết nối với VNeID, là bước tiến quan trọng trong quản lý giáo dục hiện đại. Đây là nền tảng để hiện thực hóa mô hình học tập suốt đời, quản lý người học xuyên suốt các cấp học, trình độ đào tạo, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ giáo dục.

Hội nhập quốc tế và vị thế giáo dục Việt Nam được nâng cao là một thành tựu vượt bậc

Trong nhiệm kỳ, hội nhập quốc tế trong giáo dục được đẩy mạnh trên nhiều phương diện. Việt Nam tăng cường hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, công nhận văn bằng, chuyên giao chương trình với các đối tác quốc tế.

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, thi học sinh giỏi, đặc biệt ở các kỳ thi Olympic quốc tế, Việt Nam đều duy trì ở nhóm 10 quốc gia có kết quả thi tốt nhất trên toàn thế giới; thậm chí có những môn thi, thí sinh Việt Nam đứng trong nhóm 5, nhóm 3 quốc gia có kết quả thi tốt nhất trên toàn thế giới.



Việt Nam giành Huy chương Đồng tại Olympic Trí tuệ nhân tạo quốc tế (IOAI) năm 2025 do Trung Quốc đăng cai tổ chức. Ảnh: UET

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2021–2025, thành tích của thí sinh Việt Nam tại các kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế đã đạt được những thành tích vượt bậc; đặc biệt tại kỳ thi Kỹ năng nghề thế giới (WorldSkills Competition), thí sinh Việt Nam đã giành nhiều huy chương đồng và bạc, chứng chỉ nghề xuất sắc; phản ánh rõ nét sự tiến bộ và năng lực cạnh tranh ngày càng cao của nguồn nhân lực kỹ năng nghề trẻ, khẳng định vị thế lao động kỹ năng Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, giáo dục đại học cũng có những bước phát triển nhảy vọt, nhiều trường đại học Việt Nam đã có mặt trong các nhóm xếp hạng có uy tín trên thế giới. Đã có nhiều chương trình đào tạo mới, lĩnh vực mới, đặc biệt về công nghệ cao được xây dựng và triển khai theo lộ trình, điển hình như công nghệ bán dẫn; tạo sự thu hút mạnh mẽ sinh viên theo học các lĩnh vực về công nghệ kỹ thuật cao, những ngành nghề mới xuất hiện theo nhu cầu việc làm trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn 2021-2025, một số cơ sở GDNN đã cải thiện vị trí trong các bảng xếp hạng giáo dục khu vực và quốc tế, phản ánh sự tiến bộ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và quản trị; tạo động lực đổi mới, nâng cao chuẩn mực và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN.

Giáo dục STEM là thành tựu quan trọng và mang tính nền tảng trong đổi mới giáo dục

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, giáo dục STEM có thể được xem là một thành tựu quan trọng mang tính định hướng và nền tảng của giáo dục Việt Nam trong quá trình đổi mới nội dung và phương thức giáo dục. Việc đưa STEM vào chương trình GDPT mới thể hiện bước chuyển từ giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực người học, gắn học tập với thực tiễn khoa học, công nghệ và đời sống. Thông qua các hoạt động học tập tích hợp, thực hành và trải nghiệm, giáo dục STEM đã góp phần khơi dậy tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo của học sinh.

Trong giai đoạn 2021-2025, mặc dù việc triển khai còn chưa đồng đều giữa các vùng, miền và điều kiện bảo đảm còn khác nhau, giáo dục STEM đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong nhận thức và thực hành sư phạm, đồng thời đặt nền móng quan trọng cho việc chuẩn bị nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế tri thức và quá trình chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo sau Đại hội Đảng XIV.

Kiên cố hóa trường học, phát triển mạnh mẽ y tế trường học và phong trào xây dựng xã hội học tập:

Trong giai đoạn 2021–2025, kiên cố hóa trường học tiếp tục là một thành tựu tiêu biểu của ngành giáo dục Việt Nam, thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc bảo đảm điều kiện học tập an toàn, bền vững cho người học.

Công tác đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất trường học đã được thực hiện quyết liệt và đầy mạnh, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2025, từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông; nhiều phòng học tạm, phòng học xuống cấp được thay thế, góp phần cải thiện rõ rệt môi trường sư phạm.

Kiên cố hóa trường học không chỉ nâng cao chất lượng dạy và học, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, chuyển đổi số, tổ chức bán trú và bảo đảm an toàn trường học. Đây là thành tựu có ý nghĩa xã hội sâu sắc, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền và củng cố nền tảng phát triển giáo dục bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đổi mới quản lý trong giáo dục, hệ thống y tế trường học đã được quan tâm đầu tư và phát triển, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục các cấp có mạng lưới y tế trường học, với gần 70% nhân viên y tế trường học chuyên trách là cán bộ chuyên y tế chuyên ngành theo đúng quy định Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn trường học ngày càng được chú trọng; sự phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế trong quản lý sức khỏe học sinh, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh được tăng cường.

Đây là một trong những thành tựu quan trọng của ngành giáo dục và y tế nước nhà trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng XIII, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các Chỉ thị, Nghị quyết trung ương giai đoạn 2026-2030 – tầm nhìn đến năm 2045, đặc biệt là Nghị quyết 72-NQ/TW vừa được ban hành cuối năm 2025 (ngày 9/9/2025). Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm chất lượng học tập và sự phát triển toàn diện của người học trong bối cảnh mới; thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em ngay từ giai đoạn mầm non – tiểu học, vì “một nước Việt Nam khỏe mạnh”.

Bên cạnh đó, phong trào xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh và lan tỏa sâu rộng cũng là điểm son của giáo dục Việt Nam. Giáo dục đã ngày càng vượt ra khỏi phạm vi nhà trường, gắn với học tập suốt đời, học tập linh hoạt và học tập theo nhu cầu của từng cá nhân.

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, các trung tâm học tập cộng đồng, cơ sở giáo dục thường xuyên tại các vùng miền đã phát huy vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng kỹ năng, cập nhật tri thức cho người lao động, qua đó góp phần nâng cao khả năng thích ứng của xã hội trước những biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế và thị trường lao động.

Khả năng thích ứng mạnh mẽ của ngành giáo dục với mô hình chính quyền hai cấp – thành tựu nổi bật cuối nhiệm kỳ 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, đặc biệt nhất là kể từ tháng 09/2025, quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc triển khai mô hình chính quyền hai cấp đặt ra yêu cầu mới đối với công tác quản lý nhà nước nói chung và quản lý giáo dục nói riêng.

Mặc dù việc thực hiện diễn ra trong trong thời gian rất ngắn, ngành giáo dục đã cho thấy khả năng thích ứng rất tốt với mô hình quản lý mới, hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về giáo dục đã được triển khai đồng bộ và ổn định, có tính thông suốt cao và được vận hành trên cơ sở các quy định pháp luật thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Trong thời gian triển khai mô hình chính quyền hai cấp vừa qua, vai trò của lãnh đạo ngành giáo dục đã thể hiện rất nổi bật trong việc hoạch định chính sách, định hướng sắp xếp các cơ sở giáo dục quốc dân, hướng dẫn triển khai sớm và đồng bộ các chuẩn mực, tiêu chuẩn chất lượng và kiểm định trong giai đoạn 2026-2030.

Toàn ngành giáo dục đã thực hiện chủ trương, định hướng mạnh mẽ và quyết liệt trong việc thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong việc tổ chức thực hiện và phát triển các hoạt động giáo dục công lập và ngoài công lập, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, bảo đảm các điều kiện dạy và học hiện đại và tiên tiến.

Thành tựu này thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy lãnh đạo và quản lý của hệ thống giáo dục nước nhà, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị giáo dục dựa trên chất lượng, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở cơ sở đã góp phần bảo đảm sự vận hành thông suốt của hệ thống giáo dục trong bối cảnh mô hình chính quyền mới – chính quyền hai cấp của Việt Nam với 34 tỉnh thành hiện nay.



NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

TRUNG HỌC NGHỀ - MÔ HÌNH GIÁO DỤC CẦN THIẾT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ý nghĩa quan trọng của Trung học nghề trong phân luồng giáo dục

Trung học nghề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phân luồng giáo dục sau trung học cơ sở, vì đây là con đường giúp học sinh sớm tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp trên nền tảng kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi.

Mô hình Trung học nghề tạo điều kiện để người học sau khi hoàn thành chương trình có trình độ học vấn tương đương trung học phổ thông, đồng thời được trang bị kỹ năng thực hành nghề, đủ năng lực tham gia trực tiếp vào thị trường lao động.

Điều quan trọng nữa là trung học nghề không phải là “điểm dừng”, mà là một “lộ trình mở”, cho phép người học tiếp tục học lên các trình độ cao hơn như trung cấp, cao đẳng hoặc đại học trong cùng nhóm ngành – nghề.

Trung học nghề vừa góp phần giảm áp lực cho hệ thống giáo dục phổ thông, thu hút học sinh có định hướng nghề nghiệp sớm có thể theo học, giúp tạo nguồn nhân lực có vừa có đủ “văn hóa cốt lõi” trung học phổ thông, vừa có “tay nghề nông cổ”, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho người học.



GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ cùng cộng sự trao chứng nhận năng lực kỹ thuật đo đa ký giác ngủ cho sinh viên y khoa Đại học Paris Cité tại Trung tâm Đào tạo Hội Y học Giác ngủ Việt Nam. Ảnh: NVCC

Sứ mệnh của Trường trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Để thu hút người học là học sinh đã hoàn thành trung học cơ sở, các Trường trung học nghề cần lựa chọn đào tạo những ngành nghề có sức hấp dẫn cao đối với người học, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp đặt hàng tuyển dụng sau đào tạo.

Các Trường trung học nghề cần gắn năng lực đào tạo của nhà trường với khả năng tham gia sâu rộng của doanh nghiệp, các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước, trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực nghề đầu ra, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, chuyển giao chương trình tiên tiến và các ngành nghề mũi nhọn, cũng như việc tuyển dụng sau đào tạo.

Bên cạnh khả năng tạo việc làm sau tốt nghiệp, các Trường trung học nghề cần xây dựng và cụ thể hóa các ngành nghề được lựa chọn đào tạo, có lộ trình học tập nâng cao rõ ràng theo hướng liên thông sau tốt nghiệp, cho phép người học tiếp tục phát triển lên các bậc trung cấp, cao đẳng và đại học.

Đặc biệt, cần chú trọng phát triển các ngành nghề mới, có hàm lượng khoa học công nghệ cơ bản tương đương bậc ba và bậc bốn theo thang trình độ quốc gia tám bậc hiện hành.

Chú trọng các ngành nghề có tiềm năng phát triển người học sau tốt nghiệp, định hướng trở thành nguồn nhân lực nghề chất lượng cao trong tương lai cho các ngành công nghệ bán dẫn, kỹ thuật y sinh, điện hạt nhân, thiết kế và chế tạo, công nghiệp thời trang, nghe nhìn hiện đại...

Thực hiện tốt sứ mệnh này sẽ giúp các Trường trung học nghề tăng sức hút đối với người học, tạo bước khởi đầu vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực mũi nhọn của nền kinh tế, tiến đến thay thế dần nguồn nhân lực có kỹ năng nghề đơn giản không phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực nghề hiện tại và tương lai.



Trường trung học nghề tăng sức hút đối với người học, tạo bước khởi đầu vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực mũi nhọn. Ảnh: HNIVC

Vai trò của Trường trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay

Mô hình Trường trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân là một hình thức giáo dục văn hóa – nghề nghiệp phù hợp và có vai trò rất lớn trong giai đoạn hiện nay.

Trong bối cảnh cả nước đang triển khai sắp xếp, tổ chức lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, việc hình thành và phát triển mạng lưới các Trường trung học nghề tạo ra một cấu trúc đào tạo linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu phân luồng và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội.

Đặc biệt, quá trình sắp xếp lại các cơ sở giáo dục thường xuyên hiện nay mở ra cơ hội quan trọng để bố trí, tận dụng đội ngũ giáo viên dạy văn hóa tham gia giảng dạy trong các Trường trung học nghề, qua đó bảo đảm chất lượng khối kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi cho người học.

Sự kết hợp này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn nhân lực giáo dục hiện có, mà còn góp phần xây dựng mô hình Trung học nghề bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

Nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả, mô hình Trung học nghề chỉ nên được triển khai tại những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện, phù hợp với mục tiêu giáo dục nhà trường và chuẩn năng lực nghề tối thiểu bậc ba hoặc bậc bốn theo từng ngành nghề có nhu cầu nguồn nhân lực tương ứng.

Các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên giảng dạy văn hóa phổ thông trung học, và có liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp là những đơn vị có nhiều thuận lợi để triển khai Trung học nghề gắn với đào tạo nghề bậc ba và bậc bốn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Các trường trung cấp nghề có thể tham gia triển khai theo hướng linh hoạt, đào tạo nghề bậc 3 tùy thuộc vào đặc thù ngành nghề, nhu cầu lao động và năng lực bảo đảm chất lượng của từng cơ sở.

Ngoài ra việc triển khai có thể được thực hiện thông qua liên kết đào tạo quốc gia và quốc tế, tận dụng thế mạnh về giảng dạy văn hóa hoặc thực hành nghề của các cơ sở liên kết.



Khi xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp, cần coi liên thông là nguyên tắc thiết kế cốt lõi. Ảnh: HNIVC

Việc cho phép triển khai mô hình Trung học nghề cần gắn với quy trình kiểm định, đánh giá năng lực và cấp phép chặt chẽ, bảo đảm chỉ những cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo mới được thực hiện, qua đó bảo đảm tính bền vững và hiệu quả của mô hình trung học nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Những ưu điểm nổi bật của mô hình Trung học nghề quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi

Tính ưu việt của mô hình Trung học nghề bao hàm trong việc hình thành nguồn nhân lực có tay nghề, đồng thời bảo đảm trình độ văn hóa đủ để liên thông lên các bậc học cao hơn.

Vì vậy, khi xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp, cần coi liên thông là nguyên tắc thiết kế cốt lõi, chứ không chỉ là giải pháp kỹ thuật sau đào tạo. Đặc biệt là cơ chế liên thông cần được thiết kế theo hướng công nhận và tích lũy các mô-đun năng lực đã hoàn thành, bảo đảm người học không phải học lại những nội dung đã học, kỹ năng đã được đào tạo và đánh giá đạt chuẩn trong cùng ngành nghề.

Cách tiếp cận này vừa nâng cao hiệu quả đào tạo, vừa khuyến khích học tập suốt đời, đồng thời khẳng định Trung học nghề là một “lộ trình học tập mở”, có giá trị và triển vọng phát triển lâu dài trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Chương trình Trung học nghề nên được thiết kế theo hướng cân đối, có trọng tâm, trong đó khoảng 40% tổng thời gian đào tạo trong ba năm dành cho khối kiến thức “văn hóa phổ thông cốt lõi”, tương đương khoảng 50% nội dung chương trình trung học phổ thông hiện hành, nhằm bảo đảm người học có nền tảng học vấn cần thiết, đủ điều kiện học tiếp và hội nhập xã hội; 60% thời gian còn lại dành cho đào tạo nghề, tập trung vào thực hành và “kỹ năng nghề nòng cốt”, tương ứng khoảng 70% khối lượng kiến thức nghề tối thiểu theo chuẩn đầu ra, giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất.

Về chuẩn đầu ra, cần thiết kế theo hướng tốt nghiệp Trung học nghề được cấp bằng có giá trị tương đương trung học phổ thông, đồng thời được cấp bằng nghề bậc ba hoặc bậc bốn theo ngành nghề đã lựa chọn ban đầu.



Cần thiết kế theo hướng tốt nghiệp Trung học nghề được cấp bằng có giá trị tương đương trung học phổ thông. Ảnh: HNIVC

Như vậy vừa bảo đảm giá trị pháp lý và xã hội của văn bằng, vừa giúp người học có thể tham gia thị trường lao động ngay, đồng thời giữ nguyên khả năng liên thông lên trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, đúng với tinh thần phân luồng “lộ trình mở”, không “đóng lối” và “học tập suốt đời”.

Mô hình Trung học nghề và các chủ thể tham gia triển khai cần được thể chế hóa một cách chặt chẽ, dựa trên nội dung của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đã được Quốc hội Khóa XV thông qua và theo tinh thần chỉ đạo của các Nghị quyết Trung ương đã được ban hành, “nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chất lượng” trong hệ thống giáo dục quốc dân.



NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**LƯƠNG KHỞI ĐIỂM TĂNG, PHỤ CẤP MỞ RỘNG:
CÓ TẠO NÊN “LÀN SÓNG” THÍ SINH VÀO TRƯỜNG Y?**

GS.TSKH. Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển Nhân lực, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng cho rằng sự thay đổi này là không đáng kể, không đủ để tạo ra “*cú hích*” để thu hút người học vào học tập tại các trường y khoa.

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những đặc thù cốt lõi của nghề y: Đầu vào khó, đặc biệt ở các trường công lập với điểm chuẩn cao; chi phí đào tạo lớn, thời gian học kéo dài và cường độ học tập, thực hành nặng nề ngay từ năm thứ hai; lộ trình hành nghề phức tạp khi phải thực hành 12 tháng để được cấp chứng chỉ, từ năm 2027 còn phải thi đánh giá năng lực theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh; cùng với đó là áp lực nghề nghiệp lớn, rủi ro pháp lý cao và môi trường làm việc dễ gây căng thẳng, sang chấn tâm lý.



GS Dương Quý Sỹ hướng dẫn thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng cho sinh viên Trường Cao đẳng y tế Lâm Đồng.

“Dù chính sách mới đã bước đầu cải thiện thu nhập cho bác sĩ trẻ, việc xếp lương bậc 2 kèm phụ cấp 70 – 100% vẫn chưa đủ sức tạo “*lực hút*” đối với người học. Để bảo đảm mục tiêu tối thiểu 15 bác sĩ/10.000 dân theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW, cần những chính sách dài ngò mạnh mẽ, đột phá hơn nhằm thu hút khoảng 12.000-14.000 sinh viên theo học bác sĩ đa khoa mỗi năm”, GS Sỹ nhấn mạnh.

Thực tế cho thấy, phần lớn thí sinh lựa chọn ngành y không phải vì thu nhập khởi điểm mà xuất phát từ lòng yêu nghề, mong muốn được chăm sóc, chữa trị cho người bệnh và cống hiến cho xã hội. Với họ, màu áo blouse trắng là biểu tượng của trách nhiệm và sứ mệnh. Tuy nhiên, trong bối cảnh áp lực đào tạo kéo dài, cường độ lao động cao và trách nhiệm nghề nghiệp nặng nề, chính sách đãi ngộ hiện nay vẫn chưa tương xứng.

Đáng ghi nhận, chính sách phụ cấp cao cho các lĩnh vực đặc thù và vùng khó khăn đã tạo nguồn động viên lớn cho đội ngũ cán bộ y tế đang công tác tại các cơ sở y tế công lập, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Song, GS Sỹ cho rằng, để thu hút nhân lực y tế trẻ về các địa bàn khó khăn, cần có những đột phá mạnh mẽ hơn về cơ chế thu hút và đãi ngộ, đồng thời hạn chế sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa hệ thống y tế công lập và tư nhân.

Bảo đảm sự công bằng trong chế độ tiền lương giữa y tế công và tư không chỉ là vấn đề quyền lợi người lao động, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bởi dù ở khu vực nào, người thầy thuốc đều chung một sứ mệnh phục vụ sức khỏe cộng đồng.

Về chất lượng đào tạo, GS Sỹ khẳng định việc cải thiện lương khởi điểm không làm thay đổi chất lượng đầu vào các trường y, bởi lâu nay công tác tuyển sinh và đào tạo bác sĩ luôn được giám sát chặt chẽ bởi Bộ Y tế, từ chuẩn đầu vào đến chuẩn năng lực đầu ra. Điều đáng quan tâm hơn là các chuyên ngành đang thiếu hụt nhân lực nghiêm trọng như hồi sức cấp cứu, y học dự phòng, giải phẫu bệnh. Với những lĩnh vực này, xếp lương bậc 2 và phụ cấp 100% vẫn chưa đủ hấp dẫn.

Cách tiếp cận phù hợp hơn, theo GS Sỹ là Nhà nước cần hỗ trợ trực tiếp cho người học ngay từ khâu đào tạo, như miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tương tự các chính sách đã triển khai theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Đây là giải pháp căn cơ để thu hút người học vào các chuyên ngành khó, đồng thời bảo đảm nguồn nhân lực y tế bền vững trong dài hạn.

Thực tế cho thấy, dù còn nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ y tế trong hệ thống công lập vẫn luôn gắn bó, tận tâm với nghề, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong chăm sóc sức khỏe nhân dân trên khắp các vùng miền. Số sinh viên y khoa e ngại gắn bó lâu dài với y tế công lập chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, phần nào xuất phát từ công tác hướng nghiệp chưa sâu sắc ở bậc phổ thông.

Ưu thế lớn của hệ thống y tế công lập là tạo điều kiện cho thầy thuốc trẻ được đào tạo nâng cao trình độ liên tục, có vị trí việc làm ổn định và lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng. Vì vậy, cùng với chính sách đãi ngộ, nhà trường, gia đình và xã hội cần tăng cường định hướng nghề nghiệp, giúp người học hiểu đầy đủ về trách nhiệm, giá trị và cơ hội của nghề y.

Để thực hiện hiệu quả mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW, ngành y rất cần những chính sách đột phá hơn nữa trong thu hút, đào tạo và đãi ngộ nguồn nhân lực – từ giảng đường đến bệnh viện, từ tuyển sinh đến sử dụng sau đào tạo. Chỉ khi đó, đội ngũ thầy thuốc mới thực sự yên tâm cống hiến cho sứ mệnh “*một nước Việt Nam khỏe mạnh*”.

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

CẤP BÁCH TÁI CẤU TRÚC, CHUẨN HÓA VÀ CÂN ĐỐI NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC

Trao đổi với phóng viên Báo Nhà báo và Công luận, GS.TSKH.Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển Nhân lực, GS Đại học Penn State – Mỹ & Giáo sư kiêm nhiệm Đại học Paris Cité – Pháp cho rằng, với những thay đổi lớn về mô hình quản trị chính quyền 2 cấp, cơ cấu dân số, gánh nặng bệnh tật và xu thế hội nhập đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị phải coi nhân lực y tế chất lượng cao là trọng tâm của mọi cải cách y tế, là trụ cột của hệ thống chăm sóc sức khỏe hiện đại, công bằng, hiệu quả và bền vững.

+GS đánh giá như thế nào về thực trạng nguồn nhân lực y tế hiện nay?

- Nguồn nhân lực y tế hiện nay đang đối mặt 3 thách thức lớn: **thiếu hụt, phân bố mất cân đối; áp lực từ thay đổi mô hình hành chính; và những bất cập trong đào tạo – đãi ngộ.**

Tình trạng thiếu nhân lực chất lượng cao tại tuyến cơ sở diễn ra phổ biến, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa – nơi gánh trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Trong khi đó, bác sĩ chuyên khoa, điều dưỡng – kỹ thuật viên trình độ cao lại tập trung chủ yếu tại tuyến trung ương và tỉnh, khiến tuyến dưới thiếu người còn tuyến trên quá tải. Sự chênh lệch về chuẩn năng lực giữa các vùng miền, giữa công – tư cùng chương trình đào tạo không đồng đều khiến chất lượng khám chữa bệnh thiếu thống nhất và hạn chế khả năng hội nhập chuyên môn.



Việc phát triển nhân lực y tế chất lượng cao thông qua đào tạo sẽ góp phần củng cố vững chắc hệ thống an ninh y tế quốc gia. Ảnh: Bộ Y tế

Cải cách hành chính theo mô hình chính quyền hai cấp và sáp nhập 34 tỉnh, thành tạo áp lực lớn lên hệ thống y tế. Việc phân tuyến lại nguồn lực, tái cấu trúc quản trị và xây dựng mạng lưới chăm sóc sức khỏe theo đơn vị hành chính mới đòi hỏi nguồn nhân lực y tế phải được chuẩn hóa, đồng bộ và đủ khả năng phối hợp liên vùng – liên tuyến. Đây vừa là thách thức vừa là cơ hội tái thiết hệ thống y tế theo hướng tinh gọn, hiện đại.

Trong đào tạo y khoa, nhiều hạn chế kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nhân lực. Số lượng giảng viên lâm sàng thiếu, trình độ không đồng đều; bệnh viện tuyển trên quá tải khiến sinh viên không đủ điều kiện thực hành.

Chuẩn đầu vào – đầu ra giữa các trường thiếu thống nhất, chưa khớp với khung trình độ quốc gia; một số hình thức đào tạo chưa phù hợp chuẩn quốc tế. Ngoài ra, yêu cầu thực hành 12 tháng không lương để được cấp chứng chỉ hành nghề và kỳ thi quốc gia bắt buộc từ năm 2027 tạo thêm áp lực cho sinh viên.

Chế độ đãi ngộ thấp là nguyên nhân quan trọng khiến nhân lực y tế chất lượng cao dịch chuyển từ tuyến cơ sở lên tuyến trên và từ khu vực công sang tư.

Nghề y đòi hỏi đào tạo dài, cường độ làm việc cao và nhiều rủi ro, nhưng thu nhập không tương xứng khiến bác sĩ khó gắn bó lâu dài với hệ thống công lập.

+ *Vậy Việt Nam nên có định hướng cải cách chiến lược gì trong đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao hiện nay?*

- Theo tôi, cần tập trung vào 3 điểm như sau:

Thứ nhất, xây dựng khung năng lực quốc gia về y khoa thống nhất toàn hệ thống: Khung năng lực quốc gia về y khoa là nhiệm vụ trọng tâm nhằm chuẩn hóa đào tạo và hành nghề theo tinh thần Nghị quyết 71 và 72-NQ/TW. Khung năng lực cần được thiết kế khoa học, toàn diện, tiệm cận quốc tế, tạo chuẩn chung cho tuyển sinh – đào tạo – đánh giá – cấp phép hành nghề. Trên nền tảng này, tất cả cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý có thể vận hành thống nhất, bảo đảm liên thông và đồng bộ nguồn nhân lực y tế, nhất là nhân lực chất lượng cao.

Khung năng lực là căn cứ tuyển sinh thống nhất trên toàn quốc; đánh giá đầu ra theo chuẩn chung; và tổ chức thi cấp chứng chỉ hành nghề dựa trên năng lực thực. Việc xây dựng khung năng lực còn giúp Việt Nam hội nhập khu vực, nâng cao vị thế nhân lực y tế, đồng thời tạo cơ sở quan trọng để thực hiện kỳ thi năng lực quốc gia và các mô hình đào tạo hiện đại theo chuẩn châu Âu, đặc biệt là Cộng hòa Pháp.



GS Dương Quý Sỹ trao chứng nhận năng lực y học giấc ngủ cơ bản cho sinh viên y khoa Đại học Penn State – Mỹ tại Trung tâm Đào tạo – NCKH Hội Y học Giác ngủ Việt Nam (Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Lâm Đồng).

Thứ hai, đổi mới mô hình đào tạo bác sĩ đạt chuẩn chất lượng cao và hội nhập: Đào tạo y khoa cần chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực toàn diện: tư duy hiện đại, kỹ năng chuyên sâu, phẩm chất nhân văn và khả năng hội nhập quốc tế. Mô hình đào tạo bác sĩ của Pháp được xem là kinh nghiệm phù hợp để Việt Nam tham khảo nhằm tạo đột phá về nhân lực y tế chất lượng cao trong giai đoạn mới.

Thứ ba, gắn đào tạo nhân lực y tế với mô hình chính quyền 2 cấp: Việc tái cấu trúc hệ thống hành chính thành 34 đơn vị và vận hành chính quyền 2 cấp đòi hỏi tổ chức lại mạng lưới y tế theo hai tuyến: cơ sở và chuyên sâu. Tuyến cơ sở cần đội ngũ thầy thuốc có năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, đặc biệt là nguồn bác sĩ nội trú (BSNT) Y học gia đình, đủ khả năng quản lý bệnh mạn tính, cấp cứu – hồi sức ban đầu và chăm sóc dài hạn cho cộng đồng.

Tuyến chuyên sâu tập trung đào tạo BSNT chuyên ngành mũi nhọn, làm chủ kỹ thuật cao như nội soi can thiệp, ghép tạng, điều trị ung thư sinh học phân tử, hồi sức cấp cứu tiên tiến... Đây là lực lượng nòng cốt dẫn dắt chuyên môn toàn hệ thống.

Gắn đào tạo BSNT quốc gia với mô hình 2 cấp sẽ tạo sự phân bổ hợp lý, liên thông dọc, hình thành chuỗi nhân lực “hiện đại – bền vững – nhân văn – hiệu quả”, góp phần xây dựng hệ thống y tế mạnh vì “một Việt Nam khỏe mạnh”.

+ *Liệu có mô hình đào tạo bác sĩ y khoa nào thống nhất cho Việt Nam và kinh nghiệm của thế giới ra sao thưa giáo sư?*

- Một định hướng cải cách quan trọng là tham khảo mô hình đào tạo bác sĩ của Pháp – quốc gia từng đặt nền móng cho giáo dục y khoa hiện đại tại Việt Nam.

Tại Pháp, sinh viên thi tuyển đầu vào bằng kỳ thi chung toàn quốc, sau đó học 6 năm cơ bản. Khi tốt nghiệp, một phần hành nghề bác sĩ đa khoa, nhưng đa số dự thi chương trình BSNT quốc gia. Kết quả xếp hạng quyết định chuyên khoa và nơi thực hành, với thời gian đào tạo 3–4 năm.

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, mọi sinh viên đều phải thi BSNT, vì vậy mỗi năm Pháp có 8.000–10.000 BSNT được trả lương và trực tiếp tham gia khám chữa bệnh tại các bệnh viện.



Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao thông qua đào tạo không chỉ là yêu cầu cấp bách riêng của ngành y tế, mà là đòi hỏi mang tính chiến lược đối với cả hệ thống chính trị. Ảnh: Đại Nam

Để khắc phục thiếu bác sĩ tại vùng xa, chính phủ Pháp phân công BSNT sau tốt nghiệp về những khu vực thiếu hụt. Nhờ đó, chuẩn đầu vào – đầu ra của bác sĩ trên toàn hệ thống luôn thống nhất. Sau đại học, Pháp chỉ đào tạo thạc sĩ – tiến sĩ cho nghiên cứu và bằng chuyên khoa cho nhu cầu chuyên sâu; không có hệ CKI, CKII như Việt Nam. Hằng năm, Pháp tiếp nhận khoảng 150–240 bác sĩ Việt Nam tham gia chương trình BSNT 1–2 năm.

Việt Nam có thể tiếp tục chương trình 6 năm nhưng cải cách theo hướng thống nhất chuẩn tuyển sinh toàn quốc và bắt buộc sinh viên thi BSNT quốc gia sau tốt nghiệp. Kết quả kỳ thi sẽ phân ngành, phân tuyển dựa trên năng lực thực chất.

Trong quá trình đào tạo nội trú, Nhà nước giữ vai trò chủ lực: hỗ trợ học phí, chi trả lương, đồng thời phân công nhiệm sở theo quy hoạch nhân lực y tế quốc gia, giúp BSNT yên tâm học tập và phát triển chuyên môn.

Khi hoàn thành chương trình, BSNT được cấp bằng Bác sĩ Nội trú và giấy phép hành nghề – trở thành đội ngũ bác sĩ có trình độ lâm sàng cao nhất. Mô hình này giúp tạo nguồn nhân lực tinh hoa, đạt chuẩn quốc gia – hội nhập quốc tế; khắc phục chênh lệch chất lượng giữa các cơ sở đào tạo; và đảm bảo mọi người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW.

Quan trọng hơn, mô hình này giúp chấm dứt tình trạng BSNT phải tự đóng tiền, làm việc không lương và tập trung quá nhiều ở tuyến trung ương như hiện nay, đồng thời nâng cao chất lượng lâm sàng trên toàn hệ thống.



NHÀ BÁO & **CÔNG LUẬN**

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

GÓP Ý DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG: GIÁO DỤC CẦN TRỞ THÀNH MỘT HỆ SINH THÁI TRI THỨC MỞ

Kiến tạo nền giáo dục cho khát vọng 2045

Bước vào thế kỷ XXI – thời đại mà tri thức trở thành "nguồn tài nguyên vô giá" định hình tương lai nhân loại, Việt Nam đứng trước yêu cầu lịch sử là phát triển tiềm năng trí tuệ dân tộc, khơi dậy sức mạnh văn hóa và giáo dục con người Việt Nam để hội nhập toàn cầu, cạnh tranh bằng khoa học, công nghệ và sáng tạo. "Giáo dục là nền móng để dân tộc vươn mình sánh vai cùng thế giới trong kỷ nguyên mới", giáo sư phân tích.

Theo giáo sư, trên nền tảng hơn một thập kỷ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội XIV đã đặt ra yêu cầu cao hơn: kiến tạo một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, công bằng, tiên tiến và hội nhập sâu vào tri thức toàn cầu - đủ tâm đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045. Giáo sư cho rằng, dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV tiếp tục khẳng định tầm nhìn chiến lược của Đảng về giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, động lực của phát triển, nền tảng để xây dựng quốc gia "phát triển, phồn vinh, hạnh phúc".

GS Dương Quý Sỹ phân tích, tư tưởng chủ đạo của văn kiện là định hình nền giáo dục "chuẩn hóa - hiện đại hóa - dân chủ hóa - hội nhập quốc tế", thích ứng với các xu thế mới như chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, tự chủ đại học và phát triển hệ sinh thái học tập suốt đời. Dự thảo văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định tầm nhìn trí tuệ của Đảng ta về giáo dục và đào tạo, những đột phá quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, luôn đặt mỗi con người Việt Nam vào trung tâm của sự phát triển về giáo dục và đào tạo, lấy nhà trường làm nôi tri thức, xã hội là môi trường nuôi dưỡng nhân cách con người, khơi dậy khát vọng cống hiến của toàn dân tộc, đề cao trách nhiệm với cộng đồng và sáng tạo của thế hệ trẻ.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ và GS. Francis Martin- Chủ tịch Hội Phổi Pháp- Việt khám bệnh và giảng dạy tại Bệnh viện Quốc tế Hải Phòng

Giáo dục gắn với phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ Tổ quốc

GS.TSKH. Dương Quý Sỹ cho rằng, dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV đã đặt giáo dục và đào tạo vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển nhanh, bền vững. Văn kiện xác định giáo dục phải gắn với khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và coi phát triển con người là nền tảng của tăng trưởng và bảo vệ môi trường.

Theo giáo sư, dự thảo đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng vươn lên, ý chí tự cường và năng lực sáng tạo của dân tộc; đồng thời định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức và lực lượng khoa học - công nghệ tiên phong đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Giáo sư nhấn mạnh, "giáo dục không chỉ là nhiệm vụ phát triển mà còn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc và nền tảng tư tưởng của Đảng. Nền giáo dục mới phải đào tạo thế hệ trẻ có tri thức, đạo đức, trách nhiệm công dân, kết hợp phát triển con người với bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế".

Cùng với đó, dự thảo cũng yêu cầu xây dựng hệ thống giáo dục trong sạch, hiện đại, nâng cao năng lực quản trị, phòng chống tiêu cực và chú trọng phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có phẩm chất, liêm chính học thuật.



"Nếu tri thức là tài nguyên vô tận, thì con người Việt Nam mãi là nguồn nguyên khí hùng cường của quốc gia"

Hướng tới hệ sinh thái tri thức mở

GS.TSKH. Dương Quý Sỹ cho rằng, giai đoạn 2026–2030 và tầm nhìn 2045, giáo dục Việt Nam cần trở thành một hệ sinh thái tri thức mở, nơi chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo được coi là công cụ khai phóng năng lực con người, nuôi dưỡng tinh thần học tập suốt đời. "Đó là con đường để Việt Nam hội nhập mà không hòa tan, sáng tạo mà không đánh mất bản sắc, phát triển nhanh nhưng bền vững - vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và nhân ái", giáo sư bày tỏ.

GS nhấn mạnh, những định hướng mới trong dự thảo văn kiện không chỉ phản ánh tầm nhìn thời đại mà còn là yêu cầu cấp bách để tái thiết nền giáo dục Việt Nam, đưa giáo dục trở thành sức mạnh cốt lõi của quốc gia trong kỷ nguyên tri thức và chuyển đổi số.

"Nếu tri thức là tài nguyên vô tận, thì con người Việt Nam mãi là nguồn nguyên khí hùng cường của quốc gia", GS Dương Quý Sỹ khẳng định.

GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh, giáo dục từ ngàn đời nay luôn là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam, là trụ cột của độc lập và khát vọng hưng thịnh quốc gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục tiếp tục được khẳng định là quốc sách hàng đầu, là nguồn tài nguyên vô tận và động lực chiến lược cho phát triển đất nước.

Các định hướng và giải pháp mà dự thảo Văn kiện Đại hội XIV xác lập, từ hoàn thiện thể chế, đổi mới quản trị, phát triển đội ngũ nhà giáo tinh hoa, xây dựng hạ tầng số, đến mở rộng cơ hội học tập suốt đời là nền tảng để đưa giáo dục Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới.

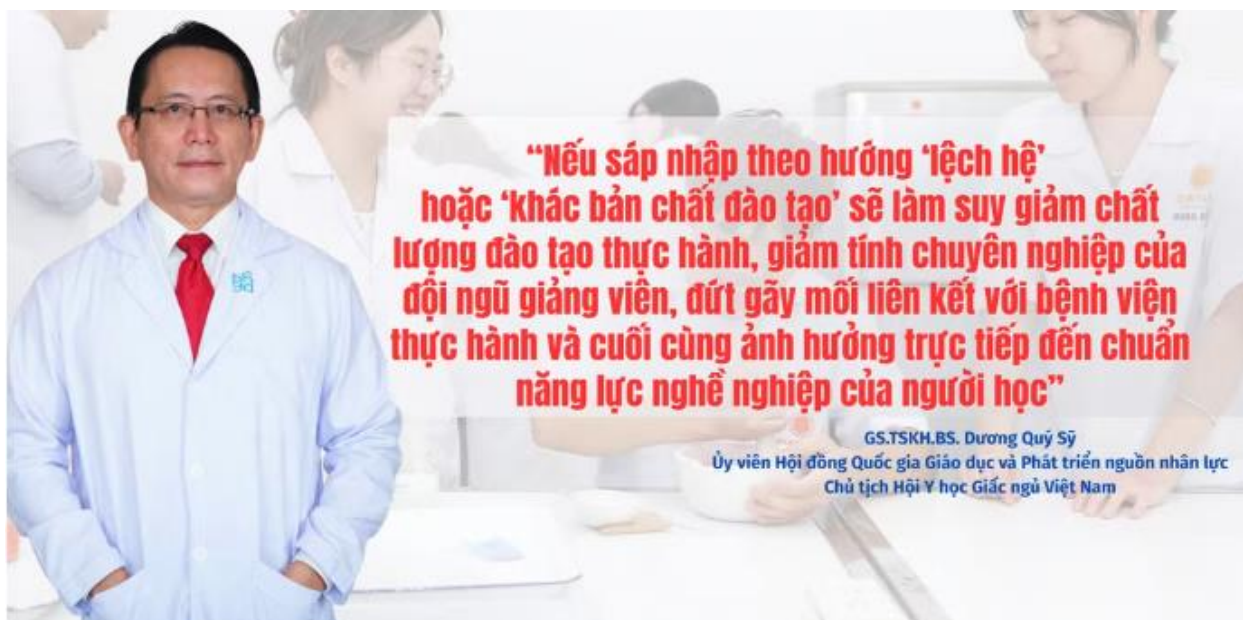
Giáo sư cho rằng tầm nhìn chiến lược đó chỉ có thể trở thành hiện thực khi được gắn với quyết tâm chính trị mạnh mẽ, đầu tư tương xứng về nguồn lực con người, tinh thần hành động quyết liệt của Chính phủ và sự đồng lòng của toàn xã hội. "Mỗi nhà giáo, mỗi người học và từng công dân đều phải trở thành tác nhân của đổi mới, biến tri thức thành sức mạnh phát triển quốc gia, hiện thực hóa khát vọng Việt Nam hùng cường, thịnh vượng năm 2045", GS Dương Quý Sỹ khẳng định.



NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**TINH GỌN, SÁP NHẬP 'LỆCH HỆ' TRƯỜNG Y
CÓ THỂ LÀM 'TEO' CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**

Trao đổi với phóng viên báo *Nhà báo và Công luận*, GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, nguyên Bí thư, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng cho rằng, việc chuyển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về địa phương quản lý đã được thể hiện rõ trong Kế hoạch 06-KH/TW và phù hợp với sự thay đổi mô hình bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, một đầu mối.



Đào tạo y khoa có tính đặc thù, không thể sáp nhập cơ học

Chủ trương này tạo điều kiện để địa phương chủ động, linh hoạt hơn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu vùng, miền; gắn đào tạo với thế mạnh đặc thù của địa phương, nhu cầu lao động và chính sách thu hút nhân lực. Đồng thời, việc này góp phần tránh chồng chéo trong quản lý các cơ sở giáo dục trên địa bàn nhưng trực thuộc các bộ, ngành Trung ương, ngoại trừ những cơ sở có nhiệm vụ đặc thù về an ninh, quốc phòng.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc nhóm ngành sức khỏe, trong đó có các trường trung cấp và cao đẳng y tế, việc tinh gọn bộ máy cũng cần được thực hiện khẩn trương, quyết liệt.

Thực tế thời gian qua, các trường trung cấp và cao đẳng y tế đã từng bước được sắp xếp. Từ khoảng 84 trường công lập và tư thực năm 2022, đến nay hệ thống công lập chỉ còn khoảng 25 trường cao đẳng y tế. Các trường trung cấp y dược hầu như không còn hoặc đang trong quá trình sáp nhập, giải thể, ngoại trừ một số trường đặc thù thuộc khối an ninh, quốc phòng.

Theo tinh thần Kế hoạch 06-KH/TW, các trường cao đẳng y tế vẫn phải tiếp tục tinh giản đầu mối, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, GS Sỹ cho rằng việc sáp nhập mang tính cơ học đối với các trường cao đẳng y tế cần được đánh giá hết sức thận trọng.

“Đây là mô hình đào tạo mang tính đặc thù, chịu sự điều chỉnh đồng thời của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và đặc biệt là Luật Khám bệnh, chữa bệnh cùng hệ thống chuẩn năng lực hành nghề của Bộ Y tế”, ông phân tích.

Đặc thù của đào tạo y khoa là không thể thay thế bệnh viện bằng các phòng học tiền lâm sàng. Giảng viên của trường y không chỉ là nhà giáo mà còn phải là người hành nghề, thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng lâm sàng và tham gia chăm sóc người bệnh tại các cơ sở thực hành của trường.

Ở chiều ngược lại, nhiều bác sĩ tại bệnh viện cũng đồng thời là giảng viên lâm sàng, trực tiếp tham gia đào tạo sinh viên y khoa. Đây là mô hình đào tạo dựa trên thực hành được các quốc gia có nền y học phát triển duy trì và phát triển.



Sinh viên y khoa không chỉ học lý thuyết mà dành phần lớn thời gian cho học lâm sàng, thực hành tại bệnh viện, trung tâm y tế và các cơ sở khám chữa bệnh. Mối liên kết hữu cơ giữa nhà trường và bệnh viện thực hành chính là giá trị cốt lõi của đào tạo nhân lực y tế.

Ảnh: DNU

“Nếu làm mất đi sự gắn kết này do việc sáp nhập hay sắp xếp lại thì rất khó bảo đảm người học sau tốt nghiệp đạt được chuẩn năng lực để tham gia kỳ đánh giá năng lực hoặc được cấp giấy phép hành nghề theo quy định hiện nay của pháp luật”, GS Sỹ nói.

Sáp nhập “lệch hệ” có thể làm đứt gãy hệ sinh thái đào tạo

Nếu sáp nhập theo hướng “lệch hệ” hoặc “khác bản chất đào tạo”, chẳng hạn đưa một trường cao đẳng y tế vào trường cao đẳng đa nghề hoặc một đơn vị không có hệ sinh thái đào tạo y khoa đầy đủ, nguy cơ lớn nhất không nằm ở việc thay đổi tên gọi của trường.

Đó là nguy cơ suy giảm chất lượng đào tạo thực hành, giảm tính chuyên nghiệp của đội ngũ giảng viên, đứt gãy mối liên kết với bệnh viện thực hành và cuối cùng ảnh hưởng trực tiếp đến chuẩn năng lực nghề nghiệp của người học.

Trong khi đó, Việt Nam đang triển khai nhiều chủ trương lớn về chăm sóc sức khỏe nhân dân theo Nghị quyết 72-NQ/TW, như khám sức khỏe toàn dân định kỳ hằng năm,

nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe toàn dân trên nền tảng số, tăng cường y học gia đình, thích ứng với già hóa dân số, phòng chống bệnh không lây nhiễm, chăm lo phát triển thể chất cho trẻ em và cải thiện tuổi thọ người cao tuổi.

Khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ y tế ngày càng lớn, trong khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân tiếp tục tăng. Ngành y tế cũng đang đối mặt với tình trạng thiếu nhân lực ở nhiều địa phương, đặc biệt tại tuyến cơ sở, vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo.

“Trước yêu cầu thực tiễn hiện nay, ngành y tế không chỉ cần nhiều nhân lực hơn cho tuyến cơ sở phục vụ an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo mô hình chính quyền hai cấp, mà quan trọng hơn là cần nhân lực có tay nghề cao, có đủ năng lực hành nghề ngay khi bước vào hệ thống y tế”, GS Sỹ nhận định.

Theo ông, đây cũng là vai trò quan trọng của các trường cao đẳng y tế trong đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp cho hệ thống y tế.



Việc tổ chức lại các trường cao đẳng y tế phải hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo, không làm suy giảm khả năng cung ứng nhân lực y tế có chất lượng tay nghề cao. Ảnh: DNU

GS Sỹ cho rằng, mỗi tỉnh, thành hoặc khu vực cần duy trì một trường cao đẳng y tế được đầu tư hiện đại, gắn với bệnh viện thực hành, có trung tâm mô phỏng kỹ năng tiên tiến, đội ngũ giảng viên lâm sàng và đáp ứng đầy đủ chuẩn năng lực theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

“Nếu sáp nhập cơ học các trường cao đẳng y tế hiện nay vào các trường đa ngành sẽ làm suy giảm hoặc mất đi hệ sinh thái đào tạo nghề y khoa thì nguy cơ suy giảm chất lượng sẽ rất lớn”, ông cảnh báo.

Bệnh viện và trường đại học y cần được tổ chức thành một hệ thống gắn kết

Đối với các cơ sở giáo dục và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, GS Sỹ cho rằng việc tổ chức lại cũng cần dựa trên chức năng và sứ mệnh của từng đơn vị.

Các trường đại học trực thuộc Bộ Y tế đang đảm nhiệm nhiệm vụ đào tạo nhân lực y tế cho các tuyến và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong khi đó, các bệnh viện đầu ngành trực thuộc Bộ Y tế không chỉ khám chữa bệnh chuyên sâu mà còn là trung tâm

đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật cho toàn hệ thống.



Việc sắp xếp cần hướng tới hình thành các phức hợp y học hàn lâm và y học lâm sàng, nơi đào tạo, nghiên cứu và khám chữa bệnh được tích hợp chặt chẽ. Ảnh: NVCC

Các bệnh viện chuyên sâu trực thuộc Bộ Y tế có thể được sáp nhập vào mô hình quản trị của các trường đại học y được trực thuộc Bộ Y tế theo mô hình “trường - viện”. Cách làm này có thể góp phần giảm đầu mối đơn vị chủ quản, giảm nhân lực lãnh đạo, quản lý và tăng cường gắn kết giữa đào tạo hàn lâm với y học lâm sàng.

Tuy nhiên, GS Sỹ nhấn mạnh không thể có một mô hình sáp nhập duy nhất phù hợp với mọi cơ sở.

“Mô hình bệnh tật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe luôn phát triển theo thời gian, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, chính sách an sinh xã hội và yêu cầu đặc thù của hoạt động chăm sóc sức khỏe. Vì vậy, cần xem xét thực tiễn khách quan để lựa chọn mô hình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045”, ông nói.

Từ đó, GS cho rằng quá trình tổ chức lại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế địa phương hoặc trực thuộc Bộ Y tế cần tuân thủ 5 nguyên tắc.

Thứ nhất, lấy chất lượng đào tạo và an toàn người bệnh làm trung tâm. Mọi phương án sắp xếp phải được đánh giá bằng khả năng duy trì và nâng cao chuẩn năng lực của người hành nghề, không chỉ bằng số lượng đầu mối được cắt giảm.

Thứ hai, bảo đảm tính liên tục của hệ sinh thái đào tạo nhân lực y tế. Nhà trường phải gắn với bệnh viện thực hành, mạng lưới y tế cơ sở, trung tâm mô phỏng kỹ năng và hệ thống kiểm định chất lượng. Không để xảy ra tình trạng sáp nhập về hành chính nhưng làm đứt gãy hoạt động đào tạo lâm sàng.

Thứ ba, quy hoạch theo nhu cầu nhân lực y tế của từng vùng và từng cấp chăm sóc. Việc đào tạo cần dựa trên dự báo nhu cầu nhân lực trong 10-20 năm tới, thay vì chỉ dựa trên quy mô tổ chức hiện tại.

Thứ tư, tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình. Các cơ sở đào tạo cần được chủ động về học thuật, nhân lực, tài chính và hợp tác quốc tế, đồng thời phải chịu kiểm định độc lập và công khai các chỉ số chất lượng.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số và liên thông đào tạo. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về đào tạo nhân lực sức khỏe, kết nối cơ sở đào tạo, bệnh viện, cơ quan quản lý và hệ thống đánh giá năng lực hành nghề, tạo nền tảng cho đào tạo liên tục, liên thông và học tập suốt đời.

Tinh gọn để mạnh hơn, không phải ít đầu mỗi bằng mọi giá

Theo GS Sỹ, từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam không nên chỉ hướng tới một hệ thống đào tạo y dược ít đầu mỗi hơn, mà cần xây dựng một hệ thống tinh gọn hơn nhưng mạnh hơn, có năng lực đào tạo theo chuẩn quốc tế, gắn chặt với bệnh viện thực hành, đáp ứng yêu cầu của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và đủ khả năng cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Ông cho rằng Chính phủ và ngành Y tế cần tiếp tục tăng cường cơ chế tự chủ đặc thù cho các cơ sở đào tạo nhân lực y tế, phân cấp mạnh về tổ chức, nhân sự, tài chính và học thuật nhưng gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng.

Cùng với đó, cần có chính sách ổn định vị trí nghề nghiệp của đội ngũ trí thức y khoa là giảng viên. Việc sắp xếp không nên đồng nghĩa với cắt giảm nhân sự cơ học mà cần đánh giá dựa trên năng lực chuyên môn, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu và hoạt động lâm sàng.

Các chuyên gia đầu ngành, giảng viên có học hàm, học vị cao, bác sĩ có năng lực chuyên môn tốt cần tiếp tục được phát huy trong mô hình mới.

Một yêu cầu khác là xây dựng cơ chế việc làm linh hoạt giữa nhà trường và bệnh viện. Giảng viên y khoa cần được duy trì đồng thời chức danh giảng viên và chức danh chuyên môn tại bệnh viện. Theo GS, đây vừa là yêu cầu để bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành, vừa giúp duy trì kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tạo động lực phát triển nghề nghiệp.

Đặc biệt, cần có chính sách đãi ngộ đối với những lĩnh vực đang thiếu nhân lực như điều dưỡng, hồi sức cấp cứu, y học gia đình, tâm thần, lão khoa, y học giấc ngủ và y tế cơ sở.

GS Sỹ cũng đề xuất tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; phát triển các trung tâm nghiên cứu y sinh, trung tâm mô phỏng lâm sàng, phòng thí nghiệm hiện đại, quỹ nghiên cứu cạnh tranh và cơ chế hợp tác quốc tế.

Đồng thời, cần xây dựng hệ thống đào tạo liên tục và phát triển nghề nghiệp suốt đời. Sau khi sắp xếp, giảng viên và cán bộ y tế cần được tạo điều kiện cập nhật kiến thức, đào tạo liên thông giữa các bậc theo khung trình độ quốc gia, đào tạo chuyên khoa, sau đại học, nghiên cứu sinh và tăng cường hợp tác quốc tế.

Quá trình sắp xếp cũng cần chú ý đến yếu tố tâm lý và văn hóa tổ chức. Mỗi đợt sắp xếp đều tạo ra những thay đổi về vị trí việc làm, môi trường làm việc và tâm lý nghề nghiệp. Vì vậy, theo Giáo sư, quá trình triển khai cần công khai, minh bạch, có lộ trình phù hợp, đối thoại thường xuyên với đội ngũ giảng viên và cán bộ y tế, bảo đảm các quyết định dựa trên tiêu chí khách quan, công bằng và tôn trọng giá trị cống hiến của từng cá nhân.



Cơ chế tiền lương và thu nhập cần được đổi mới theo vị trí việc làm và kết quả công hiến, phản ánh đầy đủ ba nhiệm vụ của giảng viên y khoa gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn lâm sàng. Ảnh: DNU

Trong bối cảnh Việt Nam triển khai khám sức khỏe định kỳ toàn dân, tăng cường y tế cơ sở, chuyển đổi số y tế, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhu cầu nhân lực y tế chất lượng cao sẽ tiếp tục tăng.

Vì vậy, theo GS Sỹ, quá trình tinh gọn phải đi đôi với chiến lược phát triển nguồn nhân lực y tế quốc gia; đội ngũ giảng viên, bác sĩ giảng dạy và nhà khoa học cần được xem là lực lượng đầu tư ưu tiên, không phải đối tượng cần cắt giảm.

“Nếu xây dựng được cơ chế tự chủ phù hợp, chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường học thuật hiện đại và hệ sinh thái gắn kết giữa nhà trường - bệnh viện - viện nghiên cứu, việc sắp xếp sẽ không chỉ giữ được đội ngũ trí thức y khoa mà còn tạo động lực mới để cán bộ y tế phát huy tối đa năng lực, góp phần đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao và nâng cao chất lượng hệ thống chăm sóc sức khỏe Việt Nam”, GS Sỹ nói.

Theo ông, tinh thần xuyên suốt của quá trình sắp xếp cần là: “Tinh gọn bộ máy để phát triển con người, lấy chất lượng nguồn nhân lực y tế và chỉ số sức khỏe nhân dân làm thước đo hiệu quả cao nhất của chính sách khi thực hiện sắp xếp”.



CẦN CHÍNH SÁCH PHÙ HỢP ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO SAU SẮP XẾP TRƯỜNG HỌC

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về hoàn thành sắp xếp hệ thống trường học trước ngày 30/8/2026, các địa phương đang khẩn trương xây dựng và triển khai phương án phù hợp, đúng tiến độ.

GS. TSKH.BS Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, Cán bộ lãnh đạo và quản lý Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng và Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã có cuộc trao đổi với phóng viên Báo Đại đoàn kết về những yêu cầu cần ưu tiên để quá trình sắp xếp đạt hiệu quả và tạo sự đồng thuận.

Đánh giá về ý nghĩa của chủ trương sắp xếp cơ sở giáo dục trong bối cảnh ngành giáo dục đang thực hiện đổi mới toàn diện.

Đây là một chủ trương đúng đắn, cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình đổi mới căn bản, toàn diện về mô hình quản trị của hệ thống giáo dục quốc gia. Đây cũng là chủ trương chiến lược của Chính phủ, phù hợp với tiến trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang triển khai và bước đầu đã đạt được một số kết quả rất khả quan.

Tuy nhiên, chủ trương này cũng là một chủ trương lớn và rất phức tạp vì liên quan đến rất nhiều chủ thể, quan trọng nhất là các trẻ mầm non, học sinh phổ thông, phụ huynh học sinh, lực lượng nhà giáo chuyên môn và cán bộ quản lý giáo dục vẫn đang thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Do vậy, toàn ngành giáo dục và cả hệ thống chính quyền địa phương các cấp cần nhận thức đầy đủ rằng việc sắp xếp mạng lưới trường học không chỉ là một giải pháp sắp xếp, tổ chức lại bộ máy như việc thực hiện theo mô hình chính quyền hai cấp, mà có những đặc thù riêng, phạm vi ảnh hưởng lớn; và càng không nên được hiểu đơn giản là cộng gộp hoặc giảm số lượng trường học và cán bộ quản lý một cách cơ học.

Chính phủ và toàn bộ hệ thống chính trị cần thực hiện việc tuyên truyền mục đích ý nghĩa của việc sắp xếp, thống nhất phương thức triển khai theo cấu trúc dân số học đường và khu vực dân cư, đồng bộ với chính quyền hai cấp hiện có. Bên cạnh đó, gia đình và nhà trường cần phải hiểu rõ bản chất sâu xa của chủ trương sắp xếp này là nhằm tái cấu trúc hệ thống giáo dục phù hợp với quy mô dân số, phân bố dân cư, điều kiện địa lý, nhu cầu học tập và không gian phát triển mới của từng địa phương; đồng bộ với việc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tự chủ và trách nhiệm giải trình của hệ thống giáo dục với người học, gia đình và xã hội.

Thế nên, chủ trương sắp xếp lại hệ thống trường học của Chính phủ là một yêu cầu tất yếu khi đã thực hiện mô hình chính quyền hai cấp trong thời gian qua; vì không thể duy trì nguyên trạng một mô hình quản lý giáo dục cũ trong một cấu trúc quản trị quốc gia đã thay đổi, thậm chí có thể là phải sắp xếp lại các ngành khác như là y tế theo phương thức tương tự trong giai đoạn tiếp theo.

Vì vậy, việc sắp xếp trường học lần này phải được coi là cơ hội để chuyển từ tư duy “quản lý từng trường học” sang “quản trị hệ sinh thái giáo dục quốc gia”; từ điều hành chủ yếu bằng thủ tục hành chính sang quản trị bằng chiến lược, tiêu chuẩn chất lượng và dữ liệu số.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ được gặp mặt và trao đổi cùng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, nhân dịp Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương tại Hà Nội, ngày 16/9/2025. Ảnh: NVCC

Việc sắp xếp trường học có thể dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ quản lý, nhân viên trường học phải điều chuyển hoặc dôi dư. Cần có cơ chế, chính sách gì để bảo đảm quyền lợi cho lực lượng này, tránh phát sinh tâm tư trong quá trình triển khai.

- Đây là vấn đề rất quan trọng, phức tạp và nhạy cảm vì liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục sau quá trình sắp xếp và các chủ thể liên quan. Do vậy, nếu việc thực hiện chủ trương chỉ tập trung vào cơ cấu tổ chức mà không giải quyết thấu đáo chính sách đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên trong toàn ngành thì rất dễ phát sinh tâm tư của đội ngũ nhà giáo, sự đoàn kết thống nhất và đồng bộ của mô hình quản trị mới, làm gián đoạn hay thậm chí là suy giảm chất lượng trong hoạt động của nhà trường.

Trước hết, cần thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và có lộ trình cụ thể theo hai bước đủ thời gian rất cấp bách. Bước thứ nhất là phải khảo sát đánh giá thực tế và đề xuất các phương án của việc sắp xếp trường học của chính quyền địa phương; bước thứ hai là phản biện đánh giá và chọn phương án hợp lý nhất.

Việc xác định người tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhà trường, người được bố trí nhiệm vụ mới hoặc người thuộc diện dư dôi phải dựa trên vị trí việc làm, tiêu chuẩn năng lực, kết quả công tác, uy tín nghề nghiệp và nhu cầu thực tế của cơ sở giáo dục; không nên chỉ căn cứ vào thâm niên công tác, đơn vị công tác hoặc vai trò quản lý hành chính.

Bên cạnh đó, ngành giáo dục và nội vụ cần phải có hướng dẫn đề xuất một số mô hình gợi ý, vị trí việc làm mới sau sắp xếp, chế độ chính sách đi kèm.

Cần phân loại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục theo mô hình quản trị mới để có giải pháp phù hợp, thay vì áp dụng một chính sách chung cho tất cả. Những cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn tốt có thể được bố trí phù hợp theo nguyện vọng. Một số cán bộ quản lý giáo dục nòng cốt cần được chọn lựa để tiếp tục được đào tạo nâng cao về năng lực quản trị trường học công, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, năng lực hội nhập quốc tế trong giáo dục, hoặc luân chuyển vị trí công việc đặc thù.

Đặc biệt là phải có sự bảo đảm của các cơ quan chủ quản về chế độ chính sách sau sắp xếp trường học; do vậy phải tăng cường đối thoại trực tiếp với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục, nhà giáo với lãnh đạo ngành giáo dục và từ chính quyền địa phương.

Khi thực thi chủ trương sắp xếp trường học với chính sách minh bạch, công bằng và nhân văn, đội ngũ nhà giáo sẽ chia sẻ và đồng hành với chủ trương chung và toàn tâm toàn ý tiếp tục đóng góp cho nền giáo dục nước nhà.



GS.TSKH.Dương Quý Sỹ. Ảnh: NVCC

Việc hình thành các trường quy mô lớn, nhiều phân hiệu hoặc nhiều cấp học sẽ tạo ra những yêu cầu mới về quản trị. Vậy đội ngũ hiệu trưởng, cán bộ quản lý cần đáp ứng những yêu cầu gì, nhất là trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

- Quản trị nhà trường trong giai đoạn tới cần được tiếp cận như quản trị nền hành chính công hiện đại, lấy người học là trung tâm, chất lượng phục vụ người học là thước đo hiệu quả; đào tạo ra những công dân ưu tú, nguồn nhân lực chất lượng cao tương lai cho đất nước là mục tiêu cao nhất của việc sắp xếp và tinh gọn hệ thống trường học.

Trong mô hình mới sau sắp xếp, hiệu trưởng không còn đơn thuần là người điều hành hoạt động chuyên môn của một trường học theo nghĩa truyền thống, mà phải trở thành nhà lãnh đạo và quản trị một tổ chức giáo dục hiện đại, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, xã hội và người học về chất lượng giáo dục, hiệu quả sử dụng nguồn lực công và sự phát triển bền vững của nhà trường và phải có những thuộc tính năng lực tối thiểu sau đây:

Trước hết, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục cần chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị chiến lược và quản trị phục vụ. Hiệu trưởng phải có

năng lực xây dựng tầm nhìn phát triển dài hạn, hoạch định chiến lược dựa trên dữ liệu và bằng chứng khoa học số hóa.

Thứ hai, hiệu trưởng cần có năng lực quản trị tổng thể về nguồn nhân lực, tài chính công, tài sản công và chất lượng giáo dục. Khi quy mô trường học lớn hơn, phạm vi quản lý mở rộng hơn, yêu cầu đặt ra không chỉ là sử dụng hiệu quả ngân sách mà còn phải bảo đảm phân bổ hợp lý đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và các nguồn lực giáo dục giữa các phân hiệu, các cấp học và các nhóm học sinh.

Thứ ba, năng lực số và quản trị bằng dữ liệu phải trở thành năng lực cốt lõi của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Hồ sơ điện tử không chỉ thay thế giấy tờ mà phải trở thành công cụ dự báo, giúp phát hiện sớm nguy cơ học sinh bỏ học, suy giảm kết quả học tập, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, phát triển thể chất và năng lực, tình trạng thiếu giáo viên hay sự mất cân đối trong phân bổ nguồn lực.

Thứ tư, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) cần được xem là động lực nâng cao năng lực quản trị và chất lượng giáo dục. Người hiệu trưởng phải biết khai thác AI trong phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu nhân lực, xây dựng học liệu số, hỗ trợ cá thể hóa học tập, giảm tải công việc hành chính cho giáo viên và nâng cao chất lượng phục vụ người học. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI phải được đặt trên nền tảng đạo đức, bảo vệ dữ liệu cá nhân người học, bảo đảm quyền riêng tư, tính minh bạch và công bằng, đồng thời không để khoảng cách số trở thành rào cản đối với học sinh ở vùng khó khăn và các nhóm yếu thế.

Thứ năm, trong một hệ thống trường học quy mô lớn, hiệu trưởng phải là người kiến tạo văn hóa tổ chức và dẫn dắt sự thay đổi; đặc biệt phải chú trọng văn hóa đọc, văn hóa ứng xử, văn hóa đổi mới sáng tạo và hội nhập toàn cầu. Một nhà trường hiện đại sau sát nhập hay sắp xếp lại cần có bản sắc chung, nhưng đồng thời vẫn tôn trọng sự đa dạng và đặc thù của từng phân hiệu, từng cấp học và từng địa phương.



Một giờ học của cô và trò Trường Tiểu học Phương Mai (Hà Nội).

Ảnh: Quang Vinh

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, cần có cơ chế hậu kiểm như thế nào để đánh giá chủ trương này có thực sự nâng cao chất lượng giáo dục, thay vì chỉ đạt mục tiêu giảm đầu mỗi?

- Hậu kiểm là khâu đặc biệt quan trọng trong quản trị giáo dục hiện đại. Do vậy, việc dựa trên các báo cáo cơ học về số trường đã giảm, số đầu mỗi đã sáp nhập hoặc số biên chế quản lý giáo dục đã tinh gọn và sắp xếp lại vị trí việc làm thì chưa thể khẳng định chủ trương sắp xếp trường học theo tinh thần của các Nghị quyết trung ương dưới sự chỉ đạo của Chính phủ là thành công. Kết quả phải được đánh giá bằng sự thay đổi thực chất đối với năng lực người học là học sinh, nhà giáo các cấp, chất lượng nhà trường, hiệu quả sử dụng nguồn lực công trong giáo dục và tác động tích cực của mô hình quản trị giáo dục với xã hội.

Dựa trên thực tiễn điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, các định hướng đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, ngành giáo dục cùng với chính quyền địa phương cần xây dựng và ban hành một bộ chỉ số thống nhất để đánh giá định kỳ một cách khách quan nhất hiệu quả của chủ trương theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, trong đó nên có ít nhất năm nhóm tiêu chí: Quyền tiếp cận giáo dục; chất lượng giáo dục; đội ngũ nhà giáo; hiệu quả quản trị, tài chính và chuyển đổi số; sự hài lòng và niềm tin xã hội.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị xã hội cần quán triệt và lan tỏa trong toàn xã hội một mục tiêu xuyên suốt của chủ trương sắp xếp trường học theo chỉ đạo của Chính phủ lần này là: “giảm đầu mỗi chỉ là nguyên tắc thực hiện; nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận và phát triển con người thông qua giáo dục mới là mục tiêu của chủ trương sắp xếp”.





5 ĐIỀU KIỆN ĐỂ SẮP XẾP, SẮP NHẬP TRƯỜNG HỌC THEO HƯỚNG TINH GỌN HIỆU QUẢ

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các địa phương hoàn thành việc sắp xếp hệ thống trường mầm non, phổ thông công lập trước ngày 30.8, hướng tới giảm khoảng 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập.

GS. TSKH.BS Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực - cho rằng, chủ trương này không đơn thuần là sắp xếp lại hệ thống trường học, mà là một nội dung quan trọng trong tiến trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp mà Đảng và Nhà nước đang triển khai.



GS. TSKH.BS Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực cho rằng, có 5 điều kiện để sắp xếp trường học theo hướng tinh gọn. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

GS. TSKH.BS Dương Quý Sỹ phân tích, điều quan trọng cần nhận thức là mục tiêu giảm khoảng 30% đầu mỗi không phải là đích đến cuối cùng của việc cải cách cơ học. Giá trị cốt lõi của chủ trương này nằm ở việc tái cấu trúc toàn bộ mạng lưới giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư và không gian phát triển của từng địa phương; giảm sự phân tán nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư công, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nếu bộ máy hành chính nhà nước đang chuyển từ mô hình nhiều tầng nấc ba cấp như trước đây, sang mô hình tinh gọn, phân cấp mạnh, phân quyền rõ và tăng trách nhiệm giải trình thì giáo dục cũng phải chuyển đổi theo cùng tư duy đó.

"Đây cũng chính là bước chuyển từ quản lý giáo dục sang quản trị giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm, nhà giáo làm động lực, nhà trường là nền tảng và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia là mục tiêu cao nhất" - ông nói.

Ngoài việc giảm 30%, việc sắp xếp hướng tới mục tiêu giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy.

GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ cho rằng, điều này phù hợp với mô hình quản trị quốc gia tinh gọn, hiệu quả và tập trung đầu tư trực tiếp vào nguồn lực con người thông qua giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, chủ trương này muốn thành công, ông cho rằng, phải bảo đảm 5 điều kiện.

Trước hết, nguồn lực tiết kiệm được từ việc tinh gọn bộ máy phải được tái đầu tư trực tiếp cho giáo dục, đặc biệt là đội ngũ giáo viên. Giảm đầu mỗi quản lý không có nghĩa là giảm đầu tư cho giáo dục, mà ngược lại phải tăng đầu tư cho hoạt động dạy học, nghiên cứu, chuyển đổi số và phát triển chuyên môn.

Thứ hai, cần cơ cấu lại đội ngũ theo nguyên tắc giảm quản lý trung gian, tăng giáo viên trực tiếp giảng dạy và tăng các vị trí hỗ trợ chuyên môn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tư vấn tâm lý và y tế học đường, giáo dục hòa nhập, phát triển tài năng học đường và quản trị dữ liệu.

Thứ ba, phải chuẩn hóa nguồn nhân lực giáo dục một cách đồng bộ và tiên tiến. Chuẩn hóa ngày nay không chỉ là chuẩn bằng cấp mà còn là chuẩn năng lực nghề nghiệp, năng lực số, ngoại ngữ, khả năng đổi mới sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp của người thầy.

Thứ tư, cần đổi mới cơ chế tài chính theo hướng phân bổ ngân sách dựa trên người học, nhiệm vụ và kết quả đầu ra. Những địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới cần được ưu tiên nhiều hơn để bảo đảm công bằng trong giáo dục.

Cuối cùng, phải xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng sau sắp xếp dựa trên dữ liệu thực tế như tỉ lệ học sinh đến trường, khoảng cách đi học, sĩ số lớp, kết quả học tập, sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và mức độ hài lòng của người học, giáo viên và phụ huynh.

"Mọi kết quả cần được công khai, minh bạch để toàn xã hội cùng giám sát" - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực nhấn mạnh.



Đầu tư vào khoa học công nghệ, công nghệ sinh học... Ảnh: Vũ Khuê

Thứ ba là xây dựng “Chiến lược Quốc gia về chăm sóc sức khỏe dựa trên nguyên lý y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại”. Đây là xu hướng mà nhiều quốc gia phát triển đang hướng tới. Các sản phẩm dược liệu có bằng chứng khoa học cần được nghiên cứu, đánh giá và từng bước đưa vào hệ thống CSSK quốc gia, đặc biệt trong dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng, nâng cao miễn dịch, chống lão hóa, CSSK người cao tuổi và quản lý bệnh mạn tính.

Thứ tư là chủ động thành lập các “Viện Nghiên cứu Quốc gia về Dược liệu, Công nghệ Y sinh và Y học Cổ truyền hiện đại”. Các viện này cần đóng vai trò đầu tàu trong nghiên cứu hoạt chất, sinh học phân tử, dược lý học, thử nghiệm lâm sàng, công nghệ bào chế, y học tái tạo và phát triển các sản phẩm CSSK thế hệ mới từ nguồn dược liệu Việt Nam; gắn kết với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện, doanh nghiệp công nghệ sinh học và các địa phương có thế mạnh về dược liệu.

Sau cùng là, trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, “Dược liệu và YHCT cần được tích hợp vào các chương trình chăm sóc người cao tuổi, người yếu thế, phục hồi chức năng cộng đồng và nâng cao chất lượng sống”. Đây vừa là nhu cầu rất lớn của xã hội, vừa là thị trường đầy tiềm năng cho ngành công nghiệp dược liệu trong tương lai.



Y TẾ VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ KHU VỰC: TẬN DỤNG NGUỒN LỰC ĐỂ VƯƠN LÊN DẪN ĐẦU

GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Ủy viên Hội đồng Quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội Y học giác ngủ Việt Nam đã chia sẻ với *Tuổi Trẻ Online* như vậy khi nói về lợi thế và triển vọng của ngành y tế Việt Nam trong thời gian tới.

*** Thưa GS, nhìn từ thực tiễn hiện nay, ông đánh giá y tế Việt Nam đang đứng ở đâu trong khu vực và đâu là lợi thế cạnh tranh rõ nhất?**

- **GS.TSKH Dương Quý Sỹ:** Điểm nổi bật của y tế Việt Nam là sự phát triển tương đối đồng bộ giữa y tế dự phòng, y học lâm sàng và y học chuyên sâu, cùng với đổi mới quản trị, chuyển đổi số và các chính sách y tế mang tính đột phá theo tinh thần nghị quyết Trung ương. Điều này tạo nên một mô hình y tế linh hoạt, hiện đại, thích ứng tốt với yêu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện.

Lợi thế chiến lược lớn nhất của Việt Nam là hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở được tổ chức rộng khắp. Bên cạnh đó, y học lâm sàng và y học chuyên sâu phát triển nhanh, đội ngũ y, bác sĩ có trình độ cao, nhiều kỹ thuật hiện đại đã được làm chủ.

Công tác đào tạo nhân lực y tế theo chuẩn năng lực, gắn với nghiên cứu và hợp tác quốc tế sâu rộng, cũng tạo nên lợi thế cạnh tranh rõ nét.

Ngoài ra sự phối hợp hài hòa giữa y tế công lập và ngoài công lập, cùng với sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước thông qua các chính sách y tế chiến lược, đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững. Việt Nam cũng có tiềm năng lớn về du lịch y tế nhờ chi phí hợp lý, chất lượng chuyên môn tốt và hệ sinh thái du lịch phong phú.

*** Theo ông rào cản lớn nhất hiện nay khiến y tế Việt Nam chưa bứt phá mạnh mẽ ra khu vực?**

- Rào cản lớn nhất không nằm ở năng lực chuyên môn hay trang thiết bị, mà ở sự chưa đồng bộ trong cơ chế vận hành của toàn hệ thống, từ chính sách, quản trị đến phân bổ nguồn lực.

Sự chênh lệch chất lượng giữa các tuyến, những điểm nghẽn trong cơ chế tài chính, tự chủ bệnh viện, hợp tác công - tư, cùng với hệ sinh thái nghiên cứu và đổi mới sáng tạo chưa phát triển tương xứng, đang hạn chế khả năng bứt phá. Khi tháo gỡ được các điểm nghẽn này, y tế Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển từ phát triển nhanh sang phát triển đột phá trong khu vực.

*** Vậy, theo ông yếu tố then chốt nào quyết định việc Việt Nam có thể trở thành điểm đến chữa bệnh của khu vực?**

- Không có yếu tố đơn lẻ nào đủ sức quyết định. Điều kiện tiên quyết là sự kết hợp hài hòa giữa y tế kỹ thuật cao, quản trị bệnh viện tiên tiến và chính sách y tế phù hợp. Trong đó chính sách giữ vai trò then chốt, mang tính dẫn dắt.

Y tế kỹ thuật cao là năng lực cốt lõi; quản trị bệnh viện tiên tiến giúp chuyên hóa năng lực chuyên môn thành trải nghiệm thực tế cho người bệnh; còn chính sách y tế đồng bộ sẽ tạo môi trường thuận lợi để thu hút người bệnh trong khu vực và quốc tế, hình thành hệ sinh thái y tế đủ sức cạnh tranh.

*** Các bệnh viện đầu ngành cần đóng vai trò gì để kéo mặt bằng chất lượng y tế toàn hệ thống đi lên?**

- Các bệnh viện đầu ngành không chỉ là nơi tập trung kỹ thuật cao, mà phải giữ vai trò đầu tàu dẫn dắt toàn hệ thống. Trước hết là chuẩn hóa chuyên môn thông qua xây dựng hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và chăm sóc dựa trên y học chứng cứ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của các tuyến.

Bên cạnh đó, các bệnh viện đầu ngành cần đẩy mạnh đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, hội chẩn và hỗ trợ chuyên môn từ xa, góp phần phân tầng điều trị hợp lý và tối ưu hóa nguồn lực.

Đồng thời đây phải là trung tâm dẫn dắt nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và tiên phong trong quản trị bệnh viện hiện đại, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn người bệnh theo chuẩn mực quốc tế.

*** Ông kỳ vọng trong 10 - 15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được nhắc đến với hình ảnh nào trên bản đồ y tế châu Á?**

- Tôi kỳ vọng trong 10 - 15 năm tới, hệ thống bệnh viện Việt Nam sẽ được nhận diện như một mạng lưới bệnh viện hiện đại, đồng bộ, nhân văn; nơi chất lượng chuyên môn cao gắn liền với khả năng tiếp cận của người bệnh và sự phát triển bền vững.

Một số bệnh viện Việt Nam có thể trở thành trung tâm y học chuyên sâu, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật của khu vực ASEAN và châu Á, đồng thời là điểm đến chăm sóc y tế kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, được người bệnh quốc tế lựa chọn vì chuyên môn tốt, chi phí hợp lý và chăm sóc toàn diện.





TRUNG HỌC NGHỀ ĐÁP ỨNG PHÂN LUỒNG SAU THCS VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

Tháng 12/2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi được Quốc hội thông qua đã bổ sung một loại hình giáo dục mới là trung học nghề. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, trung học nghề được xác định cùng bậc học với THPT, mô hình này tích hợp kiến thức cốt lõi phổ thông và chuyên môn nghề. Học sinh tốt nghiệp trung học nghề sẽ được xét tương đương nhóm THPT trong bố trí việc làm và thăng tiến nghề nghiệp.

Việc bổ sung trung học nghề vào hệ thống giáo dục quốc dân đã mở thêm một lựa chọn học tập cho học sinh sau THCS, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho con đường liên thông từ trung học nghề lên cao đẳng, đại học. Học sinh sau THCS có thể lựa chọn tiếp tục học THPT hoặc trung học nghề phù hợp với nguyện vọng, năng lực và điều kiện thực tế.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực, trung học nghề là mô hình dạy văn hóa và dạy nghề đồng thời theo hướng mở, liên thông, linh hoạt, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người học theo tinh thần của Nghị quyết 71, phù hợp với xu hướng phát triển và nhu cầu của nguồn nhân lực quốc gia hiện nay, trong khu vực và trên toàn cầu.

Mô hình trường trung học nghề có vai trò rất là quan trọng trong phân luồng giáo dục sau trung học cơ sở. Vì đây là con đường giúp học sinh sớm tiếp cận với cơ hội giáo dục nghề nghiệp và trung học nghề tạo điều kiện để người học sau khi hoàn thành chương trình, có trình độ học vấn tương đương trung học phổ thông, đồng thời được trang bị kỹ năng thực hành nghề, đủ năng lực tham gia trực tiếp vào thị trường lao động.



Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực (Ảnh: NVCC)

Ông Sỹ cho rằng điều đặc biệt hơn nữa là mô hình trung học nghề không phải là điểm dừng mà đây là một lộ trình học tập mở cho phép người học tiếp tục học lên các trình độ cao hơn như cao đẳng hoặc đại học cùng nhóm ngành nghề.

Bên cạnh đó, ông Sỹ cho rằng vai trò của trung học nghề cũng rất quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia hiện nay.

Việc phát triển các mạng lưới, các trường trung học nghề sẽ tạo ra một cấu trúc đào tạo nguồn nhân lực linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu phân luồng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực sau đào tạo, hỗ trợ nguồn nhân lực cho các ngành nghề mới.

Để mô hình trung học nghề đi vào thực tiễn, ông Sỹ đề xuất một vài giải pháp then chốt về tổ chức đào tạo, nội dung chương trình, đánh giá và công nhận tốt nghiệp nhằm bảo đảm chất lượng và đầu ra việc làm cho người học.

Theo đó, chương trình trung học nghề cần được thiết kế theo hướng cân đối, có trọng tâm. Nên có khoảng 40% tổng thời gian đào tạo trong ba năm dành cho khối kiến thức “văn hóa trung học phổ thông cốt lõi” (tương đương khoảng 50% nội dung chương trình THPT hiện hành), nhằm bảo đảm người học có nền tảng học vấn cần thiết, đủ điều kiện học tiếp và hội nhập xã hội. Khoảng 60% thời gian còn lại dành cho đào tạo nghề, tập trung vào thực hành và “kỹ năng nghề nòng cốt” (tương ứng khoảng 70% khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề tối thiểu theo chuẩn đầu ra), giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất.

Về chuẩn đầu ra, theo ông cần thiết kế chương trình giáo dục theo hướng người học tốt nghiệp trung học nghề được cấp bằng có giá trị pháp lý tương đương bằng THPT, như đã quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi), đồng thời được cấp bằng nghề bậc ba hoặc bậc bốn theo ngành, nghề lựa chọn và chương trình đào tạo.

"Cách tiếp cận này vừa bảo đảm giá trị pháp lý và giá trị xã hội của văn bằng, vừa giúp người học có thể tham gia thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp, đồng thời giữ nguyên khả năng liên thông lên trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, phù hợp với tinh thần phân luồng theo lộ trình mở và học tập suốt đời". - GS Dương Quý Sỹ khẳng định.

Việc luật hóa mô hình trung học nghề mở ra cơ hội phân luồng và học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên, cần một khung thực thi đồng bộ, rõ ràng, khả thi để việc triển khai mô hình trung học nghề thực sự hiệu quả./.



ĐỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP BÚT PHÁ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Những kết quả giáo dục nghề nghiệp nổi bật

GS.TSKH Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội đồng Trường CĐ Y tế Lâm Đồng đánh giá những kết quả nổi bật của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong nhiệm kỳ 2021-2025 trên các phương diện sau:

Thứ nhất, hệ thống GDNN được củng cố, sắp xếp tinh gọn và hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong dài hạn.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, mạng lưới cơ sở GDNN trên cả nước đã được rà soát, quy hoạch lại một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng dàn trải, từng bước hình thành cơ cấu hợp lý, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động của từng vùng, từng địa phương.

Tính đến đầu năm 2025, cả nước có khoảng 1.850 cơ sở GDNN với hơn 35% là cơ sở GDNN ngoài công lập, giảm được gần 15% các cơ sở GDNN công lập. Việc tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm đã góp phần hình thành các cơ sở GDNN chất lượng cao, trong đó một số trường từng bước tiệm cận chuẩn đào tạo của khu vực ASEAN và quốc tế, trở thành hạt nhân dẫn dắt và lan tỏa chất lượng trong toàn hệ thống GDNN.

Cùng với quá trình sắp xếp, củng cố mạng lưới, cơ chế tăng cường quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động hơn trong tổ chức đào tạo, hợp tác với doanh nghiệp, huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị.

Đây là bước chuyển quan trọng về tư duy quản lý, góp phần khơi dậy tính năng động, sáng tạo của các cơ sở GDNN, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Thứ hai, chất lượng đào tạo nghề đã được nâng cao và tiệm cận với khu vực Châu Á. Nhiệm kỳ 2021-2025, chất lượng đào tạo nghề đã có bước chuyển biến rõ rệt, thể hiện sự thay đổi căn bản từ tư duy đến cách tiếp cận trong GDNN. Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh và chuẩn hóa theo năng lực thực hiện, lấy yêu cầu của thị trường lao động làm trung tâm, khắc phục tình trạng đào tạo xa rời thực tiễn.

Việc đẩy mạnh đào tạo theo chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN và quốc tế đã góp phần nâng cao tính chuẩn mực, khả năng so sánh và hội nhập của hệ thống GDNN. Nhờ đó, năng lực nghề nghiệp của người học được cải thiện rõ rệt, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo đạt mức cao, nhiều ngành nghề đạt trên 80-90%, trong đó không ít trường hợp được doanh nghiệp tuyển dụng ngay trong quá trình thực tập.

Đặc biệt nhất là chỉ số chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025, dựa trên kết quả đánh giá của doanh nghiệp đã có những bước thăng hạng nhảy vọt; trong khu vực ASEAN, chỉ số chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam xếp hạng thứ 3, sau Singapore và Indonesia.



Thứ ba, gắn kết GDNN với doanh nghiệp mang tính bước đột phá và thực chất. Giai đoạn 2021-2025, mối gắn kết giữa giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đã có bước đột phá quan trọng, tạo chuyển biến rõ nét về hiệu quả đào tạo. Doanh nghiệp không chỉ đóng vai trò tuyển dụng sau đào tạo mà đã tham gia ngày càng sâu vào toàn bộ quá trình đào tạo, từ xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kỹ năng đến tiếp nhận người học thực tập và làm việc. Các mô hình đào tạo kép, đào tạo theo đơn đặt hàng và theo chuỗi cung ứng lao động được mở rộng, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động.

Qua đó, GDNN từng bước chuyển từ tư duy “đào tạo những gì có” sang “đào tạo những gì thị trường cần”, mang tính bền vững, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế trong giai đoạn đột phá phát triển và trước thềm kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Mô hình liên kết “ba nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) và mô hình “Nhà trường trong doanh nghiệp” ngày càng được triển khai hiệu quả, trở thành hướng đi phù hợp với yêu cầu phát triển GDNN hiện đại.

Thứ tư, thành tích của đội tuyển kỹ năng nghề Việt Nam tại các đấu trường khu vực và quốc tế đã trở thành một trong những điểm sáng nổi bật của GDNN. Việt Nam liên tục tham gia Kỳ thi tay nghề ASEAN, Kỳ thi tay nghề châu Á và Kỳ thi tay nghề thế giới (WorldSkills) với số lượng và chất lượng huy chương của đoàn Việt Nam không ngừng được nâng lên, thứ hạng quốc gia từng bước được cải thiện một cách bền vững, phản ánh sự tiến bộ thực chất về trình độ kỹ năng nghề và năng lực đào tạo.

Ở nhiều ngành nghề mũi nhọn gắn với công nghiệp, công nghệ và dịch vụ hiện đại, thí sinh Việt Nam đã đạt kết quả tương đương, thậm chí vượt trội so với một số quốc gia trong khu vực, khẳng định tay nghề lao động Việt Nam ngang bằng hoặc thậm chí cao hơn các nước ASEAN và châu Á trong một số lĩnh vực nghề nghiệp.

Những thành tựu này đã phản ánh một cách khách quan và thực tiễn sinh động về hiệu quả của quá trình đổi mới hệ thống GDNN theo hướng chuẩn hóa, hội nhập và gắn với chuẩn tay nghề phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực toàn cầu. Đây cũng là dấu ấn quan trọng, có sức lan tỏa mạnh mẽ quốc gia và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của GDNN và nguồn nhân lực Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Thứ năm, chuyển đổi số, đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao vị thế GDNN và hội nhập quốc tế mạnh mẽ. Các cơ sở GDNN đã đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số, triển khai đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp và các mô hình mô phỏng, thực hành số, từng bước đổi mới phương thức tổ chức đào tạo và kiểm tra, đánh giá kỹ năng nghề bằng công nghệ, trí tuệ nhân tạo.

Việc số hóa công tác quản lý đào tạo, theo dõi quá trình học tập và đánh giá năng lực đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính minh bạch và khả năng cá thể hóa quá trình học tập.

Nhờ đó, hệ thống GDNN đã thích ứng tương đối nhanh với bối cảnh dịch bệnh trong đầu nhiệm kỳ 2021-2025, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu học tập linh hoạt, học tập suốt đời của người lao động trong nền kinh tế số và Chính phủ số theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Song song với quá trình đổi mới về công nghệ và phương thức đào tạo, vị thế xã hội của GDNN từng bước được nâng cao. Nhận thức của xã hội về học nghề đã có sự chuyển biến tích cực, ngày càng khẳng định học nghề là con đường lập nghiệp bền vững, gắn với việc làm và thu nhập ổn định, không còn bị coi là lựa chọn “thứ yếu”.

Thông qua việc cung ứng nguồn nhân lực kỹ năng cho thị trường lao động, GDNN đã đóng góp thiết thực vào giảm thất nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, đồng thời góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế bền vững.

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều cơ sở GDNN đã chủ động tiếp nhận, chuyển giao và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, đặc biệt từ các quốc gia có hệ thống đào tạo nghề phát triển, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và tính chuẩn mực của chương trình đào tạo trong nước.

Hoạt động hợp tác đào tạo, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở GDNN nước ngoài ngày càng đa dạng, gắn với đào tạo giảng viên, chuyển giao công nghệ, công nhận kỹ năng và bằng cấp.

Những kết quả này không chỉ góp phần nâng cao năng lực hội nhập của hệ thống GDNN, mà còn tạo điều kiện cho người học và người lao động Việt Nam tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.



GS.TSKH Dương Quý Sỹ cho rằng, cần triển khai sớm, chặt chẽ khung pháp lý và thể chế cho việc thực hiện mô hình “trung học nghề”.

Nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của GDNN trong giai đoạn mới

GS.TSKH Dương Quý Sỹ cho rằng, nhiệm kỳ 2026-2030, giáo dục nghề nghiệp cần khẩn trương tập trung thực hiện tốt các nội dung trọng tâm của Luật Giáo dục nghề nghiệp (2025). Đây là khuôn khổ pháp lý quan trọng để thúc đẩy đổi mới toàn diện giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, triển khai sớm, chặt chẽ khung pháp lý và thể chế cho việc thực hiện mô hình “trung học nghề”.

Nhiệm kỳ 2026-2030 cũng phải cấp thiết xây dựng khung pháp lý trong đào tạo liên thông giữa các trình độ, từ trung học nghề lên trung cấp, cao đẳng, đến các bậc học cao hơn. Đây là thể chế rất quan trọng cho giáo dục nghề nghiệp, nhằm tạo đột phá trong xây dựng hệ thống học tập mở, linh hoạt, tạo điều kiện cho người lao động có tay nghề thông qua đào tạo được học tập suốt đời, nâng cao trình độ theo nhu cầu cá nhân và yêu cầu của xã hội.

Tiếp tục phát triển những thành tựu trong nhiệm kỳ 2021-2025 và quán triệt sâu sắc tinh thần các Văn kiện Đại hội XIV, hệ thống giáo dục nghề nghiệp cần quyết liệt hơn nữa trong đổi mới nội dung, chương trình, phương thức tổ chức đào tạo và bảo đảm chất lượng. Giáo dục nghề nghiệp chuyển mạnh sang tiếp cận năng lực thực hành, gắn đào tạo với chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, khu vực và quốc tế; đồng thời tăng cường kiểm định chất lượng, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp cũng cần tạo đột phá trong gắn kết vai trò trung tâm của doanh nghiệp, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp tham gia sâu vào đào tạo và hình thành quỹ đào tạo nhân lực, quỹ đổi mới - sáng tạo - khởi nghiệp. Điều này góp phần huy động nguồn lực xã hội, chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực kỹ năng nghề chất lượng cao.

Quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, có trọng tâm, trọng điểm là việc cần làm khẩn trương. Trong đó, tập trung đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế, có khả năng dẫn dắt, lan tỏa chất lượng, học thuật.

Bên cạnh đó, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, coi đây là khâu then chốt quyết định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên năng lực ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số và vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có kiểm soát trí tuệ nhân tạo vào đào tạo, giảng dạy, học tập nâng cao.

Với nhiệm vụ đẩy mạnh hội nhập quốc tế, cần tăng cường hợp tác xuyên biên giới, chuyển giao chương trình và công nhận kỹ năng nghề quốc tế; triển khai tuyển dụng nguồn nhân lực quốc tế có trình độ tay nghề cao tham gia giảng dạy, huấn luyện giảng viên, đào tạo nhà quản lý giáo dục nghề nghiệp, chuyển giao nghiên cứu, sáng chế. Từ đó, nâng cao vị thế của giáo dục nghề nghiệp và khả năng cạnh tranh của lao động tay nghề cao của Việt Nam trong khu vực, trên toàn cầu.



SẮP XẾP TÌNH GỌN CƠ SỞ ĐÀO TẠO Y TẾ PHẢI LẤY AN TOÀN NGƯỜI BỆNH LÀM THUỐC ĐO

Thực hiện Kế hoạch số 06-KH/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, việc triển khai tình gọn bộ máy, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đang là chiến lược trọng tâm của quốc gia.

Nhằm cung cấp góc nhìn chuyên môn về tính đặc thù trong đào tạo y khoa, Báo Sức khỏe & Đời sống đã có cuộc trao đổi với GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam; Giáo sư ĐHYK Penn State (Mỹ), Giáo sư kiêm nhiệm ĐH Paris Cité (Pháp); Trưởng Bộ môn Y học Giác ngủ - Trường ĐHYD/ĐHQG Hà Nội, Nguyên Bí thư/Hiệu trưởng/Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng.



GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ phát biểu về những thành tựu của ngành y tế với lãnh đạo Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương tại Lễ gặp mặt đại diện các trí thức và nhà khoa học tiêu biểu trong lĩnh vực y tế, nhân dịp Kỷ niệm 71 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam.

Ảnh: NVCC

Tinh gọn bộ máy gắn với bảo tồn tính đặc thù của đào tạo y khoa

PV: Thừa Giáo sư, Kế hoạch số 06-KH/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giảm tối thiểu 20% đầu mỗi cơ sở giáo dục đại học công lập và 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đứng ở góc độ nhà quản lý và hoạch định chính sách, Giáo sư đánh giá ra sao về tầm quan trọng của đợt tái cấu trúc này? Làm thế nào để việc tinh gọn không rơi vào tình trạng "cộng gộp" cơ học hoặc làm mất đi tính đặc thù trong đào tạo nhân lực ngành Y khi các trường Cao đẳng Y tế chuyển về địa phương quản lý?

GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ: Kế hoạch 06-KH/TW đặt ra lộ trình cụ thể cho Đảng ủy Chính phủ trong việc thực hiện giảm tối thiểu 20% đầu mỗi cơ sở giáo dục đại học công lập trước ngày 1/4/2027 và 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trước ngày 1/10/2026. Đây là chủ trương chiến lược nhằm bảo đảm tính đồng bộ sau khi đã giảm 30% đầu mỗi quản lý giáo dục mầm non, phổ thông trước ngày 30/8/2026, gắn liền với mô hình chính quyền hai cấp.

Mục tiêu xuyên suốt của việc tinh giản không phải là cắt giảm số lượng đơn thuần, mà là tái cấu trúc mạng lưới giáo dục quốc dân theo hướng tinh gọn, hiệu lực và liên thông. Tái cấu trúc tạo xung lực xây dựng mô hình quản trị hiện đại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ nền kinh tế số, kinh tế xanh đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Nếu chỉ nhìn vào con số, các cơ quan chủ quản rất dễ làm theo cách hành chính, ghép cơ học các trường nhưng giữ nguyên mô hình quản trị, làm gia tăng tầng nấc trung gian và ảnh hưởng chất lượng đào tạo. Mỗi cơ sở sau sắp xếp phải là một tổ chức học thuật hiện đại, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và quản trị dựa trên dữ liệu số.

Việc chuyển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về địa phương quản lý giúp tăng tính chủ động cho các tỉnh, thành phố. Đối với khối ngành sức khỏe, thời gian qua hệ thống đã giảm hơn 50% đầu mỗi, hiện chỉ còn khoảng 25 trường cao đẳng y tế công lập.

Tuy nhiên, việc sáp nhập các trường cao đẳng y tế cần hết sức thận trọng vì đây là mô hình đào tạo đặc thù, chịu sự điều chỉnh đồng thời của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Mối liên kết giữa nhà trường và bệnh viện thực hành là giá trị cốt lõi không thể thay thế. Nếu sáp nhập "lệch hệ" vào các trường cao đẳng đa ngành, nguy cơ lớn nhất là đứt gãy môi trường thực hành lâm sàng, làm suy giảm chất lượng và ảnh hưởng trực tiếp đến chuẩn năng lực hành nghề của người học.

Hiện nay, Việt Nam đang triển khai Nghị quyết 72-NQ/TW về chăm sóc sức khỏe toàn dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở và y học gia đình. Ngành y tế đang rất thiếu nhân lực ở tuyến cơ sở và vùng sâu vùng xa. Do đó, mỗi tỉnh thành hoặc khu vực cần duy trì một trường cao đẳng y tế được đầu tư hiện đại, gắn kết chặt chẽ với bệnh viện thực hành để bảo đảm nguồn cung nhân lực có tay nghề cao phục vụ nhân dân.

Phát triển mô hình Trường - Viện và các cơ chế "đòn bẩy" cho trí thức y khoa

PV: Theo Giáo sư, đâu là mô hình sắp xếp phù hợp và bền vững đối với hệ thống đào tạo Y - Dược hiện nay? Việc tổ chức lại các cơ sở giáo dục, bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế cần dựa trên những nguyên tắc cốt lõi nào? Đồng thời, ngành Y tế và các cơ quan quản lý cần những cơ chế "đòn bẩy" nào để ổn định tâm lý, phát huy tối đa năng lực của đội ngũ trí thức y khoa sau quá trình tái cấu trúc?

GS.TSKH.BS. Dương Quý Sỹ: Trong lĩnh vực y tế, mục tiêu quan trọng nhất không chỉ là giảm đầu mỗi, mà là tổ chức lại để nâng cao chất lượng, tăng cường liên thông từ cao đẳng lên đại học và sau đại học. Mô hình sáp nhập bền vững nhất là xây dựng hệ sinh thái đào tạo nhân lực y tế tích hợp, liên thông và tuần hoàn, trong đó trường đại học hoặc

cao đẳng y tế giữ vai trò trung tâm đào tạo, bệnh viện thực hành là trung tâm lâm sàng, cùng sự hỗ trợ của các trung tâm mô phỏng và y tế cơ sở.

Đối với các trường cao đẳng y tế, không nên sáp nhập cơ học vào trường đa nghề. Nếu tổ chức lại, có thể sáp nhập vào trường đại học y nhưng phải giữ cơ chế quản trị chuyên môn độc lập theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đối với các cơ sở và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, các bệnh viện chuyên sâu đầu ngành có thể sáp nhập vào mô hình quản trị của các trường đại học y được để hình thành các phức hợp y học Trường - Viện, giúp tinh gọn bộ máy quản lý và gắn kết chặt chẽ đào tạo với điều trị.

Quá trình tái cấu trúc hệ thống đào tạo y tế cần tuân thủ 5 nguyên tắc cốt lõi. Đầu tiên là lấy chất lượng đào tạo và an toàn người bệnh làm trung tâm để đánh giá mọi phương án sắp xếp. Thứ hai là bảo đảm tính liên tục của hệ sinh thái đào tạo, không để sáp nhập hành chính làm đứt gãy hoạt động thực hành lâm sàng.

Thứ ba là quy hoạch quy mô đào tạo dựa trên dự báo nhu cầu nhân lực y tế 10–20 năm tới về già hóa dân số và bệnh mạn tính. Thứ tư là tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng độc lập.

Cuối cùng là đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đào tạo nhân lực sức khỏe. Giai đoạn 2026-2030, toàn ngành cần quán triệt phương châm: "Tinh gọn để nâng cao chất lượng, tự chủ để phát triển và lấy hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân làm thước đo cao nhất của mọi quyết sách khi thực hiện việc sắp xếp".

Mặt khác, giảng viên y khoa và bác sĩ lâm sàng kiêm nhiệm đảm nhiệm đồng thời 3 chức năng là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc người bệnh. Do đó, không thể áp dụng chính sách tinh giản cơ học như đơn vị hành chính thông thường. Chính phủ và ngành Y tế cần trao cơ chế tự chủ đặc thù về tổ chức, nhân sự, tài chính và học thuật cho các cơ sở đào tạo y tế.

Để tạo động lực cống hiến cho đội ngũ trí thức y khoa sau sắp xếp, cần triển khai đồng bộ 6 chính sách đòn bẩy. Trước hết là bảo đảm ổn định vị trí nghề nghiệp, tiếp tục trọng dụng các chuyên gia đầu ngành dựa trên năng lực chuyên môn và hiệu quả lâm sàng. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế việc làm linh hoạt cho phép giảng viên duy trì đồng thời chức danh giảng dạy và chức danh chuyên môn tại bệnh viện thực hành.

Đồng thời, đổi mới cơ chế tiền lương phản ánh đúng 3 nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, lâm sàng và có ưu đãi đặc thù cho các ngành đang thiếu nhân lực như điều dưỡng, hồi sức cấp cứu, y học gia đình, tâm thần, lão khoa, y học giấc ngủ và y tế cơ sở.

Song song đó, Nhà nước cần đầu tư mạnh cho nghiên cứu khoa học, hình thành các trung tâm nghiên cứu y sinh và phòng thí nghiệm hiện đại để trí thức y khoa phát triển học thuật trong nước. Hệ thống đào tạo liên tục cũng cần được hoàn thiện để cán bộ y tế cập nhật kiến thức suốt đời theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Cuối cùng, các tổ chức Đảng và đoàn thể cần chú trọng yếu tố tâm lý, triển khai quá trình chuyển đổi công khai, minh bạch và tôn trọng giá trị cống hiến của từng cá nhân.

Trong bối cảnh đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe toàn dân theo Nghị quyết 72-NQ/TW, đội ngũ giảng viên và bác sĩ giảng dạy phải được xem là lực lượng ưu tiên đầu tư phát triển. Xây dựng cơ chế tự chủ phù hợp và mô hình Trường - Viện hiệu quả sẽ tạo động lực mới để cán bộ y tế phát huy năng lực, thực hiện thắng lợi phương châm: "Tinh gọn bộ máy để phát triển con người, lấy chất lượng nguồn nhân lực y tế và chỉ số sức khỏe nhân dân làm thước đo hiệu quả cao nhất của chính sách khi thực hiện sắp xếp".

